A-na-tô-li I-va-nốp

TIẾNG GỌI VĨNH CỬU





A-na-tô-li I-va-nốp (sinh năm 1928) nhà văn Nga nổi tiếng, người được giải thưởng Quốc gia Liên Xô, đã hoạt động trong nền văn học Xô-viết hơn 30 năm. Tên tuổi ông gắn liền với việc khai thác dưới góc độ văn học vùng Xi-bi-ri cùng với lịch sử và hiện tại của nó. I-va-nốp sinh ra và lớn lên tại làng Sê-mô-na-i-kha thuộc miền đông Ca-dắc-xtan. «Ở đó đời sống Xi-bi-ri và con người Xi-bi-ri vẫn đi theo nề nếp của mình», — sau này ông đã viết về làng quê của mình như vậy. Năm 1950, sau khi tốt nghiệp khoa báo chí trường đại học tổng hợp, ông đã làm việc một số năm tại các tòa soạn các báo huyện ở vùng Xi-bi-ri, Viễn Đông và đã từng đi nhiều nơi.

Tập truyện ngắn đầu tiên của ông xuất bản năm 1956. Tiếp đó là các tiểu thuyết lớn: «Bóng đen biến mất giữa ban ngày», «Tiếng gọi vĩnh cửu» (1970) rất nổi tiếng ở Liên Xô và ở nước ngoài. Hầu hết các tác phẩm của ông đều được đưa lên màn ảnh các bộ phim vô tuyến truyền hình nhiều tập dựa theo cốt truyện các tiểu thuyết của ông đã đạt được thành công lớn.

A-na-tô-li I-va-nốp

TIẾNG GỌI VĨNH CỬU

Tiểu thuyết hai tập

Tập 1



Nhà xuất bản Cầu vồng
Mát-xcơ-va 1986

In theo bản dịch của Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội

Người dịch: Đoàn Tử Huyến
Người biên tập: Cao Giang

А. Иванов
ВЕЧНЫЙ ЗОВ
Роман в двух томах, том I
на вьетнамском языке

А. Иванов, Вечный зов, роман, книга первая в двух томах, том 1, на вьетнамском языке. Перевод сделан по изданию: Иванов А., Собрание сочинений в пяти томах, т. 3, изд-во „Молодая гвардия", 1980.

In tại Liên Xô

ISBN 5-05-000742-9
ISBN 5-05-000743-7

И $\frac{4702010200-339}{031(05)-86}$ 110-86

Tặng con gái I-ri-na
và con trai Xéc-gây của tôi

Phần mở đầu

1

Vào một ngày tháng Sáu năm 1908, trong phòng hỏi cung của sở hiến binh thành phố Tôm-xcơ có hai người — dự thẩm La-khơ-nốp-xki, chừng ba mươi lăm tuổi, chiếc mũi tẹt lúc nào cũng như láng mỡ, và cai ngục Cô-xô-rô-tốp, một gã đàn ông vẻ ngoài khó coi với chiếc quai hàm bạnh ra bè bè.

La-khơ-nốp-xki ngồi sau bàn làm việc uống nước chè, mình chỉ mặc một chiếc sơ-mi lót trong. Trời nóng nực, áo khoác ngoài nhà binh treo trên lưng ghế tựa. Cô-xô-rô-tốp đứng phục dịch, khăn vắt ngang tay, trông hắn chẳng khác gì một tên hầu bàn ở các quán ăn.

La-khơ-nốp-xki đặt chiếc cốc không xuống khay, lên tiếng:

— Ta có xem bản báo cáo của anh gửi cấp trên. Anh muốn xin về nhà tù trung ương A-lếch-xan-đrốp-xki phải không?

— Thưa ngài, đó là điều con vẫn mơ ước từ thời trẻ đấy ạ.

— Mơ ước — đó là điều rất tốt. Mơ ước của con người cần phải được thực hiện.

— Dạ, ngài có lần đã hứa, nếu con lập được công, ngài sẽ giúp.

— Được, được, ta sẽ nói hộ. Cho anh đi thì hơi tiếc, nhưng cũng phải khen thưởng anh vì sự phục vụ tận tụy và trung thành. — La-khơ-nốp-xki đẩy chiếc khay với bộ ấm chén sang một bên. — Thôi, bây giờ ta lại bắt đầu với mấy người đồng hương từ Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ của anh... Làm thế nào mà anh chộp được chúng thế?

— Dạ, thưa ngài Ác-nôn-đơ Mi-khai-lô-vích, hôm đó con đang đi đến rạp xem xi-nê. Khi đi ngoài phố, bao giờ con cũng chú ý quan sát xung quanh, xem có gì đáng khả nghi không? Con đang nhìn thì bỗng thấy từ một ngõ hẹp ngay trước mặt có hai người bước ra, rồi vội vã đi thẳng. Con nghĩ: có cái gì đáng nghi lắm... Vừa lúc đó, một đứa ngoái nhìn lại. Con ngạc nhiên nhận ra đó là Pi-ốt Pô-li-pốp. Đồng hương! Thế còn người đi với hắn là ai? Thôi đúng là An-tôn Xa-vê-li-ép rồi! Hai đứa hồi năm chín trăm linh năm, linh sáu đã bị giam ở nhà tù Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ. Lúc đó con

làm cai ngục ở đây. Con nghĩ, không biết chúng đến Tôm-xcơ để làm gì? Và thế là con thổi còi...

—Thôi, được rồi, khá lắm. Dẫn từng đứa một vào đây.

La-khơ-nốp-xki khoác chiếc áo nhà binh lên vai, châm lửa hút. Khói thuốc bay ra ngoài phòng theo lỗ thông hơi của chiếc cửa sổ bịt bằng lưới thép.

Chưa đầy hai phút sau, Cô-xô-rô-tốp đã đẩy An-tôn Xa-vê-li-ép vào phòng. An-tôn mặc chiếc áo vét-tông nhàu nát, mấy túm tóc màu bạch kim rủ lòa xòa trước trán dưới vành mũ lưỡi trai. Đôi mắt trong và rất sáng nhìn La-khơ-nốp-xki đầy vẻ hằn học, cau có

Tên dự thẩm rít một hơi thuốc, bước đến bên cạnh An-tôn, hất đầu chỉ hai cặp giấy dày cộp nằm trên bàn, cười gằn:

—Tôi vừa mới hỏi xin hồ sơ cá nhân của anh và Pô-li-pốp ở sở hiến binh Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ về đây. Thế nào, bây giờ thì còn khăng khăng ngoan cố nữa không?

* * *

Gần một tháng trước đây, An-tôn Xa-vê-li-ép vừa tròn 18 tuổi. Và cũng đúng vào ngày sinh, anh tổ chức lễ cưới. Vợ anh là Li-da Da-kha-rô-va, con gái ông Nhi-can-đrơ Da-kha-rốp, một đảng viên Đảng xã hội, quê ở Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ. Ông đã hy sinh hồi tháng Ba năm 1905 trong một chuyến vượt ngục từ nhà tù trung ương A-lếch-xan-đrốp-xki.

An-tôn, sinh ra và lớn lên ở làng Mi-khai-lốp-ca nhỏ bé thuộc xã San-ta-ra, cách Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ chừng trăm rưỡi véc-xta*. Cha của cậu, Xi-lan-chi Xa-vê-li-ép, rất nghèo, như ở Mi-khai-lốp-ca người ta thường nói, «nghèo hơn cả con chó của cố đạo». Câu đó có nghĩa gì, không bao giờ An-tôn có thể hiểu được, vì ở Mi-khai-lốp-ca vốn không có nhà thờ, không có cố đạo, và lẽ dĩ nhiên, không có cả chó của cố đạo.

An-tôn lớn lên như một đứa trẻ lêu lổng, thường hay đánh đập hai em trai là Phê-đô và I-van. Tất cả trẻ con làng

* Véc-xta — đơn vị đo chiều dài cũ ở Nga bằng 1,06 ki-lô-mét.

Mi-khai-lốp-ca đều sợ cậu chết khiếp. Chưa ai biết An-tôn rồi sẽ lớn lên thành người như thế nào, thì mùa xuân năm 1904, Mi-tơ-rô-phan, em ruột của Xi-lan-chi, làm nghề thợ mộc, từ Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ về thăm làng Mi-khai-lốp-ca.

—Này chú Mi-tơ-rô-phan, chú đưa thằng An-tôn ra thành phố một thời gian nhé?—người anh hỏi.—Có thể chú dạy nghề cho nó. Ở nhà tôi và mẹ nó chịu không làm sao bảo được nó. Thằng bé sẽ hỏng mất thôi. Nghe nói hình như còn kết bạn với bọn chuyên ăn trộm ngựa, được chúng dạy cho cờ bạc.

Ở Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ An-tôn rất thích, nhưng không chịu học nghề thợ mộc. Suốt ngày cậu lang thang khắp các phố, làm quen với bọn du côn, đánh bạc với chúng, tìm cách móc túi những người say rượu nằm lăn lóc các quán, và nhiều lần bị đánh nhừ tử. Rồi bỗng nhiên cậu bỏ tất cả những trò đó và trở nên say mê bẫy chim ở các cánh rừng xung quanh thành phố, đưa ra chợ bán hoặc đổi lấy bánh quế cho Pi-ốt Pô-li-pốp, con trai một chủ hiệu buôn ở gần đấy. Bản thân An-tôn không ưa của ngọt, bao nhiêu bánh cậu đều cho Li-đa có đôi chân thon thả, «con lão khổ sai»—như người ta thường gọi cô.

Cô bé Li-da này, người gầy đét như một bộ xương, đầu gối nhọn hoắt và cặp lông mày đen rất dài, lúc đó chừng mười bốn tuổi, nhà ở cùng phố với chú Mi-tơ-rô-phan. Bà mẹ cô hình như bị bệnh lao, ho quanh năm suốt tháng, làm việc ở nhà máy xà-phòng. An-tôn quan tâm đến Li-da chỉ vì cô là con gái của một người tù khổ sai. «Cũng hay, không biết vì sao mà người ta bắt ông ta đi đày,—cậu nghĩ,—chắc có lẽ vì đâm chết ai đó».

Một lần, An-tôn đem điều này ra hỏi Gri-gô-ri, con trai cả của chú Mi-tơ-rô-phan làm nghề đốt lò ở đề-pô xe lửa. Anh cao lớn, xương xẩu, đôi mắt to, người bao giờ cũng sặc mùi khói và bồ hóng. Gri-gô-ri là một thanh niên rất vui nhộn, thường hay cho An-tôn đi theo câu cá, và nói chung, đối xử với cậu thân mật, bình đẳng như với một người bạn cùng lứa tuổi.

—Con người muốn tìm sự thật nên bị tống đi đày khổ

sai,—Gri-gô-ri nói. Anh chăm chú nhìn An-tôn rồi tiếp thêm:—Ông ấy, cha của Li-da, là đảng viên Đảng Xã hội.

—Đảng Xã hội là cái gì?

—Là cách mạng.

—Thế cách mạng là cái gì?

Gri-gô-ri phá ra cười, và không hiểu sao, anh lại nháy mắt nhìn An-tôn:

—Thế nào, lạ lắm phải không? Rồi anh cũng sẽ biết được thôi. Mọi cái đều có lúc của nó.

Ít lâu sau, An-tôn biết được rằng cả Gri-gô-ri, cả chú Mi-tơ-rô-phan, thậm chí cả bà thím U-li-a-na Phê-đô-rốp-na cũng là những người cách mạng, mặc dù họ tìm mọi cách để giấu kín, không cho An-tôn biết điều này. Và khi thấy An-tôn đã biết hết mọi chuyện, suýt nữa họ bắt cậu phải trở về với bố mẹ ở làng Mi-khai-lốp-ca. Găng nhất là thím U-li-a-na Phê-đô-rốp-na. Nếu không có Gri-gô-ri, chắc chắn An-tôn đã phải về rồi.

—Cha ạ, con thật không hiểu cha muốn gì?!—một lần, Gri-gô-ri đã to tiếng với cha. Anh túm lấy bộ quân bài của An-tôn vừa bị thím U-li-a-na tước được vứt trên bàn, lắc lắc trong không khí.—Cha muốn để cho An-tôn cứ đi theo con đường này à? Càng để lâu thì càng khó chữa đấy. Cha phải hiểu rằng, vào cái tuổi này, ma quỷ nào biết nó muốn gì. Toàn những chuyện khác thường! Cho nên, cần phải tìm cách giúp đỡ An-tôn!

Và ngay trong ngày hôm đó, chỉ nửa giờ sau, trong lúc nhận tài liệu bí mật từ tay liên lạc viên tại một ga xép ở ngoại ô thành phố, Gri-gô-ri—anh thanh niên Gri-gô-ri bao giờ cũng sôi nổi, không biết chán nản là gì, người đã phản đối việc gửi trả An-tôn về làng Mi-khai-lốp-ca,—đã bị cảnh sát bắn trọng thương. Chiều hôm đó anh tắt thở trên tay An-tôn, chỉ kịp nói mấy lời:

—An-tôn, nếu anh đi tìm sự thật, thì nhà tù, khổ sai và, có thể, cả cái kết cục như thế này... sẽ đợi anh... Anh có dám đi không?

—Đi!

—Không sợ à?

—Không!

—Tốt lắm...

—Tôi cũng sẽ trở thành người như chú!

—Tôi tin...

Chẳng bao lâu sau, An-tôn đã được nếm mùi tù ngục lần đầu tiên. Cả anh, cả Li-da, cả Pi-ốt Pô-li-pốp, —mặc dù Pi-ốt là con trai của một chủ hiệu khá giàu có.

Dần dần, An-tôn và Pi-ốt trở nên thân nhau. Tình bạn của họ chỉ bị có một điều duy nhất làm cho vẩn đục: từ bao giờ không biết, cả hai người đều đã thầm yêu Li-da. Không hiểu cô gái có cái gì làm cho anh chàng Pi-ốt phải say mê? Li-da không xinh, chỉ có đôi mắt của cô là đẹp, đôi mắt hơi xanh như làn nước suối, bao giờ cũng lấp lánh một thứ ánh sáng vừa sống động, vừa bồn chồn. An-tôn yêu cô vì sự táo bạo đến liều lĩnh của cô, mặc dù nhìn bề ngoài thì không thể kết luận như vậy được. Mới 14-15 tuổi, cô đã nhiều lần đến Tôm-xcơ và chuyển tài liệu mật, thậm chí cả vũ khí nữa, từ đấy về.

Về phía Li-da, cô đối xử với An-tôn và Pi-ốt bao giờ cũng như nhau; và mãi cho tới tận thời gian gần đây cũng không biết được là cô thích ai hơn. Trong thâm tâm, An-tôn cho Pi-ốt có nhiều lợi thế và triển vọng hơn, đặc biệt là từ sau ngày ở tù ra. Họ bị bắt vào cuối tháng Mười năm 1905, tất cả gồm bốn người: An-tôn, Li-da, Pi-ốt và I-van Mi-khai-lô-vích Xu-bô-tin—người lãnh đạo tổ chức Đảng Công nhân Xã hội Dân chủ Nga ở thành phố Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ, một nhà hoạt động cách mạng có nhiều kinh nghiệm. Cùng với cha của Li-da, ông vừa mới vượt ngục từ nhà tù trung ương A-lếch-xan-đrốp-xki về mấy tháng trước đây. Các đồng chí kiếm cho ông được giấy tờ hợp pháp mang tên Cu-dơ-ma Tsúc-kin, và bố trí cho làm chân rửa bát ở bếp nhà lao Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ. Làm việc ở đây, ông tích cực chuẩn bị cho những người tù chính trị vượt ngục. Vào một ngày tháng Mười, trong thời gian bãi công, những người công nhân đường sắt, —sau cái chết của Gri-gô-ri, tổ chức ở đây do cha anh, Mi-tơ-rô-phan, lãnh đạo, —đã tổ chức một cuộc biểu tình chính trị lớn chưa từng thấy và phá được nhà tù. Những đại đội Cô-dắc và quân đội chính quy chỉ mấy

phút sau được điều đến để giải tán đám biểu tình, và toàn bộ những người tổ chức cuộc phá ngục đã bị bắt.

Ngày hôm đó, Tsúc-kin-Xu-bô-tin trao cho An-tôn và Pi-ốt Pô-li-pốp một nhiệm vụ chiến đấu thật sự. Từ sáng, An-tôn cần phải đến một ga xép vắng vẻ để nhận từ tay ông già công nhân đường sắt một túi đạn và trước mười giờ phải mang đến chỗ hẹn trong rừng ở ngoại ô thành phố. Đây là số đạn dự trữ. Trong trường hợp cần thiết, Pi-ốt Pô-li-pốp sẽ chuyển số đạn đó vào thành phố cho tổ xung kích. Pô-li-pốp là học sinh trung học. Mặc bộ đồng phục học sinh, anh dễ dàng mang đạn đi trong thành phố mà không gây sự nghi ngờ. Nhưng An-tôn lại tự ái vì anh không những không được chọn vào tổ xung kích đi phá nhà tù, người ta cũng không tin tưởng giao cho anh mang đạn vào thành phố. Vì vậy, từ ga xép, anh đến thẳng địa điểm tập trung của tổ xung kích.

Ôi, cơn giận của Xu-bô-tin khi thấy sự vi phạm kỷ luật như vậy mới thật là dữ dội! Mà đạn thì vẫn cần, ông đã phái Pi-ốt Pô-li-pốp vào rừng để lấy.

Việc điều tra vụ án những người tổ chức biểu tình và phá ngục kéo dài hơn một năm. Những người bị bắt khi thì bị giam riêng mỗi người một nơi trong những xà-lim khác nhau, khi thì bị nhốt chung một chỗ và gài chỉ điểm lẫn vào. Trong thời gian đó, riêng Pi-ốt Pô-li-pốp bị hành hạ nhiều hơn cả. Anh bị gọi lên hỏi cung luôn, thường bị đánh đập, mặc dù việc tra tấn tù chính trị bị cấm. Có lẽ đối với bọn cai ngục, Pi-ốt là một ngoại lệ: chúng hy vọng người con trai của một chủ hiệu giàu có quen sống sung sướng sẽ không chịu nổi. Nhưng anh đã chịu được, không khai báo ra ai cả. Chính Xu-bô-tin có lần nói về anh:

— Pi-ốt của chúng ta là một chàng trai chân chính. Chúng ta cần nhiều những người như thế.

Mặc dù tang chứng ít ỏi, ba người — An-tôn, Li-da và Pi-ốt Pô-li-pốp, bị xử mỗi người hai năm tù, Mi-tơ-rô-phan I-va-nô-vích — hai năm rưỡi, còn Tsúc-kin-Xu-bô-tin, tù chính trị vượt ngục, — tám năm tù khổ sai. Nhưng trên đường đến chỗ đày, ông trốn thoát và lại trở về Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ, bắt đầu xây dựng lại tổ chức Đảng của thành phố bị phá vỡ năm 1905.

Sau khi ra tù, An-tôn xin làm công nhân bốc vác ở một nhà máy gỗ. Li-da, vẫn như xưa, đối xử với An-tôn và Pô-lí-pốp như nhau. Mẹ của Li-da đã qua đời khi họ còn ở trong tù. Phải khó khăn lắm, Li-da mới xin được vào làm ở nhà máy xà-phòng, chỗ của mẹ cô trước đây. Thường thường khi thì An-tôn, khi thì Pi-ốt đến đón Li-da ở cổng nhà máy và đưa cô về nhà. Và một lần, để chấm dứt cái tình trạng mập mờ, không dứt khoát này, An-tôn quyết định sẽ nói thẳng. Khi gặp nhau, anh cảm thấy rất khó nói, nhưng Li-da cũng không để cho anh nói.

—Đừng anh! Không cần đâu anh!—Cô kêu lên và lấy bàn tay chai nhám bịt miệng anh lại. Rồi cô gục mái đầu nóng hổi vào vai anh.

—Thế... thế còn Pi-ốt?—anh hỏi một câu ngớ ngẩn.

—Pi-ốt sao?! Có lẽ anh ấy cũng là người tốt. Nhưng... em không biết nữa. Em không yêu anh ấy, và trước đây cũng không bao giờ thích. Anh ấy là người có học, còn em... Anh nói với anh ấy nhé. Để anh ấy đừng đưa đón em nữa...

Và An-tôn nói. Pi-ốt nghe, im lặng từ đầu đến cuối, khuôn mặt tròn trịa, đỏ gay, rồi tái xanh, một cục u ở má phải nặng nề trồi lên, góc miệng bên đó méo mó, co giật.

...Có thể nói, An-tôn và Li-da không có được đám cưới thực sự như của mọi người khác. Một buổi chiều tháng Năm ấm áp, anh dẫn Li-da vào khu rừng ở ngoại ô thành phố. Ở đó, họ dựng một ngôi lều nhỏ và sống với nhau đêm trăng mật đầu tiên. An-tôn say ngây ngất bởi hạnh phúc mới mẻ, bởi mùi hương dã anh đang mùa hoa nở rộ. Mùi hương ấy anh đã cảm thấy ngay từ chiều, khi vừa ra khỏi thành phố. Những con chim én lặng lẽ bay lượn trên bầu trời xanh êm dịu, khi lao vút lên cao, khi sà xuống tưởng như chạm ngay mặt đất. Và trong đầu anh, không hiểu từ đâu, bốn câu thơ kéo đến, ngân nga:

Hương dã anh từng đợt sóng thơm lừng,
Đã qua rồi mùa đông lạnh, se hanh
Và chim én, đua vẫy vùng đôi cánh,
Đang tưng bừng bay lượn giữa trời xanh...

An-tôn giật mình sợ hãi. Anh chưa bao giờ nghĩ mình có thể làm được thơ và biết rằng mình không có thứ tài năng đó. Thế mà, bỗng nhiên lại sáng tác được cả một đoạn! Mấy câu thơ suốt đêm cứ ngân lên trong đầu, và đến gần sáng bất ngờ lại hiện ra thêm một khổ nữa:

Nếu tìm em nỗi u buồn nặng trĩu,
Hãy ngẩng đầu nhìn trời rộng cùng anh
Em sẽ thấy: kìa đàn chim phóng khoáng
Đang tưng bừng bay lượn giữa trời xanh...

An-tôn bàng hoàng cả người.

Khi những tia nắng mặt trời rọi qua các lỗ thủng chiếu vào trong lều, Li-da nhận thấy sự khác thường của An-tôn. Trong ánh mắt cô hiện lên vẻ lo lắng:

—Anh sao thế?

—Không sao,—An-tôn bối rối trả lời và đứng dậy đi ra ngoài trời.

Li-da cũng bước ra khỏi lều. Khoảng rừng trống tràn trề ánh nắng mặt trời buổi sớm và tiếng chim ca đủ giọng. Li-da, tắm mình trong ánh nắng và tiếng chim ca, đi dọc theo bìa rừng tìm hái những bông cúc dại, mái tóc dài để xõa, người khoác một chiếc áo len trắng. Trông thấy An-tôn, cô chạy đến, nhảy tròn quanh anh, miệng kêu không ngớt:

—Em đây là vợ của anh! Em đây là vợ của anh!

Họ ngả xuống đám cỏ mềm mại và say sưa hôn nhau, dường như cả đêm qua việc đó đối với họ vẫn còn chưa thỏa.

Rồi họ nhóm một đống lửa và bắt đầu đun nước uống. Mắt nhìn vào ngọn lửa, An-tôn nói:

—Li-da, em biết không, anh làm... thơ cho em đấy.

—Thôi đi...—cô không tin.—Anh làm như thế nào?

—Anh cũng chẳng biết nữa. Anh đọc em nghe nhé.

Anh đọc tám dòng thơ một cách hấp tấp, mặt đỏ gay. Li-da ngồi nghe, mắt mỗi lúc một mở to thêm:

—Anh... tự làm đấy à?

—Anh.

—Cho em á?

—Ừ, cho em.

Li-da im lặng, và hai người bỗng cảm thấy như ngượng nghịu. Bỗng nhiên, cô khe khẽ lẩm nhẩm, ghép những chữ những câu vừa nghe được theo một giai điệu đơn giản, cất tiếng hát, không bỏ sót một từ nào.

—An-tôn! Anh An-tôn!—hát xong, cô kêu to, rồi nép sát vào anh, òa lên khóc, sung sướng.

Lát sau, thím U-li-a-na đến, mang theo một làn thức ăn và mấy chai rượu vang. Họ trải chăn lên cỏ, bày bữa tiệc giản dị ra. Khách từng người, từng hai người một lần lượt đến đủ: đầu tiên là Pi-ốt lầm lì ít nói, sau đến mấy nhóm công nhân từ nhà máy cưa, nhà máy xà-phòng và xưởng in—tất cả đều là đảng viên đảng bộ bí mật thuộc Đảng Công nhân Xã hội Dân chủ Nga của thành phố. Chú Mi-tơ-rô-phan và Xu-bô-tin đến sau cùng. Như thường lệ ở các đám cưới, mọi người kêu: «Đắng lắm!» *. Pi-ốt Pô-li-pốp ngồi hơi tách ra một bên, hai tay bóp chặt chiếc cốc thủy tinh nhiều cạnh. An-tôn và Li-da ngượng nghịu hôn nhau. Tất cả mọi người đều cạn chén, chỉ có Pô-li-pốp không uống, vẫn ngồi yên, tay bóp chặt chiếc cốc. Bỗng nhiên, anh giật mạnh cánh tay, đổ hất cốc rượu vào miệng. Nhưng mọi người không ai chú ý đến cử chỉ đó của anh cả, vì Xu-bô-tin đã ngồi ưỡn thẳng người lên và nói:

—Các đồng chí, chúng ta phải tranh thủ thời gian. Tôi tuyên bố khai mạc cuộc họp của đảng bộ bí mật Đảng Công nhân Xã hội dân chủ Nga thành phố. Ta chỉ bàn một vấn đề: tổ chức tờ báo công nhân bí mật...

* * *

—Thế nào, anh có định nói không đấy?—dự thẩm La-khơ-nốp-xki nhắc lại câu hỏi.

Sau lưng An-tôn, phía ngoài cánh cửa đóng chặt, tiếng bước chân đang xa dần. Hồi còn ở nhà tù Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ, An-tôn đã học được cách phân biệt tiếng bước chân của Cô-xô-rô-tốp với tiếng bước chân của những tên cai ngục

---

* Theo tục lệ người Nga, tại các đám cưới, người ta thường kêu: «Đắng lắm» để yêu cầu cô dâu chú rể hôn nhau.

khác. Mới ba chục tuổi mà hắn bước đi ì ạch, nặng nề như một ông già, bàn chân kéo lê trên mặt sàn.

—Đầu tiên ông cũng nên chào hỏi một câu đã chứ?— An-tôn nói.

—Các anh đến Tôm-xcơ có việc gì?

—Tôi đã nói rồi mà. Tôi vừa cưới vợ, đến đây tìm thuê nhà để hưởng tuần trăng mật ở Tôm-xcơ. Pô-li-pốp là bạn tôi. Anh ta đi giúp tôi tìm thuê nhà.

—Các anh đến đây là để nối lại những liên hệ tội lỗi với bọn đảng viên xã hội ở Tôm-xcơ.

An-tôn chỉ nhún vai.

La-khơ-nốp-xki châm một điếu thuốc mới:

—Tôi khuyên anh nên nói thật. Cái gọi là anh bạn Pô-li-pốp của anh đã thú nhận hết cả rồi.

—Xin các ông cho đối chứng, sẽ rõ ngay. Anh ấy chẳng có gì để thú nhận cả. Các ông sẽ phải chịu trách nhiệm vì bắt người vô cớ. Tôi sẽ kiện.

—Kiện à?—Viên dự thẩm bước đến sát bên anh. Bỗng nhiên hắn ôm chặt lấy cổ An-tôn, giơ điếu thuốc đang cháy lên ngang mặt, định chọc vào mắt anh.—Đến Tôm-xcơ để làm gì? Đến Tôm-xcơ để làm gì?!

An-tôn nghiêng đầu tránh sang một bên, đồng thời cố giằng ra. Nhưng viên dự thẩm rất khỏe. An-tôn liền túm lấy cánh tay của La-khơ-nốp-xki, vặn tréo ra sau. Viên dự thẩm buông cổ An-tôn ra kêu lên một tiếng vì đau, ngã ngồi xuống ghế. Tiếng kêu của hắn càng làm cho An-tôn thêm hăng máu, anh không còn nhớ mình đang ở đâu, làm gì, vung tay nện một quả đấm thật mạnh vào cái cằm núng nính những thịt. La-khơ-nốp-xki bắn ra đến tận bàn, chiếc áo quân phục tuột ra khỏi vai, rơi xuống sàn nhà.

—Cô-xô-rô-tốp! Lính đâu! Vứt thằng này vào xà-lim cá nhân!

Bọn hiến binh lôi An-tôn đi. Cô-xô-rô-tốp nhảy xun xoe quanh La-khơ-nốp-xki.

—Thưa ngài, làm sao bây giờ ạ? Ngài cần thuốc đắp không ạ?.. Tôi cho lấy phèn chua ạ...

—Phèn, phèn cái gì, thằng ngu! Dẫn thằng kia đến đây, thằng Pô-li-pốp ấy...

Khác với An-tôn Xa-vê-li-ép, Pô-li-pốp có vẻ cau có, ủ rũ. Anh mệt mỏi đứng tựa vào tường, và nhìn trân trân lên cửa sổ chăng lưới thép. Đôi má đầy đặn của anh tọp xuống, nhão ra, mí mắt sưng mọng, rõ ràng suốt đêm qua anh không ngủ được, mà cũng có thể, anh mất ngủ đã nhiều đêm rồi.

—Nào, chào anh.—La-khơ-nốp-xki cài chặt tất cả các cúc áo quân phục, ngồi xuống sau bàn.—Thế nào, anh có định chối nữa không? Mời anh ngồi. Các anh đến Tôm-xcơ có mục đích gì?

—Tôi đã nói rồi...—Pô-li-pốp ngồi xuống ghế, uể oải trả lời.—Bạn tôi định sống tuần trăng mật ở Tôm-xcơ. Tôi đi cùng, giúp anh ta thuê nhà.

—Các anh có bịa thì cũng nên nghĩ ra một cái gì thông minh hơn chứ!—Viên dự thẩm nhăn mặt nói.—Thử hỏi đã ai thấy ở đâu một công nhân bình thường biết đến tuần trăng mật là gì chưa? Lại còn du lịch sau ngày cưới nữa chứ.

Quả là họ nói dối không có căn cứ lắm. Sau khi An-tôn cưới vợ, Pô-li-pốp hầu như không nói chuyện với anh. Trên đường đi đến Tôm-xcơ, họ cảm thấy như người này có lỗi gì đó với người kia và chưa bàn được với nhau xem sẽ xử sự ra sao nếu như không may bị bắt. Mãi cho đến phút cuối cùng, khi nghe thấy tiếng còi của Cô-xô-rô-tốp, Pô-li-pốp chỉ kịp dặn An-tôn về tuần trăng mật và về việc tìm thuê nhà—đó là ý nghĩ đầu tiên nảy ra trong đầu anh. Và bây giờ anh và An-tôn buộc phải dùng lý do đó giải thích sự có mặt của mình ở Tôm-xcơ để khỏi gây rắc rối thêm.

La-khơ-nốp-xki chăm chú nhìn người bị bắt một lúc, cười gằn thành tiếng:

—Này, Pô-li-pốp, anh nghe tôi. Chúng ta nói chuyện thẳng thắn với nhau nhé. Không hiểu thứ ma quỷ nào lôi anh, con trai một người đáng kính trong xã hội chúng ta, đến với bọn nổi loạn, bọn đảng viên Đảng Xã hội? Bọn khố rách áo ôm ấy có gì quyến rũ anh đến thế?

Pô-li-pốp vẫn ngồi cúi đầu im lặng. La-khơ-nốp-xki đứng dậy.

—Thôi được, tôi hiểu. Sự bồng bột của tuổi trẻ, cái lãng mạn của cuộc đấu tranh cho cái gọi là công lý. Chắc đã đọc ngốn hết Tséc-nư-sép-xki, Ghéc-xen, Plê-kha-nốp... chứ

gì? Nhưng bây giờ anh đã là người lớn rồi, anh có thể tự suy nghĩ lấy được. Anh cần cái công lý ấy để làm gì, nếu như người ta sẽ tước mất của cha anh, và như vậy tất nhiên là cả của chính anh, nhà cửa, hàng hóa, tiền bạc?

Hai bàn tay của Pô-li-pốp đặt trên đầu gối, những ngón tay ngắn hơi run lên. La-khơ-nốp-xki nhận thấy ngay điều đó.

—Anh cũng đã rơi vào tay chúng tôi một lần rồi, nhưng may mắn mới chỉ nếm mùi tí xíu thôi. Do nể ông cụ thân sinh ra anh... và cũng còn hy vọng rồi anh sẽ hiểu được, là người ta đối với anh, theo như tôi biết được qua hồ sơ và qua những lời của Cô-xô-rô-tốp, người coi ngục cũ ở nhà tù Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ, không nghiêm khắc lắm. Bây giờ anh lại muốn vào tù để chịu nhục nhã, để bỏ lại trong xà-lim những năm tháng đẹp nhất của đời mình, mà cũng có thể, cả sức khỏe, cả cuộc đời? Anh sẽ bị thối rữa, tàn tạ ở trong ngục, còn ngoài kia, ngoài bốn bức tường, là ánh nắng mặt trời, là rượu và đàn bà. Đúng, cả đàn bà nữa, thật là tuyệt diệu! Còn cách mạng thì đã bị bóp nghẹt, bị đè bẹp từ lâu rồi. Bị đè bẹp vĩnh viễn—đã đến lúc anh phải hiểu được điều đó!

La-khơ-nốp-xki dừng lại bên cạnh Pô-li-pốp, châm lửa hút.

—Anh có vợ chưa?

—Chưa,—Pô-li-pốp trả lời cụt lủn.

—Thế có người yêu chưa?

—Chưa. Trước đây, theo tôi nghĩ, đã có, nhưng bây giờ thì không.

—Nó bỏ à?

—Nó đi lấy người khác rồi! Nếu như ông tò mò muốn biết!

—Lấy ai?

—Lấy quỷ! Lấy ma!—Pô-li-pốp nổi cáu.—Việc gì đến ông?

Không thể không công nhận tài quan sát và khả năng hiểu tâm trạng những người bị hỏi cung một cách rất chính xác của La-khơ-nốp-xki.

—Hượm, hượm nào,—La-khơ-nốp-xki nói, dáng suy nghĩ.—Có phải nó lấy cái ông bạn của anh...

Khóe miệng của Pô-li-pốp giật giật liền mấy cái, y quay mặt đi.

—Thế-ế đấy!.. Nghĩa là, người ta đã tước đi cả người đàn bà yêu quý của anh? Hay lă-ắm! Thế anh cũng để cho chúng cướp đi à? Để cho chúng cướp đi, mà như một tên hèn hạ, không dám chống lại? Thế anh không thử tìm cách để chiếm lại sao?

—Thôi đi!—Pô-li-pốp thét lên.

Chẳng phải vô cớ mà La-khơ-nốp-xki được cấp trên chú ý tới. Không để cho Pô-li-pốp kịp trấn tĩnh, hắn ôm lấy ngang cổ y, như ôm An-tôn lúc nãy, và đưa điếu thuốc lên ngang mặt, chực đâm vào mắt, miệng gầm gừ:

—Đến Tôm-xcơ để làm gì? Đến Tôm-xcơ để làm gì?

Pô-li-pốp thét lên, người co gập lại. Tên dự thẩm buông y ra.

—Thế anh không muốn thử tìm cách đoạt lại... người đàn bà anh yêu à?—La-khơ-nốp-xki hỏi, mắt chăm chú nhìn đốm lửa đầu điếu thuốc lá cầm trong tay.—Nếu như chúng tôi sẽ giúp anh? Hay là anh không yêu cô ta nữa?

Đứng cạnh tường, mà Pô-li-pốp không thể làm thế nào nén được cơn run.

—Thế... tôi... cần phải... làm gì?—Giọng y đứt quãng.

—Anh hãy nói, các anh đến Tôm-xcơ để làm gì?

Pô-li-pốp đút tay vào túi quần, rút ra, rồi lại đút vào.

—Các ông... các ông sẽ xử hắn... Xa-vê-li-ép... bao nhiêu... bao nhiêu năm?

Y nói thều thào, mặt ngoảnh đi nơi khác. Pô-li-pốp cảm thấy xấu hổ cả khi nhìn thẳng vào viên dự thẩm.

— Còn tùy theo hắn đến Tôm-xcơ với mục đích gì. Nhưng ít ra, chúng tôi cũng sẽ giấu hắn một cách chắc chắn chừng dăm bảy năm.

Bỗng nhiên, Pô-li-pốp vội vã nhìn quanh căn phòng hỏi cung trống rỗng, và rên rỉ kêu lên:

—Không! Không! Tôi nói dối đấy! Tôi bịa ra cả đấy!

La-khơ-nốp-xki mỉm cười một cách rộng lượng, gần như là thân mật:

—Anh có thấy là cử chỉ của anh hơi buồn cười không đấy?

Pô-li-pốp xẹp xuống, người co rúm lại.

—Thế chứ,—La-khơ-nốp-xki nói.—Tôi luôn luôn kính

trọng những kẻ nào biết bình tĩnh, làm chủ được mình. Thế nào?

—Với một điều kiện—tôi sẽ không bị nghi ngờ gì cả.—Pô-li-pốp không nhìn viên dự thẩm.—Nếu không, chẳng bõ công.

—Mà... Chúng tôi cũng có một điều kiện. Chúng tôi cũng sẽ giữ anh ở trong tù một vài tháng. Để làm gì, chắc anh cũng hiểu. Chúng tôi sẽ để anh ở với tù chính trị. Anh cần phải thông báo thường xuyên cho chúng tôi về những câu chuyện, những kế hoạch và những mối liên lạc của chúng với bên ngoài. Ra khỏi tù, anh sẽ lại tiếp tục hoạt động trong tổ chức Đảng của các anh, thông báo một cách đầy đủ về những hoạt động của tổ chức Đảng đó cho cơ quan mật thám địa phương...

—Thôi! Đủ rồi!—Pô-li-pốp kêu lên, người như bị ai đánh nhừ.

—Mời anh ngồi xuống đây,—La-khơ-nốp-xki kéo ghế mời, rồi tự mình cũng ngồi xuống, đặt trước mặt một tờ giấy trắng.—Đầu tiên có mấy câu hỏi. Bọn cầm đầu tổ chức bí mật Đảng Công nhân Xã hội Dân chủ Nga của thành phố các anh gồm những ai? Tên? Biệt hiệu? Địa chỉ liên lạc? Ở Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ có một thằng tù khổ sai tên là Tsúc-kin, chính tên thật là Xu-bô-tin, đang lẩn trốn. Chỗ ở của hắn ở đâu? Và tất nhiên, các anh đến Tôm-xcơ để làm gì?

—Chúng tôi đến để kiếm thiết bị cho xưởng in báo bí mật,—Pô-li-pốp bắt đầu nói, giọng khản đặc.—Xưởng in đặt ở dưới hầm nhà số...

Khi Pô-li-pốp đã nói hết, dừng lại im lặng, La-khơ-nốp-xki vẫn tiếp tục viết thêm một lúc. Viết xong, hắn ngẩng đầu lên nhìn Pô-li-pốp đang ủ rũ ngồi trước mặt. Trong ánh mắt viên dự thẩm thoáng vụt qua một tia khinh bỉ, rồi tắt ngay.

—Này, anh biết tôi nghĩ gì không?—hắn hỏi.—Thôi, vứt mẹ cái cơ quan mật thám sang một bên. Nếu anh dây dưa với nó, sớm muộn gì rồi cũng sẽ bị lộ. Chúng ta thống nhất như thế này: tôi sẽ đưa cho anh địa chỉ và mật mã. Theo địa chỉ này, anh sẽ gửi từ Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ về cho tôi những bản báo cáo của anh, ký bằng một tên giả. Như vậy, ngoài tôi ra, không có một ma nào có thể biết được về hành



động... ái quốc, vì lợi ích nước Nga của anh. Hãy gắng lên, Pô-li-pốp, anh sẽ còn đi xa nữa...

* * *

Vào tháng Chạp năm 1912, dọc theo hành lang phía bắc, cái hành lang tối tăm nhất của nhà tù trung ương A-lếch-xan-đrốp-xki, Cô-xô-rô-tốp đi giữa hai tên gác ngục dưới quyền, chùm chìa khóa nặng trĩu treo trên chiếc thắt lưng rộng bản. Hắn đi thong thả, mắt nhìn vào từng lỗ dòm ở cửa xà-lim, kiểm tra lại từng ổ khóa. Bỗng hắn nhận thấy chiếc áo sơ-mi quân phục của một tên dưới quyền hắn giắt không kỹ trong thắt lưng.

— Mày, đồ giẻ rách! — Cô-xô-rô-tốp cau mặt. — Đồ trâu bò quê mùa! Gì mà phô ễnh bụng ra thế, hả?

— Dạ, thưa ngài, con có lỗi! — tên lính canh ngục, một thanh niên chừng hai mươi tuổi, vội đứng thẳng người lên.

— Hừ, dù tao chưa lên đến chức ngài... — Cô-xô-rô-tốp hơi dịu đi, — nhưng trong phiên trực của tao, tất cả phải nghiêm chỉnh, phải tròn trĩnh như quả dưa hấu! — Và hắn lại nổi cáu, hét vang cả hành lang. — Mày đang phục vụ ở đâu đấy hử? Mày đang phục vụ ở nhà tù trung ương A-lếch-xan-đrốp-xki đấy! Mày đang canh giữ ai? Mày đang canh giữ những tên tội phạm chính trị quan trọng nhất của nước Nga đấy! Bọn chúng đứa nào cũng đã có đến mấy lần vượt ngục, hiểu chưa?

— Nó mới được chuyển đến, thưa ngài, — tên cai ngục thứ hai, vẻ ngoài giống như một kẻ nhà quê, bộ ria đã bắt đầu bạc trắng, nói đỡ cho bạn. — Nó sẽ sửa dần.

— Người ta đưa đến đây đủ các loại người... — Hắn lại dịu đi, lẩm bẩm. — Hết giờ, đến gặp tao tại phòng trực. Tên gì?

Tên cai ngục trẻ còn chưa kịp nói tên, thì từ cuối hành lang vang lên tiếng cửa sắt mở loảng xoảng, tiếng xích khua leng keng và tiếng giày đinh nện xuống sàn.

— Trực nhật đâu! — Một giọng nói oang oang vang lên. — Ra mà nhận tù!

Cô-xô-rô-tốp chạy vội về cuối hành lang.

Mấy phút sau, hắn quay trở lại, mừng rỡ nhảy lăng xăng quanh một người râu ria mọc rậm rạp, tay chân bị xiềng:

—Chào người anh em thân yêu của tôi! Ơn Chúa lại cho chúng ta gặp nhau lần nữa!

—Xin chào, xin chào đồng hương,—người tù nói, miệng mỉm cười đáp lại. Anh thong thả, mệt mỏi đi dọc hành lang, kéo lê những mắt xiềng nặng trịch, khoan khoái tận hưởng cái hơi ẩm ẩm ướt và ngột ngạt của nhà tù.

—Sẽ có ngay buồng cho anh! Càng chật, càng ngột càng tốt,—Cô-xô-rô-tốp vẫn lăng xăng hớn hở.—Cuộc sống ra sao, anh bạn đồng hương vàng ngọc của tôi?

—Cuộc sống ấy à? Thường thôi, không có gì phải phàn nàn cả. Người ta cho tôi đi đày ở Ki-ren-xcơ—chạy trốn. Lại cho đi A-ca-tui—lại trốn. Mới đây có làm quen với nhà tù ở Dê-ren-tui. Cảm thấy không thích nên lại phải trốn lần nữa.

—Chắc mệt lắm rồi phải không, anh bạn?

—Còn ông, đạt được mơ ước rồi à?

—Cũng đã cố hết sức.

—Ông gặp nhiều may mắn lắm. Đấy, bây giờ lại làm quan trong một tòa lâu đài như thế này. Cái khu nhà giam đổ nát ở Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ chúng ta làm sao mà sánh được với đây.

Người tù chính là An-tôn Xa-vê-li-ép. Qua mấy năm, người anh cứng cáp lên, đôi vai nở rộng. Mái tóc cắt ngắn dường như trắng thêm ra và trên vầng trán rộng đã hằn hai vết nhăn chưa sâu lắm.

Cô-xô-rô-tốp vẫn đứng nhìn An-tôn, miệng mỉm cười mừng rỡ.

—Ấy chết, sao tôi vẫn đứng như thằng ngốc thế này nhỉ! Anh đi đường chắc phải mệt lắm. Lại đây, mời anh vào đây.—Cô-xô-rô-tốp mở khóa cửa một xà-lim.—Đây, phòng này, phòng tối nhất, ẩm nhất đấy.

—Cảm ơn, cảm ơn lắm.

—Có gì đâu, đồng hương mà.

—Xin lỗi vì làm phiền ông nhé. Tôi ở cũng không lâu đâu.

—Bao nhiêu tùy thịnh tình của anh. Tôi không đuổi đâu.

—Thế, hai lần hai là mấy nhỉ?

—Hình như bốn thì phải.

—Đấy, đấy, bốn tháng nữa, đến mùa xuân tôi lại đi. Còn bây giờ trời lạnh quá, phải nghỉ ngơi một ít đã.

—Anh vẫn là người vui vẻ như xưa, hà-hà!—Cô-xô-rô-tốp ngoác miệng ra cười. Nhưng rồi hắn bắt đầu trở nên cáu kỉnh.—Nào, mau lên, mau lên!

Đẩy An-tôn vào xà-lim, Cô-xô-rô-tốp khóa trái cửa lại, giơ tay làm dấu thánh giá mấy lần liên tiếp, và trên khuôn mặt của hắn lại hiện ra một cái gì giống như nụ cười.

—Lạy Chúa, quả người cũng không lấy bớt mất của bọn coi tù chúng con những niềm vui...

Phía trong xà-lim, An-tôn bỗng đấm ầm ầm vào cửa. Cô-xô-rô-tốp vội mở cửa sổ con nhìn vào.

—Gì thế? Phòng không vừa ý à?

—Đâu dám! Phòng rất tuyệt là đằng khác. Tôi quên khuấy mất không báo cho ông một tin vui. Tôi vừa mới sinh thằng con trai. Con trai nhé!

2

Cuộc nổi loạn của bọn tù binh bạch vệ Tiệp Khắc ở Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ bắt đầu vào đêm 26 tháng Năm năm 1918.

Ngày hôm đó, ủy viên Ban chấp hành Xô-viết đại biểu tỉnh Tôm-xcơ An-tôn Xa-vê-li-ép đi dự Đại hội các ủy viên lao động đáp tàu hỏa từ Mát-xcơ-va về nhà.

An-tôn được bầu làm ủy viên chấp hành Xô-viết tỉnh Tôm-xcơ mấy tháng trước đây. Tạm thời để Li-da và con trai là I-u-ri ở lại Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ, anh đến Tôm-xcơ một mình. Trên đường đi tới Mát-xcơ-va họp, anh viết thư về cho Li-da báo rằng cuối cùng anh cũng đã tìm được một căn nhà ở Tôm-xcơ và khi về tiện đường sẽ ghé qua đón vợ và con trai theo. Họp xong rời Mát-xcơ-va, anh lại đánh điện về bảo Li-da phải sẵn sàng hành lý, chiều ngày 26 tháng Năm đợi anh ở nhà ga.

Nhận được điện, Li-da,—lúc đó đang làm văn thư ở Xô-viết huyện,—liền xin nghỉ việc và suốt ngày 26 tháng Năm, từ sáng sớm, lo thu xếp đồ đạc.

Nhà ga Nô-vô-nhi-cô-lia-ép-xcơ chật ních những đoàn tàu chở quân tù binh Tiệp Khắc. Họ được Chính phủ Xô-viết cho phép trở về tổ quốc theo đường qua cảng Vla-đi-vô-xtốc. Thỉnh thoảng từ trong nhà ga lại có một vài sĩ quan chạy ra, cánh cửa đập sầm sầm. Trên nóc ga, lá cờ đỏ sũng nước, sau cơn mưa vừa qua chưa kịp khô, bay yếu ớt như cánh chim bị thương. Lúc trời vừa chập choạng tối, một người đàn ông gầy gò khoác chiếc áo da, khuôn mặt cau có với chiếc mũi móng dính như mẩu phoi bào, xuất hiện trên quảng trường mờ mờ ánh điện cạnh sân ga cùng với chừng một tiểu đội chiến sĩ Hồng quân có vũ trang.

Một toán tuần tra đi tới. Viên sĩ quan chỉ huy người Tiệp Khắc to béo chạy lại hét:

—Đi đâu? Không được! Quay lại!

—Có nhiệm vụ đặc biệt,—người mặc áo da uể oải nói và chìa cho viên sĩ quan người Tiệp Khắc tờ giấy.

Viên sĩ quan soi đèn pin, đọc rất lâu, rồi kéo dài giọng, thốt lên ngạc nhiên:

—Ô-ô! Chữ ký của ngài Gri-sin-An-ma-dốp! Nhưng vào nhà ga thì không được, ở đó đang họp. Mời ngài xơi thuốc, ngài Xvi-ri-đốp.

Xvi-ri-đốp từ chối không hút.

Ba phút sau, Pô-li-pốp xuất hiện trên quảng trường, hắn cũng mặc áo da, cũng mệt mỏi, cau có.

—Thế nào?—Hắn bước đến bên Xvi-ri-đốp, hỏi.

—Mệnh lệnh đã được truyền xuống cho toàn bộ quân đội Tiệp Khắc dọc theo suốt tuyến đường,—Xvi-ri-đốp nói, giọng khàn khàn.—Nửa giờ nữa sẽ chiếm bưu điện thành phố, bến tàu, trụ sở Xô-viết, Ủy ban đặc biệt, huyện ủy... Nhưng anh đến đây để làm gì? Anh đi đi!

Pô-li-pốp gặp Xvi-ri-đốp lần đầu tiên vào năm 1906, ở nhà tù Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ. Hồi đó Xvi-ri-đốp là ủy viên chấp hành đảng bộ Đảng Công nhân Xã hội Dân chủ Nga thành phố Tôm-xcơ. Đảng bộ này gồm toàn bọn men-sê-vích, và trong nhà tù, Xvi-ri-đốp thường tranh cãi kịch liệt với Xu-bô-tin về những vấn đề chính trị. Nghe họ cãi nhau, một lần Mi-tơ-rô-phan I-va-nô-vich Xa-vê-li-ép nói: «Này, Xvi-ri-đốp, anh biết không, sau năm năm nữa, hoặc

thậm chí có thể sớm hơn... anh sẽ trở thành chỉ điểm viên ăn lương của mật thám Nga hoàng».

Từ đó Pô-li-pốp không gặp lại Xvi-ri-đốp, nhưng biết rằng sau khi ra tù, Xvi-ri-đốp liền đoạn tuyệt với bọn men-sê-vích và nhập vào phái bôn-sê-vích trong Đảng Công nhân Xã hội Dân chủ Nga. Sau Cách mạng tháng Mười, hắn xuất hiện ở Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ với tư cách là chính trị viên một đơn vị nhỏ của Hồng quân.

—Này, Xvi-ri-đốp, sao anh lại tụt xuống thấp thế?—hồi đó có lần Pô-li-pốp đã hỏi đùa hắn.

—Còn anh, tôi thấy anh leo lên cao quá đấy,—Xvi-ri-đốp khó chịu trả lời, người hắn bốc lên mùi rượu vốt-ca nồng nặc.

Sau khi chính quyền Xô-viết được thành lập ở Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ, Pô-li-pốp trở thành ủy viên của Tòa án quân sự cách mạng. Còn La-khơ-nốp-xki thì từ sau cách mạng tháng Hai không thấy tin tức gì, và tất nhiên, Pô-li-pốp cũng không đi tìm hắn. Đôi lúc, Pô-li-pốp nghĩ với một hy vọng thầm kín: biết đâu ông ta đã chết trong cái lò nghiền thịt này? Thế có khi lại hay... Nhưng vừa cách đây ít lâu, Xvi-ri-đốp tình cờ gặp y ngoài phố, bèn mời y đến nhà. Sau khi bảo vợ và đứa con gái chừng 13 tuổi xuống bếp, Xvi-ri-đốp nói độp luôn, không mào đầu gì cả, mặt nhăn lại méo mó, một bàn tay xoa xoa trước bụng:

—Chính quyền Xô-viết chẳng còn tồn tại được bao nhiêu nữa đâu, lâu lắm là một tuần lễ nữa. Ở Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ từ lâu đã thành lập chính phủ lâm thời bí mật Xi-bi-ri, nó đang chuẩn bị lực lượng để đánh một đòn quyết định. Quân đội Tiệp Khắc sẽ giúp đỡ chúng ta. Tôi nói thẳng hết với anh như vậy, vì... Nói chung, tôi liên lạc với anh theo ủy nhiệm của La-khơ-nốp-xki là người tôi rất quen biết... đáng tiếc.

—Nhưng anh là ai?—Pô-li-pốp sửng sốt.

—Chúng tôi, tất nhiên, sẽ cố gắng tóm cổ bọn chúng một cách bất ngờ,—không trả lời vào câu hỏi, Xvi-ri-đốp nói tiếp.—Nhưng khó mà tóm hết được ngay một lần. Vì vậy... Nói chung, anh nên trốn đi, và đặc biệt chú ý theo dõi những đứa khác trốn ở đâu. Những tin tức này, dù chỉ là phỏng đoán đi chăng nữa, như anh hiểu đấy, đối với chúng tôi rất quan

trọng. Anh chỉ được liên lạc với tôi, như trước đây đã liên lạc với La-khơ-nốp-xki.

—Thế nhưng... La-khơ-nốp-xki hiện ở đâu?

—Giờ đang ngồi ở nhà tù Tôm-xcơ.

Và như thế là người ta chưa quên y, người ta lại giao cho y đóng cái vai trò cũ của mình...

...Những toán lính Tiệp Khắc cuối cùng đã đi khỏi quảng trường cạnh nhà ga. Những chiếc cửa sổ của nhà ga tỏa sáng một cách bình yên, ấm cúng. Không có dấu hiệu gì báo trước rằng chỉ còn mấy phút nữa, trong thành phố sẽ xảy ra một cuộc tàn sát đẫm máu.

—Tôi hỏi anh, anh lang thang ở đây để làm gì?—Xvi-ri-đốp giận dữ hỏi Pô-li-pốp.

—Li-da... Cái gì sẽ xảy ra với Li-da?.. Tôi biết anh đang đợi chuyến tàu từ Mát-xcơ-va tới, anh sẽ bắt An-tôn, người mà tôi đã báo cho các anh... Nhưng còn Li-da... Tôi xin các anh đừng động đến Li-da...

—Thần kinh, đồng chí Pô-li-pốp ạ,—Xvi-ri-đốp cười gằn.—Anh vẫn chưa từ bỏ được hy vọng kia à? Đã đến lúc rồi đấy.

Ừ, quả là đã đến lúc rồi. Mười năm trôi qua từ ngày Li-da đi lấy chồng, con trai cô đã lớn. Từ ngày cưới đến nay, tổng cộng cô chỉ được sống bên chồng chừng một năm, năm rưỡi; thời gian còn lại anh ngồi tù, vượt ngục, rồi lại ngồi tù. Cách mạng tháng Hai giải phóng anh khỏi nhà tù khổ sai ở mỏ sắt thuộc vùng phía tây hồ Bai-can; sau cách mạng tháng Mười, anh về ở Tôm-xcơ. Và đôi lúc Pô-li-pốp cảm thấy vừa buồn cười, vừa cay đắng: mười năm trước đây không hiểu y hy vọng cái gì khi quyết định trở thành tên phản bội? Và cho đến tận bây giờ y vẫn chưa từ bỏ được hy vọng của mình. Y đã hiểu từ lâu, rằng điều y mong đợi sẽ không bao giờ xảy ra, nhưng y vẫn không thể nào từ bỏ được. Cho đến bây giờ y vẫn sống độc thân, một cuộc sống không ổn định, bừa bộn và cô đơn trong ngôi nhà trống trải và rộng thênh thang của bố y để lại. Bố mẹ y giờ ở đâu, còn sống hay đã chết—Pô-li-pốp không biết. Sau khi chính quyền mới quốc hữu hóa Ngân hàng thành phố, nơi bố y có một tài khoản khá lớn, ông ta trở nên buồn phiền, người hốc hác, lưng còng xuống. Và

tháng Giêng năm 1918, bỏ lại nhà cửa và những cửa hiệu trống rỗng, ông ta biến mất khỏi thành phố cùng với bà mẹ, sau khi gửi qua bưu điện cho con trai một mẩu thư ngắn ngủi: «Tất cả lũ các người đều đáng nguyền rủa... Mà này, đứa con hiếu nghĩa ạ, mày là kẻ đầu tiên...»

Pô-li-pốp thậm chí còn lấy làm mừng về việc bố y đã xử sự như vậy, y thở dài khoan khoái. Sớm hay muộn thì y cũng buộc phải có cách xử sự nào đó đối với bố mẹ y. Còn giờ đây, nếu cuộc đảo chính thành công, bố mẹ y quay trở về, biết rõ toàn bộ sự thật về y, chắc ông bố sẽ gạt bỏ lời nguyền rủa của mình trước đó.

Xvi-ri-đốp sốt ruột nhìn đồng hồ. Còi tàu đã rúc lên rất gần, tiếng bánh sắt của đoàn tàu đang vào ga đã sình sịch ngay chỗ bẻ ghi.

Từ một ngõ hẻm gần đó, trong màn tối, chợt vang lên một giọng hát trẻ con:

Chúng ta giành lấy tự do
Không phải bằng cầu xin, mà bằng lưỡi lê...

Pô-li-pốp nhận ngay ra đó là I-u-ri, con trai của Li-da. Và chỉ một lát sau đã thấy I-u-ri đi tới — áo sơ-mi sạch bong, là cẩn thận, mái tóc bờm xờm cũng được chải gọn gàng, đi sau bé là Li-da và thím U-li-a-na Phê-đô-rốp-na tay xách lỉnh kỉnh những va-li và túi đầy.

— Pi-ốt! — Li-da gọi to. Đôi mắt cô ánh lên lo lắng. — Cám ơn anh đã ra đón An-tôn.

— Tôi đến để đưa tiễn Li-da...

— Trong thành phố có chuyện gì vậy? Khắp đường phố chỗ nào cũng thấy quân Tiệp đi lại.

— Chẳng có gì đặc biệt đâu, — Xvi-ri-đốp lên tiếng. — Họ đi tắm ở nhà tắm công cộng đấy.

Thím U-li-a-na Phê-đô-rốp-na đặt chiếc túi nặng xuống đất.

— Lạy chúa, sao mãi vẫn chưa thấy ông Mi-tơ-rô-phan I-va-nô-vích nhỉ?.. Đã hứa đến rồi kia mà. Suốt ngày cứ mất tăm mất dạng với cái ủy ban đặc biệt này, quỷ tha ma bắt nó đi!

Mi-tơ-rô-phan I-va-nô-vích Xa-vê-li-ép, người thợ mộc trước đây, từ sau Cách mạng tháng Mười làm việc ở Ủy ban đặc biệt và hầu như chẳng đêm nào ngủ ở nhà. Mấy ngày gần đây, ông không về nhà, và hôm nay sau bữa ăn trưa cho người về báo rằng tôi sẽ ra ga để đón cháu.

— Li-da, ta đứng ở đây làm gì nhỉ? — Thím U-li-a-na Phê-đô-rốp-na lại túm lấy túi. — Hình như tàu đến kia rồi.

— Không được vào nhà ga đâu, — Xvi-ri-đốp nói. — An-tôn sẽ tự đến đây.

— Tại sao lại không được? — Thím U-li-a-na Phê-đô-rốp-na quay lại nhìn Xvi-ri-đốp. — Anh là ai?

Xvi-ri-đốp ngoảnh mặt đi. Pô-li-pốp hấp tấp cầm lấy tay Li-da.

— Thôi... Tạm biệt. Chúc em hạnh phúc.

Hai bàn tay của Pô-li-pốp nóng hổi, đẫm mồ hôi, khẽ run lên. Y giật giật một bên khóe miệng, rồi vội vã đi thẳng, không ngoái lại, mất hút trong bóng tối.

Sự việc tiếp theo chỉ diễn ra trong vòng mấy phút. Đầu tiên, trên sân ga nghe có tiếng huyên náo, tiếng người kêu hét, tiếng hô khẩu lệnh bằng tiếng nước ngoài, rồi một đám đông hành khách ùa ra cửa ga.

Và bỗng nhiên ở một nơi nào đó trong thành phố, ngay sát nhà ga, rộ lên một loạt súng, rồi im ngay.

— Cái gì thế? Cái gì thế? — Li-da kêu lên, mặt tái mét.

— Chẳng có gì đặc biệt cả đâu, — Xvi-ri-đốp cười nhạt. — Người của chúng tôi bắn kẻ thù đấy.

— Kẻ thù nào? Người nào của các ông? Và ông là ai? Hình như tôi đã gặp ông ở đâu rồi...

Xvi-ri-đốp không trả lời.

An-tôn tách ra khỏi đám đông, xuất hiện một cách bất ngờ.

— Li-da! Con! — Anh túm lấy I-u-ri, nhấc bổng lên, ghì sát vào người. Rồi anh ôm vợ. — Li-da! Li-da! Có chuyện gì xảy ra ở đây thế? Tại sao lại có tiếng súng? Có chuyện gì xảy ra?

— Chẳng có gì đặc biệt cả, — Xvi-ri-đốp trả lời, đi đến bên cạnh An-tôn. — Họ tiêu diệt chính quyền Xô-viết.

— Xvi-ri-đốp đấy à?! — An-tôn lùi lại một bước. — Anh nói sao?

Xvi-ri-đốp ngập ngừng mấy giây, rồi nói uể oải, dường như miễn cưỡng.

— Bắt lấy nó. Cả hai con mụ này nữa. Và cả thằng chó con này, biết đâu có lúc cần đến.

* * *

Bọn hiến binh Tiệp Khắc thả sức hoành hành trong thành phố. Ngày đêm chúng đưa người ra xử bắn ở khu rừng cạnh bờ con sông nhỏ Ca-men-ca.

Đã quá ba tuần kể từ sau cuộc nổi loạn, Pô-li-pốp sống trong tầng hầm một ngôi nhà ở ngoại ô thành phố của người làm nghề đánh xe ngựa, một đảng viên già Đảng Công nhân Xã hội Dân chủ Nga tên là Va-xi-li Xtê-pa-nô-vích Da-xu-khin. Pô-li-pốp hầu như không ló mặt vào thành phố.

— Hỏng hết rồi! Hỏng hết cả chính quyền Xô-viết rồi, — mỗi buổi chiều, khi mang thức ăn cho Pô-li-pốp, Da-xu-khin lại nói. — Coi như toàn bộ tổ chức Đảng của thành phố đã bị triệt hết.

— Chưa hết đâu. Tôi cùng với đồng chí còn sống đây kia mà, Xu-bô-tin, như đồng chí nói, cũng còn chưa bị bắt, — Pô-li-pốp nói. — Đồng chí cho tôi liên lạc với Xu-bô-tin đi. Cần phải làm một cái gì chứ?

Da-xu-khin ngồi trên chiếc ghế đẩu, đầu gục xuống và im lặng rít thuốc. Căn hầm đã ngột ngạt lại càng thêm khó thở.

Một lần, Xu-bô-tin, râu ria sau ba tuần lễ không cạo mọc xồm xoàm, chân đi đôi bốt lấm lê bụi đất, đầu đội chiếc mũ của những người đánh xe ngựa trong thành phố, tự tìm đến căn hầm.

— Còn sống à? — ông bắt tay chào hỏi. — Tốt lắm. Người của ta còn quá ít. Chúng tôi đã quyết định đưa anh vào thành ủy bí mật.

— Có thế chứ! — Pô-li-pốp thở phào. — Thế mà tôi nghĩ mình đến mốc meo lên ở đây mất.

— Bây giờ thì chẳng còn thời giờ đâu mà mốc nữa. Cần phải tập hợp lực lượng còn lại, thực tế là phải xây dựng tất cả lại từ đầu. Và chúng ta sẽ bắt đầu. Chúng ta sẽ bắt đầu mọi

chuyện gấp nghìn lần!.. Còn thằng Xvi-ri-đốp... Tôi chưa bao giờ tin là hắn đã đoạn tuyệt thực sự với bọn men-sê-vích. Hồi hắn ở Tôm-xcơ, bao nhiêu tổ chức ở đó đã lần lượt bị phá vỡ, bao nhiêu đồng chí ưu tú đã hy sinh! Bây giờ thì đã rõ do bàn tay ai. Và đây, một kết cục rất lô-gích: hắn trở thành dự thẩm viên của hiến binh bạch vệ Tiệp Khắc. Đang ra sức cúc cung tận tụy. Có tin hắn đặc biệt hành hạ An-tôn Xa-vê-li-ép. Cả vợ của anh ấy nữa.

—Li-da ấy à? Họ còn sống không?—Pô-li-pốp tái mặt, cổ họng se lại.

—Hiện nay hình như còn sống. Còn Mi-tơ-rô-phan I-va-nô-vích đã hy sinh,—Xu-bô-tin đứng dậy.—Mấy ngày nữa ta phải họp nhau để bàn một số việc.

—Bao giờ và ở đâu?

—Gì mà anh nôn nóng thế?

—Ngồi mãi trong hồ này đã chán ngấy lên rồi.

—Va-xi-li Xtê-pa-nô-vích sẽ nói cho anh biết bao giờ và ở đâu. Thôi nhé. Tôi rất mừng lại gặp được anh, Pi-ốt ạ.

...Mấy ngày sau, giữa đêm khuya, Pô-li-pốp lần mò theo những đường phố vắng vẻ nhất, đi vội về phía nhà ga, nơi Xvi-ri-đốp sống trong một ngôi biệt thự được xây dựng rất chắc chắn, sau những cánh cửa bằng gỗ sồi dày.

Vợ của Xvi-ri-đốp, một người đàn bà to béo, mắt như vừa mới khóc xong, ra mở cửa. Khi đi đến đây, Pô-li-pốp nghĩ rằng sẽ gặp bọn lính canh quanh nhà, nhưng lính canh không có, và khi y vừa mở miệng nói cần gặp ai là cửa đã mở ngay, dường như không có sự đề phòng gì cả. Pô-li-pốp rất lấy làm lạ.

Xvi-ri-đốp, mặc quần dài và chiếc sơ-mi lót trong đang say rượu nằm trên giường, hai cái chai và một đĩa dưa chuột để trên bàn.

—A, ngài chỉ điểm!—Xvi-ri-đốp chào y.—Tôi đợi ngài đã lâu. Có tin gì mới?

Cả giọng lẫn lời nói của Xvi-ri-đốp đều làm cho Pô-li-pốp khó hiểu, lo lắng.

—Thành ủy bí mật sẽ họp vào ngày mai... Tại nhà của Coóc-nây Ba-u-lin, thợ sắp chữ ở xưởng in thành phố. Địa chỉ...

—Được rồi, được rồi. Tôi biết nhà của thằng này. Anh muốn uống rượu không?

—Này, anh Xvi-ri-đốp... Thế này nghĩa là thế nào?

—Mà sao?—Xvi-ri-đốp bỏ chân xuống giường, nhưng vẫn không ngồi dậy.

—Anh uống, như... một thằng nghiện ngập đốn mạt nhất! Chỗ ở không có bảo vệ canh gác gì cả, cứ như là thời bình không bằng. Và nói chung...

—Nói chung là không nên uống. Tôi bị viêm dạ dày. Ruột cứ như bị dao cứa...—Hắn lấy tay xoa bụng.—Còn bảo vệ thì có đây...

—Này,—Pô-li-pốp nói tiếp.—Tôi đến để bàn việc với anh, còn anh lại say rượu, mất hết tỉnh táo! Xin lỗi, trong trường hợp như vậy, tôi đi... Tôi chẳng còn hiểu ra sao nữa.

—Cu-lê-pa-nốp!

Cánh cửa dẫn sang phòng bên cạnh bật mở, một tên bạch vệ hiện ra trên bực cửa, sau hắn còn một tên nữa.

—Bắt... bắt lấy hắn! Đưa về sở! Cho nó biết tay và tống vào xà-lim cá nhân,—Xvi-ri-đốp nói, mắt không nhìn Pô-li-pốp. Rồi hắn bước đến cạnh bàn, dốc rượu từ chai vào cốc.

* * *

Quả là Pô-li-pốp không hiểu ra sao cả. Y bị dẫn về sở mật thám, bị một trận đòn nhừ tử, rồi bị vứt vào một xà-lim chật chội.

Còn sau đó thì hình như người ta quên hắn đi. Mỗi ngày một lần, Cô-xô-rô-tốp, người quen cũ, giờ làm ở đây, mang đến cho y thứ xúp khoai loãng thum thủm và mang bô vệ sinh đi đổ. Y câm lặng như đá, suốt thời gian đó không nói lấy nửa lời.

Một lần, Cô-xô-rô-tốp dẫn y đi dọc theo hành lang dài và đẩy vào phòng làm việc của Xvi-ri-đốp.

Những vết tím bầm trên mặt Pô-li-pốp còn chưa tan máu, mí trên mắt phải rách nát, sưng phồng che cả mắt. Đứng ở bậc cửa, Pô-li-pốp đưa mắt trái nhìn khắp gian phòng khá rộng rãi. Một chiếc bàn, bên tường kê một chiếc tủ. Cạnh tủ lại còn một cánh cửa nữa, được phủ bằng lớp phớt dày màu xám.

Xvi-ri-đốp mặc bộ áo sĩ quan cỏ đứng, nhưng không có quân hàm, đứng cạnh cửa sổ chán chường nhìn ra sân qua hàng song sắt dày. Khuôn mặt hốc hác của hắn có màu đất xám xịt, má tóp lại, đôi môi bóng rộp run run.

—Có thể, anh hãy giải thích cho tôi nghe, tất cả những chuyện này có nghĩa gì?—Pô-li-pốp nặng nhọc hỏi.

—Dẫn An-tôn Xa-vê-li-ép vào đây!—không trả lời, Xvi-ri-đốp nói.—Chuẩn bị cả vợ hắn nữa. Sau đến cả con hắn.

—Tuân lệnh!—Cô-xô-rô-tốp bước ra, nhưng đến cửa, hắn dừng lại.—Có điều tôi muốn báo cho ngài biết trước, con mẹ ấy, Li-da Xa-vê-li-ê-va, đã ba ngày nay không ăn uống gì cả. Và hình như đã bắt đầu nói lảm nhảm.

—Dẫn chúng đến đây, đồ quỷ!—Xvi-ri-đốp gào lên. Khi Cô-xô-rô-tốp ra khỏi, Pô-li-pốp cũng bước đến bên cửa.

—Không, hãy để cho tôi ra... Tôi xin anh.

—Ngồi xuống!—Xvi-ri-đốp chỉ chiếc ghế ở góc tường, quát lớn.

Rồi hắn đến bên tủ, lấy ra một chai rượu và một chiếc cốc. Khi rót rượu, tay hắn run lẩy bẩy. Tiếng thủy tinh chạm vào nhau kêu lách cách. Uống xong, hắn thở hổn hển.

—Pô-li-pốp, theo anh, con người sống để làm gì?—Xvi-ri-đốp bất ngờ hỏi.—Ý nghĩa của cuộc sống và cái chết của con người là ở đâu? Hả? Và nói chung, ở đâu là chân lý, sự thật, ở đâu là dối trá, lừa đảo?

—Khen anh khéo chọn nơi chọn lúc để bàn luận về những chuyện đó!

—Tại sao? Nếu như có nhu cầu thì ở đâu và lúc nào cũng được.

—Tôi không ngờ anh là một nhà triết lý như vậy. Còn tôi, tôi không có những đức tính ấy.

—Đúng, đúng thế... Anh chỉ là một thằng chỉ điểm!

—Tôi đang ở đâu thế này?!—Pô-li-pốp đứng bật dậy.—Tốt hơn hết là anh hãy nói: các anh đã tìm được thành ủy bí mật của Đảng chưa?

—Để làm gì?—Xvi-ri-đốp nhún vai.—Bắt một thằng lại xuất hiện thằng khác. Việc làm vô ích và... vô tận...

—Tôi không hiểu nổi,—Pô-li-pốp lại ngồi xuống, người run bắn.—Hoặc là tôi hóa điên, hoặc là...

Hắn ngừng lại, vì Cô-xô-rô-tốp đã dẫn An-tôn vào.

Xa-vê-li-ép gầy tọp đi, đôi mắt trũng sâu, da ở gò má, thái dương và trên trán vàng xạm lại. Nhưng trên người anh không thấy dấu vết của sự tra tấn, chỉ có cảm tưởng rằng anh đã quá sức mệt mỏi.

Bước qua ngưỡng cửa, An-tôn lo lắng đưa mắt nhìn quanh phòng.

—Chào cậu, Pi-ốt,—anh nói khẽ.—Cả cậu cũng bị lũ chó đánh hơi được à?

Pô-li-pốp nghe lồng ngực lạnh toát. Nếu như Xvi-ri-đốp nói ra rằng y bị «đánh hơi» bằng cách nào thì sao? Nhưng Xvi-ri-đốp chỉ nhếch mép cười khẩy.

An-tôn nặng nề, như ông già, bước đến bên bàn và ngồi xuống ghế, căng ngực lên hít không khí.

—Cậu lại uống đấy à, Xvi-ri-đốp?

Trong mắt của Xvi-ri-đốp, một chấm lửa như người đang trong cơn sốt bừng lên, cháy loang ra.

—Tớ không hiểu được cậu đấy,—An-tôn tiếp tục nói.—Hay đúng hơn, đôi lúc tớ cảm thấy có ngọn lửa nào đó đang nung đốt cậu từ bên trong. Phải chăng những mẩu lương tri con người còn sót trong cậu lại trỗi dậy, và cậu toan dùng rượu vốt-ca để dập tắt chúng đi?

—Đúng đấy, cậu đoán đúng lắm, hê-hê...—Tiếng cười của Xvi-ri-đốp khô khốc, cụt lủn.

—Nhưng rồi sau đó tớ lại nghĩ: làm gì còn có tí lương tri nào ở tên đao phủ đã hóa dại, đã trở thành thú vật này!

—Và ở đây cậu cũng đoán đúng, hê-hê...—Bỗng nhiên người hắn tái nhợt ra, miệng gào lên.—Mày đoán đúng! Đúng, mày đoán đúng!—Hai tay hắn ôm lấy đầu, ngón tay luồn xoắn vào tóc như muốn bứt hết chúng ra.—Chỉ có điều chẳng vì thế mà mày đỡ hơn đâu! Không đỡ hơn đâu!

—Tớ biết, cậu sẽ bắn hết tất cả bọn tớ—tớ, Li-da, tất cả gia đình tớ,—An-tôn lại nói tiếp.—Cả I-u-ri nữa... Trẻ con cậu cũng không thương đâu. Nhưng còn nhân dân, làm sao cậu có thể treo cổ, bắn chết hết được?

—Thế sao?—Xvi-ri-đốp cười gằn.—Mày không điếc,

không mù đấy chứ? Mày không biết, không hiểu cái gì đang xảy ra ở nước Nga à? Chúng mày đã mất Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ, mất Tsê-li-a-bin-xcơ, Ê-ca-tê-rin-bua, Bác-na-un, Ôm-xcơ, Tôm-xcơ, Cra-xnôi-ác-xcơ. Quân Nhật đã chiếm Viễn Đông, a-ta-man Xê-mê-nốp đang kiểm soát vùng phía tây hồ Bai-can, a-ta-man Đu-tốp ở miền Nam U-ran. Ở Pô-vôn-gie, người ta đang diệt nốt những tàn quân cuối cùng của bọn đó. Thế đấy, chính quyền Xô-viết chỉ được nửa năm. Hết thời rồi. Và sẽ không bao giờ trở lại nữa.

— Ê, không đâu, người anh em! Chính quyền Xô-viết đã có và sẽ còn vĩnh viễn. Ngay trong những thành phố mà cậu vừa kể ra đấy, những tổ chức bí mật của Đảng đã được thành lập và đang hoạt động. Họ sẽ phát động nhân dân đứng lên, và chẳng còn bao lâu nữa, nhân dân sẽ đè bẹp chúng mày xuống dưới móng tay như lũ rệp.

— Nhưng hiện nay chúng tao đang đè!

— Chẳng còn lâu nữa đâu. Chúng mày điên cuồng vì chúng mày bất lực. Một ngày gần đây, rất gần, nhân dân sẽ hỏi tội chúng mày về hàng nghìn con người đã bị bắn giết, tra khảo! Chúng mày sẽ phải đền hết tội!

— Thôi, nói thế đủ rồi, — Xvi-ri-đốp ngắt lời anh. — Vẫn một câu hỏi cũ: ai có thể vào thành ủy bí mật Tôm-xcơ?

— Tớ không biết, Xvi-ri-đốp ạ. Tớ bị cậu bắt từ mấy ngày trước khi quân bạch vệ Tiệp Khắc chiếm Tôm-xcơ kia mà. Hơn nữa, tớ đang trên đường từ Mát-xcơ-va trở về.

— Tao biết rằng mày không biết chính xác, nhưng đoán chừng những ai?

Pô-li-pốp ngồi ở góc tường như một kẻ thừa, bị lãng quên, ngơ ngác theo dõi cuộc hỏi cung. Xvi-ri-đốp cần biết tên họ những người hoạt động bí mật ở Tôm-xcơ để làm gì, trong lúc tổ chức ở đây, ở thành phố Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ này, hắn lại không đả động đến? Hay là Xvi-ri-đốp lừa y, Xu-bô-tin và những người khác đều đã bị bắt từ lâu? Và bây giờ, sau An-tôn, Xvi-ri-đốp sẽ lần lượt gọi họ lên từng người một để đối chứng với y, với Pô-li-pốp? Thôi, có lẽ là đúng thế rồi! Hóa ra y bị bắt đưa đến đây, đến sở mật thám này là vì vậy! Chỉ có một điều khó hiểu là tại sao lại phải bắt y như vậy và lại đánh đập y?

Trong một thoáng, Pô-li-pốp tưởng tượng ra cảnh vài phút nữa sẽ phải nhìn vào mắt Xu-bô-tin, y toát mồ hôi hột.

Nhưng sự việc lại xảy ra hoàn toàn theo một hướng khác.

—Nghĩa là mày không chịu nói chứ gì?—Xvi-ri-đốp lại hỏi An-tôn.

—Tao đâu phải là thằng phản bội!

—Mày thì trước sau gì rồi chúng tao cũng bắn. Ít ra mày cũng nên thương lấy vợ. Nó sắp hóa điên rồi đấy. Mày cũng nên thương lấy con. Cả thím của mày nữa... Bà ta bị những cơn đau tim hành hạ. Thực tế là mày đã giết chết bà ta rồi đấy. Nhưng vợ và con thì còn có thể cứu được. Thế nào? Chỉ cần đoán chừng thôi. Những ai?

Pô-li-pốp thấy những giọt mồ hôi lớn chảy ra trên trán, trên má An-tôn.

—Dù đoán chừng, tao cũng không nói gì cho chúng mày nghe cả.—Giọng của An-tôn khản đặc, anh nuốt nước miếng đánh ực.—Đã đến lúc mày phải hiểu được điều đó chứ!

—Nói láo! Mày sẽ phải khai... Cô-xô-rô-tốp!

Cô-xô-rô-tốp liền đẩy Li-da vào trong phòng. An-tôn và Pô-li-pốp cùng đứng dậy. Một lát sau, Pô-li-pốp ngồi xuống, còn An-tôn vẫn tiếp tục đứng, hai tay bám chặt mép bàn.

Trông Li-da thật đáng sợ. Đầu tóc tả tơi, áo quần rách nát, chị đưa đôi mắt đã hóa dại nhìn quanh phòng.

—Con trai... Con trai của tôi đâu? Các ông làm gì con tôi rồi!—Li-da kêu khóc, ngã khuỵu xuống đất, bò đến bên bàn.

—Li-da! Li-da!—An-tôn chạy đến bên vợ, đỡ chị dậy, nhưng Xvi-ri-đốp vội rời khỏi bàn, đẩy chị ra xa An-tôn.

—Hiện giờ thì I-u-ri còn sống và khỏe mạnh,—rồi hắn quay sang An-tôn:—Mày có nói không?

An-tôn lấy ống tay áo lau mồ hôi trên trán.

—Tao chẳng có gì để nói cả... Chẳng có gì hết!

—Mày sẽ no-ói!—Và Xvi-ri-đốp giật cánh cửa bọc phớt, hét vọng vào trong đó.—Bắt đầu đi!

Sự việc tiếp theo Pô-li-pốp dường như thấy qua một màn sương xám, sóng sánh, lúc dày lúc mỏng. Từ trong căn phòng có cánh cửa bọc phớt hai bóng đen chạy vụt ra, chúng túm lấy Li-da lôi đi. An-tôn nhảy chồm theo, nhưng rồi anh lùi lại, suýt

nữa giẫm phải Pô-li-pốp, và đứng tựa lưng vào tường. Và anh cứ đứng như thế, đôi mắt nhắm nghiền, những ngón tay co quắp cấu chặt vào tường đến bật cả móng, nghe những tiếng kêu của vợ từ phòng bên vọng sang... Pô-li-pốp nhìn lên bức tường nơi những ngón tay của An-tôn đang bấu chặt: y thấy một mảng vữa đã bị bong ra để lộ lớp đá gồ ghề xấu xí. Và Pô-li-pốp hiểu rằng An-tôn đã đứng và cào cấu bức tường như thế không phải chỉ mới một lần. Đầu óc y trở nên choáng váng, người như trôi bập bềnh trong sương đục.

Pô-li-pốp không còn nhớ bao nhiêu thời gian đã trôi qua. Tiếng kêu như xé ruột của Li-da làm hắn tỉnh lại:

— Con trai tao đâu? Chúng mày làm gì với con tao rồi? Chúng mày giết chết con tao rồi ư?!

Li-da, chắc vừa mới bị vứt từ trong phòng có cánh cửa bọc phớt ra, đang bò trên sàn, cố hết sức đứng dậy. Hai bàn tay và đôi vai trần đẫm máu.

— Bây giờ thì chưa. Nhưng nó sẽ bị hành hạ đau đớn, nếu như mày vẫn im lặng!

Đó là lời của Xvi-ri-đốp nói với An-tôn. Anh vẫn đứng bên tường, mắt nhắm chặt.

— Trả con trai tao đây! Chúng mày giết nó rồi... Trả con trai tao đây! — Li-da vẫn không ngừng la thét. Cuối cùng chị cũng đã đứng lên được, nhưng không còn nhận ra ai, cứ quay tròn một chỗ.

— Được rồi. Tao sẽ cho mày thấy con. Cô-xô-rô-tốp!

Cô-xô-rô-tốp vẫn im lặng, đẩy I-u-ri từ hành lang vào phòng.

— Mẹ ơi! Mẹ!

Li-da nhận ra con ngay lập tức, chị giơ hai cánh tay run lẩy bẩy ôm choàng lấy đứa trẻ, làm vấy cả máu mình sang chiếc áo sơ-mi cáu bẩn của I-u-ri. Đôi chân của Li-da khuỵu xuống và cả hai mẹ con ngồi bệt xuống sàn nhà.

— Con ơi! Con trai nhỏ bé của mẹ ơi! Con còn sống ư? Con còn sống!

— Con còn sống, mẹ ạ... — I-u-ri giơ hai tay nâng lấy mặt mẹ. — Sao mẹ lại thế này, mẹ?

— Người ta có đánh con không? Con có bị đánh không, con?

—Không, người ta không đánh con. Con chỉ đói thôi. Ở đây người ta cho ăn ít quá...—I-u-ri chợt trông thấy bố và Pô-li-pốp.—Bố! Chú Pi-ốt!

Cậu muốn chạy lại với bố, nhưng bị hai cánh tay của mẹ giữ chặt không giằng ra được.

—Bố nào? Bố con còn ở Tôm-xcơ chưa về, bố con không có ở đây đâu,—Li-da vội vã nói.—Mẹ vừa nhận được điện của bố mà. Bây giờ mẹ con ta sẽ đi đến với bố ở Mát-xcơ-va. Nào, con của mẹ ngủ đi, ngủ một tý trước khi lên tàu. Con ngủ đi và con sẽ không thấy đói nữa. Mẹ sẽ hát ru con, bài hát của bố con...

Và Li-da ôm con ghì vào mình, cất tiếng hát rầu rĩ, não nuột, vất vả lắm mới nhớ được lời:

Hương dã anh từng đợt sóng... thơm lừng,
Đã qua rồi... mùa đông lạnh, se hanh...

—Thế nào, có nói không?—Xvi-ri-đốp đến gần An-tôn xẵng giọng hỏi.—Hoặc là... từ biệt con trai đi.

Hắn đứng đợi một lúc. Nhưng thấy An-tôn vẫn im lặng, hắn méo xệch đôi môi trắng nhợt khô héo, lặp lại lần thứ ba:

—Nói láo! Mày sẽ phải khai!—Hắn giật đứa trẻ ra khỏi tay mẹ, đẩy qua căn phòng có cánh cửa bọc phớt.—Chẩn cả thằng chó con này nữa!

—Mẹ ơi! Mẹ-ẹ-ẹ!—tiếng I-u-ri kêu thất thanh sau cánh cửa vọng ra.

Tiếng kêu của đứa trẻ như xoáy vào đầu Pô-li-pốp, làm y choáng váng. Cảm thấy từng dòng mồ hôi lạnh chảy trên ngực, dọc theo sống lưng giữa hai xương bả vai, y đứng dậy, định đi ra một nơi nào đó.

—Ngồi yên!—Xvi-ri-đốp sủa lên.

Pô-li-pốp ngồi xuống, và không còn cảm thấy, nghe thấy gì nữa, y nhìn trân trân vào Li-da. Còn chị, giống như một con chim xù lông lên, dữ tợn, bò bốn tay chân một cách kỳ cục, lấy tay sờ từng thanh gỗ lát sàn. Rồi chị ngồi im lặng mấy giây như nghĩ ngợi điều gì. Và bắt đầu giơ hai bàn tay ra bắt không khí, đôi môi rách toác mấp máy. Pô-li-pốp nghe như từ xa vẳng lại:

—I-u-ri... con tôi... Chúng mày đưa con tao đi đâu rồi?!

Chị lảo đảo đứng dậy, va người vào bàn, vào tường. Rồi như đang nghe ngóng một điều gì đó, chị mỉm cười. Một ánh lửa yếu ớt, ốm yếu, nhưng rất đẹp cháy lấp lánh trong đôi mắt của chị, đôi mắt hơi xanh và sâu vô đáy đã từng làm cho Pô-li-pốp phải say mê...

Pô-li-pốp biết rất rõ ràng, bên kia, sau cánh cửa bọc phớt, đang xảy ra một việc làm khủng khiếp. Chúng tra tấn đứa trẻ gần như ngay trước mắt người cha bất lực và bà mẹ đã hóa điên. Nhưng, hoặc là y đã quen cam chịu tất cả, hoặc là trong người y mọi thứ đều đã hóa gỗ, y không còn cảm thấy cơn choáng váng mà mấy phút trước đây đã làm cho y gần như bất tỉnh, y chỉ cảm thấy buồn nôn và sợ mình không kìm được.

Bây giờ An-tôn không còn cào vào bức tường nữa, đôi mắt anh mở to, hai hàm răng nghiến chặt, chặt đến nỗi xương quai hàm bạnh ra làm cho mặt anh trở nên méo mó khó coi. Và Pô-li-pốp như đang nghe thấy cả tiếng răng của An-tôn rít lên ken két.

Còn Li-da vẫn lảo đảo lần theo bức tường đến bên chiếc cửa bọc phớt. Bỗng nhiên từ phía sau cửa vang lên tiếng thét:

—Mẹ ơi! Mẹ-ẹ-ẹ!

—Thôi! Đủ rồi!—Xvi-ri-đốp giật tung cổ áo. Rồi hắn tự bóp tay lên cổ mình, hét lên trong cơn thở dốc.—Đưa đi hết! Đưa hết bọn Xa-vê-li-ép này đi!

Xvi-ri-đốp chạy đến mở tung cửa tủ, túm lấy chai rượu. Tiếng thủy tinh lại chạm nhau lách cách.

*

Uống cạn cốc rượu, Xvi-ri-đốp dường như bình tĩnh lại, hắn ngồi xuống cạnh bàn và cáu kỉnh lục lọi trong đống hồ sơ ra một tờ giấy, ngồi viết chừng mươi phút, ngòi bút mấy lần chọc thủng tờ giấy mỏng.

—Khủng khiếp quá! Khủng khiếp quá!—Pô-li-pốp lẩm bẩm, người đẫm mồ hôi. Y ngồi, lưng còng gập lại, mắt nhìn đán xuống sàn.—Dù sao thì cũng xin anh giải thích cho tôi biết—tại sao tôi lại ở đây? Tại sao lại tra tấn tôi? Tại sao...

—Đây không phải là tra tấn anh, mà là tra tấn tôi. Tôi tự tra tấn tôi!

—Anh... Hình như không phải Li-da, mà chính anh đã hóa điên.

—Đúng thế đấy,—Xvi-ri-đốp đồng ý.—Gần như vậy. Tại sao lại thế, Pô-li-pốp? Anh đã thấy đấy... Trước mắt anh là một người đàn bà đã hóa điên, người mà, như anh nói, anh yêu... Bây giờ, sau việc vừa rồi, chắc anh đã hiểu, hoặc ít ra anh cũng bắt đầu suy nghĩ—con người sinh ra để làm gì? Sống để làm gì? Đâu là ý nghĩa cuộc đời? Đâu là sự thật, chân lý, còn đâu là giả dối?

Vừa nói, Xvi-ri-đốp vừa đứng dậy, hai cánh tay gầy guộc, chằng chịt gân xanh đặt chéo trước ngực. Đôi mắt hắn lạnh lùng và trống rỗng.

—Tôi chỉ còn việc ngồi nghĩ về điều này nữa mà thôi!— Trong đầu, Pô-li-pốp nghĩ thầm: «Hắn quả là thằng điên».

—Thật đáng tiếc! Nhưng sẽ có lúc anh phải nghĩ đến. Sớm muộn gì rồi ai cũng phải suy nghĩ về điều này... Cô-xô-rô-tốp!

Pô-li-pốp rúm người lại. Cái thằng điên Xvi-ri-đốp này còn định bày trò gì nữa đây? À, đúng rồi, hắn gọi Xu-bô-tin lên hỏi cung...

Nhưng khi Cô-xô-rô-tốp bước vào, Xvi-ri-đốp hỏi, mắt nhìn vào một góc phòng.

—Con mẹ ấy, Li-da Xa-vê-li-ê-va, thế nào?

—Có lẽ hóa điên hoàn toàn rồi, thưa ngài. Nó gói mấy mảnh giẻ rách vào với nhau, đi lại trong phòng, gặp ai cũng hỏi có phải tàu bị chậm không? Bảo chuẩn bị đi Mát-xcơ-va, thăm chồng.

—Thế... Còn bà già Xa-vê-li-ê-va?

—Nằm rên, ôm lấy ngực.

—Thế-ế..., —Xvi-ri-đốp kéo dài giọng.—Tống cổ hết chúng đi, lũ quỷ cái. Bắn bọn điên làm gì cho tốn đạn. Thằng bé cũng tống đi. Còn...—Xvi-ri-đốp chìa ra mấy tờ giấy.— Đây là giấy tờ của ông này,—hắn gật đầu chỉ về phía Pô-li-pốp.—Cứ để cho đi. Thả ra.

Cô-xô-rô-tốp ngạc nhiên liếc nhìn Pô-li-pốp: nhưng vốn đã quen không hỏi lại mệnh lệnh của cấp trên, hắn chỉ nói:

—Xin tuân lệnh, thưa ngài.

Cô-xô-rô-tốp đi ra, còn Xvi-ri-đốp buông phịch người xuống chiếc ghế An-tôn vừa mới ngồi lúc nãy, hai tay ôm lấy mặt.

—Tôi cũng... có thể đi được rồi chứ?—Pô-li-pốp khẽ hỏi.

—Đi đi!

—Thế tôi sẽ giải thích như thế nào cho... bọn họ... bằng cách nào tôi ra khỏi đây được.

—Cái đấy có quan hệ gì đến tôi? Anh cứ liệu cách... tuy quả thật cũng khó đấy. Đây, lời khuyên của tôi: ngay đêm nay cuốn xéo khỏi thành phố này, càng xa càng tốt, rồi tìm bắt liên lạc đi theo một đơn vị Hồng quân nào đó. Như vậy, anh có thể tự cứu được mình, và cái chủ yếu là cứu được những người đang hoạt động bí mật ở Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ. Quả thật, tôi chưa động đến lời tố giác của anh. Nhưng người khác thì chẳng để yên đâu... Hay là, anh cũng có thể công khai xung vào một đơn vị bạch vệ ngay ở đây, trong thành phố. Đó là việc của anh. Hoặc đến Tôm-xcơ, tìm La-khơ-nốp-xki, ông ta đã ra khỏi tù từ lâu...

—Thế... kết cục lại... anh là ai?!—Pô-li-pốp kinh ngạc lặp lại câu hỏi mà có lần trước đây hắn đã hỏi tại nhà của Xvi-ri-đốp.

—Tôi ấy à?—Xvi-ri-đốp bỏ bàn tay ôm mặt ra. Đôi má hốc hác của hắn co giật.—Bây giờ thì có lẽ không còn là ai cả. Còn quá khứ... còn trước đây cũng là một thằng đều như anh...

—Dù sao, tôi vẫn yêu cầu anh...

—Thôi, xin anh dẹp cái tính đa cảm lại,—Xvi-ri-đốp uể oải nói.—Tôi trước đây cũng đã có lần hành động đớn hèn như anh. Ở ngay đây, trong thành phố này, trong nhà tù Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ. Hồi đó, chúng ta cùng bị giam với nhau. Chắc anh còn nhớ, hình như bố hoặc chú của chính An-tôn Xa-vê-li-ép này có nói với tôi: chỉ sau năm năm nữa là anh sẽ trở thành chỉ điểm ăn lương của mật thám Nga hoàng. Nhưng thực tế lại còn sớm hơn. Trước đây tôi vốn là men-sê-vích, nhưng theo lời khuyên của chính La-khơ-nốp-xki, tôi đã công khai đi với bọn bôn-sê-vích. Và tôi đã tố giác

chúng! Cuối cùng người ta bắt đầu nghi ngờ tôi, không còn tin tưởng tôi nữa. Có lẽ có lúc nào đó, nơi nào đó tôi không được khôn ngoan, thận trọng như anh... Chắc là họ đã vạch mặt chỉ trán tôi, nếu như không xảy ra cách mạng. Trong cái mớ hỗn độn đó không còn ai còn nhớ đến tôi, và tôi chuyển từ Tôm-xcơ đến Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ, và ở đây...

— Và ở đây anh biến thành thằng nghiện rượu?

— Không, ở đây tôi còn gặp phải một bất hạnh lớn hơn nhiều. Những câu hỏi bỗng nhiên từ đâu kéo đến và hành hạ tôi, không để tôi yên. Những câu hỏi hết sức đơn giản, những câu hỏi mà hôm qua đối với tôi còn hết sức rõ ràng: cái gì đang diễn ra trên trái đất này? Cuộc đời này đang đi về đâu? Cái gì đã xảy ra với nó? Tôi — một con người có học thức, có văn hóa, một trí thức — trước đây tôi đã từng là giáo viên trung học, đã từng dạy cho trẻ cái thiện, cái công lý, cái nhân nghĩa, — còn bây giờ, tôi là ai, tôi là cái gì, tôi sống để làm gì trên mặt đất này?

— Quả đúng vậy, — Pô-li-pốp nói.

— Thôi đủ rồi! — Xvi-ri-đốp đột ngột đứng dậy. — Tôi không thể nào nói với anh hết được, mà anh, như tôi thấy, cũng chẳng hiểu nổi đâu.

Hắn đến bên cửa sổ, hai tay lại bắt chéo chữ thập trước ngực, bàn tay ôm chặt lấy vai như thể người bị lạnh, và đứng nhìn rất lâu lên bầu trời chiều qua hàng song sắt. Bỗng nhiên, hắn lại lên tiếng hỏi:

— Còn An-tôn Xa-vê-li-ép, hắn có biết hắn là ai, là cái gì, sống để làm gì trên mặt đất này không? Vợ hắn hóa điên ngay trước mắt hắn — hắn im lặng. Con hắn bị tra tấn ngay trước mặt hắn — hắn im lặng. Anh đã thấy đấy, hắn không khai báo ra ai cả, dù chỉ là phỏng đoán. Anh hãy trả lời tôi nghe, làm sao hắn ta lại như thế được? Hắn lấy từ đâu ra những sức mạnh như thế? Hắn chịu đựng vì cái gì?

Pô-li-pốp không biết có nên trả lời hay không, và trả lời ra sao.

— Hay là... hay là hắn biết, ngay từ đầu hắn đã biết rất rõ cái điều mà tôi bỗng nhiên không hiểu nổi? — Xvi-ri-đốp lấy những ngón tay dài lau hai thái dương. — Hắn sẽ bị xử bắn. Hắn sẽ bị bắn sớm hơn, còn tôi với anh sẽ bị bắn muộn

hơn một tí. Anh còn nhớ nó nói gì không? «Nhân dân sẽ đè bẹp chúng mày dưới móng tay». — Xvi-ri-đốp mệt mỏi cười nhạt. — Nghĩa là như chấy rận ấy, phải không? Thế nào? Họ sẽ đè bẹp chứ?

— Anh còn hỏi cái gì nữa?! Chẳng phải chính anh vừa mới chứng minh cho An-tôn thấy điều ngược lại là gì?

— Anh là thằng ngu, Pô-li-pốp ạ. Sao mà ngu đến thế! — Xvi-ri-đốp thốt lên, trong giọng nói dường như pha lẫn chút thương hại.

— Thì ra anh... ném tôi vào cái nhà tù này, bắt tôi phải nhìn... là để nói với tôi... và nói chung, để... giãi bày những... tôi không biết gọi là gì bây giờ... những nghi ngờ của mình à? Để cho tôi cũng bắt đầu có những nghi ngờ, những câu hỏi như của anh à?

— Để làm gì, chính tôi cũng không biết nữa, — Xvi-ri-đốp thò tay qua hàng song sắt, giật then đẩy cánh cửa sổ mở ra. — Tôi muốn — và tôi bắt anh, thế thôi. Hoặc tôi cũng có thể bắn chết anh ngay trong gian phòng này, bằng khẩu súng này. — Hắn bước đến bên bàn và lôi từ trong ngăn kéo ra một khẩu súng ngắn.

Pô-li-pốp đang ngồi trên ghế liền bật chồm dậy. Nhưng y không kịp ưỡn thẳng người lên, mà đứng chết lặng vì kinh hoàng, sợ hãi trong tư thế cúi lom khom — trên khuôn mặt của Xvi-ri-đốp không còn lấy một giọt máu, đôi mắt giờ lại trở nên trống rỗng, lạnh lẽo, đôi mắt của một kẻ mất trí, nhìn như cắm xuyên qua người Pô-li-pốp.

— Đúng, tôi có thể bắn chết anh. Nhưng tôi không biết là như vậy có công bằng hay không? — Xvi-ri-đốp nói tiếp, khẽ hơn. — Tôi cũng có thể thả An-tôn Xa-vê-li-ép ra, nhưng lại cũng không biết như vậy có công bằng hay không? Vì vậy, cái công bằng nhất, tôi nghĩ, là tự cho một viên đạn vào thái dương mình.

Pô-li-pốp kinh hoàng đứng nhìn Xvi-ri-đốp, nhìn đôi mắt trống rỗng, khuôn mặt trắng bệch ra như tờ giấy và những ngón tay khô héo, co quắp đang bóp chặt khẩu súng ngắn. Và Pô-li-pốp thấy rất rõ ràng nhất định Xvi-ri-đốp sẽ tự sát, ngay bây giờ.

— Tôi còn một đứa con gái. Hình như anh đã gặp nó rồi

thì phải. Tên nó là Pô-li-na. Anh có biết nó không? — không hiểu sao Xvi-ri-đốp lại hỏi.

— Có, đã có lần gặp qua.

— Nếu như anh còn sống, nếu như khi nào có dịp... anh nói hộ với nó, rằng cha của nó đã lầm lạc, không tìm ra đường đi, lối thoát. Và nói chung, nếu... nếu sau này cuộc đời sẽ chứng minh rằng tôi đã đi ngược dòng, trời sáng rồi mà tôi vẫn toan đem đêm đã qua trở lại, thì... không sao cả, nghĩa là tất cả đều đúng. Còn nếu như... nếu như quả thật tôi đã chiến đấu cho lẽ phải, thì các anh cũng hiểu và tha lỗi cho tôi vì tôi đã không... đứng vững. Tôi đã cố gắng, nhưng tôi kiệt sức rồi. Các anh hãy hiểu cho rằng tôi rất chân thực với chính mình. Với chính bản thân mình, mỗi con người đều phải chân thực. Nhưng... tôi nói với anh tất cả những điều này để làm gì nhỉ?

«Mà quả thật, để làm gì nhỉ?» — Pô-li-pốp nghĩ thầm.

— Còn bây giờ anh đi đi! Cô-xô-rô-tốp sẽ thả anh.

...Tim đập mạnh, bụng vẫn chưa dám tin là mình được thả thật, Pô-li-pốp đi ra khỏi những cánh cửa bọc sắt của tòa nhà sở mật thám. Y nhìn quanh, ngay ngáy lo có người quen nào nhìn thấy y ở đây. Khi đã đi khỏi hàng rào cao chăng đầy dây thép gai, hắn nghe một tiếng súng, theo như y đoán, từ cánh cửa sổ mở toang của phòng Xvi-ri-đốp. Tiếng nổ nghe rất nhỏ, hiền lành, giống như có một người nào đó bẻ một cành cây khô ngay sát bên tai...

Ngay đêm hôm đó, theo lời khuyên của Xvi-ri-đốp, Pô-li-pốp không ghé vào đâu, và cũng chẳng gặp chào ai, biến khỏi thành phố.

* * *

An-tôn Xa-vê-li-ép bị đưa đi xử bắn vào đêm đầu tiên của tháng Bảy ẩm ướt và tối như bưng. Có lẽ chưa tới ba giờ sáng, nhưng đêm mùa hè ngắn ngủi, đằng đông, hướng mà người ta dẫn anh đi, những đám mây dày trải khắp bầu trời đã bắt đầu chuyển sang màu xanh hồng. Từ một nơi nào đó vọng lại những tiếng sấm xa.

Đi bên phải An-tôn là một người lính áp giải đã đứng

tuổi có hàng ria thưa vểnh ngược. Thỉnh thoảng, người lính lại dữ tợn quát giục An-tôn:

— Nhanh, nhanh... bước nhanh lên! Đã muộn lắm rồi, trời sắp sáng. Nào, đồ chết tiệt! — Và thúc cho anh một báng súng.

Trước đó mười lăm phút, trong sân nhà tù, khi khóa còng tay An-tôn, cũng người lính áp giải này đã nói khẽ vào tai anh:

— Còng bị cưa đôi rồi đấy. Chúng tôi sẽ dẫn anh qua một cái khe ngoằn ngoèo. Nghe tôi ho, anh hãy nhảy xuống. Dưới đấy có người đợi sẵn...

Trống ngực An-tôn đập rộn lên. Chẳng lẽ cả lần này anh cũng lại thoát khỏi tay thần chết?

Ra khỏi thành phố, con đường chạy qua một cánh rừng bạch dương thưa. An-tôn biết rằng qua hết cánh rừng bạch dương này, họ sẽ đến một khu rừng tạp rậm rạp, nơi bắt đầu của cái khe núi ngoằn ngoèo. Khe không sâu lắm, đáy khe mọc đầy các bụi cây nhỏ. «Có thoát được không? Ai đợi ở dưới đó? Chắc là Xu-bô-tin, còn ai nữa».

An-tôn cảm thấy rất hồi hộp. Chưa bao giờ anh lại hồi hộp như lần này, kể cả trong những tình huống căng thẳng, nguy hiểm nhất của vô số những lần vượt ngục mà anh đã trải qua.

Họ đi dọc theo bờ khe đã khá lâu. An-tôn căng tai chờ tiếng ho của người lính áp giải có bộ ria vểnh ngược, nhưng anh chỉ nghe cách đâu đây không xa một con chim đầu tiên của bình minh cất tiếng hót.

Mặc dù đã hết sức tập trung chờ đợi, anh vẫn bị bất ngờ khi nghe tín hiệu. Người lính có bộ ria vểnh ngược vẫn bước đi bên cạnh anh, hơi quay mặt sang bên và khẽ ho lên một tiếng. An-tôn vụt lấy vai hích mạnh, gạt ông.ta sang một bên, và chỉ hai bước đã ở trên bờ khe, anh nhảy bổ xuống phía dưới, lăn theo bờ dốc thoai thoải. Anh cảm thấy đôi tay anh được tự do, hai mẩu sắt đã bị cưa đôi vẫn còn đeo ở cổ tay, nhưng bây giờ chúng không có gì là đáng sợ nữa. Phía trên bờ khe vang lên tiếng la ó của bọn lính áp giải và tiếng súng nổ loạn xạ. Mặc dù bọn lính chỉ bắn hú họa — dưới đáy khe rất tối, không thể nhìn thấy gì, — An-tôn vẫn nghe xung quanh

mình tiếng đạn rít và cắm phầm phập vào đất.

— Nhanh lên! Lại đây! — một người nào đó khẽ gọi. Nghe giọng, An-tôn nhận ra bác Coóc-nây Ba-u-lin, thợ sắp chữ ở xưởng in thành phố. Bác kéo anh quật sang bên, chui vào một khe đất nhỏ, rồi tự mình nằm xuống bên cạnh, thở gấp. Tiếng chân người đã đuổi đến rất gần, và An-tôn nghe tiếng người lính có bộ ria vểnh ngược kêu to:

— Nó chạy đường này, thằng chết dấp! Đường này này, xuống phía dưới khe. Đấy, nó đấy! Đứng lại! Đồ...

Tiếng súng lại nổ loạn xạ, và tiếng chân người, tiếng cành cây gãy xa dần, xa dần.

— Chạy mau! — Bau-u-lin nhổm dậy, chạy ngược lên phía trên khe.

Trong lúc nhảy xuống khe, An-tôn bị trẹo chân, nhưng rất may là không đau lắm. Anh khập khiễng chạy theo Ba-u-lin.

Được khoảng năm chục xa-gien *, họ bèn leo từ dưới khe lên bờ. Trên bờ khe, chiếc xe ngựa cho thuê của Da-xu-khin đã đứng chờ trong một bụi cây rậm.

— Ngồi lên, — chủ chiếc xe ngựa kéo căng dây cương, nói. — Anh thay áo quần và cưa bỏ còng ở tay đi. — Da-xu-khin ném cho An-tôn chiếc giũa ba cạnh và gói quần áo, rồi quất ngựa chạy theo con đường rừng mọc đầy cỏ. Còn Ba-u-lin thoáng một cái đã biến mất vào rừng, dường như mấy phút trước đấy không hề có bác ở đây vậy.

Bầu trời dần dần hửng sáng, tiếng chim đua nhau hót. Bánh xe lăn trên cỏ mềm không một tiếng động.

Khi trời đã sáng rõ, họ đến bờ sông I-nhi, một con sông nhỏ, chảy ngang gần thành phố. Chiếc xe dừng lại trong đám rừng liễu mọc sát mép nước. Một thanh niên chừng hai mươi lăm tuổi, người cao ngổng, chạy đến cất tiếng chào.

— Đây là Đa-nhi-lô Cô-skin, con của người lính áp giải I-van, cái ông có bộ ria vểnh ấy, — Da-xu-khin nói với An-tôn. — Cậu ta sẽ chở anh sang bờ bên kia, còn sang bên đó... Cậu ta cũng đã biết là đi đâu rồi... Tốt nhất là hiện nay anh nên tránh xa thành phố đã. Xu-bô-tin có dặn như vậy. Đồng chí ấy gửi lời chào anh. Thôi, đi đi thôi, sáng bạch ra rồi.

* Xa-gien — đơn vị đo chiều dài của Nga bằng 2,134 mét.

—Cho tôi hỏi một câu, Va-xi-li Xtê-pa-nô-vích. Người nhà tôi—Li-da, I-u-ri, bà thím—ở ngoài đó ra sao? Thằng dự thẩm chó chết đã tự tử, nhưng trước đó hắn cũng đã thả ba người ra.

—Bà thím, An-tôn ạ, đã mất liền sau đó.—Da-xu-khin nói, giọng trầm xuống.—Tim không chịu nổi. Còn vợ anh, Li-da, nhờ trời, cũng không sao cả, đang khỏi dần. Con trai khỏe. Anh không phải lo, đã có người của ta lui tới chăm sóc. Về thằng Xvi-ri-đốp, tôi cũng có nghe. Cả chuyện ông chú của anh, ông Mi-tơ-rô-phan nữa. Còn Pô-li-pốp không biết ở đâu? Nghe nói hình như cũng sơ suất thế nào rơi vào tay Xvi-ri-đốp thì phải.

—Có lần tôi trông thấy trong phòng hỏi cung... Chỉ một lần. Chắc lại bị bắn rồi.

—Cũng có thể là như vậy,—Da-xu-khin sa sầm mặt lại.—Có những đêm chúng đem bắn hàng trăm người.

Ngồi trên thuyền, An-tôn thở căng lồng ngực, đưa mắt nhìn suốt dòng sông vắng vẻ. Đa-nhi-lô Cô-skin im lặng đập mái chèo xuống nước.

—Khi nào gặp bố, cho tôi có lời cám ơn nhé,—khi thuyền cập bờ, An-tôn nói.

Đa-nhi-lô lầu bầu trong miệng:

—Cho ông ta viên đạn thì có. Thế mới công bằng.

—Tại sao lại thế?—An-tôn ngạc nhiên hỏi.

—Tại vì... Anh cho rằng ông ta đồng ý giúp đỡ chúng ta đấy à? Còn lâu! Phải trả cho ông ấy một món tiền lớn đấy. Tham tiền lắm. Tôi cứ lo, biết đâu mình bị lừa. Nhưng không, ông làm đúng như đã thỏa thuận.

—À, ra thế đấy!

—Thế theo anh thì sao? Em với ông ta đã đoạn tuyệt với nhau từ lâu rồi.—Nghĩ một lúc, Đa-nhi-lô tiếp:—Về mặt ý thức tư tưởng.

3

Đại tá Du-bốp ra lệnh treo cổ Xi-lan-chi I-va-nô-vích Xa-vê-li-ép và vợ ông là U-xchi-nhi-a trên con đường chính

của Mi-khai-lốp-ca trước mặt toàn thể dân làng.

Ngày chủ nhật, 13 tháng Bảy năm 1919, sau bữa trưa, tất cả ông già, bà lão, trẻ em làng Mi-khai-lốp-ca bị lùa đến chỗ tập trung ở bãi trống cạnh cây dương cổ thụ giữa làng. Hai chiếc thòng lọng bằng dây thừng thấm nước treo lủng lẳng trên một cành lớn mọc ngang, chiếc ghế dài bằng gỗ mộc đặt tựa vào gốc cây. Khắp thôn tiếng la thét ồn ào, tiếng trẻ con kêu khóc om sòm. Những tên cướp của toán phỉ Cáp-ta-nốp — trước đây hắn là chủ cửa hiệu ở làng Mi-khai-lốp-ca, một người giàu có nhất vùng — thẳng tay lùa tất cả ra khỏi nhà, dồn đến chỗ hành hình. Cáp-ta-nốp và toán phỉ của hắn xuất hiện trong làng cùng một lúc với trung đoàn bạch vệ của đại tá Du-bốp.

Cách làng Mi-khai-lốp-ca chừng năm véc-xta, trên nền trời màu xanh nhạt rộng mênh mông, những mỏm đá hoa cương hùng vĩ của dãy núi Dve-nhi-gô-ra cháy rực rỡ dưới ánh nắng mặt trời. Mấy đám mây nhỏ, trắng muốt, vướng vào một mỏm đá và đậu ở đó rất lâu; chúng bồng bềnh, dường như đang quan sát những gì xảy ra trong làng. Rồi, sau khi để lại vài mẩu nhỏ trên mỏm đá nhọn, mây tiếp tục trôi về hướng thị trấn San-ta-ra — một làng lớn nằm trên bờ sông Grô-mô-tu-kha khá rộng, cách Dve-nhi-gô-ra không xa lắm.

Ông già Xi-lan-chi bị xử treo cổ vì tội đã chỉ đường giúp cho một đội du kích trốn vào những hang đá hẹp rất hiểm trở trong dãy núi Dve-nhi-gô-ra. Đội du kích này khá lớn, được thành lập cách đây một năm, do Pô-li-các-pơ Cru-gi-lin, cựu chủ tịch Ban chấp hành Xô-viết xã San-ta-ra chỉ huy. Đuổi riết theo toán phỉ cu-lắc do tên Mi-khai-in Lu-kích Cáp-ta-nốp cầm đầu vừa mới xuất hiện sau cuộc nổi loạn của bọn bạch vệ Tiệp Khắc, trên thực tế đội du kích đã kiểm soát được cả vùng tai-ga rộng lớn ở thượng lưu sông Grô-mô-tu-kha, ngăn cản không cho bọn địa chủ trở lại đòi ruộng đất và thu những thứ tô thuế mà mấy năm qua chúng bị mất, cản trở việc bắt lính vào quân đội của tên tướng Côn-tsắc. Và mùa xuân năm nay, ẩn mình trong các khu rừng Grô-mô-tu-kha, các đội viên du kích chia thành từng nhóm nhỏ bắt đầu xuất hiện trên các quãng đường sắt vắng vẻ ở phía nam San-ta-ra,

4—634

phá đường, tháo dỡ ray và mang đi, dùng mìn tự tạo làm nổ tung những chiếc cầu nhỏ. Trong các tháng Ba, Tư, Năm, việc liên lạc bằng đường sắt giữa Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ và Bác-na-un hầu như bị cắt đứt. Chính lúc đó, từ Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ, một trung đoàn lính kỵ-bộ binh chính quy do tên đại tá Du-bốp chỉ huy được phái đến với nhiệm vụ đặc biệt: bằng mọi cách phải tiêu diệt cho kỳ được đội du kích của Cru-gi-lin.

Đầu tháng Sáu, trung đoàn xuống tàu ở ga San-ta-ra và tiến qua làng Mi-khai-lốp-ca vào rừng tai-ga. Cáp-ta-nốp và toán phỉ của hắn, gồm chừng trăm tên cướp, liền tìm đến nhập bọn. Đến cuối tháng, Du-bốp và Cáp-ta-nốp đã đuổi được đội du kích bị đánh tả tơi ra khỏi rừng tai-ga, dồn họ đến một cánh đồng cỏ trống trải ở gần làng Mi-khai-lốp-ca. Trong đội vẫn còn chừng ba trăm người, nhưng đạn dược hầu như đã hết sạch. Tìm cách bỏ rơi bọn bạch vệ đang đuổi theo được vài tiếng đồng hồ, Cru-gi-lin dẫn toàn đội du kích vượt con sông Grô-mô-tu-kha ở quãng cạn cách làng Mi-khai-lốp-ca chừng ba véc-xta, dự định sẽ đi xuyên qua làng để sang hướng đông, đến vùng có mạch nước ngầm Ô-gơ-nhép-xki. Từ phía nam và phía bắc, Du-bốp và Cáp-ta-nốp theo sát gót. Phía tây là dãy Dve-nhi-gô-ra dựng đứng như một bức thành. Phía bên kia đèo Dve-nhi-gô-ra, theo báo cáo của đội trưởng trinh sát I-a-cốp A-lây-nhi-cốp, một con người cái gì cũng biết, có một đơn vị bạch vệ đang trú phòng. Bọn chúng tuy không đông lắm, nhưng được vũ trang rất tốt. Chỉ còn lại con đường dẫn đến mạch nước ngầm Ô-gơ-nhép-xki ở hướng đông, nhưng Cru-gi-lin không tin chắc rằng Du-bốp lại chưa cho lính đến mai phục trước ở đó để lấp nốt lỗ hổng cuối cùng này.

— Đồng chí I-a-cốp, cần phải điều tra con đường đi Ô-gơ-nhép-xki, — Cru-gi-lin nói và nhảy xuống ngựa cạnh một cái giếng giữa làng, múc một gầu nước đầy uống ừng ực.

— Tôi sẽ cho điều tra ngay, — A-lây-nhi-cốp, một thanh niên người không cao lắm, hơi gầy, đôi môi mỏng, trả lời. Anh ra lệnh cho một người du kích đã đứng tuổi có bộ râu hung hung đỏ: — Này, anh đi báo cho Phê-đô Xa-vê-li-ép

dẫn toàn đội kỵ binh đến gặp tôi ngay. Nhanh lên! — Nói xong, anh cũng về lấy gầu nước.

Những người dân làng tò mò và sợ sệt vây quanh Cru-gi-lin và A-lây-nhi-cốp.

Chừng hai chục du kích cưỡi ngựa phi nhanh đến bên giếng, vó ngựa tung bụi mù mịt. Từ trong đám đông vang lên những tiếng kêu ngạc nhiên:

— Trông kìa, Phê-đô! Con ông già Xi-lan-chi!

— Cha mẹ ơi, ai đứng bên cạnh Phê-đô ấy nhỉ? Đấy, người cưỡi con ngựa tía, mặc áo da ấy? Đàn bà mặc quần! Có phải An-na Cáp-ta-nô-va không?

— Chỉ nói liều! Con gái Cáp-ta-nốp vào du kích để làm gì?

— Đúng là An-na rồi! Xem kìa! Xem kìa!

— Ki-ri-an?! I-nhi-u-chin? — một bà già kêu lên. — Mày cũng đi du kích à?

— Ki-ri-an nào? Con trai lão hương trưởng ấy à?

— Đúng, hắn đấy!

— Lạy Chúa tôi! Sao mà loạn cả thế này! Lão hương trưởng một chân thì làm quản lý cho Cáp-ta-nốp. A-kim-máy xay nói rằng...

— Đây là cánh du kích nào thế này?

— Nghe A-kim nói, thằng con út của lão Xi-lan-chi, I-van Xa-vê-li-ép, cũng theo Cáp-ta-nốp.

— Thế đấy, thế đấy... Đúng là loạn!..

Trong lúc mọi người đang bàn tán, A-lây-nhi-cốp đã nhảy lên mình ngựa, vẫy tay, và cả đội kỵ binh tung bụi mù mịt, phi như bay ra khỏi làng. Chừng một giờ sau họ trở về, mất hai người bị bắn chết.

— Rơi vào ổ phục kích súng máy. Ở đầm Hạc. — I-a-cốp báo cáo vắn tắt. — Chúng không đuổi theo. Lũ khốn nạn, chúng biết bây giờ ta không còn lối thoát nào nữa.

Chính điều này đang làm cho Cru-gi-lin lo sợ. Đầm Hạc rộng hàng mấy ki-lô-mét. Con đường duy nhất thoát ra qua đầm lầy giờ đã bị cắt đứt. Đội du kích như rơi vào một cái túi.

Cru-gi-lin ngồi trên một chiếc ghế dài trong căn lều chật chội của Xi-lan-chi Xa-vê-li-ép, nghe A-lây-nhi-cốp báo cáo, đầu cúi thấp, im lặng rít thuốc.

Phê-đô, một thanh niên hai mươi bốn tuổi, ngực rộng,

khỏe mạnh, đôi mắt đen, hơi cau có, lấp lánh dưới cặp lông mày mọc khít liền vào nhau, nhảy từ lưng con ngựa đẫm mướt mồ hôi xuống sân. Theo thói quen, anh ném dây cương cho An-na, lau bộ ria mép ngắn đầy bụi, rồi bước vào nhà, kiếm khua loảng xoảng. Sau chiếc bàn gỗ, mấy người du kích đang ngồi húp một thứ gì đó trong những chiếc bát chiết yêu lớn. Bà mẹ U-xchi-nhi-a, già nua, khô đen như một chiếc lá còn sót lại từ năm ngoái, bước lảo đảo đến bên con:

—Phê-đô! Con...—Bà òa lên khóc.—Còn I-van thì sao? Nó ở đâu? Con có biết nó còn sống không?

—Nào... May chưa gặp con, nên nó còn sống đấy!—Phê-đô nói, giọng khô khốc.—Còn nếu gặp thì hết sống.

Và anh khẽ gỡ mẹ ra. Ông già Xi-lan-chi đầu tóc bạc phơ, ngồi trên chiếc ghế dài cạnh cửa ra vào, chỉ im lặng nhìn con, không nói.

Pan-crát Na-da-rốp—trước đây là chủ tịch Xô-viết làng Mi-khai-lốp-ca, còn bây giờ là chỉ huy phó của Cru-gi-lin—bước vào nhà. Ông đã ngoài bốn chục tuổi, đầu bạc quá nửa, dáng dấp của một nông dân, hơi vụng về, chậm chạp. Nửa năm trước ông bị thương nặng, viên đạn vẫn còn nằm ở trong ngực. Hai tuần lễ liền, máu từ miệng ông cứ ứa ra, không ai nghĩ rằng ông sẽ qua khỏi. Nhưng Na-da-rốp là người có một sức khỏe kỳ lạ. Máu ngừng chảy, và ông bắt đầu bình phục.

—Chắc anh đã nhổ cả viên đạn ra với máu chứ gì?—các đội viên du kích hỏi.

—Đâu, tôi nghe nó còn nằm trong ấy,—ông nói.—Nó nằm đâu trong phổi ấy, đồ dịch hạch! Cứ mỗi lần thở mạnh là lại nghe thấy nó... Nhưng không sao, có nó, người tôi càng nặng thêm một ít.

Ông là một người điềm đạm, chín chắn và công bằng, vì vậy dân làng Mi-khai-lốp-ca đã mấy lần bầu ông làm hương trưởng; và trong đội du kích, ông có một uy tín lớn, được mọi người kính trọng. Chiếc bao da với khẩu mô-de đeo trĩu thắt lưng hoàn toàn không hợp với ông, có vẻ như thừa. Nhìn Na-da-rốp, không ai có thể nghĩ là ông biết sử dụng vũ khí.

—Mọi người đã được ăn rồi,—ông báo cáo.—Tôi

vừa tính qua số đạn còn lại — chẳng được bao nhiêu. Thế nào, đành chịu chết sao?

Cru-gi-lin ngẩng mái đầu có vầng trán rất rộng lên, ánh mắt sắc như dao cứa của anh lướt qua Na-da-rốp, Phê-đô, rồi dừng lại ở Xi-lan-chi.

— Có chết thì cũng không phải với giá rẻ như vậy. Trên địa hình trống trải này, chúng ta không thể cầm cự được nửa giờ... Anh hãy dẫn mọi người vào dãy Dve-nhi-gô-ra, chúng ta sẽ ẩn vào trong các khe núi. Anh đi đi.

Na-da-rốp bước ra ngoài. Mấy người du kích ăn xong cũng vội vã ra theo. Qua những bức tường đã mục nát của căn nhà gỗ nghe vang lên tiếng ngựa hý khắp nơi trong làng, tiếng bánh xe chở thương binh gõ lộc cộc, tiếng người kêu và tiếng hô khẩu lệnh.

— Thế nào, ông Xi-lan-chi I-va-nô-vích? — Cru-gi-lin thở dài, hỏi, có lẽ không phải là lần đầu. — Có thể, ông chỉ giùm cho chúng tôi con đường vào thung lũng Xanh chứ? Ngoài ông ra chẳng còn ai nữa cả. Tôi đã hỏi vài ba người già rồi, nhưng họ đều từ chối. Họ sợ.

Ông già vuốt vuốt mấy sợi tóc lưa thưa trên đỉnh đầu và vẫn im lặng. Bà U-xchi-nhi-a lau đôi má đen đúa, đẫm nước mắt, rồi lại nấc lên:

— Nhưng bọn bạch vệ đến... chúng giết mất... Chúng đến... là giết liền...

— Nhưng nếu không thì chúng giết sạch cả đội... Mà trước hết là Phê-đô, con trai của bà, — Cru-gi-lin nói, giọng gay gắt.

— Thôi, bà im đi! — Cuối cùng ông Xi-lan-chi lên tiếng. — Không phải là tôi sợ chúng giết chết — nhờ trời, tôi cũng đã sống gần hết đời rồi. Chỉ có điều, liệu tôi có còn tìm ra được đường không? Đã gần năm chục năm nay tôi không đến thung lũng này. Nhưng, biết đâu Chúa sẽ phù hộ chúng ta. Nào đi, — và ông đứng dậy. — Các anh kiếm lấy dăm khúc gỗ dài, mươi tấm ván và đinh mang theo...

Thung lũng Xanh mà họ vừa nói đến nằm đâu đó giữa những khe đá của dãy Dve-nhi-gô-ra. Đây là một cánh đồng

bằng phẳng nằm trên núi cao, mọc đầy một loại cỏ xanh tốt, không bao giờ bị nhàu nát, bốn phía bao bọc bởi những vách đá dựng đứng phẳng lỳ, nhiều nơi phun ra những mạch nước ngầm lạnh buốt. Chỉ có một con đường núi hẹp độc nhất chạy theo vách đá dựng đứng bên những bờ vực sâu không đáy dẫn vào thung lũng. Con đường chỉ vừa một người đi giỏi lắm mới dắt thêm được một con ngựa.

Những người già sợ bọn trẻ ưa mạo hiểm đi vào thung lũng Xanh rồi mất tích ở đó, nên giữ rất kín bí mật của con đường này. Cru-gi-lin lớn lên ở làng Mi-khai-lốp-ca, từ nhỏ đã mấy lần cố đi tìm nơi bắt đầu của con đường núi bí mật đó, nhưng không có kết quả.

Dự định của Cru-gi-lin rất đơn giản. Trong những thung lũng đá trống trải, đội du kích thế nào cũng sẽ bị bọn bạch vệ nhanh chóng tiêu diệt. Nhưng nếu như tìm vào được thung lũng Xanh hiểm trở, với số đạn còn lại, họ có thể giữ vững con đường hẹp dẫn vào đó rất lâu; còn sau đó...

Nhưng «sau đó» sẽ ra sao thì Cru-gi-lin không thể biết trước được, và anh cũng cố không nghĩ về điều này.

Khi Cru-gi-lin, A-lây-nhi-cốp, Phê-đô và Xi-lan-chi xuống xe ở chân dãy Dve-nhi-gô-ra, mặt trời hãy còn khá cao. Ông già đứng nhìn quanh một lát, rồi chống nạng nặng nhọc leo lên dốc núi, miệng thở hổn hển. Được chừng dăm chục bước, ông dừng lại và nhìn quanh một lần nữa.

— Hình như ở đây thì phải. Các anh đi theo vệt đá lở này, nhớ mang theo ván, gỗ. Cách chừng bốn chục xa-gien vệt đá lở sẽ hết, ngay trên bờ vực. Vực này sâu kinh khủng, nhưng không rộng lắm, chỉ độ hai xa-gien. Phía bên kia vực là bắt đầu con đường. Các anh ném mấy cây gỗ sang, đem ván lót làm cầu, sẽ đi qua dễ dàng, cả ngựa nữa. Con đường sẽ dẫn các anh đến nơi, nếu như nó chưa bị lở trong mấy chục năm qua. Còn tôi trở lại đây, mệt lắm rồi... — Ông dừng lại và như chợt trông thấy con lần đầu tiên, ông ôm lấy Phê-đô. — Có lẽ vĩnh biệt con nhé, Chúa phù hộ cho con.

— Hay là đi với chúng tôi, ông Xi-lan-chi I-va-nô-vích? — Cru-gi-lin nói.

— Thôi, tôi thì còn đi đâu. Các anh nên nhanh nhanh lên.

Ông đi xuống núi, leo lên xe ngựa và trở về làng, đi ngược chiều với những người du kích đang kéo vào dãy Dve-nhi-gô-ra.

Đến chiều tối, sau khi bỏ lại những cỗ xe ngựa bây giờ trở nên vô dụng, những người còn lại của đội du kích Cru-gi-lin dắt ngựa, cõng thương binh đi hút vào trong núi.

Đại tá Du-bốp, một người cao gầy, đôi má căng tròn bao giờ cũng cạo nhẵn thín, đã nổi cơn điên khùng đến sùi bọt mép khi biết Cru-gi-lin thoát khỏi tay hắn. Có một kẻ nào đó trong làng đến báo với hắn về ông già Xi-lan-chi. Tức giận điên người, chiều hôm đó hắn phóng ngựa vào làng, nhảy xuống sân, ném dây cương cho Pi-ốt, con trai của hắn, một đứa bé chừng mươi — mười hai tuổi, hồng hộc chạy vào nhà Xa-vê-li-ép.

— Đồ súc sinh! — Hắn lấy roi ngựa quất ông già hai lần. Đôi má rắn căng của hắn rung lên như tảng thịt đông. — Bắt lấy nó! Nện đến chết cho tao, trước mặt tất cả dân làng!

— Xin ngài rủ lòng thương, — bà U-xchi-nhi-a sụp xuống dưới chân tên đại tá. — Họ bắt chồng con phải đưa đi, ai dám chối! Xin ngài rủ lòng thương! Con trai của chúng con, thằng I-van, đang theo hầu ngài mà. Thằng con I-van... Con lạy ngài.

— Câm! — Đỏ mặt tía tai, Du-bốp gầm lên. — Còn con trai nào nữa? Mày là đứa nào? Bắt lấy cả con mụ này!

Nhưng rồi cả Xi-lan-chi lẫn U-xchi-nhi-a đều không bị chúng đưa ra đánh. Hai người bị nhốt hơn một tuần lễ trong ngôi nhà kho được xây rất chắc chắn của Cáp-ta-nốp. Sau đó, Du-bốp ra lệnh đem họ đi treo cổ.

* * *

I-van Xa-vê-li-ép, một thanh niên người hơi gầy, nhưng khỏe mạnh, gân guốc như một con chó săn, là con trai út của ông già Xi-lan-chi. Vì sự phục vụ trung thành, I-van được Cáp-ta-nốp chọn làm người giám mã, đánh xe kiêm vệ sĩ cho hắn. Tất cả những nhiệm vụ của mình, I-van làm một cách nhẫn nhục và cố gắng, vì đã từ lâu, ngay từ trước năm

mười tám, Cáp-ta-nốp đã hứa gả An-na, con gái duy nhất của mình, cho gã.

Mùa xuân năm 1918, khi cuộc chém giết hỗn độn, đẫm máu này mới bắt đầu, An-na bỏ trốn khỏi làng và cùng với Phê-đô đi theo đội du kích của Cru-gi-lin.

—Đồ chó cái!—khi nghe tin này, Di-nô-vi, thằng con cả của Cáp-ta-nốp, mắt bị nhài quạt, chửi, con mắt lành của hắn long lên.—Và làm tình nó cũng như chó cái. Nó chạy theo thằng Phê-đô anh mày, như chạy theo chó đực. Và bây giờ...

Việc An-na theo Phê-đô thì I-van vẫn biết. Đã nhiều lần Cáp-ta-nốp tự tay đánh con gái mình, túm tóc lôi sềnh sệch, định làm cho cô không dám tìm gặp Phê-đô nữa. Nhưng vô hiệu. Và mặc dù Cáp-ta-nốp đã hứa gả con gái cho I-van, người làm công của mình, I-van vẫn nhận thấy và hiểu rằng hắn hãy còn đang chần chừ, do dự. Khi được tin An-na đi theo du kích, râu cằm của Cáp-ta-nốp dựng ngược lên, những tia máu đỏ đọc trong mắt hắn nổi phồng to thêm. Và hắn nói, giọng lạnh lùng đến ghê rợn:

—Cứ phục vụ cho tao đi, I-van ạ. Còn An-na, tao sẽ bắt được nó. Tao sẽ quẳng nó xuống dưới chân mày... Lúc đó mày muốn giày nó cho đến chết hay muốn tha nó, tùy mày. Tao hứa với mày đấy.

Nhưng đã một năm qua, Cáp-ta-nốp vẫn không thể nào bắt được An-na, con gái của mình. Nhưng, nếu như Cáp-ta-nốp bắt được An-na và quẳng xuống chân I-van thật, thì lúc đó mọi việc sẽ ra sao?—I-van càng ngày càng hay nghĩ về điều này một cách chẳng lấy gì làm vui lắm. Một người du kích của Cru-gi-lin bị bắt và bị I-van đem đi bắn theo lệnh của Cáp-ta-nốp, đã kể lại với gã rằng, trong đội kỵ binh của Phê-đô, An-na cũng tham gia trận mạc, đánh nhau như đàn ông; trong các trận đánh, ngay cả những trận ác liệt nhất, bao giờ cô cũng ở bên cạnh Phê-đô, giữ cho Phê-đô thoát khỏi những mũi gươm, hòn đạn.

—Còn ăn ở với nhau như đàn ông với đàn bà, như vợ chồng, thì không thấy. Không, không có như vậy. Điều này làm mọi người đều ngạc nhiên,—người du kích nói.—Nhưng tôi thì không, tôi biết. An-na là một người đàn bà hiếm có

bây giờ. Trước khi cưới nhau thì dù có giết, cô ta cũng không cho phép làm điều gì như vậy...

I-van thả người du kích. Gã làm một việc hết sức liều lĩnh và sau đó cứ nơm nớp lo sợ — nếu như Cáp-ta-nốp biết được, tự tay hắn sẽ bắn chết I-van ngay lập tức. Còn người du kích được tha, một nông dân có đôi chân vòng kiềng ở làng Ca-da-nhi-khi, mừng quá, bảo I-van:

— Hay là, anh đến với chúng tôi đi? Đến với Cru-gi-lin?

— Đi đâu, anh bạn... Tôi đã lầm lạc, rồi tung lên như gà rừng mắc bẫy. Anh tôi, Phê-đô, tự tay sẽ chém chết tôi ngay.

— Phê-đô thì sao? Ở trong đội chúng tôi, Cru-gi-lin là chỉ huy tất cả. Anh ấy là một người rất hiểu biết, sống có tình...

— Anh đi đi, không tôi cho một phát đạn bây giờ! — bỗng nhiên I-van giận dữ quát.

Sau ngày đó, I-van càng trở nên buồn bã, người phờ phạc, mặt đen sạm lại. Đêm gã không ngủ, cứ trăn trở, suy nghĩ: tại sao mình lại lầm lạc như thế này, ai là người có lỗi? Tại mình với cả mối tình đối với An-na? Hay là tại An-na, người đã chối từ tình cảm của mình? Hay là tại Cáp-ta-nốp, người đã hứa gả An-na cho mình? Hay là tai cái thời đại hỗn loạn, đẫm máu, rối tung lên này? Hay là tại tất cả, tất cả gộp lại?

I-van không thể trả lời được cho mình câu hỏi đó.

* * *

Nghe tin Du-bốp ra lệnh treo cổ cha và mẹ mình, I-van mặt tái xanh, người lảo đảo.

— Ôi, ông Mi-khai-in Lu-kích!

— Sao?! — Cáp-ta-nốp quát lên. — Bây giờ thì tao làm sao được? Ai bảo thằng quỷ già ấy chỉ đường vào cái thung lũng ấy làm gì? Bây giờ thì làm cách nào mà bắt được bọn du kích?

Du kích bây giờ thì quả là không làm cách nào mà bắt được. Con đường đá hẹp dẫn vào thung lũng bị một nhóm nhỏ du kích ngày đêm canh giữ. Theo lời kể lại, mấy người du kích nằm trên bãi đất hẹp sau một ụ đá, hễ thấy bóng tên lính bạch vệ nào xuất hiện, một người nào đó liền chậm rãi, cẩn

thận lấy đích và bóp cò. Tên bạch vệ chới với chân tay, bị hất ra khỏi bờ tường đá, rồi lao xuống vực thẳm. Và thế là hết.

— Nếu vậy... nếu vậy, tự tôi sẽ đến gặp đại tá, xin ông ta...

— Cứ đi đi, — Cáp-ta-nốp cười nhạt. — Biết tiếng Mi-khai-in Cô-xô-rô-tốp chứ? Ông ta sẽ vứt mày cho hắn ngay.

Trong đám phỉ Cáp-ta-nốp có những tin đồn đại ghê rợn về một tên Cô-xô-rô-tốp nào đó. Thấy thì chưa ai thấy, nhưng nghe nói ở trong đại đội trinh sát có một tay mặc thường phục, một chuyên viên tra tấn, có thể bắt bất cứ tù binh nào cũng phải khai. Người ta kể tỉ mỉ nhiều chuyện — không biết có thật hay là bịa, — nhưng nghe sởn cả gai ốc.

Sau khi đuổi đội du kích vào thung lũng Xanh và thấy rằng không thể nào bắt được họ, Du-bốp quyết định vây hãm cho họ chết đói. Hắn bố trí ở chân dãy Dve-nhi-gô-ra một tiểu đoàn lính, số còn lại cho đi nghỉ ngơi ở làng Mi-khai-lốp-ca. Còn hắn, để đề phòng bất trắc, mang theo một đại đội bộ binh và một đại đội kỵ binh, về nghỉ trong trại của Cáp-ta-nốp ở mạch nước ngầm Ô-gơ-nhép-xki.

Trại này nằm bên bờ một cái hồ sâu, nước trong suốt ở trong rừng tai-ga, cách làng Mi-khai-lốp-ca chừng hai chục véc-xta. Trong trại có một ngôi nhà lớn chia ra làm nhiều phòng, bên cạnh là nhà tắm, ba bốn nhà kho, nhà chứa củi, chuồng ngựa. Chính ở đây, nơi rừng sâu hoang vu, vắng vẻ này, trước đây Cáp-ta-nốp thường tổ chức những cuộc chè rượu truy hoan với bọn đàn bà. Còn bây giờ khắp trại im ắng, chỉ có tiếng hàm thiếc ngựa va leng keng trong các chuồng ngựa, và mấy tên lính cần vụ của tên đại tá lặng lẽ đi lại trong sân trại mọc đầy cỏ. Còn chính đại tá, vẻ mặt lầm lì, cau có, đã mấy ngày nay bơi thuyền đi câu cá với đứa con trai bé tí ở trên hồ.

Cáp-ta-nốp sợ đám quân của hắn say sưa la hét làm kinh động đến sự nghỉ ngơi yên tĩnh của tên đại tá, nên bắt tất cả bọn chúng phải ở lại làng Mi-khai-lốp-ca, chỉ mang theo I-van và Di-nô-vi vào trại.

Mặc dù đã bị Cáp-ta-nốp hăm dọa những điều khủng khiếp, sáng ngày 13 tháng Bảy, I-van vẫn tìm đến cửa phòng tên đại tá. Nghe trong ngực và sống lưng lạnh toát, gã lấy hết can đảm gõ hai lần vào cánh cửa; và đợi được trả lời, gã

lảo đảo bước qua bực cửa của căn phòng lớn nhất ngôi nhà.

Du-bốp đang ngồi ăn sáng cùng đứa con trai. Tên đại tá, trước đây cũng đã mấy lần trông thấy I-van, ngạc nhiên nhìn gã, mãi vẫn không hiểu được gã đến có việc gì. Và khi đã hiểu ra, mặt hắn bắt đầu đỏ rựng lên:

—À ra thế! Hắn, lão ấy... là cha mày hả?

—Dạ, thưa ngài!—I-van khẩn khoản.—Ông già... đã lẩm cẩm rồi ạ.

—Cu-út!—tên đại tá quát lớn, giật tung chiếc khăn ăn quàng trước cổ, vò nát trong tay.

I-van không nhớ gã làm thế nào để ra khỏi nhà và đến ngồi trên chiếc ghế dài đặt cạnh tường, hai tay ôm chặt lấy mái đầu như đang bốc lửa.

Một giờ sau, gã vẫn ngồi nguyên như thế. Du-bốp vác cần câu bước ra sân, gọi:

—Xa-vê-li-ép!

I-van bật đứng dậy.

—Anh đã phục vụ một cách trung thành—ta khen cho anh. Cha của anh sẽ... sẽ bị treo cổ. Con mẹ không có lỗi thì ta tha cho... Ta đã cho người đi báo rồi đấy.

Rồi hắn vác cần câu đi ra hồ. Còn I-van cứ đứng như một khúc gỗ bị chôn xuống đất, và tưởng như sẽ cứ đứng mãi như thế suốt đời.

* * *

Đám người bị lùa đến chỗ cây dương giữa làng xôn xao, lo lắng, đây đó tiếng đàn bà khóc, tiếng thì thầm trao đổi cố nén lại. Rồi tất cả bỗng lặng ngắt, đám đông đứng im bất động: bọn lính đang dẫn Xi-lan-chi và U-xchi-nhi-a đến.

Ông già bước đi rắn rỏi, đôi môi mím chặt cau có, mắt nhìn thẳng phía trước. U-xchi-nhi-a kéo lê bước chân đi tụt sau chồng một tí, mắt ngơ ngác nhìn quanh, dường như không hiểu đám đông kia tụ tập lại để làm gì. Khi chợt trông thấy đôi thòng lọng treo lủng lẳng trên cành cây, bà thét lên và ngồi bệt xuống con đường đất đầy bụi. Hai tên lính bạch vệ túm lấy tay bà kéo lê đến bên gốc cây.

Giữa đám người, cách gốc cây dương một quãng, I-a-cốp A-lây-nhi-cốp mặc bộ quần áo nông dân rách nát đứng cau có nhìn bọn lính đang loay hoay đặt chiếc ghế dài dưới gốc cây; bàn tay anh run run xoa bộ râu giả. Ba ngày đêm liền anh đã bò theo các bức tường đá bao quanh thung lũng Xanh, chân tay rách toác, tóe máu, để tìm một chỗ nào có thể leo xuống núi được. Cuối cùng, anh đã tìm được một chỗ tương đối thuận tiện. Đêm qua, lợi dụng sự che chở của bóng tối, anh nối những dây cương bằng da lại với nhau, rồi leo từ vách đá cao chừng năm chục xa-gien xuống. Sáng sớm, anh đã đến nhà của Pê-tơ-rô-van Gô-lốp-lép, một nông dân làng Mi-khai-lốp-ca trước đây đã nhiều lần giúp đỡ các trinh sát viên du kích.

Khi bọn lính bắt đầu xua dân làng ra chỗ hành hình, Gô-lốp-lép định giấu A-lây-nhi-cốp xuống hầm nhà; nhưng I-a-cốp, một con người vốn rất táo gan, liều lĩnh, nói:

—Để tôi đi xem một tý, cho thêm dữ tợn.

—Chúng nhận ra anh thì sao?

—Tôi không khai anh đâu, đừng lo.

Đám người bỗng nhiên giạt ra cho một người cưỡi ngựa phi vào. Tên cần vụ của Du-bốp vội vã nói một câu gì đó với một tên lính bạch vệ. Tên này liền đến cạnh U-xchi-nhi-a đang ngồi bệt dưới gốc cây, lấy chân đá thúc bà dậy và lặng lẽ đẩy vào đám đông.

—Được tha hay sao?—một người đàn bà bế con đứng bên cạnh A-lây-nhi-cốp hỏi.

—Chắc thế,—một người khác nói.—Có khi cả Xi-lan-chi...

Nhưng cũng tên lính bạch vệ đó đã lôi ông già Xi-lan-chi bắt đứng lên chiếc ghế dài. Rồi hắn nhảy lên ghế, đem thòng lọng tròng vào chiếc cổ gầy guộc, đầy những nếp nhăn của ông và nhảy xuống đất.

—Nào, lão già, vĩnh biệt mọi người đi chứ!—tên lính bạch vệ nói khẽ.

—Sao?—ông già hỏi lại.—A, ngay bây giờ...—Và ông cúi đầu xuống, ngẫm nghĩ. Rồi ông ngẩng lên nói:—Tôi... nhờ các người nói lại với thằng I-van, cha của nó đã chết như thế nào...

Đám người im lặng nghe như nuốt lấy từng lời. Đột nhiên tiếng ồn ào lại nổi lên.

Tên lính bạch vệ bỗng giật mình sợ hãi, vội đạp đổ chiếc ghế dưới chân ông già.

—Xi-lan-chi!—U-xchi-nhi-a thều thào tuyệt vọng kêu lên.—Ông ơi!

Tiếng kêu chìm trong tiếng rú khủng khiếp của đám người.

* * *

Mấy ngày sau, I-a-cốp A-lây-nhi-cốp trở về thung lũng Xanh lúc trời tờ mờ sáng. Phê-đô và Đa-nhi-lô Cô-skin—chính là anh con trai người lính áp giải ở nhà tù Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ đã có lần tuyên bố đoạn tuyệt với bố «về mặt ý thức tư tưởng»—trực ở trên vách đá kéo anh lên.

—Trên đời có đủ loại I-a-cốp, nhưng người như tớ thì thế giới chỉ có một,—I-a-cốp nói một cách đắc ý. Nhưng anh bỗng sa sầm mặt lại, tiếp:—Cha cậu bị chúng treo cổ rồi, Phê-đô ạ.

—Cha tôi?!—Phê-đô kêu lên, và như người bị giội nước sôi, anh ngồi gục xuống tảng đá đẫm sương đêm.

Sáng ra, I-a-cốp A-lây-nhi-cốp đề nghị một kế hoạch táo bạo và liều lĩnh:

—Lối ra vào thung lũng, chỉ có chừng một trung đội kỵ binh canh giữ. Trước đây ở dưới núi còn một tiểu đoàn lính nữa, nhưng sau chúng cho rằng chúng không làm gì được ta, nhưng ta cũng không thể thoát được ra khỏi đây, nên chúng phá chiếc cầu của ta bắc qua khe vực và rút gần hết về làng Mi-khai-lốp-ca. Hiện nay dưới chân núi chỉ còn lại đúng mười hai thằng, tôi đã đếm từng đứa. Chúng thay nhau hai thằng một gác, bọn còn lại ngủ lu bù. Ngựa chúng thả chăn ở bãi cỏ ngay bên cạnh. Cả trung đoàn và đám phỉ của Cáp-ta-nốp đóng ở làng Mi-khai-lốp-ca, còn thằng Du-bốp và Cáp-ta-nốp thì ở trại Ô-gơ-nhép-xki. Suốt ngày chỉ tắm hơi và câu cá. Tuy nhiên, ở đó còn có một đội kỵ binh và một đại đội lính bộ. Trên con đường qua đầm Hạc còn có một đội súng máy đóng đồn ngày đêm canh giữ. Nhưng đồn này thì có nghĩa lý gì?! Tôi và đội trinh sát đảm bảo sẽ diệt gọn chúng không

một tiếng động. Tóm lại, tôi đề nghị thế này: chọn chừng hai chục du kích, ban đêm dùng dây thừng leo theo vách đá xuống núi. Dùng gươm chém chết mười hai tên lính gác ngái ngủ, việc dễ như bỡn. Sau đó, đưa toàn đội xuống núi và tiến thẳng đến mạch nước ngầm Ô-gơ-nhép-xki. Chúng ta sẽ đến trại kịp trước lúc trời sáng. Mà cần phải kịp! Đội súng máy canh phòng của Du-bốp ta cũng lại chém gọn như trở bàn tay — và biến vào rừng tai-ga. Lúc đó thì tha hồ cho chúng tìm!

Bên cạnh túp lều của Cru-gi-lin, trên một bãi cỏ nhàu nát, năm người ngồi cạnh nhau: A-lây-nhi-cốp, Cru-gi-lin, chỉ huy phó Pan-crát Na-da-rốp, Coóc-nây Ba-u-lin, trước đây là thợ sắp chữ nhà in Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ và Va-xi-li Da-xu-khin, người đánh xe ngựa của thành phố. Sau lần tổ chức cuộc vượt ngục cho An-tôn Xa-vê-li-ép, để tránh bàn tay trả thù của bọn hiến binh bạch vệ, Ba-u-lin, Da-xu-khin và anh chàng cao kều Đa-nhi-lô Cô-skin, theo lời khuyên của Xu-bô-tin, đã trốn khỏi thành phố. Lang thang chán trong những khu rừng Grô-mô-tu-kha, một năm trước đây họ gia nhập đội du kích của Cru-gi-lin. Hiện nay Ba-u-lin, một người rất ít nói, hai bàn tay bị chì ăn mòn, giữ một chức vụ tương tự như tham mưu trưởng. Da-xu-khin lo việc hậu cần cho đội, còn Cô-skin thì ở trong đội kỵ binh của Phê-đô.

Mặt trời đã mọc, ánh nắng sớm nhuộm vàng các đỉnh núi đá. Trong lòng thung lũng ngổn ngang lều trại, không khí rất lạnh, như dưới đáy một cái giếng sâu; mỗi khi thở, từng đám hơi nước bốc ra từ miệng dày đặc. Sương móc không có, nhưng từ lòng thung lũng, một lớp sương mù bốc lên, liếm ướt các vách núi đá dựng đứng. Ngựa được thả chăn giữa những túp lều bạt. Một vài nơi, những người du kích vừa ngủ dậy đang nhóm lửa bằng các cành cây ẩm ướt.

I-a-cốp A-lây-nhi-cốp trình bày kế hoạch của mình một cách hào hứng và tự tin, dường như việc thực hiện nó dễ như bỡn. Nhưng mọi người đều hiểu rằng: nói thì dễ như vậy, nhưng thực hiện thì có thể khác hoàn toàn. Và giờ đây mọi người đều trầm ngâm, im lặng.

— Thế-ế đấy, — cuối cùng Coóc-nây Ba-u-lin, một con người bao giờ cũng thận trọng, lên tiếng, giọng kéo dài. — Kế hoạch của cậu rất khéo, I-a-cốp ạ. Giá như trong tay chúng

ta còn có cái gì để đánh nhau, thì kể cũng được đấy. Còn nếu một thằng lính nào đó trong trung đội canh dưới chân núi thoát được và tẩu ngựa chạy về Mi-khai-lốp-ca thì sao? Chúng báo động cả trung đoàn, còn ta thì vừa mới chui ra khỏi cái lỗ đá này. Cả đội sẽ bị chém nát như bún!

— Tất nhiên là mạo hiểm, — I-a-cốp đồng ý và nhún vai, dường như ngạc nhiên tại sao Ba-u-lin lại không hiểu điều này.

— Hoặc lỡ không diệt gọn được bọn lính trên đồn canh đường vào Ô-gơ-nhép-xki, — Na-da-rốp chêm vào. — Chúng sẽ báo hiệu về trại, đội kỵ binh sẽ kéo đến, và theo sau là đại đội bộ binh, chẹn ngang con đường qua đầm lầy. Phía sau cả trung đoàn ập đến. Lúc đó chẳng những thành bún, mà ta sẽ bị nghiền ra như cháo. Hoặc là cả đội sẽ chết chìm trong đầm lầy.

— Tôi đã nói rồi, trong chiến tranh thì bao giờ cũng phải mạo hiểm, — A-lây-nhi-cốp cau có trả lời. — Nào, cứ giả sử hai đại đội kỵ binh và bộ binh đóng ở trại ra kịp. Ta sẽ đánh tan bọn này, nhất định sẽ đánh tan! Bởi vì, trên quãng đường hẹp này chúng không thể nào triển khai đội hình được. Chúng ta còn chừng hai chục lựu đạn. Sau khi ném phủ đầu một loạt lựu đạn, ta sẽ chọc thủng tuyến, xông ra, mặc dù có thể phải mất khá nhiều người trong lúc phá vây. Cái chính là phải tóm gọn bọn dưới núi, không cho thằng nào thoát về báo động trung đoàn. Còn trong trường hợp xấu nhất, nếu để thoát mất dù một đứa, thì ta lại quay trở về thung lũng, chẳng sao cả. Nhưng cần phải thử một keo. Rất cần!

Cần phải thử một chuyến, điều này thì ai cũng hiểu là như vậy. Thương binh chết vì không có thuốc, đã phải chôn đến người thứ chín. Số lương khô ít ỏi mang theo từ Mi-khai-lốp-ca cũng đã gần hết. Hôm qua Cru-gi-lin đã ra lệnh giết hai con ngựa để lấy thịt. Với số bột mì ít ỏi còn lại, với số thịt đó, đội còn có thể trụ lại được hai tuần, hoặc cứ cho nhiều nhất là một tháng đi nữa, nhưng sau đó thì sao? Chết đói...

Mọi người bàn đi bàn lại suốt một giờ. Da-xu-khin đưa ra một phương án: trong vòng vài đêm, các toán sẽ leo xuống núi theo vách đá như A-lây-nhi-cốp đã làm, rồi từng người, từng hai người một tản ra theo các ngả rừng và sau đó tập hợp lại ở một chỗ quy định. Mọi người sau khi thảo luận

đã bác bỏ phương án này, vì chỉ cần một đội viên du kích nào đó rơi vào nanh vuốt của Du-bốp và không chịu nổi tra tấn (mà trong đội thì đủ các loại người) — và thế là hết, con đường thoát duy nhất sẽ bị cắt đứt, chỗ tập trung sẽ bị khám phá ra... Hơn nữa, trong đội thương binh rất nhiều, đưa họ đi bằng cách nào được?

Lại thêm một giờ nữa, phương án của A-lây-nhi-cốp được đưa ra thảo luận tại cuộc họp toàn đội và được thông qua.

* * *

Chiều đến, bầu trời trên thung lũng bị mây phủ kín như một chiếc vung úp. Thời tiết rất thuận lợi cho đội du kích. Dưới sự chỉ huy trực tiếp của A-lây-nhi-cốp, ngay từ chập tối, đúng hai mươi người đã dùng dây thừng và dây cương nối lại leo xuống các vách đá. A-lây-nhi-cốp xuống sau cùng. Gần một tiếng đồng hồ, anh dẫn mọi người đi theo một hẻm núi hoang vu, sau đó qua mấy cánh rừng cây mọc rậm rạp, và cuối cùng, họ đến ngay dưới chân núi Dve-nhi-gô-ra.

Trung đội bạch vệ canh giữ con đường xuống núi bị tiêu diệt gọn. Bọn lính đang ngủ bị chém chết hết, chỉ có hai tên trực canh kịp bắn hai phát súng trường, nhưng chúng liền bị A-lây-nhi-cốp giết chết: một tên bị anh dùng gươm chém đứt đôi người, một tên bỏ chạy, anh cho ăn một viên đạn súng ngắn. Ba tiếng nổ vang lên đanh gọn, tiếng vang dội vào vách đá.

Còn Pô-li-các-pơ Cru-gi-lin đã dẫn toàn đội theo con đường đá hẹp ra khỏi thung lũng.

Trong ánh sáng của đống lửa do hai tên bạch vệ trực canh đốt lên, các đội viên du kích vội vã bắc lại chiếc cầu qua vực, bốn người chạy đi bắt những con ngựa bị buộc chân đang thả chăn gần đấy.

— Gọn không, hả? Đấy, cả mười hai đứa, — I-a-cốp, vẫn còn bị kích động bởi trận đánh vừa rồi, nói với Cru-gi-lin khi anh nhảy qua vực theo thanh gỗ đầu tiên vừa bắc xong. — Anh tập hợp đội mau mau lên, còn tôi đi diệt nốt ổ súng máy trên đường đây. Chúng chỉ có năm đứa thôi.

— Cẩn thận đấy, I-a-cốp! — Cru-gi-lin lo lắng dặn.

— Được rồi. Tôi đã biết cách đến gần chộp bọn chúng. Anh cứ yên tâm dẫn đội đi.

Cùng với mười du kích, A-lây-nhi-cốp biến vào đêm tối.

Cho đến bây giờ, mọi việc đều yên ổn. Tiếng ngựa thở phì phì, tiếng vó nện lộp cộp trên mặt ván cầu vừa bắc qua vực, bóng người đi tới đi lui vội vã. Một phần số các xe ngựa của đội du kích bỏ lại dưới núi đã bị bọn bạch vệ mang di, một phần bị chúng phá làm củi. Bây giờ các đội viên du kích phải tìm nhặt những chiếc còn nguyên, thắng ngựa vào, đặt thương binh lên, rồi dàn đội hình kéo dài đến nửa cây số, tiến vào đêm tối như bưng.

Trong lòng Cru-gi-lin lo lắng không yên. Cả cái kế hoạch liều lĩnh này sẽ kết thúc ra sao? Họ đã quá mệt mỏi, thiếu vũ khí. Chỉ cần một tên bạch vệ ốm yếu nào đó đi lang thang trên đồng cỏ, trông thấy đội, và chạy về Mi-khai-lốp-ca báo động... Điều này trong kế hoạch của A-lây-nhi-cốp không được tính đến, nhưng rất có thể sẽ xảy ra. Và lúc đó...

Cru-gi-lin rùng mình, toàn thân ớn lạnh.

Đội du kích đã đi được hơn một giờ trong đêm tối giữa đồng cỏ trống trải, hoang vắng, sau đó bắt đầu những bãi rừng con. Cru-gi-lin hơi yên tâm được một chút, vì dù sao đây cũng là rừng. Sắp tới sẽ đến đầm Hạc, mà vẫn không thấy một tin tức gì của I-a-cốp cả. Tình hình ở đấy ra sao? A-lây-nhi-cốp có diệt được ổ súng máy không?

Từ trong bóng đêm, A-lây-nhi-cốp hiện ra đột ngột và không một tiếng động, dường như ngựa của anh không phải chạy trên mặt đất mà bay trong không khí.

— Ổn cả rồi! — anh kêu khẽ, và Cru-gi-lin thở ra nhẹ người. — Dễ như bắt gà đêm. Chỉ có điều là chúng tôi ướt hết cả. Phải bò trong lầy để đến gần chúng. Anh có gì cho tôi thay cái không?

— Thế còn súng máy của chúng đâu?

— Tôi báo là ổn rồi mà. Cả một hòm đạn đến mười lăm băng!

Như vậy có thể coi là đã thoát! Bây giờ nếu như cả trung đoàn bạch vệ có đuổi theo đội, thì họ cũng đã đủ sức để giữ chân chúng rất lâu trên con đường hẹp qua đầm lầy, đủ thời

gian để đội có thể đánh tan hai đại đội kỵ binh và bộ binh của tên Du-bốp ở trong trại và biến vào những khu rừng tai-ga rậm rạp ở ngay sau đầm Hạc.

* * *

«Cha bị chúng treo cổ rồi... Cha ơi!» — suốt cả ngày qua trong đầu Phê-đô cứ như có búa gõ không ngớt. Anh chui vào lều nằm cho đến tận chiều tối không hề nhúc nhích. Đã ba lần, sáng, trưa và chiều, An-na mang vào cho anh một thứ canh bột mì loãng, nhưng anh đều đẩy bát ra, rít qua kẽ răng:

— Đi đi!

Trong lúc lần theo bờ thành đá từ thung lũng Xanh ra, Phê-đô bước hụt chân, suýt nữa cả người lẫn ngựa lăn xuống vực. An-na đi sau thấy vậy thét lên kinh hoảng, nhưng Phê-đô lạnh lùng nói:

— Im! Tôi chết giờ còn quá sớm.

Và anh nghĩ thầm: «Đúng là còn quá sớm. Chỉ cần đến được trại Ô-gơ-nhép-xki! Thằng I-van có lẽ ở đó. Nếu thằng Cáp-ta-nốp ở đấy thì ắt hẳn thằng I-van cũng theo thằng kia... Tao sẽ hỏi chuyện mày, đồ súc sinh!»

Rồi từ đó cái ý nghĩ về thằng em trai I-van không chịu rời anh ra nữa.

Khi họ đến trại, trời đã gần sáng. Giá gặp hôm thời tiết sáng sủa, bầu trời đằng đông chắc đã ửng hồng lên; nhưng hôm nay nó bị phủ một lớp mây đen kịt, nặng nề. Nhưng ngày hay đêm, đối với Phê-đô giờ đều không quan trọng. Trại đây rồi. Thấp thoáng sau hàng cây một ngọn đèn chong đêm tù mù hắt ánh sáng ra ngoài cửa sổ. Những người du kích đã tuốt gươm ra, và Phê-đô cũng rút thanh gươm của mình ra khỏi vỏ, mở bao súng ngắn. Còn I-a-cốp A-lây-nhi-cốp vẫn cứ nói mãi về những nhà kho nào đó, nơi bọn lính đang ngủ, về tên đại tá Du-bốp mà mọi người không được để sống. An-na, vẫn như thường lệ, cưỡi con ngựa hồng thấp nhỏ, đi kèm bên cạnh anh, và vẫn như thường lệ, thì thầm dặn: «Hãy giữ gìn nhé, anh Phê-đô, anh nhớ cẩn thận đấy...» Nhưng anh cẩn thận, giữ gìn để làm gì? Anh thiết gì tên đại

tá Du-bốp? Anh chỉ cần gặp I-van, chỉ cần gặp thằng em ruột I-van! Cru-gi-lin và Na-da-rốp đâu? Sao mãi vẫn chưa phát lệnh?

Nhưng anh không trông thấy Cru-gi-lin hoặc Na-da-rốp, cũng không nghe được một hiệu lệnh nào cả. Phía bên sườn bỗng vang lên một tràng súng máy và tiếng lựu đạn nổ xé không khí. Ngọn đèn chong đêm trong ngôi nhà của Cáp-ta-nốp nhấp nháy rồi cháy sáng hơn. «Xung phong!» — tiếng I-a-cốp rít lên the thé, và Phê-đô cũng thét bằng một giọng như vậy, thúc ngựa lao vào trại.

— Theo tô-ô-ôi!

Rồi tất cả hòa thành một tiếng gào rú hỗn tạp kéo dài, một cơn bão lửa gầm thét. Một ngôi nhà nào đó cháy bùng lên như kho thuốc súng. Phê-đô thúc ngựa chạy như điên khắp sân trại sáng rực ánh lửa, vung tay chém xuống đầu những tên lính bạch vệ ngái ngủ, chưa kịp mặc quần áo, dường như cố ý chạy ra đón lưỡi gươm của anh. Trước mặt anh thấp thoáng những khuôn mặt quen thuộc bị méo mó đi vì căng thẳng của Đa-nhi-lô Cô-skin, Ki-ri-an I-nhi-u-chin và các chiến sĩ khác trong đội. An-na trong chiếc áo khoác bằng da vẫn bám sát bên cạnh anh, tay lăm lăm khẩu súng ngắn. Trong bất kỳ trận đánh nào An-na cũng luôn luôn đi bên anh như vậy với khẩu súng ngắn trong tay và đã hai lần cứu anh thoát khỏi cái chết tưởng như không sao tránh khỏi.

Bỗng nhiên Phê-đô cảm thấy không còn có An-na bên cạnh. Anh cố ghìm con ngựa đang hăng máu, ngoảnh lại nhìn: cách anh chừng năm chục thước, con ngựa của An-na bị trúng đạn nằm giãy giụa trên mặt đất, còn An-na đang cố sức rút chân ra khỏi bàn đạp. Đa-nhi-lô Cô-skin vội đến giúp cô, nhưng từ trong góc trại sau chuồng ngựa đang bốc cháy ngùn ngụt như đống nhựa thông, một tên bạch vệ đang vội vã quỳ xuống giương súng trường ngắm bắn hai người. «Nó bắn chết mất, nó bắn chết mất!» Phê-đô vội rút súng ngắn ra khỏi bao. Nhưng anh chưa kịp bóp cò, thì từ phía sau chuồng ngựa, từ trong những cột khói và lửa, A-lây-nhi-cốp bay vụt ra, lưỡi gươm của anh vung lên trong ánh lửa loáng như một tia chớp, tên lính bạch vệ buông khẩu súng, gục

đầu xuống đất và từ từ duỗi người ra như đặt mình nằm xuống ngủ. I-a-cốp quát to, giọng dữ tợn:

— Phê-đô, chú ý các cửa sổ. Du-bốp và Cáp-ta-nốp ở trong nhà, không được để thoát!

A-lây-nhi-cốp nói xong, nhảy xuống ngựa, lao lên thềm, lấy vai thúc vào cánh cửa khóa kín. Phê-đô quất ngựa nhảy lồng lên và một loáng sau anh đã ở phía bên kia của ngôi nhà. Các cửa sổ đều tối đen, chỉ một cửa có chiếc ghế dài chôn xuống đất ở phía dưới là có ánh đèn, trên tấm màn trắng che cửa thấp thoáng những bóng người. Bỗng nhiên Phê-đô cảm thấy như một trong những bóng người đó giống I-van. Tuy chỉ là «cảm thấy» thôi, nhưng chừng ấy cũng đã đủ. Không nghĩ gì đến nguy hiểm, anh nhảy từ mình ngựa xuống chiếc ghế dài, dùng vai hẩy tung cánh cửa sổ, giật tấm màn che xuống.

Và khi đã đứng trên bệ cửa sổ, nghe tiếng kính rơi loảng xoảng xung quanh, anh gầm lên đắc thắng: trước mặt anh, Cáp-ta-nốp đứng dựa lưng vào sát tường, trong tay cầm khẩu mao-de, trong góc là một người cao gầy, gươm tuốt trần, chiếc áo quân phục đại tá khoác vội lên vai, một thằng bé độ mươi — mười hai tuổi mặc quân phục sĩ quan may theo cỡ người, nhưng không có cầu vai, khiếp đảm nép bên cạnh. Và bên cánh cửa ra vào — I-van, thằng em ruột I-van! I-van cũng có vũ khí, bàn tay cầm khẩu súng ngắn buông thõng xuống, ngạc nhiên, luống cuống nhìn anh, đôi mắt to tròn chớp chớp...

* * *

Gần như suốt cả tháng Chín năm 1919, vùng thượng lưu sông Grô-mô-tu-kha bị mưa bão liên tục, những cây rừng vàng sớm bị gió vặt trụi lá. Nhưng rồi thời tiết trở nên ổn định, mặt trời tỏa ánh nắng lạnh lẽo xuyên qua lớp lá thưa thớt còn lại, cố hết sức hun khô mặt đất ẩm ướt.

Chim bắt đầu bay đi tìm chỗ trú đông. Từ sáng sớm cho đến tận chiều tối, vịt trời giăng hàng kêu ầm ĩ, từng bầy ngỗng trời qua mùa hè béo đẫy ra lười biếng lặng lẽ vẫy cánh, những đàn sếu nặng nề bay qua gửi những tiếng kêu não nuột xuống

khắp các xó xỉnh của rừng tai-ga.

I-van ngồi trên chiếc thùng gỗ trong một căn phòng chật chội, ngột ngạt, nghe tiếng kêu rầu rĩ của đàn sếu lọt vào đây qua hai lần cửa, đầu gục xuống, im lặng. Và An-na, ngồi nép mình trong góc, như một con thú nhỏ, chân co lại trên giường, cũng im lặng. Ngoài cửa sổ căn phòng, thấp thoáng bóng tên lính canh. Khi thì hắn đi đi lại lại, khi thì ngồi lên một gốc cây để hút thuốc, luôn miệng nhổ nước bọt xuống đất.

Trên khuôn mặt xanh xao, ốm yếu của An-na không còn một tí biểu hiện nào của sức sống. Thay vào đôi mắt xám là hai hố tro cháy tàn, lạnh lẽo. Chỉ có hai đồng tử đen là chưa cháy lụi, vẫn còn bốc lửa và thiêu đốt I-van một cách đau đớn.

—Đừng nhìn anh như thế, An-na!—I-van năn nỉ, đầu càng cúi xuống thấp thêm.

—Thế tôi phải nhìn anh như thế nào?—An-na mấp máy đôi môi khô, vẻ kinh tởm.

I-van lắc đầu, rên rỉ:

—Em đã làm tan nát cả cuộc đời anh! Em đã giẫm bẹp nó như miếng cà chua dưới gót giày!

—Này, khéo ngất xỉu rồi không chữa được đâu đấy!

—An-na, chúng ta tổ chức cưới đi!—I-van kêu lên, giọng khẩn khoản van xin. Anh đứng dậy.—Chúng ta sẽ sống cùng nhau. Anh sẽ giữ gìn em, đến gió anh cũng không để cho động đến người em.

—Không đâu... Tốt hơn là anh cho tôi vào dây thòng lọng, như cha anh...

—An-na!

—Thì anh thử cố hết sức cầu xin tình yêu của tôi đi xem.—An-na nói, giọng giễu cợt.—Ai biết đâu đấy, lại xin được!

Những cuộc nói chuyện như vậy không phải chỉ mới có một lần. I-van bước ra khỏi phòng, đến ngồi bên bức tường trong ánh nắng vàng nhạt. Những tiếng kêu của đàn sếu bay qua ở ngoài sân nghe rõ hơn, to hơn, và dường như vì vậy càng não nuột buồn bã hơn.

Xóm nhỏ Dát-cô-va Ban-ca, nơi toán phỉ của Cáp-ta-nốp đã hai tuần nay ẩn náu trốn đội du kích, nằm trên một triền

núi, những ngôi nhà xiêu vẹo chen nhau lộn xộn, không theo một trật tự nào hết; và không hiểu sao chúng vẫn còn đứng vững được trên sườn dốc. Có cảm tưởng như chỉ cần gió thổi hơi mạnh một tý là tất cả những ngôi nhà đó như những vỏ hộp rỗng sẽ lăn xuống khe núi Dát-cô-va Ban-ca cắt đôi rừng tai-ga ở phía dưới.

Phía đầu dốc, ngay trên đỉnh đèo, bốn người cưỡi ngựa xuất hiện. Đó là Cáp-ta-nốp, gã con trai mắt bị nhài quạt của hắn, Di-nô-vi, cựu hương trưởng làng Mi-khai-lốp-ca Đê-mi-an I-nhi-u-chin và chính tên Cô-xô-rô-tốp bí ẩn mà về hắn người ta đã đồn đại bao nhiêu là chuyện kinh khủng.

Chiều tối hôm qua, có một gã nông dân từ làng Páс-phê-nô-vô phi ngựa tới báo tin đội du kích đã kéo đến bên đó.

—Chúng lại đánh hơi thấy rồi, lũ chó đẻ!—Cáp-ta-nốp chửi đổng, và không giao cho ai cả, tự mình mang theo những tên tin cẩn nhất đêm hôm đó đi điều tra xem có bao nhiêu du kích ở làng Pác-phê-nô-vô.

I-van cũng là một trong những người tin cẩn nhất của Cáp-ta-nốp, nhưng hắn để anh ở lại với An-na. Mười ngày trước đây, An-na bị tên cai ngục cũ Cô-xô-rô-tốp bắt về.

—Cho mày ở lại vừa làm người gác vừa làm chú rể,—Cáp-ta-nốp cười nhạt.—Đến sáng mai mày phải thành chồng của nó.

Cáp-ta-nốp phi ngựa đến ngôi nhà I-van đang ngồi, nhìn anh bằng đôi mắt đỏ ngầu qua một đêm không ngủ, cất tiếng hỏi:

—Thế nào? Có thể gọi mày là con rể được chưa?

—An-na không đồng ý.

—Tao đã cho phép mày rồi kia mà? Phải dùng sức mà chiếm lấy nó, cái đồ chó cái đỏ ấy...

—Tôi không thể làm như thế được. Không thể...—I-van lắc đầu.

—Đồ nhãi ranh!—Những sợi râu hung hung đỏ của Cáp-ta-nốp bết lại thành từng túm rung rung.—Mặc xác mày, nhưng đừng có kêu nữa đấy. Tao đã làm đúng lời hứa với mày.

Cáp-ta-nốp, Di-nô-vi và Cô-xô-rô-tốp bỏ vào nhà. Đê-mi-an I-nhi-u-chin khéo léo hất chiếc chân giả bằng gỗ đính

vào đầu gối bên trái qua lưng ngựa, tụt xuống đất, khập khiễng, lạch bạch như vịt què, dắt mấy con ngựa vào mái che. Khi trở ra, hắn lên tiếng:

— Tao thấy mày từ lâu có vẻ đáng nghi lắm. Trong đầu mày đang có một xoáy nước ngầm. Nó sẽ cuốn mày đi đến đâu, hả? Giá như ông Mi-khai-in Lu-kích nghĩ đến điều này!

Hắn ngừng lại một lúc như chờ đợi cái gì, rồi nói tiếp:

— Nhưng mày phải biết, đừng có hòng mà thoát khỏi tay tao và Mi-khai-in Cô-xô-rô-tốp!

— Ma-a-ày! — I-van gầm lên, nhảy chồm dậy, giật nửa thanh gươm ra khỏi vỏ...

...Trong đầu anh xoáy nước đã bắt đầu. Cái điều đã xảy ra với anh có thể gọi bằng một từ khác, nhưng nó đã xảy ra. I-van Xa-vê-li-ép cảm thấy điều đó từ lâu...

Lần đầu tiên, anh nói lên điều này với người du kích của Cru-gi-lin bị bắt làm tù binh mà anh đưa đi bắn, nhưng lại thả ra. Người du kích chạy biến vào rừng, còn I-van bắn chỉ thiên chiếu lệ để Cáp-ta-nốp nghe thấy tiếng súng. Rồi anh ngồi trên một gốc cây, suy nghĩ rất lâu: tại sao lại như vậy, tại sao đến người nông dân gầy gò kia cũng đi du kích, anh ruột Phê-đô cũng ở trong đội của Cru-gi-lin, và cả An-na, thậm chí cả Ki-ri-an, thằng con trai của gã hương trưởng cụt chân Đê-mi-an I-nhi-u-chin, cũng vậy? Đáng lẽ ra hai người, An-na và Ki-ri-an, phải đi theo Cáp-ta-nốp, còn anh, I-van, ở trong đội của Cru-gi-lin mới phải. Đằng này tất cả đều rối tung, tất cả đều đảo ngược... «Và mình đánh nhau vì cái gì ở đây? Mình giúp thằng Cáp-ta-nốp giữ của cải của nó. Nhưng cứ cho rằng giữ được đi nữa thì mình được cái gì cơ chứ? Lại đi chăn ngựa cho nó à? An-na thì trước sau gì rồi cũng đi với Phê-đô. Và hơn nữa, bây giờ đã rõ rành rành là Cáp-ta-nốp, cũng như bất kỳ một thằng nào khác, không còn có thể làm thế nào để giữ được của cải của mình nữa. Chẳng còn bao lâu hắn sẽ bị đánh tan, tất cả sẽ bị bắn sạch. Và mình cũng chịu chung cái chết. Nhưng chết vì cái gì mới được chứ?»

Liền ngay đó trung đoàn của Du-bốp được điều động đến để tiêu diệt Cru-gi-lin. Bắt đầu những trận đánh ác liệt, những cuộc vây đuổi liên miên kéo dài theo những người du kích

cứ tuột đi như chạch. I-van không còn thời gian để suy nghĩ nữa. Rồi sau đó... sau đó xảy ra những việc mà cho đến bây giờ I-van vẫn chưa hết choáng váng: cha anh bị treo cổ và cuộc tập kích bất ngờ và khủng khiếp vào trại Ô-gơ-nhép-xki của những người du kích — không biết bằng cách nào mà họ ra được khỏi thung lũng Xanh, chẳng lẽ lại bay trong không khí?..

...Khi tiếng súng máy bắt đầu nổ ở ngoài trại, I-van đang nằm ngủ trên sàn nhà cạnh Cáp-ta-nốp, liền bật dậy và vặn to ngọn đèn chong đêm tù mù, mặc dù đáng ra là phải tắt hẳn đi.

— Cái gì? Ai?! — Cáp-ta-nốp quát hỏi.

Từ phòng bên cạnh, Du-bốp mặc độc một chiếc quần ngủ, cũng chạy ra, thét:

— Cái gì? Cái gì thế?

Còn ngoài sân, phía ngoài cửa sổ, tiếng súng trường đã nổ loạn xạ, tiếng la hét, tiếng vó ngựa rầm rập.

Không nói thêm lời nào nữa, cả ba đã hiểu cái gì đang xảy ra, cuống cuồng chộp lấy áo quần khoác vội lên người. Du-bốp biến vào phòng của mình, một phút sau đẩy thằng con đang ngái ngủ ra trước, rồi cũng chạy ra, chiếc áo sĩ quan còn chưa kịp cài cúc.

— Tại sao lại như thế này? — Du-bốp thét hỏi, dường như có một người nào đó có thể nhưng lại không muốn giải thích cho hắn về sự việc đang xảy ra.

Bỗng cánh cửa sổ bật tung, tiếng kính vỡ loảng xoảng; trên khung cửa đen ngòm Phê-đô hiện ra, đôi mắt long lên, sáng quắc.

I-van đã rút súng ra từ lâu, nhưng trông thấy Phê-đô, đôi tay anh tự nhiên buông thõng xuống. Ngược lại, Cáp-ta-nốp đứng ở góc tường vụt đưa súng lên, nhưng Du-bốp đột ngột túm chặt lấy tay hắn, thét:

— Điên à?! Không được bắn! Không được bắn! — Và quay lại Phê-đô lúc đó đã nhảy xuống sàn: — Tôi xin đầu hàng. Đây là Pi-ốt, đứa con trai duy nhất của tôi, — hắn khẽ đẩy đứa bé đến trước mặt Phê-đô: — Tôi hy vọng rằng anh sẽ tha cho thằng bé.

Ngay trong tích tắc đó, trên khung cửa sổ đen ngòm lại hiện ra một bóng người mới. — «An-na!» — I-van choáng

váng như phải bỏng.

Nhưng An-na không kịp nhảy xuống sàn. Ở bên cạnh, Cáp-ta-nốp thét lên một tiếng khàn khàn, và, không ngắm đích, bắn một phát vào con gái. An-na lặng lẽ ngồi gục xuống, rồi lăn nghiêng ra sàn.

— An-na!

Không, đấy không phải là I-van kêu, mà nói chung, cũng không có ai kêu lên cả. Đó chỉ là một thứ tiếng gì âm âm ở trong đầu I-van, mỗi lúc một lớn thêm, và như cánh cửa kính vừa rơi xuống, nó cũng nổ tung, mảnh văng đi kêu loảng xoảng.

Rồi I-van không còn nghe thấy gì nữa, đầu óc trở nên rối loạn. Như trong một giấc mơ, không còn hiểu được việc gì đang xảy ra, anh thấy cánh cửa ở bên cạnh mình bật mở, và một thanh niên người không cao lắm, chiếc mũ da lật ngược ra sau gáy, chạy xộc vào. I-a-cốp A-lây-nhi-cốp!

— A-a, đại tá Du-bốp! — chắc hẳn anh phải thét to lắm, nhưng I-van chỉ nghe vọng đến rất khẽ. I-a-cốp vung gươm.

Nhưng Du-bốp đã nhảy lùi lại, đồng thời gạt đỡ cú đánh. Thanh gươm của A-lây-nhi-cốp bật ra khỏi tay, vẽ thành một vòng cung trong không khí. A-lây-nhi-cốp nhảy lùi lại cuối bàn, tay rút súng ngắn từ trong bao ra. Nhưng anh không kịp. Du-bốp đã cúi gập người trên bàn chém với mũi gươm tới anh. A-lây-nhi-cốp ôm mặt ngã sấp xuống sàn.

Trong lúc sự việc đang diễn ra, I-van nghe có người nào đó kéo tay và một giọng nói khàn khàn vang bên tai: «Theo tao, mau!». Anh thấy Cáp-ta-nốp luồn qua cửa ra ngoài, nhưng anh không chạy theo hắn. Tại sao không chạy — anh cũng không biết nữa, mặc dù hình như Phê-đô đang bắn vào anh. Ừ, đúng rồi, Phê-đô đang bắn, một phát vào anh và một phát vào tên đại tá Du-bốp đang chạy quanh trong phòng. Tiếng đạn cắm vào tường sát ngay bên cạnh, nhưng I-van vẫn không nhúc nhích. Cuối cùng, Phê-đô đã bắn trúng Du-bốp, tên này gập cong người, sững lại. Nhưng hắn không ngã xuống, mà từ từ đứng thẳng lên. Phê-đô định bắn thêm phát nữa, nhưng đầu kim hỏa chỉ gõ một tiếng khô khốc — băng hết đạn. Phê-đô liền nhảy đến bên tên đại tá như một con thú dữ, vung gươm chém. Hắn đổ nhào xuống bên cạnh

A-lây-nhi-cốp. Đứa con trai của Du-bốp rúm người trong góc tối thét lên một tiếng chói tai rồi im bặt.

— Sao mày không bắn đi, đồ phản đạo! Bắn đi...

Phê-đô thở hổn hển nói, và I-van ngạc nhiên nhận thấy nòng súng của mình chĩa thẳng vào trán ướt đẫm mồ hôi của Phê-đô.

— Anh vẫn là anh của tôi, tôi không bắn, — I-van nói.

I-van nói thật lòng. Dù cho Phê-đô có vung gươm nhảy bổ vào anh, có lẽ anh cũng sẽ không nổ súng. Anh chỉ nghe trong đầu như búa gõ: «An-na, An-na, An-na». Và giữa những tiếng vang nhức nhối đó, một ý nghĩ chợt hiện ra, rõ mồn một: nếu như An-na không còn nữa, thì mình sống để làm gì? Cứ để cho anh ấy chém chết đi. Thế có khi lại tốt hơn, rằng không phải ai khác, mà chính là anh Phê-đô... Anh ấy sẽ vung gươm lên — và tất cả sẽ kết thúc. Tất cả, tất cả... Thế cũng tốt... Nhưng mình lại chĩa súng vào anh để làm gì? Để làm gì?

Trong lúc đó Phê-đô, lưng vẫn tựa vào tường, nhích lần lại góc phòng, nơi đứa con của Du-bốp đứng, người co rúm lại... À, ra anh ấy, — I-van chợt tỉnh lại «Anh ấy định chém chết thằng bé!» I-van thét to:

— Không được động đến thằng bé! Nó không có tội gì cả!

— À-à, đồ rắn độc! — Phê-đô rít lên. — Mày là đồ rắn độc và đi lo cho lũ rắn con à? Giá mày đi thương lấy cha ruột của mày có phải tốt hơn không! Mày nên nhớ chúng đã treo cổ...

Và Phê-đô xông đến bên đứa bé. I-van cũng nhảy băng tới, và khi Phê-đô vung gươm bổ vút xuống, anh theo đà xô mạnh vào vai Phê-đô. Bị đẩy mạnh, Phê-đô không đứng vững, ngã xuống sàn nhà, lăn đi mấy vòng. Thằng bé thét lên một tiếng chói tai, hai tay ôm lấy mặt, máu chảy túa ra, lăn lộn bên cạnh xác cha nằm bất động. Và lúc đó I-van mới nổ súng, nhưng không phải vào Phê-đô, mà vào chiếc đèn treo trên tường. Nhưng trong phòng vẫn không tối lại, vì ngay trên mái nhà sát cửa sổ, lửa bốc sáng rực. Chân giẫm phải A-lây-nhi-cốp nằm trên sàn nhà (A-lây-nhi-cốp bỗng cất tiếng rên, và I-van nghĩ thầm: «Còn sống!»), I-van bế xốc lấy thằng bé và chạy vụt ra khỏi nhà.

Sân trại không một bóng người và sáng rực trong ánh lửa của chuồng ngựa đang bốc cháy ngùn ngụt. Ngọn lửa nhảy múa điên cuồng trên nền trời đen kịt, những dải lửa vút lên cao rồi tan ra như bay hút vào khoảng không tối mịt mùng. Bên ngoài trại, ở một nơi nào đó trong rừng sâu, vang lên mấy tiếng súng đì đùng.

Chạy qua sân, I-van vẫn đợi viên đạn của Phê-đô bắn đuổi vào lưng. Nhưng không có ai đuổi theo anh cả. Bên bờ hồ có mấy chiếc thuyền với mái chèo. I-van ném Pi-ốt Du-bốp vào một thuyền và đẩy ra khỏi bờ. Đút khẩu súng ngắn vào bao, vung mái chèo khuấy động những vệt sáng phản chiếu đám cháy trên mặt nước hồ đen thẫm, anh vội vã bơi thuyền sang bờ bên kia, lẫn vào bóng tối...

...—Ma-a-ày!—I-van gầm lên, nhảy chồm dậy, giật nửa thanh gươm ra khỏi vỏ.

—Thằng ngu,—I-nhi-u-chin thản nhiên nói và bỏ đi, chiếc chân gỗ chọc những lỗ sâu lên mặt đất.

I-van lại ngồi xuống. Đúng, mình là thằng ngu. Tại sao đêm hôm nọ mình không để cho Phê-đô chém chết, hoặc ít ra cũng đầu hàng làm tù binh? Tại sao lại bỏ chạy mà không phải một mình, còn kèm thêm cả thằng bé ấy nữa, thằng con trai của kẻ đã ra lệnh treo cổ cha mình? Phía bên kia hồ cũng có một chiếc thuyền, và I-van hiểu ngay: Cáp-ta-nốp đã chạy trốn bằng chiếc thuyền đó. Quả vậy, Cáp-ta-nốp từ trong bụi cây đi ra, mừng rỡ gọi:

—I-van đấy à? Khá lắm! Chúng ta bị một cú đau quá! Không hiểu làm sao mà lũ chó chết ấy lại chui được ra khỏi hang đá kia chứ?!

Một bên má của Pi-ốt Du-bốp bị chém toác, thằng bé rên rỉ như chó con. Cáp-ta-nốp xé áo trong của mình băng mặt cho thằng bé rồi nói, giọng trầm xuống:

—Tội nghiệp, con chim nhỏ giờ trở nên hoàn toàn côi cút. Đại tá kể rằng mới lên ba, nó đã không còn mẹ. Đưa nó đi đâu bây giờ? Hay gửi nó đến cho Lu-kê-ri-a? Cho nó sống với thằng Ma-ca nhà ta, có thể, chúng sẽ trở thành bạn thân cũng nên.

Cáp-ta-nốp đem giấu Ma-ca, đứa con trai út lên sáu của mình ở một trại nào đó tận trong rừng tai-ga hẻo lánh, giao

cho Lu-kê-ri-a Ca-sca-rô-va, một người đàn bà tháo vát và dâm đãng ở làng Mi-khai-lốp-ca, nuôi nấng, chăm sóc.

—Đúng rồi, ta sẽ gửi nó cho Lu-kê-ri-a nuôi,—Cáp-ta-nốp nhắc lại.—Còn bây giờ, I-van ạ, ta phải tẩu sâu vào rừng để tránh xa tai họa cái đã. Không trời cũng sắp sáng rồi. Chẳng lẽ bọn du kích thịt hết cả trung đoàn và cả người của ta ở Mi-khai-lốp-ca à? Bằng cách nào và bằng gì? Không thể thế được! Tuy vậy, ta cũng phải dò xem. Cẩn tắc vô ưu.

—Còn An-na, sao ông lại bắn An-na?—bất giác I-van buột miệng thốt lên.

—Thôi!—Cáp-ta-nốp lạnh nhạt quát lên.—Không có nó mày cũng chẳng chết đâu. Đồ chó cái ấy một viên đạn chưa đủ, nó thì phải băm xác ra từng mảnh.—Nói xong, Cáp-ta-nốp bước đi vào rừng.

Ánh bình minh muộn màng cũng đã loang khắp rừng tai-ga.

Nhìn cái lưng gù của Cáp-ta-nốp lắc lư đi phía trước, I-van cảm thấy muốn rút phắt khẩu súng ngắn ra khỏi bao và lần lượt cắm cả băng đạn vào cái thân xác to lớn và đáng ghét của hắn. Và bây giờ I-van không hiểu tại sao mình lại không đủ can đảm—thời cơ thuận tiện đến là thế! «Mà nói chung, những thời cơ như vậy thì thiếu gì?—I-van cười nhạt.—Có như thế mình mới là thằng ngu, như I-nhi-u-chin gọi».

Hôm đó, khi trời đã sáng hẳn, I-van và Cáp-ta-nốp đi ra con đường rừng tai-ga còn mới tinh vết chân giày, vết móng ngựa và vết bánh xe. Hai người hiểu ngay rằng đội du kích của Cru-gi-lin vừa mới qua đây để đi về hướng đông, vào những khu rừng phía bên kia mạch nước ngầm Ô-gơ-nhép-xki.

Hai tuần lễ sau, đội du kích quay trở lại sau khi được nghỉ ngơi và trang bị đầy đủ.

Trung đoàn của Du-bốp, sau khi mất chỉ huy, đã bị gọi đi nơi khác. Bây giờ vai trò đã đảo ngược, bây giờ đội du kích của Cru-gi-lin lại đuổi theo sát gót đám phỉ của Cáp-ta-nốp, dồn chúng lên phía thượng nguồn của con sông Grô-mô-tu-kha. Và nay Cáp-ta-nốp đang phải ẩn ở xóm Dát-cô-va Ban-ca nhỏ bé này.

I-van, vẫn như trước, làm cần vụ và vệ sĩ cho Cáp-ta-nốp. Anh càng ngày càng hốc hác, mắt trũng sâu, trở nên cau có, lầm lì.

—Thôi, mày đừng héo hon đi nữa! —Cáp-ta-nốp bảo I-van, khi họ đã đến Dát-cô-va Ban-ca.—Nó, con An-na của mày ấy, còn sống dai hơn cả mèo hoang nữa đấy.

—Sao?—I-van không hiểu.

—Nó còn sống... Đáng ra tao phải bồi thêm cho nó mấy phát nữa. Còn bây giờ nó còn sống, thì tao cũng không lấy lại lời hứa với mày. Tao sẽ tóm được nó.

—Sao?—I-van hỏi lại lần nữa.

—Mi-kha-in Cô-xô-rô-tốp sẽ tóm được nó. Tao đã bảo hắn đi rồi.

Sau khi trung đoàn của Du-bốp bị điều đi, Cô-xô-rô-tốp ở lại với toán phỉ của Cáp-ta-nốp.

—Hắn đi đâu?—I-van vẫn chưa hiểu gì cả.

—Đi bắt An-na. Có tin nó đã hoàn hồn sau viên đạn của tao và giờ đang đi các làng quyên thu ủng lông và găng tay cho bọn du kích. Thế nào Cô-xô-rô-tốp cũng chộp được nó về.

Và Cô-xô-rô-tốp chộp được thật. Một ngày sau khi xảy ra cuộc nói chuyện trên, hắn trở về, ném An-na bị trói chặt chân tay xuống đất, rút miếng giẻ nhét ở miệng cô ra.

—Đấy, nhận lấy,—hắn nói với Cáp-ta-nốp.

—An-na! An-na!—I-van kêu lên, chạy bổ tới.

—Thế thằng Ki-ri-an của tôi có đi với con bé này không?—Đê-mi-an I-nhi-u-chin hỏi.—Giá mà tóm được nó cho tôi nữa!—Và, giẫm giẫm chiếc chân gỗ lên mặt đất, hắn nói thêm một câu khó hiểu:—Cứ như mình, mình lấy quách con bé này chứ không để cho thằng I-van...

An-na nằm trên mặt đất đầy bụi, tóc sổ tung, bị miếng giẻ nhét ở miệng làm nghẹt thở, người tái mét. I-van định cởi trói, giúp cô đứng lên, nhưng An-na đã tự quỳ dậy, ngẩng đầu ném sang I-van một cái nhìn làm anh phải sững người lùi lại. Và bây giờ...

* * *

Cáp-ta-nốp không dám nghênh chiến với đội du kích ở Dát-cô-va Ban-ca. Hắn dẫn đám phỉ của mình chạy về làng Lu-nhe-vô, cách đấy hai chục véc-xta. Lúc ăn cơm tối trong một ngôi nhà rộng rãi, Cáp-ta-nốp ra lệnh cho Đê-mi-an

I-nhi-u-chin dẫn An-na đang bị nhốt trong nhà kho đến.

—Thế mày nhất định không chịu lấy thằng I-van hả? Lần cuối cùng tao hỏi mày.

—Không cần đâu,—I-van ngồi trên chiếc ghế dài cạnh cửa sổ, nói, đôi môi anh méo xệch sang một bên.—Chẳng nài ép được đâu, thật thế. Thả cô ấy ra, ông Mi-khai-in Lu-kích. Cứ để...

—Cái gì? Nghĩa là mày từ chối nó chứ gì?

—Tôi sẵn sàng chết vì cô ấy... Nhưng ích gì... Cô ấy chẳng có lấy một mẩu...

—Còn mẩu với miếc gì nữa?—Cáp-ta-nốp nổi cáu.

—Đấy là tôi nói vậy. Không ép được đâu. Ông thả An-na ra, tôi sẽ phục vụ ông gấp đôi.

Cáp-ta-nốp vứt chiếc thìa gỗ xuống bàn, nhìn I-van chằm chằm, rất lâu. Rồi hắn quay lại nhìn con gái. An-na đứng cạnh lối ra vào, lưng tựa vào khung cửa. Cô mặc chiếc áo len dệt màu xám, chiếc váy đen nhàu nát và đi đôi ủng mềm, ống ủng ôm khít hai bắp chân đầy đặn. Chiếc áo da khoác choàng trên vai, mảnh khăn vuông hoa chít trên đầu không chặt để sổ ra mấy mớ tóc màu bạch kim.

Dáng người cao, cân đối, ngay cả trong bộ trang phục thô kệch, giản dị này, cô vẫn đẹp.

—Kể con ngựa cái lớn lên nhìn cũng trơn tru đấy nhỉ,—Cáp-ta-nốp cười gằn.

An-na từ lúc bước vào chưa nói một tiếng nào, nghe những lời này cũng không thèm đáp lại.

—Thế, còn nếu như tao thả mày ra, mày lại đến với bọn du kích chứ?

—Đến với họ,—cuối cùng An-na mới hé đôi môi, đáp.

Cáp-ta-nốp thở hổn hển, những đường ven trên hai thái dương đẫm mồ hôi nổi hằn lên.

—An-na, mày biết đấy, tao đã sống một cách thỏa chí,—hắn đột nhiên nói bằng một giọng khe khẽ.—Đã từng uống rượu, yêu đàn bà, đã từng có quyền hành thả cửa với mọi người. Nên bây giờ tao đánh nhau, nói một cách dễ hiểu, là để sống thêm cái cuộc sống như thế. Nhưng còn mày thì để làm gì? Mục đích gì? Sao mày lại đi theo bọn du kích ấy? Vì thằng Phê-đô hả?

—Cũng cả vì anh ấy.

—Thế còn vì cái gì nữa?

—Tôi không biết. Điều này không thể giải thích được một cách dễ dàng, bằng một vài lời.—Đôi lông mày dài của An-na nhíu lại, rồi run rẩy giãn ra như đôi cánh, bộ ngực căng sau làn áo dệt bắt đầu nổi sóng từng đợt, thở dốc.—Ông sống... Bằng cuộc sống đó ông đã đưa mẹ tôi vào sợi dây thòng lọng! Thế mà ông còn khoe cái gì?! Ông sống như loài thú vật. Nhưng còn có một cuộc sống khác—cuộc sống của con người! Thế đấy, tôi đi theo du kích, có lẽ vì... vì tôi đã thấy hết cuộc sống của ông. Tôi đã thấy ông ăn chơi trụy lạc như thế nào ở trại Ô-gơ-nhép-xki. Tôi muốn sống một cuộc sống của con người. Mọi người muốn xây dựng một cuộc sống của con người trên mặt đất này, và nhất định sẽ xây dựng được...

—Thật sao? Đừng nhầm đấy nhé!

—Nhất định sẽ xây dựng! Và người ta sẽ quét các ông khỏi mặt đất, như quét rác ra khỏi nhà, để khỏi thối tha, bẩn thỉu. Thế đấy...

—Nhưng nếu như xây dựng được, người ta có cho mày đến với cuộc sống ấy không? Sớm muộn gì rồi người ta cũng nhớ lại mày là con của ai.

—Người ta sẽ nhớ... Người ta sẽ luôn luôn nhớ không phải tôi là con ai, mà tôi là người như thế nào, có xứng đáng với cuộc sống ấy không. Và người ta sẽ cho tôi đến với cuộc sống ấy. Còn anh, I-van,—An-na quay về phía cửa sổ, nơi I-van đang đốt hết điếu thuốc này đến điếu thuốc khác,—anh cũng nên nghĩ về điều này. Chúng đã treo cổ cha anh. Còn mẹ, không chịu nổi đau khổ, mới đây cũng đã...

—Mẹ? Mẹ...—I-van nhảy bật dậy và lặng người đi, không còn cảm thấy điếu thuốc đang đốt cháy ngón tay mình.

—Câm ngay!—Cáp-ta-nốp đập chiếc bát sứ to vào cạnh chiếc bàn gỗ, những mảnh bát bay tứ tung rơi xuống chân An-na gây ra tiếng kêu khô khốc như tiếng cây bị nổ khi trời quá lạnh. Cáp-ta-nốp nhảy đến bên An-na, vươn đôi tay lông lá đến sát cổ cô.

—Ông Mi-khai-in Lu-kích!—I-van thét lên, tiếng gươm anh tuốt ra khỏi vỏ kêu loảng xoảng.

—Mày... làm cái... gì vậy?—Cáp-ta-nốp nặng nhọc nói

ngất quãng, từng tiếng một.

—Dù sao thì cũng là con gái của ông. Xin ông hãy thả ra. Cô ấy muốn đi đâu thì đi,—lần thứ ba, I-van lặp lại, ném thanh gươm vào góc nhà, lấy tay chùi mồ hôi thấm ra trên trán.

Cáp-ta-nốp nặng nề bước đến bên bàn, ngồi xuống.

—Thôi được, cứ để nó đi. Cứ để nó dẫn du kích đến đây.

—Thì chúng ta rời đây, đi xa hơn. Có ai ngăn chúng ta đâu?

—Mày nói cũng phải đấy,—Cáp-ta-nốp nói, nhưng đôi mắt hắn với những đường máu nổi dày bò lướt khắp người An-na.—Mày vẫn ngủ với thằng Phê-đô phải không?—hắn hỏi trắng trợn.

—Ông đừng suy bụng ta ra bụng người,—An-na khép vạt áo da trước ngực lại.—Tôi không phải là giống súc vật như... để không cần cưới xin...

—Như tao chứ gì? Mày cũng đã nói toạc ra rồi đấy. Thế bao giờ thì cưới?

—Ông khỏi phải lo, chúng tôi sẽ cho mời ông đến.—An-na giễu cợt hắn.

Tay Cáp-ta-nốp túm chặt lấy mép bàn dường như sắp sửa bẻ nát tấm ván dày, mặt nhẵn bóng như mặt đá, để ném vào người con gái.

—Thôi được. Ai ngoài kia, dẫn nó đi!—Khi An-na đã bị đưa ra khỏi phòng, hắn quay lại I-van:—Còn mày nóng thế, chưa gì đã rút gươm ra...

—Tôi tưởng ông muốn...

—Nhưng mày thì đằng nào mà chẳng thế, nó không...

—Không phải đằng nào cũng thế đâu,—I-van nói, đầu vẫn không ngẩng lên.

—Nếu vậy, mày là thằng hèn, I-van ạ,—Cáp-ta-nốp cười nhạt.—Nhưng thôi, tùy mày. Tao sẽ thả nó ra, cho nó muốn sống với Phê-đô, hay với con ngựa đực nào cũng được...

* * *

Suốt cả đêm I-van không chợp mắt. «Cả mẹ, như thế cũng coi như đã bị chúng treo cổ...»,—anh nằm trên chiếc chăn đắp ngựa hôi hám và suy nghĩ, tim như bị ai bóp chặt, một cảm giác

đau nhức nhối khắp toàn thân.

Ngoài cửa sổ, bầu trời đang chuyển dần sang màu trắng đục của ban mai.

Chiếc giường Cáp-ta-nốp nằm khẽ rung lên, rít ken két.

— I-van, mày ngủ à? — Hắn hỏi khẽ. — Tao đi kiểm tra gác một tí đây.

Cáp-ta-nốp bắt đầu mặc quần áo, cố gắng không gây ra tiếng động. Mặc xong, hắn xách ủng rón rén đi đến bên cửa và nhẹ nhàng bước ra ngoài.

Việc Cáp-ta-nốp đi kiểm tra các vọng gác đêm hoàn toàn không có gì đặc biệt cả. Trong thời gian gần đây, dù đóng lại ở đâu, hắn đều tự mình, hoặc giao cho con trai là Di-nô-vi, đi kiểm tra việc canh gác quanh thôn. Nhưng không hiểu sao, I-van bỗng bị một nỗi lo ngại và sợ hãi bao trùm.

Sự lo lắng mơ hồ, không thể giải thích được đó, I-van cảm thấy ngay từ chiều, khi bắt gặp ánh mắt của Cáp-ta-nốp dò dẫm một cách khả ố trên khắp người con gái hắn. Rồi sau đó, Cáp-ta-nốp có nhiều cử chỉ khác với mọi ngày. Trước lúc nằm, hắn đi đi lại lại trong phòng, dường như đang tính toán một điều gì đó. Chốc chốc, hai lỗ mũi to tướng của hắn lại phập phồng, đôi môi lông lá giật giật, ánh mắt nhìn dữ tợn. Nhưng hắn vẫn không nói một lời nào, lăn ra giường và chỉ một lúc đã cất tiếng ngáy liền.

Và bây giờ, hắn lại nói rất khẽ, cố gắng sửa soạn nhẹ nhàng để khỏi làm cho I-van thức giấc... I-van chồm dậy, chạy đến bên cửa sổ.

Khắp trong xóm không có lấy một ánh lửa. Góc nhà kho, nơi An-na bị giam, mờ mờ hiện ra trong bóng tối xám đục. Bên cạnh kho có một cỗ xe đã thắng ngựa, và hai bóng người thấp thoáng. Một lát sau hai bóng người đó dẫn An-na từ nhà kho ra, đẩy cô lên xe. Tất cả những cái đó I-van đoán ra nhiều hơn là nhìn thấy, tim anh đập mạnh. «Họ đưa An-na đi đâu? Chẳng lẽ lại đưa đi thả? Thế mà Cáp-ta-nốp bảo đi kiểm tra...»

I-van căng mắt nhìn ra cửa sổ. Một trong hai bóng người, (theo dáng, I-van nhận ra là Cáp-ta-nốp), cũng ngồi lên xe và quất ngựa chạy. Người thứ hai khập khiễng quay vào nhà.

I-van vơ vội lấy quần áo xỏ vào, rồi hấp tấp quần xà cạp

6-634

vào chân. Choàng chiếc áo vét lên vai, anh nhảy bổ ra cửa.

—Đi đâu?—tiếng của Đê-mi-an I-nhi-u-chin vang lên ngay ở cửa.

—Buông ra!—I-van định xô lão cụt chân sang một bên, nhưng I-nhi-u-chin đã khéo léo giơ chiếc chân giả bằng gỗ ra như ngọn giáo, đâm mạnh vào bụng I-van, làm anh đau điếng, gò người lại, rồi ngã ngồi xuống đất. Khi trấn tĩnh lại được, I-van thấy I-nhi-u-chin đang cầm khẩu súng ngắn chĩa vào người anh.

—Tao hỏi, mày định chuồn đi có xa không hả?

—An-na... An-na bị đưa đi đâu?

—Đưa đến nơi cần đưa, cha nói với con mấy lời rồi thả. Một giờ nữa chúng tao sẽ đi khỏi nơi đây. Nào, đưa tay ra sau lưng! Quay bước! Mày sẽ phải ngồi cho đến khi ông chủ về, sau ra sao tùy ông ấy. Đi đến nhà kho, tao bảo! Đừng có giở trò, tao bắn ngay tại chỗ.

I-van miễn cưỡng bỏ tay ra sau lưng, bước đi.

—An-na... Ông ấy đưa đi bắn...

—Đó là việc của ông ấy. Ông ấy là cha. Đi! Bước!

Họ đã đi đến cạnh nhà kho, I-van đã bước qua bực cửa. Nhưng khi I-nhi-u-chin bắt đầu kéo hai cánh cửa nặng để đóng lại, I-van bất ngờ nhảy chồm tới như mèo vồ mồi, đè hắn xuống, tước lấy súng ngắn và giang thẳng tay quật báng súng vào thái dương. I-nhi-u-chin chỉ kêu hự lên được một tiếng, giãy nảy lên rồi nằm im.

I-van nhảy lùi lại, bối rối. «Chẳng lẽ mình đánh chết rồi à? Chết thật à?!»

Lão cựu hương trưởng làng Mi-khai-lốp-ca nằm không động đậy, tắt thở. I-van lôi xác hắn vào nhà kho, đóng cửa lại, và không kịp bấm chiếc khóa treo lủng lẳng trên thanh móc cửa bằng sắt, chạy bổ đến bên con ngựa của mình.

Ra khỏi làng Lu-nhe-vô, con đường chia làm nhiều ngả. Cáp-ta-nốp đi theo hướng nào không rõ. Mỗi con đường đều là một bí mật.

Ở hai trạm gác đầu, bọn lính canh nói với I-van rằng không thấy Cáp-ta-nốp, cũng không thấy bất cứ một ai khác ra khỏi làng. Ở trạm thứ ba, một tên phỉ còn trẻ, mặt phờ phạc vì thiếu ngủ, báo:

— A-ta-man ấy à? Thầy cùng với con gái đi qua đây. Họ đi đâu thế, I-van?

Không trả lời, I-van quất ngựa chạy theo con đường rừng đang hiện dần trong ánh bình minh buổi sớm.

Nếu như không nhờ có con ngựa đực của mình, chắc buổi sáng hôm đó I-van không thể nào tìm gặp được Cáp-ta-nốp, và cũng không bao giờ anh còn thấy lại được An-na, thậm chí sẽ không biết được An-na đi đâu, bằng cách nào đã biến mất khỏi mặt đất này. Con ngựa của anh chạy theo con đường mòn đầy bụi được chừng năm — sáu véc-xta, rồi mặc dù I-van ra sức quất roi một cách không thương tiếc, nó bắt đầu chạy chậm lại và bỗng hí lên the thé. Ở một nơi nào đó bên sườn phía sau lập tức có tiếng ngựa cái hí đáp lại. «Ngựa của Cáp-ta-nốp» — I-van thoáng nghĩ. Anh quay ngựa lại. Dường như hiểu rằng ý muốn của nó và của chủ cũng trùng hợp với nhau, con ngựa ngoan ngoãn quay ngoắt sang bên, nhảy qua những bụi cây thấp, mang Xa-vê-li-ép đến một bãi rừng trống và trượt bốn vó trên mặt đất, dừng lại bên một đám cỏ ướt đẫm sương đêm.

Bên bìa bãi rừng trống, một chiếc xe ngựa đứng dưới gốc những cây thông cành rậm rạp, đen sì; cách đấy một quãng An-na nằm sóng soài, phơi trần đôi chân trắng; còn Cáp-ta-nốp đang nghiêng người, lom khom chạy khỏi chỗ cô nằm, kéo lê chiếc thắt lưng bằng da, vừa chạy vừa rút vội khẩu mao-de nòng dài từ một chiếc bao bằng gỗ.

Toàn bộ cảnh tượng trên hiện ra trước mắt I-van chỉ trong vòng một giây đồng hồ, và trong một khoảng thời gian còn ngắn hơn một giây, I-van hiểu ngay sự việc đã xảy ra ở đây. Ngay tích tắc đó, đầu anh sưng ù lên như bị nhét đầy thuốc súng, ý thức, tri giác bị bao phủ bởi một lớp gì cay và nóng.

Tiếng nói của Cáp-ta-nốp làm anh tỉnh lại:

— Cầu Chúa đi I-van. Những gì mày đã thấy ở đây, mày phải mang theo xuống âm phủ. Trên mặt đất này không một ai được biết đến điều đó...

Qua tấm màn đen đang tan dần, trước mắt I-van dần dần hiện ra khuôn mặt đỏ gay, đẫm mồ hôi của Cáp-ta-nốp. Hắn đứng cách I-van ba bước, tay trái gài cúc chiếc áo vét, còn

tay phải lăm lăm chĩa vào anh nòng khẩu mao-de ám khói đen sì.

I-van không còn nhớ anh đã nhảy xuống ngựa đứng đối diện với Cáp-ta-nốp như thế nào và từ bao giờ.

— Mày... mày... sao mày có thể... — anh lắp bắp từng tiếng nặng nhọc.

— Việc đó mày không thể biết được đâu. Còn nó thì biết. Mày đến đây là ngu. Nếu không thì còn được sống...

I-van hiểu rất rõ rằng ngay bây giờ anh sẽ bị bắn chết. Bên thắt lưng anh cũng có súng, nhưng Cáp-ta-nốp sẽ không để cho anh kịp rút ra, không cho phép anh được nhúc nhích lấy dù một tí. Và I-van đứng bất động, đôi tay dài buông thõng. Một tay anh vẫn đang cầm chiếc roi ngựa ngắn.

Họng súng mao-de đen ngòm trong tay Cáp-ta-nốp đã bắt đầu chuyển động, giật nảy lên. «Ngay bây giờ, ngay bây giờ!» — Ý nghĩ như một tia chớp thoáng lên trong óc I-van. Và, không còn hy vọng gì nữa, anh nhanh như cắt vụt mạnh chiếc roi ngựa ngang mặt Cáp-ta-nốp, rồi nhảy bổ vào hắn. Cap-ta-nốp nổ súng. I-van cảm thấy như bị ai lấy càng xe nện vào vai. Không còn hiểu mình đã bị bắn chết hay chỉ bị thương, cũng không thấy Cáp-ta-nốp đưa tay ôm lấy mặt, I-van lại vung roi, lần này quật vào bàn tay cầm súng. Khẩu mao-de rơi xuống cỏ. I-van nhảy bổ vào Cáp-ta-nốp đưa hai tay thít lấy chiếc cổ gân guốc đầy lông lá của hắn, và ra sức bóp. Hai người cùng ngã lăn ra đất.

— I-van... I-van! — Cáp-ta-nốp thở khò khè, đầu lắc lư, râu cọ cả vào mặt I-van.

Cáp-ta-nốp khỏe hơn, hắn chống hai tay vào ngực I-van đã yếu sức vì mất máu và hất anh ra không khó khăn lắm. Nhưng hắn không kịp đứng dậy. I-van đã chộp lấy khẩu mao-de rơi trên cỏ và lại xông vào Cáp-ta-nốp đang lồm cồm bò dậy, xô hắn ngã ngửa ra và dùng hết sức ấn mạnh nòng súng vào ngực hắn bóp cò hai lần...

Anh không nghe thấy tiếng nổ. Anh chỉ nghe thấy tiếng mấy con ngựa giật mình phi mạnh và nhảy lồng sang phía bên kia bãi rừng trống.



Mặt trời đã lên cao từ lâu, tỏa nắng dịu xuống khu rừng. Một ngọn gió thoảng qua, từ từ làm se lại đám cỏ đẫm sương đêm.

Hai con ngựa đã hết sợ từ lâu, đứng kề đầu vào nhau. Con ngựa cái của Cáp-ta-nốp cọ má vào chiếc mõm dẹt của chú ngựa đực. Một lát sau, có lẽ vì đã chán những cử chỉ âu yếm đó, con ngựa đực bỏ đi ngắt cỏ ăn.

Một chú sóc nhảy nhót trên cành thông phía trên cỗ xe ngựa, làm những chiếc lá nhọn đã vàng khô rơi lả tả xuống.

Cáp-ta-nốp nằm hiền lành trên cỏ, hai tay doãi ra dường như đang ngủ. Ven khoảng rừng trống, nơi ánh nắng mặt trời còn chưa chiếu đến, An-na cũng đang nằm ngửa bất động và im lặng. I-van ngồi bên cạnh, đôi mắt trống rỗng nhìn không chớp ra một nơi nào đó trước mặt.

Từ khóe mắt nhắm nghiền của An-na, những giọt nước mắt vẫn chảy, chảy không ngừng. Máu loang đỏ cả vai trái của I-van.

Nếu như không có những giọt nước mắt kia và cái vai đẫm máu này, thì chẳng có gì để có thể nói rằng trước đây nửa giờ ở đây đã xảy ra một tấn bi kịch của cuộc đời, một tấn bi kịch của con người. Dường như ở đây chỉ có ba người bạn đồng hành dừng lại để nghỉ ngơi, hai người đang nằm ngủ, còn một người đang ngồi canh cho hai bạn ngủ yên.

Lại thêm nửa giờ nữa trôi qua. Bỗng An-na nhỏm người ngồi dậy, vẻ dữ tợn, đầu tóc rũ rượi, rối bù, cô hét lên, giọng lạc đi:

— Anh đến đây để làm gì? Hắn đã định bắn chết tôi sau khi... Anh ngăn cản lại để làm gì?! Bây giờ anh hãy bắn tôi đi! Anh hãy bắn tôi đi! Bắn tôi đi!!

Và cô lại ngã vật xuống, lăn lộn trên cỏ, miệng rú lên như loài thú, mái đầu rũ rượi đập xuống đất. I-van vẫn ngồi yên bất động như cũ, không khuyên giải. Chỉ đến khi An-na đã kiệt sức, nguôi dần, anh mới nói, rất khẽ:

— Nhưng dù sao thì, An-na à, cũng phải sống, Còn về điều ấy... An-na ạ, sẽ không bao giờ và không ai biết được. Cần phải sống...

* * *

Chiều ngày hôm đó, một chiếc xe ngựa bốn bánh đi vào xóm Dát-cô-va Ban-ca đã bị du kích chiếm đóng. Những người mang súng vây lấy chiếc xe. Chợt có tiếng kêu:

—An-na! Xem kìa! An-na đã bị mất tích của chúng ta về kìa! Phê-đô, An-na của cậu kia kìa!

Từ căn nhà đối diện với chiếc xe, Cru-gi-lin, A-lây-nhi-cốp và Pan-crát Na-da-rốp đi ra.

—Có việc gì đấy? An-na, cô từ đâu ra đấy?—Cru-gi-lin đi đến hỏi. Chợt trông thấy I-van, trán anh nhíu lại.—Xa-vê-li-ép?!

—Tôi...

—A-à, thằng thổ phỉ cu-lắc, tự nó đã dẫn xác đến đây!—Phê-đô lách qua đám người, miệng hét lớn.

I-van dùng cánh tay còn lành hất xác Cáp-ta-nốp từ trên xe xuống đất không hiểu để làm gì, nói:

—Đây, a-ta-man của chúng tôi... tuy chỉ còn là cái xác. Còn tôi đây, các anh muốn làm gì thì làm.—Và I-van ngồi xuống cỏ cạnh xác Cáp-ta-nốp.—Muốn bắn thì cho một viên đạn vào trán. Chỉ có điều xin các anh làm nhanh lên.

—Ở chỗ chúng tao việc này chẳng phải đợi lâu đâu.—Vết sẹo còn mới ở trên má A-lây-nhi-cốp giật giật.—Nào, đi vào nhà. Xem xét xong—xin mời đứng vào tường!

I-van đứng dậy và bước đi, lưng gù xuống. An-na, trước đó vẫn ngồi dửng dưng, lãnh đạm trước mọi việc xảy ra xung quanh, bỗng rùng mình gạt Phê-đô vừa bước đến bên cạnh ra.

—Đừng! Đừng! Các anh nên xét rõ thực hư! Đừng...—An-na thét lên thất thanh, như một con chim sã cánh hết chạy đến bên cạnh Cru-gi-lin, A-lây-nhi-cốp, lại đến Na-da-rốp, khi họ dẫn I-van vào nhà.

PHẦN THỨ NHẤT

Ba anh em

Liếc nhìn chiếc đồng hồ quả lắc bằng sắt tây đang kêu cót két trên tường, Đi-ma nhảy vội xuống giường: kim đã chỉ bảy giờ kém mười.

Xóm làng tắm trong làn sương mù dày đặc.

Chỉ phía trên mái gỗ đẫm sương của mấy ngôi nhà ở gần là còn thấy mờ mờ những ngọn cây đang khẽ lắc lư; còn xa hơn, tất cả đều mất hút trong màn sữa đục, đến chiếc tháp canh cứu hỏa ngất nghểu trên gò đất cao cuối phố cũng không còn trông rõ.

Đi-ma, mặc quần cộc và áo may-ô, đứng co ro trong vườn rau, đưa mắt nhìn qua hàng giậu trơn đã mốc đen, hết sang phải — phía vườn của nhà I-nhi-u-chin, lại sang trái — phía sân nhà bà Ca-sca-rô-va. Nhưng cả Nhi-cô-lai I-nhi-u-chin lẫn Vích-to Ca-sca-rốp đều không thấy đâu cả. «Chắc lại đang ngủ khì, — Đi-ma ngáp, nghĩ thầm. — Thế này hôm nay lại có mà đi câu...» Và cậu đi ra bờ sông Grô-mô-tu-kha rửa mặt.

Những thân ngô ngả nghiêng, lá rẩy sương hạt lên vai, những gốc khoai tây ướt lạnh đâm vào chân ran rát. Đôi chân của Đi-ma tê cứng, đầy những vết chai sẹo sần sùi, trông hệt như vỏ một quả dưa chuột.

Chạy đến bên bờ sông, Đi-ma ngồi xuống bậc đá và buông thõng chân xuống lòng sông đầy cát ngập trong làn nước ấm. Ngay lập tức, những chú cá bống con liền xúm đến xỉa tới tấp vào bắp chân, ngón chân.

— Chúng mày... — Đi-ma khẽ ngọ nguậy ngón chân.

Lũ cá bống vội chạy tản ra theo hình rẻ quạt, dừng lại cách chân của Đi-ma chừng nửa thước, dường như đang suy nghĩ, thì thầm trao đổi với nhau, rồi thận trọng, nhưng tất cả cùng một lúc, bơi ngược trở lại.

Con sông nhỏ Grô-mô-tu-sca quả là kỳ lạ. Nước trong suốt như gương, lòng sông không rộng lắm, thậm chí nhiều chỗ chiều ngang chưa đầy một mét, những vụng nước cạn nằm khuất dưới các tán lá đan chéo nhau. Nhánh sông nhỏ này — gần như là một con suối — bắt nguồn từ một nơi nào đó cách xa San-ta-ra, mãi trong những dãy núi An-tai, chảy ngoằn ngoèo qua suốt đồng cỏ cho tới tận làng. Đồng cỏ trần trụi, không có lấy một bụi cây, chỉ thỉnh thoảng nổi lên những gò đất trọc ảm đạm; còn dọc theo hai bờ Grô-mô-tu-sca, mỗi

bên rộng đến bốn chục mét, mọc đầy các loại cây tạp rậm rạp. Ở đây có cả hoàn diệp liễu, bạch dương, cả hoa kim ngân, rất nhiều dã anh và đặc biệt phúc bồn tử thì vô số. Nhưng nhiều hơn cả vẫn là loài thùy dương, mà ở San-ta-ra vẫn gọi là liễu trắng. Và tất cả đều bị các loài cây hoa bia, hoa đũm hương mọc bám quanh quấn quýt.

Những đám cây này gọi là biền sông Grô-mô-tu-sca. Mặc dù chúng không rộng lắm, bốn phía đều là đồng cỏ trống trải, sáng sủa, đôi chỗ cũng vắng vẻ, hoang dã đến nỗi làm cho các bà ở San-ta-ra đi hái quả dại phải lắm hôm mất vía. Những lúc đó, mặc cho bao nhiêu quả cây vừa hái được rơi vãi hết, mặc cho áo quần móc vào gai rách toạc, họ chạy bán sống bán chết ra đồng cỏ, rồi đứng đó, hai tay ôm lấy ngực mà hớp lấy hớp để cái không khí đăng đắng mùi ngải cứu.

Người ta đồn rằng ở trong các biền sông Grô-mô-tu-sca có rất nhiều điều bí ẩn. Có thể những điều bí ẩn đó chỉ hiện ra trong đầu một bà đi hái quả nào đó khi bà ta len lỏi vào tận biền sâu, mà cũng có thể họ bỗng như nghe vẳng lại một tiếng rú rùng rợn, làm sởn gáy, của con tinh lông lá bù xù, mà theo lời đồn đại, từ xưa tới nay vẫn sống cạnh đầm nước to nhất trên sông Grô-mô-tu-sca — cái đầm nước ấy vì vậy mà có tên là đầm Tinh. Ở San-ta-ra có người còn khẳng định rằng chẳng những họ đã nghe tiếng rú khủng khiếp đó, mà còn được thấy vào lúc tờ mờ sáng và chập choạng tối cái đầm nước khủng khiếp đó như sôi lên, một người to lớn, đen trùi trũi quay tròn trong đầm nước sẫm, đuổi những con sóng nặng chạy ra tứ phía.

Đến cạnh làng, biền sông Grô-mô-tu-sca trở nên thưa hơn. Hoàn diệp liễu và bạch dương đã dừng lại từ xa, hoa kim ngân cũng dần dần rời bỏ con sông. Những dòng sông nhỏ vẫn chảy về phía trước, qua những vườn rau, những đường làng nhỏ hẹp. Và, bây giờ, chỉ còn những hàng liễu trắng đi theo sông, vẫn như xưa, nghiêng mình sát mặt đất cúi chào ân nhân và người chủ của mình.

Ra khỏi làng, Grô-mô-tu-sca chảy xuống một trũng thấp, — ở đây những bãi lác và lau sậy rậm rạp đang đợi nó — rồi lặng lẽ chảy hòa vào con sông rộng đầy nước Grô-mô-tu-kha.

Sông Grô-mô-tu-kha lắm các giống cá, còn ở Grô-mô-tu-

sca chỉ có mỗi loại cá bống và một ít cá thy-man sống trong các đầm nước phía trên nguồn. Về mùa đông, con sông Grô-mô-tu-kha hùng dũng bị đóng băng chết cứng lại — có năm, băng dày đến mét rưỡi, — còn Grô-mô-tu-sca nhỏ bé vẫn chưa bao giờ phải khoác một lớp vỏ băng dù chỉ mỏng một phân mét thôi.

Không có một đống tuyết nào có thể làm nghẽn được nó — tuyết sẽ tan ra trong làn nước cạn của Grô-mô-tu-sca, như tan trong nước nóng. Băng giá cũng không thể làm nó đông cứng được. Suốt mùa đông, con sông nhỏ Grô-mô-tu-sca cứ bốc hơi ngùn ngụt, những đám hơi nước trắng tụ lại, trôi trên các biền sông Grô-mô-tu-sca như trên các mái nhà tắm hơi, còn cây cối đứng nặng trĩu những cành bao bọc trong một lớp băng dày, mấp mô và trong suốt. Chỉ chạm khẽ một cái, lớp băng phủ sẽ kêu lanh canh vỡ ra thành những mảnh vụn như thủy tinh, và cành cây trơ ra trần trụi. Nhưng chỉ độ ba — bốn giờ sau, nó lại được mang một lớp áo băng còn dày, còn diêm dúa hơn trước.

Đến cả những đợt giá rét hung hãn nhất cũng bó tay không thể làm gì được con sông Grô-mô-tu-sca nhỏ bé. Chỉ có làn sương mù trên sông là dày hơn, nặng hơn và lớp áo băng trên các cành cây thêm sang trọng, rực rỡ hơn mà thôi.

Đi-ma vã nước lên khuôn mặt đầy tàn nhang và lại nhìn qua hàng giậu, hết sang phải rồi sang trái... «Vẫn đang ngủ...»

Vừa lúc đó, cách cửa nhà Lu-kê-ri-a Ca-sca-rô-va kẹt mở và Ca-sca-rô-va — ở làng, mọi người vẫn gọi mụ ta bằng cái tên đó — bước ra, chạy vội đến nhà ngang, nơi dùng để nuôi gia súc.

Phía sau dãy Dve-nhi-gô-ra mặt trời hình như bắt đầu lên, màn sương mù bao phủ trên làng San-ta-ra đã chuyển sang màu hồng lóng lánh. Chiếc tháp cứu hỏa cũng dần dần hiện ra rõ nét, mắt thường có thể nhìn thấy những mảng sương màu hồng thẫm đang trườn qua những cành dương lớn, liếm ướt từng ngọn lá.

Trong nhà ngang của Ca-sca-rô-va nghe có tiếng gà kêu táo tác, rồi mụ bước ra, một tay cầm con dao làm bếp, tay kia xách con gà mái vừa bị cắt tiết.

— Bà Lu-kê-ri-a ơi, — Đi-ma bước đến bên hàng rào, gọi —

Vích-to đang làm gì ở trong ấy? Chúng cháu đã hẹn nhau đi câu cá...

— Cá nào? Câu cá nào? — mụ Ca-sca-rô-va lắp bắp, và như sợ hãi điều gì, kêu lên. — Thằng Vích-to hôm nay không đi đâu! Cái quân lêu lổng này, lạy Chúa, ngài xá tội cho con...

Và mụ biến vào nhà. Đi-ma nghe tiếng cài then cửa lách cách. «Y như chuột ấy, — Đi-ma lẩm bẩm. — Ban ngày mà cũng chốt cửa. Không biết mụ ta đang làm trò gì?»

Những dải nắng màu vàng nhạt giờ đã xé nát màn sương mù, xuyên qua các cành dương, chiếu xuống mặt đất. Chúng rất nhiều, có những dải rộng như tấm phản, lại có những dải bé như sợi tơ, và ở giữa vẫn là những mảng sương mù. Nhìn chúng, Đi-ma có cảm tưởng như những dải nắng đang đung đưa, sờ soạng trên mặt đất.

Một chiếc loa phóng thanh đặt trên bãi đất rộng cách đấy không xa, cạnh ngôi nhà gỗ lớn, nền gạch, dùng làm trụ sở huyện ủy, bắt đầu nói:

— Đây là đài phát thanh Mát-xcơ-va, — tiếng phát thanh viên vang lên khắp làng. — Xin chúc các đồng chí và các bạn một buổi sáng tốt lành! Hôm nay là chủ nhật, ngày hai mươi hai tháng Sáu...

«Ở Mát-xcơ-va bây giờ làm gì có buổi sáng?! Ở Mát-xcơ-va bây giờ là ba giờ đêm. Trời chỉ mới bắt đầu hửng», — Đi-ma nghĩ thầm.

Từ chiếc loa, tiếng hát vang ngân. Bài hát rất hay, bao giờ Đi-ma cũng thích nghe:

Nắng sớm mai hồng
Nhẹ phơi phới lòng
Chiếu trên tường cổ kính Crem-li...

Đi-ma lắng nghe, và mặc dù ở Mát-xcơ-va xa xôi giờ hãy còn là ban đêm, cậu vẫn tưởng tượng ra cảnh những tia nắng mặt trời đang nhuộm hồng những bức tường đá điện Cremli mà cậu chỉ mới được thấy trong phim và tranh ảnh.

Xê-mi-ôn, anh cả của Đi-ma, bước ra vườn rau, nheo mắt, nhìn về phía mặt trời và vươn vai, các khớp xương kêu răng rắc. Bỗng nhiên anh cúi lộn người lại, đứng bằng hai tay và

đi về phía bờ sông Grô-mô-tu-sca. Lúc qua luống cà-rốt, anh nhẹ nhàng nhún người trên đôi tay, dùng răng nhổ một cây còn nhỏ, màu xanh nhợt, và ngậm trong miệng mang đến bên bờ nước.

Đây chỉ là một tiết mục bình thường của Xê-mi-ôn. Anh tham gia trong nhóm tập võ xam-bô và còn biết nhiều thứ khác. Trong bụng, Đi-ma rất thèm làm được như anh, nhưng cậu tỏ vẻ thờ ơ ngoảnh mặt đi.

Trước khi rửa mặt, Xê-mi-ôn giũ giũ củ cà-rốt trong nước suối và cắn đánh rắc ngay một nửa, nháy mắt nhìn Đi-ma.

— Thế nào?

— Cái gì? Đi bằng tay ấy à? Tưởng giỏi lắm đấy...

— Cái thằng... chỉ phét. Thử xem nào?..

— Việc dễ không! — Đi-ma cáu tiết kêu lên và cố đứng lên bằng hai tay. «Dễ ngã ra sau lưng lắm... — cậu thoáng nghĩ. — Làm nát khoai tây, mẹ lại cho một trận...» Chỉ vừa kịp nghĩ đến đấy, Đi-ma đã nghe tiếng la hét của mẹ ập xuống đầu:

— Mày làm nát hết khoai tây của tao bây giờ, Đi-ma!

Thế là cậu ngã sóng soài ra đất, lưng đè lên luống khoai tây, chân tay duỗi thẳng.

Bà mẹ kêu thét lên, Đi-ma thấy đôi mắt lo lắng của mẹ đang cúi xuống sát mặt mình, liền nhảy vùng dậy.

— Thế nào?! Thế nào? — mẹ giật mạnh tay cậu hai lần. Rồi bà quay sang Xê-mi-ôn. — Mày bày cho thằng bé cái trò gì thế? Nhỡ nó gãy tay sái cổ thì sao hả?

Thấy mẹ vừa ngoảnh đi, Đi-ma liền chạy vội ra khỏi vườn rau.

* * *

Bên bàn ăn trong gia đình Xa-vê-li-ép bao giờ cũng im lặng. Chú nhà Phê-đô Xi-lan-chi-ê-vích Xa-vê-li-ép không ưa vừa ăn vừa nói chuyện.

Nhưng hôm nay cái trật tự thiêng liêng đó bị cậu bé mười tuổi An-đrây — thành viên bé nhất của gia đình — phá vỡ. Húp được hai — ba thìa xúp, cậu khịt khịt mũi và nhắc đi nhắc lại mãi một câu:

— Me-ẹ! Cho con đi câu cá với nhé?..

Vợ của Xa-vê-li-ép, An-na Mi-khai-lốp-na, vẫn im lặng,

dường như không nghe tiếng van vỉ của cậu con trai út.

— Thôi thì để cho nó đi, không mất đâu mà sợ, — cuối cùng Xê-mi-ôn không nhịn được, lên tiếng.

Người bố liền quẳng chiếc thìa xuống, giận dữ lau chòm râu mép đen, ướt đẫm nước xúp mỉ ống.

— Này, Xê-mi-ôn, tao bảo... Khi bằng tuổi mày, tao đã chỉ huy một phân đội kỵ binh, chém đầu bọn bạch vệ, — và không hiểu sao, ông lại chỉ lên bức tường phía sau lưng, nơi treo bức chân dung phóng to từ một tấm ảnh cũ của bố ông, Xi-lan-chi Xa-vê-li-ép. — Còn mày, tuy đã hai năm đi lái máy kéo, vẫn ham nghịch như lũ trẻ chăn bò ấy.

Xê-mi-ôn ngước nhìn lên bức chân dung người ông. Cha anh rất giống ông nội, cũng vầng trán rộng và cặp lông mày mọc khít vào nhau, cũng bộ ria đen trên cặp môi dày, sống mũi thẳng với hai lỗ mũi rộng, mái tóc đen cứng số tung ra bốn phía. Chỉ có cằm của cha không giống cằm của ông. Cằm của ông dẹt với một ngấn sâu ở giữa, còn cằm của cha dốc đứng, chắc chắn, với chòm râu rễ tre rậm và có lẽ cũng cứng như thép.

— Nhưng cha ạ, bây giờ đâu còn chiến tranh... Thay vào phân đội kỵ binh, con có máy kéo...

Phê-đô quay mặt nhìn ra cửa sổ, châm thuốc hút, rồi lấy lòng bàn tay đập mạnh vào cánh cửa. Một bông hoa hướng dương sắp nở, màu xanh sẫm, sần sùi, đẫm sương sớm, lắc lư, ngả nghiêng ngay bên cửa sổ. Từ giữa nụ hoa đã nhú lên một vài cánh hoa màu vàng rực như những tia lửa.

— Thế mày đi câu cá đấy à?

— Hôm nay chủ nhật, con còn làm gì nữa? Máy kéo con đã sửa xong từ lâu rồi, — Xê-mi-ôn đáp.

— Còn tao cũng đã sửa xong chiếc máy liên hợp từ lâu. Thế không cần giúp người khác nữa à? Hay là tay cứng lại rồi?

— Để họ tự làm lấy. Con hít hơi xăng như thế cũng đã đủ rồi, giờ muốn thở một tí không khí sạch ngoài sông...

— Me-ẹ, cho con đi câu cá với nhé? — An-đrây lại nài nỉ.

— Cái thằng bám dai như đỉa! — mẹ tức giận nói. — Thôi cút đi cho rảnh!

An-đrây nhảy vội xuống ghế và chạy vụt ra cửa. Đi-ma cũng phóng theo sau.

— Không họ cứ quen thói ngồi mát ăn bát vàng. — Và Xê-mi-ôn cũng đứng lên.

— Họ là ai?

— Đấy, chẳng hạn như tay chúa lười A-nhi-cây Ê-li-da-rốp. Hoặc lão sâu rượu Ki-ri-an I-nhi-u-chin, bạn của cha ấy. Đáng lẽ phải tống cổ bọn họ khỏi trạm máy kéo từ lâu rồi, mà cha thì cứ cố giúp họ, nai lưng ra gánh cho họ. Còn con thì chịu thôi. — Xê-mi-ôn bước ra khỏi phòng.

— Đồ ngu, mày là thằng ngu! — người cha nói với theo.

— Phê-đô! — An-na kêu thốt lên.

— Còn cô — im đi! Im đi! — Phê-đô quát lên dữ tợn. Rồi ông bước dọc theo gian phòng, giọng đã bình tĩnh hơn, tiếp: — Có một cái gì đó... cơ bản nhất trong cuộc đời này của chúng ta, Xê-mi-ôn còn chưa hiểu. Đấy mới là điều đáng lo. Thôi, tôi đi đây. Gói cho một tí gì ăn trưa. Chắc phải đến tận tối mới ra khỏi xưởng sửa chữa được.

Khi Phê-đô đi rồi, An-na ngồi xuống bên cửa sổ và mải miết nhìn rất lâu lên bông hoa hướng dướng sắp nở. Và không hiểu sao, An-na bỗng nghĩ rằng bông hoa này sẽ không bao giờ nở để hướng khuôn mặt hồng hào của mình ra đón ánh mặt trời. Bà lấy góc tạp-dề lau những giọt nước mắt đang lặng lẽ trào ra.

An-na hiểu vì sao Phê-đô không yêu quý người con trai cả. Cả hai đứa sau — Đi-ma và An-đrây — đều giống bố, cũng nước da ngăm ngăm và mái tóc đen sẫm; cũng cặp lông mày rậm và vầng trán rộng. Đến dáng đi của hai đứa cũng giống hệt như bố, đặc biệt là Đi-ma — mạnh mẽ, tự tin, hơi khệnh khạng. Và mắt đen, sâu, sáng và sắc như của chính Phê-đô. Còn người con trai đầu, Xê-mi-ôn, lại giống mẹ — tóc màu hạt dẻ sáng, da trắng, mắt xanh...

— Tôi với cô nặn ra nó ở trong hầm phải không nhỉ? Cô không nhớ à? — khi Xê-mi-ôn bắt đầu lớn, Phê- đô thường nói với An-na như vậy và mỉa mai nhếch bộ ria mép đen và nhọn cứng, cười nhạt. An-na nghe như có một cơn lạnh buốt chạy khắp toàn thân. «Anh ấy không tin... rằng đó là giọt máu của anh ấy... rằng anh ấy là cha!..»

Một lần, An-na đã thử làm cho chồng phải xấu hổ về những mối nghi ngờ không căn cứ của mình. Phê-đô ngồi nghe rất

7-634

lâu và chăm chú. Khi đã hiểu ra vợ muốn nói gì, ông vỗ mạnh tay xuống mặt bàn bằng gỗ:

—Thôi, đủ rồi! Tôi biết... Tôi cưới cô dâu còn là gái tân nữa!

—Phê-đô!

—Thôi!—Phê-đô tái mặt, cao giọng.—Đã bảo là đủ rồi mà...

Ông chồng khuỷu tay lên mặt bàn, thọc cả mười ngón tay vào mái tóc đen dày và riết chặt. Ông ngồi như thế, một—hai phút trôi qua...

—Chuyện này ta chấm dứt ở đây...—Phê-đô nói, ngước cặp mắt đục ngầu nặng trình trịch lên nhìn An-na.—Đáng lẽ phải dùng gươm mà chém cô, đồ đê tiện, ra làm dăm mảnh, nhưng dù sao tôi vẫn yêu cô. Hơn nữa, lại sinh được Đi-ma. Thằng này là của tôi.

—Thế Xê-mi-ôn thì của ai?

—Ta chấm dứt ở đây...—Phê-đô không nghe, gầm lên.—Từ nay về sau không một lời nào nữa! Tuyệt đối! Nếu như cô còn muốn sống... trong nhà này...

Và họ sống, người ngoài không ai nói là tồi cả. Phê-đô nghiêm khắc và ít nói, nhưng vào những ngày hội hoặc ngày sinh bao giờ ông cũng có một món quà nào đó. Phần lớn chỉ là những vật không đáng kể—một tấm khăn choàng hay mấy đồ nữ trang cài áo bằng thủy tinh. Nhưng vấn đề đâu phải ở chỗ giá bao nhiêu! Và với Xê-mi-ôn ông đối xử cũng đúng mực, không có gì phân biệt với những đứa con khác. Chỉ có thỉnh thoảng, như hôm nay, bỗng dưng ông lại sinh ra cãi lộn với con trai cả vì những chuyện không đâu. Và lại nữa, đêm đêm, đôi khi như bị một cái gì xâm chiếm dần vật, ông nằm bất động hầu như tới sáng, người lạnh như băng, và trong bóng tối, An-na thấy mắt của chồng ánh lên những tia khô, sắc. An-na cũng đã biết như thế nghĩa là gì. Cuối cùng, vẫn câm lặng và thô bạo, Phê-đô kéo vợ đến sát bên mình, với một sự tàn nhẫn và cuồng loạn đến tột độ, vò bộ ngực nhỏ bé của bà đến thâm tím, bầm máu, bóp chặt đôi xương vai như muốn làm cho gãy vụn. An-na cảm thấy trong con người Phê-đô có một cái gì thú vật trỗi dậy, và ông trả thù bà, một cách vô ý thức, vì sự có mặt của Xê-mi-ôn.

— Phê-đô! Phê-đô! — An-na thét lên sợ hãi.

Tiếng kêu dường như làm cho Phê-đô tỉnh lại, nằm yên.

Không, An-na không lên án Phê-đô. Bà hiểu những đau khổ của chồng. Xê-mi-ôn là con của ông, con của Phê-đô. An-na biết rõ điều đó, nhưng không thể nào làm cho Phê-đô tin được. Và Phê-đô có quyền không tin...

Đúng, họ sống, người ngoài không ai nói là tồi cả. Nhưng cũng không ai nói được là An-na có yêu chồng không. Và chính An-na bây giờ cũng không nói được điều này. Trước đây, đã có lúc An-na yêu đến say mê, mất trí, đã có lúc An-na đem tình yêu của mình tưới ngập Phê-đô như cơn mưa rào mùa hạ tưới tràn mặt đất. Những dòng nước đã cuồn cuộn chảy khắp nơi; những lũng sâu đồng thấp đã trắng băng; chỉ còn những cây lau lá nhọn dẻo dai và những bông hoa mẫu thảo thân cao nhô trên mặt nước sủi bọt dưới những hạt mưa căng như dây đàn; và dòng sông Grô-mô-tu-kha đã đục ngầu nước lũ, — mà cơn mưa rào vẫn trút, vẫn giội xuống ào ào...

Nhưng rồi những sợi dây đàn mưa trở nên chùng hơn, thưa hơn. Nhưng rồi như có ai vung chiếc rây khổng lồ hứng ngang cơn mưa, cắt những sợi mưa ra thành từng giọt. Và mặc cho mưa vẫn rơi xuống dưới dày đặc, chúng bây giờ chỉ còn là những giọt mà thôi. Đầu tiên, những giọt to hơn, nặng hơn rơi xuống, sau đó là những hạt nhỏ li ti, rơi rất lâu. Và cuối cùng cơn mưa hoàn toàn chấm dứt. Những vũng nước theo các mương rãnh, khe lạch lần lượt chảy hết vào dòng sông Grô-mô-tu-kha không bao giờ đầy, còn trong các chỗ trũng mọc đầy cỏ, nước dần dần thấm vào lòng đất, để lại trên đáy một lớp bùn ướt lấp lánh dưới ánh mặt trời. Chẳng mấy chốc, bùn khô đi tạo thành một lớp vỏ mỏng. Mấy giờ sau, lớp vỏ bùn này đã nứt ra, cong lại, như vỏ bạch dương phơi, rồi biến thành bụi dưới ánh mặt trời khô nóng. Một làn gió thổi đến cuốn bụi rắc khắp nơi, làm xao động ngả nghiêng những ngọn lau nhọn, những bông mẫu thảo trắng vừa mới đây đứng run rẩy trong mưa, và các loài cỏ dại hoa đồng khác.

Đôi lúc, An-na nhớ lại lần nói chuyện cuối cùng với người cha đáng nguyền rủa của mình. «Ông còn khoe cái gì?! Ông sống như loài thú vật... — lúc đó An-na thét vào bộ mặt đầy lông lá đáng ghét của cha. — Nhưng còn có một cuộc sống

khác — cuộc sống của con người!..» — «Người ta có cho mày đến với cuộc sống ấy không? — cha cô mỉa mai hỏi. — Sớm muộn gì rồi người ta cũng nhớ lại mày là con của ai».

Không có ai nhắc nhớ lại An-na là con của ai. Nhưng cuộc sống mà An-na khao khát, An-na mong muốn đến thế, cũng không có được.

Lúc đầu An-na cho rằng tất cả lỗi là ở người cha ác ôn. Nhưng rồi chị bắt đầu suy nghĩ: có phải là chỉ mình ông ta có lỗi hay không?

* * *

Tất cả các con đường làng San-ta-ra đều như hẹn nhau cùng chạy xuống phía dưới, đến gặp con sông Grô-mô-tu-kha. Những đường lớn bị giẫm nát, đầy bụi, còn các ngõ nhỏ quanh co thỉnh thoảng mới có một vài chiếc xe ngựa chạy qua thì mọc lút cỏ; có nơi, ngải cứu và cỏ ngưu bàng ken đặc đến nỗi muốn len qua cũng không phải dễ.

Chỉ có con đường chính trong làng — «đường cái», như người ta thường gọi, — là được lát đá, hai bên đường có rãnh thoát nước, hàng dương trồng rất dày và vỉa hè được lát bằng gỗ.

Dọc theo con đường cái vắng vẻ trong buổi sáng sớm chủ nhật này, ba anh em nhà Xa-vê-li-ép và Nhi-cô-lai I-nhi-u-chin — một cậu thiếu niên mười lăm tuổi, có biệt hiệu là «Các-ca — Xô-côn», người cao vổng y như một dấu hỏi lớn — đang rảo bước.

— Vừa rồi tao nhìn qua hàng rào thấy chị mày đang nói gì với mày, — Xê-mi-ôn nói. — Tao nghĩ chắc lại không cho thằng bé đi câu rồi.

— Đâu có. Chị Vê-ra chỉ hỏi xem bọn mình đi câu ở đâu. Em bảo, ở sông nhánh Grô-mô-tu-sca. Hôm nay anh cho bọn em xem miếng võ «máy xay» nhé?

— Sẽ cho xem, — Xê-mi-ôn đáp, nhưng đầu còn mải nghĩ đâu đâu.

Ra khỏi cổng làng, cả bốn anh em đi ra cánh đồng cỏ đã bắt đầu ngả sang màu hung đỏ, qua hàng chân trụ bằng gỗ của hệ thống đường dây điện cao thế với những thanh đỡ đầy

phân chim, dọc theo một lũng nhỏ có mọc xanh tốt để đến con sông nhánh Grô-mô-tu-sca nhỏ bé.

Đến đây, Vích-to Ca-sca-rốp, bạn cùng tuổi của Đi-ma, đuổi kịp họ, miệng thở hổn hà hổn hển.

— A, Vích-to! — Đi-ma mừng rỡ kêu lên. — Thế mà mẹ cậu bảo là cậu không đi!

— Thiếu gì chuyện bà ấy bảo... — Vích-to lẩm bẩm, đưa cặp mắt đang có điều gì không vui nhìn sang chỗ khác.

Trên bầu trời xanh quang đãng, mặt trời như bị nung chảy đã xua tan nốt chút sương mù buổi sáng còn sót lại và đổ từng dòng thác nắng nóng bỏng xuống mặt đất. Những vệt nắng phản chiếu trên mặt nước làm nhức mắt. Ở cạnh bờ chúng hầu như không có; ra chừng ba — bốn mét mới có một vài vệt màu vàng nhạt thưa thớt rập rờn trên sóng; càng ra xa các vệt nắng càng nhiều, càng to hơn; và ở giữa dòng, chúng hòa thành một dải dày đặc chói chang.

Cả bọn vội vã móc mồi vào lưỡi câu, rồi ngồi nhìn phao chăm chắm. Trên chiếc mũi sẩy da của An-đrây, mấy hạt mồ hôi li ti rịn ra vì căng thẳng. Chỉ có Vích-to Ca-sca-rốp vẫn đang loay hoay buộc dây cước vào cần câu. Rồi, như quên cả việc câu cá của mình, quên cả mọi sự trên đời, cậu ngồi bất động nhìn ra xa, vào một điểm nào đó ở bên kia con sông nhánh, nơi mấy cây liễu trắng mọc cạnh bờ dốc một hòn đảo nhỏ đang mềm mại buông cành xuống vạch những đường nông trên dòng nước xiết.

— Đây rồi! — Đi-ma bỗng hét toáng lên và giật từ mặt nước lên một chú cá nhỏ.

Tim An-đrây thót lại vì thèm thuồng, cậu ta bắt đầu giật lia lịa.

— Mày đừng có vội, An-đrây ạ, — Xê-mi-ôn nói và liếc nhìn Vích-to. Vích-to ngồi trên bờ đá, mắt vẫn nhìn sang phía hòn đảo.

Múc đầy một xô nước, Đi-ma ném cá vào. Con cá quẫy mạnh làm nước bắn tung tóe. I-nhi-u-chin cắm cần câu của mình xuống cát và chạy đến chúi chiếc mũi khoằm trên xô nước, trông cậu càng giống hệt cái dấu hỏi.

— Cũng tàm tạm, — I-nhi-u-chin nói một cách kẻ cả. — Tuần vừa rồi tớ đi câu ở dưới chân dãy Dve-nhi-gô-ra. Vừa

mới bỏ mồi xuống là cu cậu đớp liền. Cần câu đánh rắc một cái, gãy đôi. Nó liền kéo khúc ngọn ra tận giữa sông. Tớ liền để cả quần áo nhảy ào theo...

— Đừng có bịa, — Xê-mi-ôn nói.

— Bịa cái gì? Con cá rô bằng chừng này này! Đồ chết tiệt, nó lủi mất. Đuổi không kịp.

— Làm sao cậu biết là cá rô, Nhi-cô-lai? — Đi-ma hỏi.

— Còn cá gì nữa?! — Nhi-cô-lai tự ái. — Trên mình có sọc hẳn hoi. Ngoài nó ra không còn con gì khác.

Chiếc phao của An-đrây bỗng chìm sâu xuống nước. Bị bất ngờ, An-đrây ngồi bệt xuống đống cát ướt, rồi cậu chồm dậy giật mạnh cần câu, tiếng dây câu xé nước kêu đánh soạt. Chiếc phao bật lên khỏi mặt nước, đung đưa trên sợi dây cước kéo căng. An-đrây vừa bước giật lùi, vừa kéo chiếc cần câu về phía mình. Một con cá gì đó rất khỏe — An-đrây cảm thấy nó đang quẫy mạnh ở đầu dây — đang cố sức lôi ra sông. Cần câu bằng cành liễu oằn cong lại, kêu răng rắc, và chiếc phao lại trĩu xuống chạm mặt sông, rồi ngập trong làn nước lạnh

— Đứt mất! Đứt dây mất! — Vích-to như trút bỏ sự trầm ngâm của mình, hoạt bát hẳn lên, kêu rối rít. — Nới ra một tý! Hạ thuống, hạ thuống cho nó một chút. — Cậu hét líu lưỡi, không nhận ra là «hạ xuống» nói thành «hạ thuống». — Ôi, nó đi mất, nó đi mất thôi...

— Đừng có động vào! — An-đrây hét lên.

— Mặc kệ nó, Vích-to, cứ để tự nó, — Xê-mi-ôn mỉm cười nhìn cậu em út, nói.

Đi-ma và Nhi-cô-lai cũng quăng cần câu nhảy cẫng xung quanh An-đrây, tranh nhau bày cách. Nhưng cậu bé không nghe ai cả. Bặm môi lại vì hồi hộp, cậu tiếp tục giằng co với chú cá. Và cuối cùng — có lẽ cậu nghĩ: muốn ra sao thì ra! — liền lấy hết sức giật mạnh cần câu. Chiếc phao vọt lên khỏi mặt nước, và dường như đuổi theo chiếc phao, một chú cá rô to tướng bay vút lên theo, vẽ thành hình một vòng cung lấp lánh màu vàng xanh dưới ánh mặt trời, tuột khỏi lưỡi câu, rơi đánh phạch trên bờ đá ngay cạnh mép nước. An-đrây hét lên, nhảy chồm tới lấy ngực đè lên và cười một cách khoái chí.

Sau đó, cả bọn lần lượt chuyền tay nhau ngắm nghía con

cá rất lâu một cách thèm thuồng.

— Bỏ nó vào xô đi, không chết ươn ra bây giờ, — An-đrây đang mắc con mồi mới vào lưỡi câu, ngoảnh đầu lại làm ra vẻ không quan tâm đến con cá, cố lấy giọng dửng dưng, nói. — Làm như chưa bao giờ thấy cá không bằng!

— Mày gặp may rồi đấy, em ạ, — Xê-mi-ôn nói. — Cái loại lớn tướng này ít khi ăn mồi giun lắm.

— Thế này thì gì mà lớn tướng! — Nhi-cô-lai thả chú cá vào xô, nói. — Năm ngoái ở sông Grô-mô-tu-sca em... Em với chị Vê-ra đi hái phúc bồn tử. Mà em thì bao giờ cũng mang theo dây câu. Em nghĩ: nào ta thử kiếm lấy dăm chú thy-man nấu nồi canh cá cho bữa trưa. Chị Vê-ra rất thích canh cá mà, — không hiểu cậu giải thích để làm gì, rồi nói tiếp: — Còn phúc bồn tử thì bọn em hái ngay sát đầm Tinh...

— Ở đâu, ở đâu? — Xê-mi-ôn rời mắt khỏi chiếc phao, hỏi.

— Cái gì ở đâu? — Nhi-cô-lai nhấp nháy đôi mí mắt nhạt màu. — Cạnh đầm Tinh. Ở đó phúc bồn tử nhiều vô số! Chỉ có việc bốc từng làn. Các bà sợ không dám đến đấy... Còn chị Vê-ra lại rất thích ăn quả mà. Chị ấy rủ: «Nhi-cô-lai, ta đến đấy đi...» Thế là đi. Sao, không tin à?

— Cứ bịa tiếp đi, — Đi-ma nói, mắt vẫn chưa rời xô nước, thầm so sánh cá của mình và cá của An-đrây.

— Mày bịa thì có... — Nhi-cô-lai quay lại nhìn Đi-ma và giận dỗi im lặng.

Cả bọn im lặng quăng mồi thêm chừng mười lăm phút, nhưng cá không cắn nữa. Để ném mồi được xa hơn, An-đrây lội xuống sông, nước đến ngang hông. Cứ mỗi lần móc mồi mới vào lưỡi câu, cậu lại cẩn thận nhổ nước miếng vào, cho rằng như vậy mồi sẽ ngon hơn. Nhưng tất cả đều vô hiệu.

Mặt trời đã lên cao tỏa lửa ra khắp nơi, làm bầu trời từ màu xanh dịu trở nên trắng đục. Hơi nóng từ trên cao đổ xuống từng đợt, dìm hết mọi âm thanh, chỉ trừ tiếng vỗ nhè nhẹ của những con sóng đang liếm mãi lên bờ đá cuội tròn. Không hiểu sao, những con bướm cải cứ liên tục đậu xuống các hòn cuội ướt này, và chấp chới đôi cánh trắng gân đen, chúng chỉ bay đi khi một đợt sóng mới lại xô tới.

— Thế mày bắt được con gì ở đầm Tinh? — Xê-mi-ôn hỏi.

— Chẳng bắt được gì cả, — vẫn còn giận dỗi, Nhi-cô-lai lầu bầu. Nhưng chỉ một lúc sau, cậu đã bắt đầu kể: — Thế là em đi đến bên đầm. Sợ thật đấy. Tự nhiên em nghĩ: con tinh từ sau bụi rậm hiện ra thì làm sao? Trống ngực đập thình thình. Chị Vê-ra thì đang chui đầu khuất trong bụi cây. Thế rồi em đến bên đầm, nhìn...

— Sao nữa? — Đi-ma sốt ruột kêu lên. — Con tinh hả?

Vích-to quên cả chiếc cần câu của mình, cũng ngoái đầu lại phía Nhi-cô-lai. Nhưng ánh mắt Vích-to không dừng trên mặt bạn, mà chỉ bay ngang qua để đến một đám mây xốp nhỏ vừa mới bất ngờ hiện ra nơi chân trời, ánh mắt thờ ơ, trống rỗng. Chỉ có An-đrây, đứng ngập sâu trong nước, người cúi gập về phía trước như sắp ngã chúi xuống sông, vẫn giữ chặt chiếc cần câu trong bàn tay giơ cao đã cứng đờ và mắt vẫn không rời khỏi chiếc phao.

— Em nhìn... và thấy một đôi cá thy-man rất to đang bơi nổi trên mặt nước. Nào, em nghĩ, thử xem... Cố thật khẽ để khỏi làm chúng sợ, em vung cần câu. Mồi còn chưa kịp chìm xuống nước, chúng đã tranh nhau lao tới đớp. Một con nuốt chửng cả lưỡi câu và kéo phao chìm nghỉm xuống! Bỗng nhiên...

— Có tiếng con tinh cười trong bụi! — Đi-ma giễu cợt chêm vào.

— Tao nói thật, còn chúng mày cứ... — Nhi-cô-lai lắc chiếc đầu cắt ngắn, nói: — Con cá thy-man vừa lặn xuống sâu, thì giữa đầm bỗng nổi lên một cột nước, kêu ầm ầm!.. Tất nhiên, em sợ hết hồn. Khắp người nổi gai ốc. Cái gì? Phải lúc ấy chúng mày ở đấy... Lại còn ở chính giữa đầm nhô lên một cái đuôi cá chẻ đôi to bằng chừng này này, — và Nhi-cô-lai vung hai tay ra hiệu chỉ chiếc đuôi to gần bằng sải tay. — Nó quẫy một cái và nước bắn tung lên như mưa rào, làm ướt hết cả người. Em giật mạnh một cái, đến nỗi dây câu kêu đánh phựt...

— Đứt mất! — An-đrây kêu to và bước lên bờ để móc con mồi mới. — Nhi-cô-lai, thế con cá gì vậy? Cá măng à?

— Tớ không biết, — Nhi-cô-lai thở dài.

— Cá măng đấy! Đúng là cá măng! — An-đrây khẳng định. — Cha có lần kể rằng trong những đầm lớn trên sông Grô-mô-tu-sca có cá măng đấy.

—Cũng có thể là cá măng.

—Chắc là cá mập đấy,—Đi-ma vừa cười, vừa nói.—Đuôi như vậy chỉ có cá mập thôi.

—Cậu thì chẳng bao giờ tin cả!—Nhi-cô-lai giận dỗi ngoảnh mặt đi.

Về một mặt nào đó mà nói, cái cậu bé Nhi-cô-lai này quả là con người khác thường. Với cậu bao giờ cũng xảy ra những chuyện phiêu lưu kỳ lạ. Khi thì cậu bị một con chó nhà nào cắn rách toạc quần, khi thì ngồi trên lớp bỗng nhiên, không ai đụng chạm gì đến, khẩu súng diêm tự tạo ở trong túi cậu phát nổ, xé thịt ở đùi rách đến tận xương.

Ba năm trước đây, cậu đánh cuộc với các bạn sẽ nhổ được một sợi lông đuôi con ngựa rất hung dữ của văn phòng huyện ủy, có biệt hiệu là «Các-ca—Xô-côn», để làm dây câu. Con ngựa này thuộc giống rất hiếm, toàn thân màu nâu thẫm gần như là một con ngựa ô, nhưng bờm và chiếc đuôi rất dài lại trắng toát như cước bạc. «Nó là giống mê-ri-nốt đấy»,—bác chăn ngựa của văn phòng huyện ủy Ép-xây Ga-lan-sin giải thích với bọn trẻ tò mò khi bác thả ngựa cho ăn cỏ qua đêm ở sau làng. Thấy bọn trẻ không hiểu được những từ xa lạ đó, bác liền nổi cáu «Cút khỏi đây đi, lũ quạ con! Tao biết, chúng mày lại muốn nhổ lông ngựa chứ gì? Nó lại đá cho vỡ quai hàm ra bây giờ...» Và, buộc vào đôi chân trước của con ngựa vòng dây tróng bằng lông bện rất chắc, bác bỏ đi, dáng người thẳng, nghiêm như cây sào.

Sợi lông đuôi ngựa trắng là cả một sự mơ ước. Nhưng chưa ai nhổ được, dù là một sợi thật nhỏ. Con ngựa chỉ cho mỗi một mình ông già Ép-xây tới gần. Thấy bóng bất kỳ một người lạ nào khác, nó liền hất cao đầu, nhe những chiếc răng dài, dẹt như răng chó và xoay chân sau lại một cách đầy hăm dọa.

Cả bọn kéo nhau đi giải quyết cuộc thách đố vào lúc gần tối, khi ông cụ Ép-xây theo thường lệ thả ngựa ra ăn ở đồng cỏ.

—Đứng ở đây mà nhìn,—Nhi-cô-lai dừng lại cách con ngựa chừng hai trăm thước, nói:—Không được tới gần đấy.

—Tại sao?—Đi-ma tò mò hỏi.

—Nguy hiểm,—Nhi-cô-lai đáp có vẻ khinh mạn.—Lỡ

nó nổi khùng lên, rồi nhảy vào chúng mày thì sao? Nó giẫm nát chúng mày ra, còn tao lại chịu tội...

Lời dọa quả có tác dụng. Cả bọn dừng lại. Một mình Nhi-cô-lai đến bên con ngựa, tất cả còn lại đứng nhìn theo, nín thở, thèm muốn sự dũng cảm của cậu.

Con ngựa đang bình thản gặm cỏ, thấy bóng Nhi-cô-lai liền ngẩng đầu, lên tiếng hý. Lũ trẻ sợ đến thót bụng lại, nhưng Nhi-cô-lai vẫn không dừng bước, giơ tay ra phía trước chậm rãi đi đến bên con ngựa. Một thoáng sau, cậu đã đứng cạnh ngựa và giơ tay vuốt ve đôi má dẹt của nó. Lũ trẻ đứng há hốc mồm ra nhìn điều kỳ lạ đó.

Không ai biết rằng suốt cả một tháng nay Nhi-cô-lai đã tìm cách làm quen được với con ngựa này.

Một lần, vào buổi sáng, khi đuổi bò ra bãi chăn theo đàn, Nhi-cô-lai nhận thấy rằng trước lúc cởi dây tróng ở chân và dắt ngựa về, ông già Ép-xây cho nó ăn một mẩu bánh mì đen. Con ngựa ăn hết và cọ má một cách biết ơn vào bàn tay sần sùi, chai sạn vì năm tháng của ông già. Nhi-cô-lai kêu thốt lên một tiếng, ngồi xuống bãi cỏ còn ướt sương và suy tính một điều gì đó.

Buổi chiều, cậu ra bãi cỏ với một mẩu bánh mì đen to tướng. Khi ông cụ vừa mới thả con ngựa đã buộc tróng chân trước, khấp khểnh đi vào làng, Nhi-cô-lai liền tiến đến bên con ngựa, chìa mẩu bánh mì buộc vào đầu một chiếc gậy dài.

Mấy hôm đầu, vừa trông thấy gậy, con ngựa đã nhảy né sang một bên, dữ tợn nhe những chiếc răng vàng khè và quay mông lại đe dọa. Nhưng dần dần, cái mùi quyến rũ của bánh mì đã thắng thế, và một lần Các-ca - Xô-côn thận trọng gặm mẩu bánh ở đầu gậy.

Một tuần sau, con ngựa đã ăn bánh mì trong tay của Nhi-cô-lai và thêm một tuần nữa, nó đã cho phép cậu bé được vuốt ve chiếc cổ mượt mà của mình.

Nhi-cô-lai cho rằng mọi việc như vậy coi như đã xong, và giờ đến lúc làm cho các bạn phải kinh ngạc.

Như thường lệ, sau khi cho ngựa ăn xong một mẩu bánh mì bí mật mang theo người, Nhi-cô-lai vuốt ve đôi má của Các-ca - Xô-côn chừng nửa phút, vỗ vỗ vào chiếc cổ dốc đứng và cứng như đá, rồi đưa bàn tay vuốt dọc suốt lưng dài bóng

nhẩy. Con ngựa rùng mình, quay ngoắt đầu lại, đôi mắt màu tím nhạt lấp lánh. «Ai làm gì mày đâu nào, đồ nỡm!» — Nhi-cô-lai âu yếm nói. Giọng quen thuộc đã làm cho con ngựa yên tâm, nó thôi rùng mình và bắt đầu ngắt cỏ ăn.

Nhi-cô-lai, một tay tiếp tục xoa xoa lên phần mông, tay khác thận trọng chọn một túm lông đuôi, quấn vào nắm tay, nhảy vội sang một bên và dùng hết sức giật mạnh. Nhưng không biết vì lông đuôi ngựa quá bền hoặc vì tham mà Nhi-cô-lai túm quá nhiều, nên cậu không thể nào giật đứt được. Con ngựa nhảy chồm lên vì đau, chân cào tung đất bụi. Nhi-cô-lai định bỏ chạy ra xa, nhưng bàn tay đã bị túm lông đuôi ngựa quấn chặt. Các-ca - Xô-côn tung hai vó sau đá hậu, và rất kỳ lạ là Nhi-cô-lai thoát khỏi không bị vỡ đầu. Cậu bé nhảy tránh sang bên, cố hết sức gỡ tay ra. Trong khi đó, con ngựa quay đầu, cong người lại, nhe răng ra đớp một miếng vào mạng sườn Nhi-cô-lai...

Khi các bạn chạy đến, I-nhi-u-chin nằm úp mặt xuống đất, bất động. Một miếng da to gần bằng bàn tay, đẫm máu, nằm treo bên sườn bị rách toạc.

Nhi-cô-lai khẽ rên, ngồi dậy đưa mắt nhìn vết thương đang phun máu của mình. Cậu cởi chiếc áo sơ-mi bị răng ngựa cắn toạc, xé ra thành từng dải nhỏ, đặt miếng da bị đứt ra vào chỗ cũ và im lặng tự băng bó cho mình.

— Thôi được, tớ sẽ vào bệnh viện, — Nhi-cô-lai đứng lên, nói.

Người ta chữa lành vết thương bên sườn cho cậu, nhưng trên thân mình da màu bánh mật của Nhi-cô-lai còn lại suốt đời một vết sẹo trắng nhợt hình móng ngựa. Và sau sự việc này, I-nhi-u-chin được vĩnh viễn gắn cho một biệt hiệu nghe rất độc đáo: Các-ca — Xô-côn.

Mặc dù với cậu thỉnh thoảng lại xảy ra những chuyện tương tự như vậy, Nhi-cô-lai vẫn nổi tiếng là tay khoác lác chuyên bịa chuyện. Cũng có thể là vì khi kể lại những chuyện có thật của mình, cậu thường đem phóng đại, vẽ vời thêm, hoặc có khi còn bịa ra nữa.

Kể xong câu chuyện ở đầm Tinh, Nhi-cô-lai đi tách ra khỏi bọn, đến ngồi trên một tảng đá nóng và xịu mặt xuống.

— Câu với kéo gì thế này! — An-đrây lội từ sông lên, ném

cần câu xuống đất, kêu to: —Chẳng có con nào cắn câu cả!

Xê-mi-ôn đứng quay lưng lại phía sông, mắt nhìn lên con đường chạy qua đồng cỏ. Một người nào đó đang đi trên đường. Qua chỗ những cột điện cao thế, đến ngã ba, người đó đi rẽ sang trái, theo hướng ngược với con sông, lên đèo Dve-nhi-gô-ra.

—Đi-ma, nhìn thử ai đi trên đường về Mi-khai-lốp-ca thế? —Xê-mi-ôn nói.

—Một người bình thường... khoác bị, đi ủng. Tay cầm gậy, —Đi-ma có đôi mắt tinh như mắt diều hâu, nói.

—Có phải chú I-van không?

—Chú ấy ở đâu ra? Đang ngồi tù kia mà.

Nghe nói vậy, Vích-to Ca-sca-rốp từ nãy vẫn ngồi tách riêng ra một mình, vội đứng dậy nhìn theo bóng người đang đi khuất về phía đèo. Và, ngồi xuống chỗ cũ, cậu lại ủ rũ nhìn đôi bàn chân đầy những vết sẹo nứt nẻ của mình.

—Tao cảm thấy như vậy. Đôi vai xo giống như của chú I-van, —Xê-mi-ôn nói.

Mặt trời vẫn trút những dòng thác lửa xuống như định thiêu cháy cả mặt đất. Sau mỗi lần bị những cơn sóng ấm và lười biếng tràn qua, hai bờ đá nóng bỏng lại khô ngay tức khắc. Những cô bướm cái nửa giờ trước đây còn chập chờn dưới chân đã biến đi đâu mất. Bầu trời vẫn quang đãng, ở một góc xa nơi mới đây chỉ có một đám mây bông nhỏ lơ lửng sau làn sương mỏng, bây giờ đã mọc lên một cột mây trắng muốt đồ sộ, ngọn to hơn gốc gấp nhiều lần. Bị chiếc mũ khổng lồ đè nặng, cả cột mây bị lệch nghiêng về bên phải và như chực đổ sập xuống thị trấn San-ta-ra.

—Này, các bạn chài tí hon, —Xê-mi-ôn cởi áo sơ-mi, nói, —đến chiều chẳng có cá cắn câu đâu. Tốt hơn là ta tắm một cái, rồi nấu nồi canh cá của Đi-ma và An-đrây. Trong lúc chờ nấu xong, anh sẽ cho chúng mày xem mấy thế võ xam-bô, trong đó có cả thế «máy xay» nữa.

Xê-mi-ôn cởi quần áo, rồi đứng lặng chừng nửa phút trên bờ sỏi nóng trước những con mắt thèm thuồng của bọn trẻ. Thân hình chắc nịch, bắp thịt nổi lên cuồn cuộn lấp lánh màu đồng hun dưới ánh mặt trời. Mái đầu hơi xương xẩu, góc cạnh ngự một cách bướng bỉnh trên đôi vai nở nang lực lưỡng

bị mặt trời đốt đến cháy đen. Và chiếc cổ ngắn, đôi gò má rộng, vầng trán dô — tất cả đều sạm nắng; chỉ có mái tóc bạch kim rậm là mặt trời không đủ sức đốt sém, chúng rực lên một ánh lửa trắng không bao giờ tắt.

Đứng một lát cạnh mép nước, Xê-mi-ôn khẽ nhún chân, vươn thẳng người, vung hai cánh tay, và dường như có một sức mạnh vô hình nào đó nhẹ nhàng nhấc bổng anh lên, rồi ném mạnh ra xa bờ, vào lòng nước sông sâu mát. Bọn trẻ cũng nhảy theo anh. Chỉ có Vích-to vẫn ngồi nguyên tại chỗ trên bờ sông, dưới ánh nắng mặt trời thiêu đốt, im lặng đào một chiếc hố nhỏ trên bờ cát ấm.

Cả bọn bơi cạnh bờ chừng mấy phút, cười đùa ầm ĩ, té nước làm tung lên những cầu vồng lấp lánh. Xê-mi-ôn leo lên bờ trước nhất. Vẫn cởi trần, anh lục trong các túi quần, lấy thuốc ra hút.

Từ người anh, những hạt nước trong vắt theo nhau chảy xuống cát.

— Vích-to, có chuyện gì thế, nói nghe xem nào. Ở nhà có chuyện gì à? — Xê-mi-ôn ngồi xuống bên cạnh, hỏi.

— Thôi, để mặc em, — Vích-to uể oải nói, đứng dậy bỏ đi ra bờ sông.

Xê-mi-ôn nhảy mấy bước, đuổi kịp Vích-to, đứng chắn ngang đường.

— Anh muốn gì, hả? — Vích-to kêu lên, giọng gần như giận dữ, hất mạnh mái tóc đã từ lâu chưa cắt. — Anh cần gì nào?

— Anh chẳng cần gì cả, — Xê-mi-ôn đặt tay lên vai Vích-to. — Anh có thể giúp gì cho em được không?

— Không thể! Không, không thể!! — Vích-to tuyệt vọng kêu lên, hất bàn tay nặng trịch của Xê-mi-ôn xuống và bỏ đi tiếp. Nhưng được mấy bước, cậu quay người lại nói: — Tối qua, cái... gã... Ma-ca Cáp-ta-nốp về. Anh hiểu chưa?

— Ma-ca à?! — Xê-mi-ôn thốt lên và bất giác đưa mắt nhìn sang phải, về phía con đường mà vừa mới đây có một người — từ xa trông giống chú I-van đang ngồi tù mấy năm nay — xách túi đi về làng Mi-khai-lốp-ca.

Vích-to hiểu ý cái nhìn đó, nói:

— Có thể, họ cùng về với nhau.

Xê-mi-ôn nhíu lông mày im lặng. Ma-ca Cáp-ta-nốp, cậu ruột của anh, là một tay ăn trộm khét tiếng, một chuyên gia về đục tường bẻ khóa các cửa hàng mua bán. Mới hai mươi tám tuổi, hắn đã phải sáu lần ra tòa...

* * *

Sau bữa trưa, Phê-đô Xa-vê-li-ép đi ngang qua chuồng súc vật ra sân, cất tiếng gọi oang oang, hách dịch:

— Ki-ri-an!

Cánh cửa bằng gỗ ván nhà I-nhi-u-chin lập tức mở toang. Ki-ri-an I-nhi-u-chin, như một mũi tên, nhảy vội ra ngoài hiên, nơi treo lủng lẳng những mớ giẻ rách đã phai hết màu.

— Ăn sáng chưa? — Phê-đô hỏi. — Sửa soạn mà ra trạm ngay.

— Nhưng hôm nay là chủ nhật cơ mà. Tôi vừa cho chai rượu xuống hầm lạnh...

— Rượu với chè gì! Mùa đến nơi rồi, mà máy kéo của cậu còn chưa đâu vào đâu cả.

— Thôi được, nếu cần thì tôi cũng sẵn sàng ngay, — Ki-ri-an lập tức đồng ý.

Căn nhà của I-nhi-u-chin được ghép bằng những tấm gỗ mỏng và thô, đứng bên cạnh ngôi nhà rộng rãi của Xa-vê-li-ép trông càng nhỏ bé, dột nát và xấu xí. Và chính Ki-ri-an I-nhi-u-chin cũng vậy, với đôi vai hẹp và chiếc trán hói, lại càng xấu xí thảm hại so với Phê-đô Xa-vê-li-ép cao lớn, lực lưỡng như gấu.

Ki-ri-an lại biến vào sau cánh cửa. Từ ngoài vườn, vợ của Ki-ri-an, An-phi-xa, một người đàn bà mũi nhọn, có đôi mắt sắc hẹp, bao giờ cũng ánh lên một ngọn lửa cuồng nhiệt, đi vào, bước lên hè. Bộ ngực nở, thân hình gọn gàng cân đối, mặc dù đã ba mươi chín tuổi, An-phi-xa trông vẫn như một cô gái trẻ.

An-phi-xa đi vào, không trông thấy Phê-đô, chiếc váy cũ bạc màu xắn cao, để lộ đôi bắp chân hồng vì lạnh, ướt đẫm sương sớm trong vườn và dính đầy bùn.

— Ngủ ngon chứ? — Phê-đô lên tiếng hỏi.

— Ối! — người đàn bà giật mình kêu lên, vội vã buông gấu váy xuống.



Phê-đô bước đến bên hàng rào chia đôi hai mảnh vườn:
— Lại đây một tý nào...
An-phi-xa thoáng ngập ngừng, rồi bước đến bên hàng rào.
— Gì nào? — Mắt chị nhìn xuống đất, đôi mí mọng, phơn phớt màu hồng, hơi chớp chớp.
— Trời tối, anh sẽ đợi... trong vườn hướng dương, nhé? — Phê-đô vuốt bộ ria, gật đầu chỉ về phía mảnh vườn hướng dương ở cuối hàng rào. — Đến chứ?
An-phi-xa vụt lia sang Phê-đô một cái nhìn như giọt nước sôi, rồi cúi xuống, mân mê những quả dưa chuột non đựng trong tấm vải tạp-dề.
— Anh tiếc là đã để em cho Ki-ri-an, — Phê-đô cười nhạt. — Em dường như không già đi, không hao mòn tí nào cả. Còn An-na thì...
— Bây giờ còn nói làm gì nữa... — An-phi-xa thở dài.
— Thế em đến không?
— Thôi được. Nếu Ki-ri-an không tỉnh dậy, — An-phi-xa nói một cách đơn giản, tự nhiên, và thấy Ki-ri-an từ trong nhà đi ra, chị liền giúi một quả dưa chuột vào bàn tay to lớn của Phê-đô. — Thử một quả xem, của vườn nhà đấy.
— Cô quả là một tay làm vườn giỏi nhất cả xóm này, — Phê-đô-nói.
— Quả đúng vậy, — Ki-ri-an cau mặt xác nhận. — Bất cứ loại rau củ nào, khi chưa nghe thấy ở đâu nói đến, trên bàn nhà đã có rồi... Thôi, đi đi! — Ki-ri-an giận dữ nói và đẩy vợ lên thềm.
Phê-đô và Ki-ri-an đi ra đường, im lặng rảo bước về phía trạm máy kéo.

* * *

Sau khi dẹp xong bọn phiến loạn Côn-tsắc, Phê-đô Xa-vê-li-ép, theo sự giới thiệu của chủ tịch Xô-viết xã, vốn là cựu chỉ huy đội du kích Pô-li-các-pơ Cru-gi-lin, được cử làm trưởng phòng bưu điện San-ta-ra. Phê-đô lấy Ki-ri-an I-nhi-u-chin, đội viên trong phân đội du kích của mình, làm chân phụ trách quản trị. Họ làm việc ở bưu điện khoảng mười năm, cho đến năm 1931. Đầu tiên, công việc ra chiều trót lọt, nhưng

dần dần Ki-ri-an bắt đầu uống rượu, tìm cách, từng ít một, bí mật tuồn tài sản công cộng ra ngoài — khi thì ít cuộn dây đồng, khi thì vài chục cột điện bằng gỗ thông, khi thì một bộ yên cương ngựa. Đã nhiều lần Phê-đô sửa cho nên thân, vung nắm tay đầy lông lá sát chiếc mũi hơi quặp của Ki-ri-an.

— Ấy chết, Phê-đô! Anh nói gì vậy?! — I-nhi-u-chin nhấp nháy đôi mắt của kẻ vô tội, lấy bàn tay lau những hạt mồ hôi lớn tướng rịn ra trên chiếc trán đã bắt đầu hói. — Trời dần chết tôi đi, làm cho tôi tắt thở ngay, nếu như tôi dám động đến một cái gì trong tài sản nhà nước... Đúng là bọn chăn ngựa lấy trộm để uống rượu, không ai khác. Tôi sẽ cho chúng một mẻ biết tay, lũ ăn bám trời đánh này. Chúng sẽ chẳng dám động đến một cái kim nào nữa đâu...

Rồi Ki-ri-an khéo léo tìm cách mở các kiện hàng gửi, lấy trộm đủ các thứ linh tinh. Những lời kêu ca về bưu điện càng nhiều, và ít lâu sau, Phê-đô buộc phải thôi việc.

— Thế mà cũng đòi là một cựu du kích đấy! Một chỉ huy phân đội dũng cảm! — Cru-gi-lin, bây giờ đã là bí thư huyện ủy, hét ầm lên. — Mà phân đội nào kia chứ?! Phân đội xuất sắc nhất trong trung đoàn! Phá cả bưu điện, làm hỏng hết nhân viên... Thật là nhục nhã!

Sau việc này, Phê-đô xin vào làm chân thu mua cho trạm Mi-khai-lốp-ca thuộc phòng thu mua gia súc của huyện vừa mới được thành lập trước đây không lâu.

Người đầu tiên Phê-đô gặp ở làng Mi-khai-lốp-ca là I-van, người em trai út. Anh gầy như que củi, tái nhợt như kẻ ngồi suốt đời trong hầm tối, da trên cặp lưỡng quyền mỏng và vàng bợt, tưởng như những đầu xương hẳn lộ cả ra ngoài.

— Mày?! — Phê-đô ngạc nhiên. — Sao mày lại ở đây?!

I-van ngoảnh đi, nhìn lên những ngọn núi Dve-nhi-gô-ra đen sẫm trong làn khói sương buổi chiều. Một chiếc roi chăn ngựa kẹp bên nách.

— Tôi chăn ngựa ở trạm, — I-van đáp.

— Được rồi, việc này chúng tao sẽ sửa lại ngay, — Phê-đô cười nhạt. — Tao vẫn còn chưa quên cách nói chuyện với quân thổ phỉ đâu. Mày từ đâu ra đấy hả, thằng phản động?

— Nếu cần biết... I-a-cốp A-lây-nhi-cốp sẽ giải thích cho

anh, — I-van nói và bỏ đi. Vạt áo mưa đã cũ sờn vì mưa gió trên đồng cỏ bay phần phật, vướng vào những thân cây ngải cứu cứng khô như bằng sắt tây.

I-a-cốp A-lây-nhi-cốp, cựu đội trưởng trinh sát trong đội du kích của Cru-gi-lin, sau nội chiến làm ở Cục chính trị quốc gia. Khi biết Phê-đô đến về việc gì, A-lây-nhi-cốp xoa xoa vết sẹo nằm chéo trên má trái — dấu tích nhát gươm của Du-bốp, nói:

— Thằng em của cậu từ năm hăm nhăm người ta đã thả cho ra ở nhà giam Bác-na-un. Nó hết hạn rồi.

— Kẻ thù của chính quyền Xô-viết mà chỉ năm năm à? Hạn gì lạ thế?

— Tòa án họ biết rõ hơn cậu chứ! Họ thấy có những điều làm giảm bớt tội. Sau đó nó ở Bác-na-un mấy năm, làm thợ mộc cho một xưởng nào đó, rửa sà-lan chở dầu hỏa trong vũng sông. Rồi cưới một người bán căng-tin trên tàu thủy ở đấy làm vợ. Nó về đây là được sự đồng ý của bọn mình. Các nông trang viên không muốn nhận nó vào...

— Và tôi cũng sẽ không làm việc cùng với nó. Anh hiểu chưa?

— Tớ thì hiểu rồi... Nếu để cho tớ, tớ đem tất cả quân tương tự, những kẻ có dây dưa với phản cách mạng, đặt vào tường — và chấm dứt vấn đề! Để trong nước được bảo đảm, yên tĩnh. Nhưng Cru-gi-lin nói cứ để cho nó làm việc, không sao... Nhân đạo, khoan hồng mà. Nhưng chúng thì chẳng nhân đạo, khoan hồng với ta đâu... — A-lây-nhi-cốp thôi đi lại trong phòng. Ông dừng lại bên cửa sổ, ném về phía Xa-vê-li-ép một cái nhìn lạnh lùng, đôi lông mày rậm nhíu lại: — Nhưng sao cậu lại căm thù nó đến thế? Dù sao thì cũng là anh em ruột...

— Chẳng lẽ anh không hiểu à?

— Thôi được, — A-lây-nhi-cốp nhếch mép cười. — Đó là chuyện, như người ta nói, của gia đình các cậu. — Và ông lại sờ lên vết sẹo trên má, nói tiếp: — Còn như đứng trên quan điểm giai cấp vô sản mà xét, tớ lại muốn đề nghị cậu, Phê-đô ạ, nếu như thấy nó có điều gì... ý nghĩ, lời nói, chứ chưa kể đến hành động...

— Sao?! — Phê-đô muốn túm lấy chiếc thắt lưng mới tinh, bóng lộn, lấp lánh những tia nắng từ cửa sổ chiếu vào của

A-lây-nhi-cốp mà lắc mạnh, nhưng kìm lại được. — Tôi không phải là mật thám. Anh muốn gì, mặc các anh!

Phê-đô bỏ ra về. A-lây-nhi-cốp khẽ rướn đôi lông mày rậm, đăm chiêu nhìn theo.

Mặc dù Phê-đô có sôi tiết đến đâu, cuối cùng ông cũng phải sống tại làng Mi-khai-lốp-ca, bên cạnh người em trai không đội trời chung. Họ không đến nhà nhau, không nói chuyện với nhau. Chỉ có đôi lúc, sau khi đuổi đàn súc vật đã béo mẫm lên về San-ta-ra, I-van đưa giấy tờ cho Phê-đô, hỏi:

— Được chưa?

Phê-đô mấp máy bộ ria, xem rất lâu những con số và chữ ký trên mấy tờ giấy vàng khè, nhàu nát, rồi gật đầu, mắt vẫn không thèm nhìn I-van.

— Được!

Lòng thù địch từ lâu giữa hai anh em cứ tăng thêm, chằng buộc bằng những sợi dây rối rắm, nặng nề và rất chặt, gây ra trong làng Mi-khai-lốp-ca bao nhiêu là những lời đồn đại, những câu chuyện của những kẻ ngồi lê mách lẻo.

— Phê-đô ngứa tay muốn nện thằng phản động lắm rồi. Thế nào cũng có lúc...

— Cả hai... cùng một nòi một giuộc với nhau thôi. Thì Phê-đô cũng lấy con gái cu-lắc làm vợ đấy...

— Không nên nói thế. Cáp-ta-nốp là một con thú dữ, bao người đã phải khốn khổ với hắn. Còn con gái hắn, An-na, lại tham gia du kích với Phê-đô...

— Tham gia du kích... Đúng ra là đi lăng nhăng với Phê-đô...

— Người ta còn đồn rằng không chỉ với Phê-đô, mà cả với I-van nữa...

— Ha-ha-ha, thế ra hai anh em cùng húp một bát...

Nghe những lời xì xào bàn tán của dân làng, thỉnh thoảng lại bắt gặp những cái nhìn, khi thì công khai giễu cợt, khi thì dò hỏi ngạc nhiên, Phê-đô sa sầm mặt xuống.

— Này, mày đi đâu, đến xứ ma quỷ nào thì đi đi! — Chừng một năm sau, Phê-đô không chịu được nữa, bảo: — Đi sớm cho khỏi tai họa! Tao nói thật với mày đấy!

— Tôi ở đây thì có gì phiền đến anh? — những sợi ria của I-van khẽ rung rung.

— Bộ ria của mày làm tao không thích! — Phê-đô trùm lên người I-van một ánh mắt đầy căm thù.

I-van mới để ria, cũng một bộ ria rậm và cứng như của Phê-đô, hình móng ngựa. Điều khác nhau chỉ là ria của Phê-đô thì đen nhánh, còn của I-van thì màu sáng, màu của đôi mắt xám nhạt như bầu trời tháng Sáu nóng nực.

— Cũng là ria cả thôi. Gần giống như của anh, chỉ có hơi khác màu...

Phê-đô nghe trong người như có một cái gì đâm nhói, ông túm lấy ve áo vét-tông của I-van lắc mạnh.

— Mày cười tao, hả, đồ rắn độc? Mày nhạo à? Mày nói bóng gió để chọc tao hả?! — Và trong cơn nóng giận không còn nhớ gì nữa, Phê-đô giật mạnh chiếc cổ áo xuống phía dưới.

Tiếng vải bị xé rách như làm cho Phê-đô chợt tỉnh, ông lùi lại một bước, nhìn mảnh vải nằm trong bàn tay nắm chặt.

— Anh phát rồ lên thật rồi, — I-van thản nhiên nói. — Ai bóng gió châm chọc anh...

Vừa lúc đó, A-ga-ta, vợ của I-van, một người đàn bà nhỏ bé và rất nhanh nhẹn, rẽ vào chuồng ngựa, nơi hai anh em đang cãi nhau. Chị có việc đi ngang qua, khi đã sắp ra khỏi dãy chuồng thì nghe thấy tiếng đàn ông, liền dừng lại.

— A, cái đồ ăn bám, loài quỷ xù lông, đồ dịch hạch chết tiệt! — A-ga-ta vừa trông thấy đã tuôn ra một tràng chửi rủa như tát nước. — Mày định không để cho I-van sống nữa hay sao? Hay anh ấy chưa đủ khốn khổ, mày còn muốn hành hạ thêm nữa, xé nốt chiếc áo cuối cùng? Mày thì quần dạ áo nỉ, còn chúng tao thì chỉ còn giẻ rách. Bỏ áo vét-tông của mày ra đây, mau lên, đồ mặt lợn...

Người đàn bà, mắt long lên, nhảy loi choi xung quanh Phê-đô cao lớn, tay khua loạn xạ, đôi bím tóc sổ ra ngoài chiếc khăn bịt đầu cũng vung vẩy theo. Rồi chị bắt đầu tìm cách giật chiếc áo vét-tông trên người Phê-đô. Phê-đô vừa lùi lại, vừa chống đỡ như chống đỡ một con chó đã nổi điên lên đang vừa sủa vừa xông vào cắn. Cuối cùng, người đàn bà đã cướp được chiếc áo, vò túm lại, cắp vào nách chạy đi.

— Đừng lo, tôi sẽ trả lại áo cho anh, — I-van nói, cúi xuống nhặt những mảnh vạt áo của mình bị xé rách.

Ngày hôm sau, I-van mang chiếc áo vét-tông của Phê-đô đến một căn phòng nhỏ, tường bằng ván mỏng, im lặng quẳng lên mặt bàn đã ọp ẹp.

— Tao còn muốn nói thêm vào câu chuyện ngày hôm qua, — không hiểu sao Phê-đô lại tránh ánh mắt của I-van, nói. — Nếu như tao thấy... mày nói chuyện, lôi cuốn Xê-mi-ôn... hay... và lạy Chúa, nếu như tao thấy... mày ở bên cạnh An-na... có mặt người khác hay không cũng vậy... Lúc đó, đừng có trách.

— Chứ còn sao nữa, — I-van thốt lên. — Anh chứ có phải Ki-ri-an I-nhi-u-chin đâu, tôi biết chứ.

Phê-đô nhảy hai bước đến bên cạnh I-van, phải cố kìm lắm ông mới không túm lấy vạt áo của người em như hôm trước.

— Anh cứ xé áo tôi nữa đi, — I-van nói như khuyên. — Anh thấy đấy, A-ga-ta đã vá những mảnh rách lại rồi. Không sao, cô ấy sẽ còn vá nữa.

— Không, tao sẽ không xé áo đâu! — Phê-đô rít lên, tiếng rít như bị tắc lại trong cổ. — Tao sẽ giết chết mày ngay, quân phản động, nếu như mày dám tung tin đơm đặt!

— Cất ngay tay đi! — Cuối cùng I-van cũng nổi cáu lên. — Trông đấy lông lá đến tởm!

Mấy giây, hai anh em ruột đứng đối diện nhau, những đôi mắt nảy lửa như muốn xé nhau ra từng mảnh.

Phê-đô là người đầu tiên không chịu nổi, quay đi và bước đến bên bàn.

— Đơm đặt... Cả làng người ta còn đang bàn tán chuyện anh với An-phi-xa đấy.

— Mày cứ liệu hồn đấy, kẻo rồi lại hối, — Phê-đô uể oải, dường như đã hết cơn tức giận, nói.

...Sau khi ổn định xong chỗ làm việc mới, Phê-đô liền đòi xin huyện cho mình một người giúp việc — mặc dù, thực ra mà nói, chức vụ của Phê-đô chẳng có gì làm phức tạp lắm, một người cũng đã chẳng có việc để mà làm, và kéo Ki-ri-an I-nhi-u-chin về. Gia đình I-nhi-u-chin dọn đến ở nửa còn trống trong ngôi nhà của Xa-vê-li-ép. Khi nhà I-nhi-u-chin dọn đến, An-na nghe họ sửa soạn bên kia bức tường, tiếng xô, chậu, xoong bát kêu loảng xoảng, thỉnh thoảng chị lại khóc thầm.

— Có thôi đi không! — Phê-đô quát vợ. — Còn việc gì nữa đây?!

Chừng hai-ba tuần sau, Va-xi-li-xa Pô-xcô-nô-va, một người đàn bà tính đồng bóng ở làng Mi-khai-lốp-ca, khi đi từ đồng về nhà đã bắt gặp Phê-đô và An-phi-xa trong một bụi cây rậm rạp bên con đường sau làng.

— Ôi, các bà ôi! — chiều hôm đó mụ chạy đi khắp làng, từ nhà này sang nhà khác, líu cả lưỡi lại vì hấp tấp, kể. — Thật là đáng xấu hổ! Thằng cha lấy ria cù vào đôi vú trần của ả, còn ả thì cười sặc sụa... Tôi nghĩ: ai cười thế nhỉ? Tôi nghĩ: chắc lại mấy đứa con gái nào nghịch ngợm gì đây trong bụi... Tôi thử vạch cành cây ra nhìn xem — ôi các bà ôi!

Sau đó người ta còn mấy lần bắt gặp Phê-đô và An-phi-xa, khi thì trong cánh rừng con, khi thì ngoài đồng, khi thì bên bờ sông Grô-mô-tu-kha.

— Thật tởm! — các bà trong làng ra sức bêu diếu An-phi-xa, nhổ nước miếng, nói. — Sao cô ả không xấu hổ nổ con ngươi ra! Mà có con rồi đấy, con bé Vê-ra đã mười mấy tuổi, sắp ngấp nghé chồng con rồi còn gì.

— Cứ để đấy, rồi thằng con út Nhi-cô-lai nó sẽ cho biết tay.

— Những ngữ ấy thì phải bóp cổ khi còn nằm trong tã ấy...

Những người đàn ông trong làng Mi-khai-lốp-ca hoàn toàn không hiểu được thái độ của Ki-ri-an I-nhi-u-chin. I-nhi-u-chin biết rất rõ rằng vợ của mình tằng tịu với Phê-đô — người ta đã nói thẳng với anh về điều này không phải chỉ mới một lần. Thậm chí còn có ngững người tình nguyện bày tỏ sự sẵn sàng dẫn I-nhi-u-chin đến một khe núi hay một gò đất nào đó trên đồng để bắt quả tang «đôi chim cu» ngay tại chỗ. Nhưng Ki-ri-an chỉ ngúng nguẩy chiếc mũi hơi khoằm trong không khí, nhổ những bãi nước bọt xuống mặt đất bị rang khô lên vì nóng và nói:

— An-phi-xa của tôi ấy à?! Không bao giờ! Cô ấy thà cắn rách cổ mình còn dễ hơn là...

Nhưng mọi người đều biết rằng Ki-ri-an thường uống say bí tỉ, dẫn vợ ra một nơi vắng vẻ nào đó ngoài làng và đánh đập một cách hết sức tàn nhẫn, không chút thương tiếc, trên thân thể trắng muốt và đầy đặn của An-phi-xa chẳng còn một chỗ nào nguyên lành. Thường thường, An-phi-xa phải nằm lại trong bụi cây cho đến đêm, và khi trời tối hẳn xuống mới lặng lẽ, để không ai trông thấy, bò về làng.

I-van im lặng quan sát cảnh sống như vậy của người anh,

không nói bóng gió gì thêm về An-phi-xa, và cấm vợ cũng không được động đến họ.

— Nếu không thì Phê-đô sẽ nuốt sống anh đấy.

— Nhưng tại sao hắn lại căm thù anh đến vậy kia chứ?

— Có lẽ là do anh đã ở trong toán phỉ của Cáp-ta-nốp. Và vì cả An-na nữa. Anh ấy nghĩ Xê-mi-ôn là con của anh, — I-van nói, giọng trầm xuống. — Anh đã kể cho em nghe cả rồi đấy... về mọi việc đã xảy ra. Anh chẳng có gì giấu em cả.

— Hay là ta đi khỏi đây đi, anh I-van thân yêu? — Một lần, sau bữa tối, A-ga-ta hỏi chồng.

Một lúc lâu I-van không trả lời. Trong góc phòng, cậu bé Vla-đi-mia lên ba tuổi đang khụt khịt mũi loay hoay với mấy ống cuộn chỉ đã vứt đi từ lâu.

— Không, không làm thế được, — cuối cùng I-van thở dài, nói. — Anh sinh ra ở đây. Ở đây, bố mẹ anh đã bị bọn lính Côn-tsắc giết. Người anh cả An-tôn viết rất đúng: «Chú hãy sống để chuộc tội ở ngay làng quê của mình, hãy để cho những nấm mồ của bố mẹ suốt đời là nỗi day dứt lương tâm của chú».

An-tôn, người con trai đầu trong gia đình Xa-vê-li-ép, từ sau nội chiến sống ở Khác-cốp, làm phó quản đốc một xưởng trong nhà máy chế tạo máy kéo. Tất cả những điều này A-ga-ta đều đã biết hết. Chị biết cả bức thư mà chồng vừa nhắc tới. Họ nhận được bức thư đó từ lâu, hồi còn ở Bác-na-un. Nhờ bức thư đó mà họ đã đến đây, về làng Mi-khai-lốp-ca này, mặc dù A-ga-ta khuyên chồng nên ở lại thành phố.

— Anh muốn viết thư cho anh An-tôn, nhưng vẫn không viết được. Cần phải xin một bức ảnh. Không lỡ ra gặp nhau lại không nhận ra nhau, mà cứ thế bỏ đi. Lần cuối cùng anh trông thấy anh ấy vào năm một nghìn chín trăm mười thì phải. Hình như anh ấy vừa vượt ngục từ nhà tù Tôm-xcơ hoặc Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ. Cảnh sát bám theo sát gót. Nhưng tất cả những cái này anh đã kể cho em nghe hết rồi.

Tối hôm đó họ nằm bên nhau, mắt mở nhìn vào bóng tối.

— Anh I-van... đến tận giờ anh vẫn còn... yêu An-na à?

Một cơn sóng ngầm trào lên trong người I-van, dường như ở một nơi sâu kín nào đó có tiếng thở dài bị nuốt, bị nén xuống lại dội lên.

— Anh cũng đã đủ khốn khổ với cô ta, con người đáng

nguyền rủa ấy rồi... Cô ta đã làm nát cả cuộc đời anh. Nếu như không có cô ta, làm sao anh lại ở trong toán phỉ của Cáp-ta-nốp? — Và im lặng một lúc, I-van nói tiếp: — Nhưng buộc tội cho cô ta để làm gì?

Quay sang phía vợ, anh đưa bàn tay thô nhám vuốt lên tóc, lên mặt A-ga-ta. Cảm thấy bàn tay mình bị ướt đẫm bởi những giọt nước mắt lặng lẽ chảy trên má vợ, I-van nói:

— Nào em, nào... Nếu như có chuyện gì, chẳng lẽ anh lại sống cùng em? Và nói chung, anh sẽ ra sao trên đời này, nếu không gặp được em? Anh biết đi về đâu? Thôi, em ngủ đi!

Anh kéo ghì đầu vợ vào ngực mình, và A-ga-ta dịu dần, rồi ngủ thiếp đi.

Nhớ những lời cảnh cáo của Phê-đô, suốt hai năm I-van như sống sau một bức tường vô hình ngăn cách anh với gia đình Phê-đô, với Ki-ri-an I-nhi-u-chin và An-phi-xa. Nếu vô tình gặp ai trong bọn họ ở một nơi nào đó, anh đi ngang qua, thậm chí không nhìn sang. Và cũng không ai nhìn anh, chỉ có An-phi-xa thỉnh thoảng liếc quất sang anh một cái nhìn sắc như dao, rồi cụp ngay mi mắt xuống, dường như xấu hổ. Và còn một lần, cậu bé Xê-mi-ôn, lúc đó mười tuổi, đi tìm quả dại trong khu rừng con, đến bên cạnh I-van khi anh ngồi dưới gốc thông trông đàn ngựa đang thả.

— Chú ơi... — Xê-mi-ôn thọc đôi bàn tay lấm đất vào túi quần, hỏi. — Người ta nói chú là chú ruột của cháu, phải không ạ?

— Đúng đấy, chú là chú ruột của cháu, — I-van ngập ngừng trả lời.

— Thế nhưng tại sao chú lại đi lính cho bọn bạch vệ?

— Chú... bắt buộc phải như vậy, — I-van bối rối mỉm cười.

— Cái đồ phản động bụng trắng! — cậu bé cau có nói và bỏ đi, tay vẫn không rút ra khỏi túi quần.

Nhưng nếu như bức tường ngăn cách giữa hai anh em ruột không mất đi, thì với những người dân làng Mi-khai-lốp-ca khác, I-van dần dần trở nên gần gũi. Càng ngày anh càng ít cảm thấy những ánh mắt nhìn xoi mói và thù hằn, khi gặp anh, nhiều người đã chào hỏi và có lúc còn đứng lại tán gẫu, mời hút thứ thuốc lá tự thái, tia lửa bắn tung tóe.

Có lẽ như vậy cũng là do thời gian đã bắt buộc mọi người

phải quen với tất cả mọi thứ trên đời, và cũng nhờ cả cái tính tình cởi mở của A-ga-ta. Vừa đến, A-ga-ta đã làm quen với tất cả đàn bà trong làng, hay chạy ra đồng của nông trang, khi thì giúp quạt lúa đổ vào kho, khi thì giúp gặt những thửa ruộng thu hoạch muộn.

— Việc gì mà chị phải vất vả thế, — thỉnh thoảng những người đàn bà hỏi. — Chị có phải nông trang viên đâu?

— Tôi cũng chẳng thiệt gì, — A-ga-ta mỉm cười trả lời. — Anh I-van nhà tôi thì đi chăn ngựa, còn tôi hầu như chẳng có gì để nhấc tay động chân nữa cả.

Và cả I-van cũng thỉnh thoảng giúp nông trang, khi thì chữa bộ đồ thắng ngựa, khi thì làm lại chiếc xe trượt tuyết. Anh biết làm rất giỏi những cung càng xe, vành bánh xe, thùng chứa bằng gỗ đủ kiểu. Chủ tịch nông trang «Bông lúa đỏ» (tên gọi của nông trang làng Mi-khai-lốp-ca) Pan-crát Na-da-rốp thỉnh thoảng lại có việc nhờ anh, và không lần nào I-van từ chối cả.

Một lần, vào buổi chiều mùa thu mưa dầm dề, cựu chỉ huy phó đội du kích Pan-crát Na-da-rốp rẽ vào căn nhà gỗ nhỏ thăm I-van.

— Cái thời tiết chết tiệt này... — Pan-crát giũ nước mưa bám trên bộ râu, lấy túi đựng thuốc ra và ngồi xuống cạnh cửa. Từ chiếc áo mưa, những dòng nước nhỏ long tong xuống sàn gỗ không sơn. — Tôi làm bẩn nhà mất thôi.

— Không sao, — A-ga-ta mỉm cười đáp. — Lau đi một tí thì có khó gì! Bác cởi áo ra, ngồi uống chén chè nóng.

— Không còn lúc nào mà chè với chén nữa đâu, — Pan-crát nhăn mặt nói. — Đang phải đập lại các đụn rơm năm ngoái. Nhưng...

Bấy giờ là vào năm đói một nghìn chín trăm ba mươi ba. Một mùa đông dài, khắc nghiệt đang kéo đến sau vụ hè thất thu.

— Còn nhà ta thì sao? Qua được mùa đông chứ?

— Khoai tây đang còn, chắc chẳng phải chết đói đâu, — I-van đáp.

— Không chết đói đâu, — A-ga-ta lại cười rộng miệng, dường như chị đã biết một cách chắc chắn rằng có một niềm vui nào đó đang đến gần.

— Có người vợ thế này mà chết thì thật đáng tội, — Pan-

crát đùa và bỗng ông tiếp: — Này, I-van, muốn vào nông trang không?

I-van đang ngồi bào những mảnh ván để đóng thùng trong góc, liền bỏ bào xuống, vươn thẳng người lên. A-ga-ta nhảy bổ đến bên chồng như anh đang bị một cái gì đó đe dọa, níu lấy vai anh.

— Thế các bác có nhận không? — I-van hỏi.

— Bây giờ nhiều người ra khỏi nông trang, — thay vào câu trả lời, chủ tịch nông trang đưa tay giụi đôi mắt mệt mỏi, nói. — Họ chất những thứ giẻ rách lên xe và đi. Vào thành phố, kiếm việc. Họ cho rằng ở đấy dễ dàng hơn.

— Năm sau nhất định sẽ được mùa! — A-ga-ta gần như giận dữ kêu lên.

— Chắc phải thế, — Pan-crát đồng ý. Và im lặng một lúc, ông tiếp: — Tôi có một điều cứ nghĩ mãi — lúc đó anh bắn chết lão Mi-kha-in Lu-kích Cáp-ta-nốp, cha của An-na, để làm gì kia chứ? Anh cũng chưa giải thích một cách rõ ràng gì cả. Để chuộc lỗi đã ở trong nhóm phỉ à?

— Không, không phải vậy, — I-van khẽ gỡ tay vợ ra.

— Còn I-a-cốp A-lây-nhi-cốp lúc đó, và bây giờ nữa, cứ bảo là như vậy. Cả Phê-đô nữa.

— Nhưng họ làm sao mà biết được vì vậy hay không vì vậy?! Chưa bao giờ tôi báo cáo với họ về điều này cả. Cả những lần bị hỏi cung, tôi cũng chưa nói. Chưa nói và cũng sẽ không nói.

— Gì mà làm ồn lên thế? — Pan-crát đứng dậy, nói. — Nói hay không, đó là việc của anh. Còn anh sống, như tôi thấy, không có những sự tính toán bẩn thỉu trong lòng. Lại là người được việc, khéo tay nữa. I-a-cốp A-lây-nhi-cốp bảo: «Đừng có nghĩ đến chuyện nhận hắn vào nông trang đấy. Giờ hắn còn đang cụp đuôi nằm yên, chờ đến lúc hắn lại sẽ như đinh móc sau lưng, chẹn ngang cổ đấy...»

— Ra thế đấy, — I-van nặng nề và cay đắng cười khẩy. — Thì ra tôi như chiếc xe ngựa bị sụt trong đầm lầy sau bãi chăn súc vật...

— Đầm lầy là trước đây, nhưng giờ không còn nữa. Người ta đã lấp nó cách đây không lâu, giờ ở đấy là một chỗ khô ráo, — Na-da-rốp cài cúc áo mưa. — Trong đời người cũng

thường như vậy đấy. A-lây-nhi-cốp chắc chưa nghĩ đến điều này. Nhưng thôi, mặc kệ anh ta. Anh cùng với A-ga-ta suy nghĩ kỹ càng đi, sang mùa xuân chúng tôi sẽ nhận anh vào nông trang.

Và anh đã được nhận vào. I-van sợ trong cuộc họp mọi người sẽ hỏi anh vì sao, đã làm gì ở trong nhóm phỉ của Cáp-ta-nốp, đã giết chết nó trong trường hợp nào? Và lúc đó, mọi người lại có thể đặt vấn đề về Đê-mi-an I-nhi-u-chin, lão xã trưởng một chân: ai đã giết lão, giết như thế nào và vì sao? Về Đê-mi-an, trừ A-ga-ta ra, I-van chưa nói với ai một lời nào, — cả với những người du kích lúc đó, cả với tòa án sau này. Nhưng không ai hỏi gì cả. Có thể là vì khi khai mạc hội nghị, Pan-crát Na-da-rốp đã nói không úp mở:

— Như vậy là, I-van Xi-lan-chi-ê-vích, chuyện anh ở trong lũ phỉ Cáp-ta-nốp, chúng tôi đã biết. Vì vậy mà anh đã phải ngồi hết hạn mà chính quyền Xô-viết xử anh. Nhưng nếu như có những tội lỗi gì mà anh còn giấu tòa án...

— Hoặc là một hành động xấu nào, — Ép-xây Ga-lan-sin, một nông dân lúc đó đang sống ở Mi-khai-lốp-ca, chêm vào, rồi ông đưa mắt nhìn những nông trang viên với vẻ đắc thắng.

— Vậy nên, I-van ạ, tốt nhất là bây giờ, trước mặt mọi người anh tự nói ra hết đi. Còn nếu sau này có chuyện gì... tự anh hiểu đấy.

— Tôi không giấu gì cả, — I-van nói, — và tôi cũng không phạm một tội ác nào cả. Tôi chỉ giặt giẻ quấn chân cho Cáp-ta-nốp và kiếm rượu lậu cho hắn...

— Thế đấy không phải là tội ác à? — Lu-kê-ri-a Ca-sca-rô-va, một mụ đàn bà trạc năm chục tuổi, nhưng mặt trông còn trẻ, vẫn giữ được vẻ đẹp của một thời đã qua, bỗng kêu to. — Chính mày lấy mất của tao một phần tư lít rượu. Đến giờ tao vẫn còn nhớ rõ cái chai đó, miệng bị mẻ một miếng... Lại còn vung roi ngựa ra dọa đánh nữa chứ... Và ngày hôm đó tao cũng còn nhớ, ngày lễ thánh A-gra-phê-na năm mười tám...

— Đúng, có thể thật, — I-van buồn rầu nói. — Lúc đó mụ níu lấy cái chai khốn khổ đó làm như mụ bị người ta móc lấy mất trái tim của mụ không bằng. Còn Cáp-ta-nốp, lúc đó say rượu hóa điên, đã ra lệnh không phải chỉ có rượu, mà còn phải lôi chính mụ đến nữa kia.

Nghe thế, những lời thì thầm vừa mới nổi lên lại lắng xuống, và một sự tò mò chờ đợi lan khắp các hàng ghế nông trang viên đang ngồi.

— Rồi sao nữa? — một người nào đó ngồi ở hàng ghế sau cùng không nhịn được, thốt lên hỏi.

— Tôi nói với Cáp-ta-nốp rằng: «Lu-kê-ri-a hình như đoán được ý của ông nên từ chiều đã chạy ra đồng mất rồi».

— Ra thế! — Ga-lan-sin bật dậy, huơ tay lên trời. — Chính vì thế, vì sự nói dối đó mà Lu-kê-ri-a không tha thứ cho cậu đấy!

— Làm cho mụ ta mất một dịp sướng...

— Đến nay vẫn còn tiếc... — tiếng cười rộ lên trong gian phòng họp chật chội, đầy khói thuốc lá.

Lu-kê-ri-a hết quay đầu sang phải lại quay sang trái, gào lên giận dữ:

— Đồ ngựa đực, quỷ tha các người đi, quân đểu cáng! Bà tiếc cái gì, hả? Đấy, khi I-van nói rằng Cáp-ta-nốp muốn... cái ấy, bà liền, ngay trước mặt I-van, gói mấy cái áo để thay, rồi chạy vào rừng. Có anh I-van chứng cho đấy... Anh nói đi, phải thế không, anh I-van Xi-lan-chi-ê-vích? Bà phải chạy đến một giờ không dám ngoảnh lại, đến khi tim đứng lại mới thôi.

— Quả thế thật, mụ chạy đến có cưỡi ngựa cũng khó mà đuổi kịp, — I-van nói, nhưng Ga-lan-sin đã ngắt lời anh:

— Này I-van, có phải mụ ta lại quen đường chạy vào trại... ở trong mạch nước ngầm Ô-gơ-nhép-xki không?

— Trại nào? Mạch nước ngầm nào?! — mụ Lu-kê-ri-a chồm lên gào to, nhưng tiếng của mụ chìm trong tràng cười rộ lên như sấm.

Thời trẻ, Lu-kê-ri-a là một cô gái rất bạo dạn vào hào phóng trong chuyện tình yêu. Có lẽ vì vậy, tuy xinh đẹp, nhưng không ai chịu lấy làm vợ, mặc dù rất nhiều người đã được hưởng sự hào phóng đó. Còn lão nhà giàu Cáp-ta-nốp ở làng Mi-khai-lốp-ca, mỗi lần có cuộc truy hoan, lại công khai mang Lu-kê-ri-a vào trại ở với nhau hàng tuần lễ.

Mọi người cũng biết rằng năm hăm tám, một tay tốt bụng trong làng đã kỷ niệm cho Lu-kê-ri-a một cậu con trai. Biết mình có mang, mụ rất ngạc nhiên về chuyện đó, và khi gặp

những người đàn bà khác, mụ giận dữ nhìn chiếc bụng đang phình to lên của mình, không hiểu để làm gì, nói với từng người một:

— Các bà ơi, không biết thằng nào nhét vào cho tôi thế này? Tôi mà biết được thì sẽ móc mắt nó ra. Cứ đợi đấy đến khi sinh xong! Nhìn mặt, tôi sẽ đoán ra bố và ném đứa con vào cửa cho hắn...

Nhưng khi Vích-to sinh ra, Lu-kê-ri-a nhìn mãi thằng bé mà vẫn không xác định được nó giống ai.

...Mọi người cười đến đau bụng, đến chảy nước mắt. Lu-kê-ri-a gào khản cả cổ, quay ngang quay ngửa, cố giải thích một điều gì đó, rồi ngồi xuống òa lên khóc.

— Quân đểu cáng chúng mày! — mụ gào tướng lên. — Chúng mày lại còn sẽ nói rằng tao tằng tịu với thằng con của Cáp-ta-nốp, thằng Ma-ca chứ gì? Tao biết mà, chúng mày vẫn ngồi lê xì xào với nhau mà! Sao lưỡi chúng mày không mọc đinh sưng tấy lên hả?

Mọi người liền im lặng ngay. Tất cả đều lấy làm lạ khi thấy Lu-kê-ri-a khóc. Ngoài ra, mụ lại quá trơ tráo, không hổ thẹn khi nói trắng ra trước mặt mọi người những lời bàn tán xì xào ở trong làng về mụ.

Những lời đồn đại đó có cơ sở nào không, khó ai mà nói được. Con trai đầu của Cáp-ta-nốp là Di-nô-vi, sau khi cha hắn chết, đã cầm đầu bọn phỉ và ít lâu sau bị I-a-cốp A-lây-nhi-cốp bắt được ở một nơi nào đó. Theo lời đồn, Di-nô-vi bị giải đi Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ, ngày nay là Nô-vô-xi-bia-xcơ, và bị xử tử ở đó. Nhưng Cáp-ta-nốp còn có một đứa con trai nữa là Ma-ca. Năm mười chín, đứa bé mới sáu tuổi. Cáp-ta-nốp giấu nó đâu ở các trại sâu trong rừng tai-ga. Người ta bảo rằng trong việc đó không phải không có sự giúp đỡ của mụ Lu-kê-ri-a này.

Sau đó, Ma-ca sống ở đâu, và nói chung còn sống hay không — chẳng ai biết. Nhưng đến năm ba mươi, ở làng Mi-khai-lốp-ca xuất hiện một thanh niên người cao, ngực hẹp, da đen như ống khói, nhưng lại ăn mặc sạch sẽ, theo kiểu thành phố, đầu đội mũ, tay cầm can. Người thanh niên ngủ lại ở nhà mụ Ca-sca-rô-va, sáng hôm sau ra đường, làm cho tất cả phải chú ý đến cái vẻ khác lạ của mình.

—Cậu là giống chim gì thế này?—Ép-xây 'Ga-lan-sin là người đầu tiên mon men đến gần, hỏi.

—Tôi là Ma-ca. Ma-ca Cáp-ta-nốp. Tôi mới về quê nhà đấy.

—À ra thê-ế!—Ép-xây kéo dài giọng và chun chiếc mũi bẹp gí, nói.—Thế người ta tóm cổ cậu thì sao? Vì cha cậu ấy mà?

—Không đâu. Tôi không làm chính trị mà. Tôi là hình phạm.

—Là ai? Là ai?—Ga-lan-sin chớp mắt lia lịa.

—Tôi là kẻ trộm.

—Ca-ái gì?—Ép-xây vươn chiếc cổ ngẳng ra và thôi chớp mắt.

—Đừng sợ, bác già ạ,—Ma-ca đập đập can lên vai Ga-lan-sin, cười nhạt.—Tôi chỉ ăn trộm các cửa hàng thôi. Nghề nghiệp chuyên môn của tôi là cửa hàng. Hay là ông lại có cửa hàng?

Một đám đàn ông và đàn bà, tò mò đứng vây quanh Ga-lan-sin và Ma-ca, nghe câu chuyện có vẻ khác thường. Ép-xây cười hì hì vẻ không tin, đi một vòng quanh người Ma-ca, nói:

—Các tay bông phèng thì bọn ta cũng gặp nhiều rồi. Nhưng chuyện cửa hàng, người ta lại chẳng tóm cổ cậu ấy à?

—Ôi, ông dọa tôi sợ quá... Nhưng còn cần phải bắt được đã chứ... Và nói chung là thế này—Lu-kê-ri-a Ca-sca-rô-va là mẹ đẻ của tôi. Tôi sẽ mua ở San-ta-ra một ngôi nhà và sẽ đưa mẹ đến đó. Còn bây giờ cấm không được ai đụng đến một sợi tóc của bà.

Và Ma-ca bỏ đi. Hai tuần sau có tin một cửa hàng ở San-ta-ra quả bị mất cắp và đây là bàn tay của Ma-ca Cáp-ta-nốp. Lu-kê-ri-a đi đâu cũng khóc, nhưng ai hỏi cũng không trả lời gì cả.

Sau đó Ma-ca còn xuất hiện ở làng chừng vài lần nữa. Bây giờ tất cả mọi người đều biết rằng Cáp-ta-nốp quả là tên hình phạm và đã nhiều lần phải vào tù vì tội trộm cắp, nhưng thường hắn chẳng phải ngồi lâu, sau nửa năm, nhiều lắm là sau một năm, bằng một cách nào đó mà không ai hiểu nổi, hắn lại ra được.

Cả hai lần, sau khi ở nhà Lu-kê-ri-a vài ngày, hắn đều bảo

đi San-ta-ra để mua nhà cho mụ ta, nhưng chắc chưa kịp mua đã lại vào tù.

Và bây giờ, khi mọi người xét nhận I-van Xa-vê-li-ép vào nông trang, người ta đang đợi Ma-ca về lần thứ tư, nhưng không biết vì sao chưa thấy hắn.

Mụ Lu-kê-ri-a khóc, khụt khịt mũi, lau bộ mặt ướt đẫm bằng chiếc khăn tay sặc sỡ. Mọi người vẫn im lặng. Cuối cùng, lại Ga-lan-sin lên tiếng trước:

— Này, Lu-kê-ri-a, sao miệng thế gian mà mụ lại động lòng? Như tục ngữ nói, nếu không có lửa thì làm gì có khói...

Có người nào ở trong góc phòng bật ra tiếng cười, nhưng nén ngay lại. Tiếng xì xào lại nổi lên, mọi người rục rịch. Pan-crát Na-da-rốp quát to át cả những tiếng ồn ào:

— Thôi, đủ rồi. Nói nhảm thế thôi, bây giờ bàn vào công việc. Còn ai, ngoài Lu-kê-ri-a, còn ý kiến nào phản đối nhận I-van nữa không?

Không ai phản đối cả.

Ngày thứ hai hoặc thứ ba gì đó sau cuộc họp, một chiếc xe ngựa nhẹ phóng như bay về làng Mi-khai-lốp-ca, con ngựa lông hung thẫm nhảy chồm lên, rồi dừng lại trước cửa ban quản trị nông trang. A-lây-nhi-cốp ném đôi dây cương bằng da đen cho I-van lúc đó vừa ở chỗ chủ tịch ra.

— Cầm lấy!

Rồi chạy nhanh theo bực thềm lên nhà.

A-lây-nhi-cốp nói gì với Pan-crát, không ai biết, chỉ thấy một lúc sau, cả hai người ra khỏi văn phòng đều nổi khùng lên như hai con gà chọi. Na-da-rốp, không nhìn về phía I-van, bỏ đi làm việc của mình. Còn A-lây-nhi-cốp cầm lấy dây cương, nói, vết sẹo trên má khẽ giật giật:

— Chui vào khá lắm.

— Tôi không chui vào đâu cả.

— Này! — A-lây-nhi-cốp rướn lông mày lên. — Điều này thì cho phép chúng tôi được tự biết lấy! — Nói rồi, ông chui vào xe quất ngựa đi thẳng.

Buổi chiều hôm đó I-van gặp Pan-crát cạnh nhà kho.

— I-a-cốp nói gì về tôi thế?

— Kệ lão ta, — Na-da-rốp đáp. — Việc gì lão ta chả phải hỏi. Đấy là nghề của lão...

Những lời của Na-da-rốp làm cho I-van và A-ga-ta đang lo sợ về việc A-lây-nhi-cốp đến nông trang yên tâm. Đêm về, A-ga-ta im lặng cầm lấy tay chồng đặt lên bụng mình. I-van không cảm thấy gì ngoài hơi ấm dịu dàng toát ra từ người vợ, nhưng anh đã đoán ra.

— Bao giờ thế? — I-van nói, tay khẽ vuốt bờ vai lạnh của vợ.

— Chắc đến lễ kỷ niệm Cách mạng tháng Mười.

— Em của anh khá lắm. Đấy, em thấy không, niềm vui, cũng như tai họa, không bao giờ đến một mình.

Đến tháng Sáu, khi vụ cắt cỏ mới bắt đầu, I-van bị bắt.

Hôm đó là một ngày nóng nực, trên trời chim sơn ca lảnh lót hót. Từ sáng, các nông trang viên đã bắt đầu cắt cỏ trên cánh đồng gần sông Grô-mô-tu-kha. Suốt buổi vung liềm mệt lử, sau bữa trưa mọi người nằm nghỉ dưới các bụi cây, hít thở hương vị ngọt ngào của cỏ héo. I-van nằm nhìn những đụn cỏ vừa mới phát xong đang héo dần dưới nắng, nhìn bầu không khí như đang lung linh lay động, và mỉm cười lặng lẽ, thanh thản, nghĩ về A-ga-ta đang nằm bên cạnh, đôi chân bị cọng cỏ đâm sây sát bắt chéo và phủ mặt bằng chiếc khăn trùm đầu đã bạc màu, nghĩ về đứa con mà vợ đang mang trong mình, I-van muốn nó sẽ là con gái.

Một chiếc xe ngựa chạy trên con đường dẫn xuống đồng cỏ, tiếng bánh lăn lọc cọc. I-van vừa mới ngẩng đầu lên thì vợ đã đứng hẳn dậy, lấy bàn tay che mắt nhìn ra đường. Rồi chị sợ hãi buông tay xuống ôm lấy ngực đã bắt đầu nở căng ra.

— Em sao thế, A-ga-ta? — I-van đứng dậy.

— Ôi, em không biết... Làm sao tim nó thắt lại ấy...

Chiếc xe ngựa chạy đến bên cạnh, rồi dừng lại. Từ trên xe, I-a-cốp A-lây-nhi-cốp, người đầy bụi — bụi bám kín cả đôi lông mày rậm — nhảy xuống. Cùng với ông là một người công an đã đứng tuổi.

— Chào bà con nông trang viên. Cầu Chúa giúp cho bà con, — ông nói với một người vừa đứng dậy, rồi quay lại phía I-van: — Nào, ta đi. Chui vào thế nào, ta lại lôi ra thế ấy thôi mà.

A-ga-ta kêu thét lên một tiếng và đứng chắn lấy chồng, ngoảnh bộ mặt tái nhợt về phía I-a-cốp.

— Chị đứng lui ra, — I-a-cốp nghiêm giọng nói.

— Bắt I-van đi tù à? — mụ Va-xi-li-xa Pô-xcô-nô-va, — chính là mụ Va-xi-li-xa, người đầu tiên tung ra khắp làng tin đồn về mối quan hệ bất chính giữa Phê-đô Xa-vê-li-ép và vợ I-nhi-u-chin, sợ sệt lên tiếng hỏi. — Vì tội gì thế, nếu như được phép hỏi?

— Đúng đấy, đồng chí công an, đồng chí giải thích cho mọi người nghe đi, — Pê-tơ-rô-van Gô-lốp-lép, một nông trang viên đã đứng tuổi, dáng người to béo phục phịch, dùng ngón tay tách làm đôi bộ râu đã từ lâu chưa cạo, lên tiếng cau có đồng tình với mụ Va-xi-li-xa.

— Lui ra! — A-lây-nhi-cốp quát to. Nhưng vòng người vẫn không giãn ra, họ im lặng đứng nhìn I-a-cốp, chờ đợi.

— Mà đúng đấy, có việc gì xảy ra thế? — Mắc-xim Na-da-rốp, một thanh niên hăm ba tuổi, người cao lớn, cằm vuông và chắc y như của cha anh, chủ tịch nông trang hỏi. Mắc-xim nhập ngũ lúc mười chín tuổi, mới về phép thăm nhà được một tuần nay, trên ve áo quân phục của anh lấp lánh hai ngôi sao quân hàm trung úy. Sáng nay cùng với mọi người, anh vung liềm phạt cỏ chắc phải đến mệt lử, nên vừa ăn trưa xong là đã ngủ thiếp đi ngay, đầu gối lên một mớ cỏ vừa cắt. Bây giờ đôi mắt anh hơi sưng mọng, trên má còn hằn dấu những cọng cỏ.

— Một vụ hình sự, — A-lây-nhi-cốp khó chịu nói. — Mà cũng có thể là một vụ chính trị. Tòa án sẽ xử.

— Nhưng I-van đã làm gì mới được chứ? — Ép-xây Ga-lan-sin hằn học hét lên bằng một giọng kim hơi the thé, rồi đưa mắt nhìn quanh tìm sự đồng tình, ủng hộ.

— Đúng đấy...

— Chẳng lẽ không nói với mọi người được hay sao? — từ bốn phía nổi lên nhao nhao.

— Nhưng cũng có thể... có thể... I-van vẫn còn đang giấu những tội lỗi trước đây của mình? — cũng chính Ép-xây Ga-lan-sin, một con người chưa bao giờ tỏ ra nhất quán trong các ý kiến, lại kêu lên. — Và bây giờ mới lộ ra? Chủ tịch Pan-crát đã nói rồi còn gì. Các anh còn nhớ không?

— Thôi được rồi, các ông ạ, — I-van bước vào trong vòng người. — Chắc ông anh Phê-đô chơi cho tôi một vố đây. Về chuyện hai con ngựa ấy mà. Nhưng người ta sẽ làm ra thôi...

— Hai con ngựa nào vậy? — Ép-xây quay sang A-lây-nhi-cốp. — Hai con ngựa của trạm thu mua bị mất hồi mùa xuân chứ gì?

— Chúng đấy, — I-van đáp và quay lại với vợ đang đứng khóc.

Hai con ngựa mà Phê-đô vẫn dùng để đi thu mua gia súc bỗng nhiên biến mất vài ngày sau khi I-van thôi việc.

— Đã là nông trang viên rồi cơ đấy? — Khi I-van mang đơn xin thôi việc đến, Phê-đô cười nhạt hỏi.

— Thế anh không thích à?

— Tao thì có việc gì? Người ta đã nhận thì cứ việc mà vào...

Rồi sau đó, hai con ngựa xấu số biến mất. Buổi chiều hôm trước, I-nhi-u-chin, như thường lệ, buộc tróng rồi thả cho chúng ăn đêm trên đồng cỏ (chăm sóc mấy con ngựa này có lẽ là nhiệm vụ duy nhất của Ki-ri-an). Buổi sáng, Ki-ri-an xách dây cương đi bắt ngựa, nhưng chúng đã biến đâu mất, không còn dấu vết gì.

— Thế đấ-ấy... — sáng hôm ấy gặp I-van trên đường, Phê-đô nói. — Khi còn làm ở trạm thì chưa dám giở trò hèn mạt, còn bây giờ thế là bắt đầu rồi đấy?

— Tôi bắt đầu cái gì? — I-van hỏi lại. Và anh chợt hiểu cái thâm ý trong lời nói của Phê-đô. — Mà anh... Anh nói nhảm cái gì đấy? Tưởng phải nghĩ ra cái gì thông minh hơn chứ...

— Rồi sẽ tìm ra thôi, em ạ, — Phê-đô buông gọn lỏn rồi bỏ đi, tấm lưng rộng lắc lư.

Và hôm nay I-a-cốp A-lây-nhi-cốp đến đây.

I-van im lặng xoa lên lưng A-ga-ta đang ghì chặt lấy anh khóc nức nở, người run rẩy.

— Thôi đủ rồi, nín đi em... Khóc để làm gì? Điều này cần phải chứng minh chứ. Bây giờ tạm biệt em đã nhé. — I-van nói và ngồi vào chiếc xe ngựa.

A-lây-nhi-cốp cũng bước đến bên xe, người công an làm nhiệm vụ đánh xe cầm lấy dây cương.

— Khoan đã-ã... — Một thanh niên rất to béo, dáng người vụng về, tên là Ác-ca-đi Môn-tsa-nốp, biệt hiệu «chàng câm», từ sau một bụi cây rễ cành nhỏm dậy.

Ở làng Mi-khai-lốp-ca không có một người nào kỳ lạ hơn anh chàng này. Trong suốt gần ba chục năm của đời mình, số

từ anh nói may ra tổng cộng được khoảng vài trăm. Có khi hàng năm trời không ai nghe anh nói bao giờ. Anh cũng hay có mặt ở nơi đông người, nhưng thường ngồi hoặc đứng hơi tách riêng ra một bên và nghe mọi người bàn tán, từ dưới túm tóc dày rối bù, đôi mắt nhìn quanh tò mò. Nhưng anh cứ im lặng như đá cuội và trên bộ mặt khá đẹp trai hoàn toàn không thể hiện một điều gì cả.

—Này, Ác-ca-đi, cậu câm hay sao ấy?—thỉnh thoảng có người hỏi anh.

Thường thường Ác-ca-đi không thèm trả lời những câu hỏi như vậy, nhưng cũng có đôi khi anh ta mở miệng:

—Ai bảo? Không.

—Thế sao cậu không nói gì cả?

—Nói gì?

Và lại im lặng một - hai năm.

Ác-ca-đi hiền lành, tốt bụng, hay làm và có một sức khỏe khủng khiếp. Bao lúa mì nặng năm pút *, anh dùng một tay quẳng lên xe như chơi; túm lấy sừng, anh có thể vật ngã bất cứ con bò nào một cách nhẹ nhàng. Đặc biệt những con ngựa, không hiểu sao, cũng cảm thấy được cái sức mạnh đó, mỗi lúc thấy anh, chúng lại quỳ hai chân sau xuống, tai vểnh dựng lên lo lắng, mặc dù đối với loài vật, cũng như đối với con người, anh không bao giờ tỏ ra một sự thô bạo, thù hằn nào.

Ác-ca-đi sống với bà mẹ lụ khụ, nghễnh ngãng tai trong một ngôi nhà rộng rãi, sáng sủa mà anh mới xây cách đây không lâu, và tự làm tất cả mọi việc nội trợ ở trong nhà. Nghe những người trong làng khuyên nên lấy vợ, thường anh chỉ im lặng; nhưng một lần anh đáp:

—Họ sợ. Cô nào cũng vậy, mới thử ôm một cái xương đã nghe kêu răng rắc. Hình như tất cả đàn bà đều bằng kính hay sao ấy.

Quả là các cô gái sợ chàng trai này, mặc dù họ vẫn tìm cách quanh quẩn gần anh với một sự tò mò nóng bỏng vì biết tính anh hiền lành.

Vừa nghe thấy giọng của Ác-ca-đi, tất cả mọi người đều im bặt. Anh giẫm chân thình thịch đi qua trước mặt những

---

* Pút—đơn vị đo trọng lượng ở nước Nga bằng 16 ki-lô-gam.

nông trang viên đang đứng im lặng và ngồi vào xe cạnh I-van.

— Thế... Anh định đi xa không đấy? — A-lây-nhi-cốp bỏ mũ lưỡi trai xuống lau chiếc trán đẫm mồ hôi.

— Đến công an, — Ác-ca-đi nhổ nước bọt xuống cỏ.

— Được thôi. Nhưng anh muốn khai báo điều gì?

— Gần sáng đêm hôm mất ngựa tôi có ra sông Grô-tô-mu-kha. Đi xem câu cặm. Mẹ tôi ốm, muốn ăn cháo cá mà, — Ác-ca-đi thủng thẳng nói, rồi ngừng lại ngồi im.

Mọi người sốt ruột chờ anh nói tiếp, nhưng Ác-ca-đi hoàn toàn không tỏ ra ý định nói gì thêm nữa.

— Chỉ có thế thôi à? Anh định làm trò hề gì đấy? Bước xuống xe ngay!

— Tôi đi và thấy: Ki-ri-an đang bắt mấy con ngựa. I-nhi-u-chin ấy mà... Trời lúc đó còn chưa sáng mà ông ta đã đi bắt ngựa rồi... Một con cưỡi, một con dắt, rồi phóng đi.

— Rồi sao?! — A-lây-nhi-cốp cau có hỏi to.

— Ông... Cái gì mà gào lên thế? — Ác-ca-đi tự ái, sầm nét mặt lại và ngoảnh đi nơi khác.

— A-lây-nhi-cốp, anh cứ để cho cậu ta nói, đừng giục.

— Ác-ca-đi — chàng câm mở miệng là chuyện lạ xưa nay hiếm đấy! — Ép-xây Ga-lan-sin chạy lăng xăng nói. — Nào, Ác-ca-đi, cứ tiếp tục bài diễn văn của cậu đi... Như vậy là Ki-ri-an phóng đi. Nhưng đi đâu?

— Đi vào núi Dve-nhi-gô-ra! — Ác-ca-đi bỗng gần như quát lên với một sự giận dữ bất ngờ đối với tất cả mọi người. — Tôi xem câu xong trở về thì gặp Ki-ri-an từ trên núi xuống. Đi bộ, tay cầm mấy bộ cương ngựa.

— Thế ngựa hắn để đâu? — Pê-tơ-rô-van Gô-lốp-lép hỏi.

— Tôi cũng tò mò muốn biết. Ki-ri-an đi về làng, không trông thấy tôi. Tôi leo lên núi nhìn xuống bên kia: cách đấy một quãng có một trại người Di-gan, mấy đống lửa thấp thoáng trong sương mù...

Mọi người xung quanh đứng lặng một lúc lâu. I-van ngồi bên cạnh Ác-ca-đi, đầu cúi gục xuống, dường như anh không chú ý nghe cả câu chuyện của anh chàng Ác-ca-đi ít nói đó.

Pê-tơ-rô-van Gô-lốp-lép là người đầu tiên phá tan sự im lặng:

— Như vậy có nghĩa là thế nào, hỡ các ông?

—Tức là tống mấy con ngựa cho bọn Di-gan chứ gì? Ki-ri-an ấy mà.

—Các ông các bà ơi! — A-ga-ta cố sức chen vào đám đông. —Anh I-van không có tội tình gì đâu! Chẳng lẽ anh ấy có thể làm một việc như vậy?!..

—A-ga-ta, im đi...

—Cần phải điều tra xem...

—Thế tại sao mày trước đây lại không nói cho ai biết cả, cái thằng câm chết tiệt này?

Tiếng ồn ào la ó bắt đầu nổi lên.

—Trật tự-ự! — A-lây-nhi-cốp quát to, tay vung chiếc mũ lưỡi trai trên đầu, rồi quay lại hỏi Ác-ca-đi! — Thế nghĩa là anh muốn làm chứng chứ gì? Thôi được, ta đi...

Con ngựa thiến ăn no tròn kéo chiếc xe qua bãi cỏ ra đường cái. A-ga-ta bước theo mấy bước, rồi cúi gập thân hình đã mập đẫy ra, ngồi xuống cỏ, đôi vai run lên từng đợt. Những nông trang viên đứng vây quanh, bối rối, dường như chính họ có lỗi gì đó với chị. Trên bầu trời trong xanh, bầy sơn ca vẫn chao lượn thả xuống mặt đất từng chùm tiếng hót vui mừng lảnh lót...

Ác-ca-đi Môn-tsa-nốp trở về nhà vào ngày hôm sau. Anh về đến nơi lúc xế chiều, sau khi cởi bộ quần áo đầy bụi, rửa ráy xong, anh ngồi vào bàn và húp lấy húp để món canh nấu với hành củ. Bà mẹ phải liên tiếp múc vào bát cho anh.

—I-van ở trên đó ra sao? — Mác-xim Na-đa-rốp, con trai của chủ tịch nông trang chạy xồng xộc vào, hỏi. — Đã xét xong chưa?

—Đang xét.

Và ngoài ra Mác-xim không thể cạy ra thêm một lời nào nữa của chàng câm.

Sau đó người ta còn cho gọi Ác-ca-đi lên huyện mấy lần nữa. Khi đi có xe đón, nhưng bao giờ anh cũng về bộ, ai hỏi gì cũng không trả lời, chỉ có mặt một ngày một cau có lầm lì hơn.

Ki-ri-an I-nhi-u-chin cũng bị ba lần gọi lên huyện, Phê-đô Xa-vê-li-ép một lần. Ki-ri-an lần nào trở về cũng sặc sụa hơi rượu, và cũng như Ác-ca-đi, không trả lời những câu hỏi tò mò, chỉ bĩu môi và nhắc đi nhắc lại mãi một câu:

— Không sao, người ta sẽ cho nó biết tay. Vả cả Ác-ca-đi của các anh cũng vậy. Vu không người trung thực đâu phải dễ dàng như chim ỉa trên mả người chết.

Và sau chuyến lên huyện về, Phê-đô cũng không nhiều lời.

— Trời cho tôi một thằng em... — ông chỉ nói nửa chừng và im lặng.

Cuối tháng Tám năm 1935, I-van bị xử phạt sáu năm tù. Nghe tin này, Phê-đô vẫn im lặng, chỉ có bộ ria mép giật giật. Ki-ri-an uống rượu say mềm và tối hôm đó đánh vợ một trận rất đau.

Các nông trang viên không còn biết ra sao nữa.

— Này, con lừa cụt lưỡi, tại sao cậu lại đi ba hoa rằng thấy Ki-ri-an bán ngựa cho bọn Di-gan? — một vài người trách Ác-ca-đi. — Chẳng lẽ người ta lại đi xử kẻ vô tội à?

— Chắc cậu lại ngủ mơ chứ gì? Rồi đi nói nhảm...

— Cút mẹ các người đi, đồ... — lần đầu tiên trong đời Ác-ca-đi giận dữ chửi tục; từ đó, anh hoàn toàn sống cô độc, không nói năng gì với ai nữa.

Buổi chiều hôm đó, Pan-crát Na-da-rốp ngồi trong nhà I-van cạnh cánh cửa ra vào khép hờ và hút thuốc, hết điều này đến điều khác, tay xát mãi bộ râu cằm lởm chởm. Râu cọ vào bàn tay chai cứng như đá kêu rít lên như bị một ngọn lửa nóng liếm ngang. A-ga-ta, người cứng đờ và khô héo như tượng gỗ, ngồi cạnh cửa sổ, cặp mắt đờ đẫn nhìn ra bóng tối đang chầm chậm kéo đến.

— Tôi không tin, A-ga-ta ạ, rằng I-van lại có thể hèn mạt đến thế, — Pan-crát thở dài nặng nề, nói. — Nhưng mặt khác, không thể vô cớ lại bắt người ta phải mục xương trong tù.

Ông hút thêm một điếu thuốc và đứng dậy:

— Còn với chị, tôi muốn nói một điều. Chuyện của I-van đã đành rồi, nhưng chị cũng là một con người. Chẳng có gì phải oán trách mọi người cả. Bây giờ mà xa lánh mọi người có nghĩa là chết đấy. Còn chúng tôi bây giờ sẽ tạm coi I-van là một chuyện, chị với mấy cháu là chuyện khác, tách nhau ra. Còn ra sao, sau này sẽ hay. Thời gian sẽ làm cho tất cả rõ ràng hết thôi mà...

Sau sự việc này, Phê-đô Xa-vê-li-ép và Ki-ri-an I-nhi-u-chin còn sống thêm một thời gian nữa ở làng Mi-khai-lốp-ca.

Đến đầu mùa hè năm 1936 cả hai xin thôi việc và chuyển về San-ta-ra.

Sau khi I-van bị bắt và bị xử tù, trong quan hệ của dân làng Mi-khai-lốp-ca đối với Phê-đô và Ki-ri-an có vẻ như không có gì thay đổi. Trước đây không ai chơi thân với họ, và bây giờ cũng không có ai kết bạn gần gũi cả.

Nhưng Phê-đô càng ngày càng cảm thấy sự lạnh lùng xa lánh. Gặp nhau, mọi người dường như cố tránh nhìn ông, nhưng đi qua rồi họ lại ngoái nhìn theo. Phê-đô cảm thấy những cái nhìn khó chịu đó như cắm vào lưng mình, ông rụt đầu vào vai, co rúm người lại.

Và có lẽ An-na cũng phải chịu đựng những điều tương tự như thế. Cặp mắt xám, trước đây to và trong suốt, sâu đến có thể thả mình chìm vào trong đó được, giờ cứ mỗi ngày một cạn dần đi, trở nên hoang dại như đồng cỏ cuối thu. Với dáng người cao dong dỏng, cân đối, mặc dù đã ba con rồi vẫn còn giữ được vẻ nhẹ nhõm, gọn gàng, An-na bỗng như bị nhũn ra, trở nên nặng nề chậm chạp. Những lúc ở nhà một mình, bà thường ngồi cạnh cửa sổ, đôi bàn tay nóng bỏng, nhỏ nhắn nặng nề đặt trên đầu gối và nhìn rất lâu lên dãy Dve-nhi-gô-ra màu xanh đậm, người đờ ra bất động trong những dòng suy nghĩ miên man và bất tận. Rồi bỗng nhiên bà giật mình, người run lên, ngực phập phồng — ở đó có một cái gì đầy sức sống và mãnh liệt đang bắt đầu nhịp đập. Bà đặt tay lên ngực, trấn tĩnh lại và tiếp tục đờ đẫn nhìn không chớp mắt ra cửa sổ.

Đã nhiều lần Phê-đô bắt gặp vợ trong trạng thái như vậy, nhưng ông không nói gì. Chỉ có mép ria nhọn khẽ run run. Bà thở dài, đứng dậy, gỡ chiếc lược bằng sừng từ trên đầu xuống. Mớ tóc màu hạt dẻ sáng xõa lên vai như những đợt sóng lạnh. An-na chải đầu, vấn lại tóc thành một búi lớn sau gáy và xua đuổi hẳn cái trạng thái đăm chiêu mơ màng, bắt tay vào thu dọn nhà cửa.

Họ đi khỏi làng Mi-khai-lốp-ca một cách hoàn toàn bất ngờ.

Một lần, vào buổi trưa nóng nực, cậu bé Đi-ma tám tuổi từ ngoài vườn chạy về uống sữa, rồi thọc ngón tay vào mũi, hỏi:

—Mẹ ơi, tại sao mọi người bảo rằng chính cha đã làm cho chú I-van phải vào tù?

Phê-đô, lúc ấy vừa từ ngoài bước vào nhà, đứng sững lại trên bực cửa. Rồi ông nặng nề buông mình xuống chiếc ghế đẩy cạnh bàn. Ông ngồi một lúc lâu trong im lặng nặng nề, rồi vụt đứng dậy, lấy chân hất đổ chiếc ghế:

—Thôi đủ rồi! Mắt đứa nào gặp cũng xoi mói, làm như thể quả thật tao là kẻ bắt thằng I-van...

Và bỏ đi lên San-ta-ra ngay. Ba ngày sau ông trở về với một cán bộ thu mua mới trên chiếc xe hai ngựa kéo.

Một giờ sau toàn bộ tài sản ít ỏi đã thu xếp xong, Phê-đô bảo vợ ngồi vào xe, trao dây cương cho Xê-mi-ôn:

—Cho đi từ từ thôi.

Còn tự mình đứng lại, hỏi xin lửa ở Na-da-rốp đang đi đến.

—Đi đấy à? Sẽ làm ở đâu?

—Vào trạm máy kéo. Xin đi học thợ máy.

—Ra thế đấy. Thợ máy giờ cần lắm. Sắp tới máy sẽ về nhiều,—Pan-crát nói. Và, sau một lát im lặng, tiếp:—Cậu đi khỏi đây, thế là hay đấy.

—Thế sao?

Ép-xây Ga-lan-sin chạy ngang qua hỏi một cách không úp mở.

—Thế không có Ki-ri-an thì cậu sẽ ra sao? Hay là cậu sẽ lại gọi hắn đi cùng?

Vẻ ngoài Phê-đô vẫn tỏ ra bình tĩnh, chỉ có chiếc cổ đẫm mồ hôi đỏ bầm lên và đôi má như sệ xuống.

—Cái đó thì còn tùy tôi thấy thế nào tiện hơn,—Phê-đô cười nhạt ném cho Ép-xây một cái nhìn nặng như đá.

Một tuần lễ sau, I-nhi-u-chin và gia đình cũng rời khỏi làng Mi-khai-lốp-ca. Và thêm hai tuần lễ nữa, mụ Va-xi-li-xa Pô-xcô-nô-va mà ở đâu cũng có mặt, ngày chủ nhật đi chợ San-ta-ra về đưa tin rằng I-nhi-u-chin cũng đã xin vào học lớp thợ máy của trạm máy kéo mà Phê-đô đã nhắc đến.

—Bây giờ cả hai cùng cắp cặp tới lớp, cùng ngồi học một bàn,—mụ hấp tấp vừa thở vừa nói.

—Thế có nghe thấy gì về An-phi-xa, vợ hắn ta không?—các bà tò mò hỏi.

— Một ngày thì nghe thế nào được mọi chuyện. Làm như tôi đã ở đó hàng tuần không bằng... — Va-xi-li-xa luống cuống như có lỗi.

Những người đàn ông đàn bà làng Mi-khai-lốp-ca chỉ còn biết lắc đầu kinh ngạc trước tình bạn gắn bó như vậy giữa Phê-đô và Ki-ri-an.

* * *

Khuya ngày 21 tháng Sáu An-tôn Xa-vê-li-ép đi tàu đến Pê-rê-mư-slơ.

Chiếc đầu máy đen nhẻm, gặp mỗi đoạn dốc lại rít lên hồng hộc, nặng nề kéo chừng nửa tá toa tàu bằng gỗ kêu răng rắc, gặp các ga xép cũng nghỉ lại rất lâu. Mỗi lần dừng lại như vậy, các cô gái làm nghề buôn bán mặc tạp-dề rất diện lại bám đầy các cửa toa, tranh nhau chào mời khách nếm thử bánh mằn thắn còn nghi ngút bốc khói, nấm rán với kem chua, gà dò quay...

Ngay sau khi miền Tây U-cra-i-na được giải phóng, An-tôn liền chuyển từ Khác-cốp về Lơ-vốp. Hồi đó nhà máy chế tạo máy kéo phái một số chuyên gia về công tác tại các vùng mới giải phóng. Trong thâm tâm An-tôn không muốn rời bỏ nơi mà ông đã quen sống, nhưng ông không nói với ai về điều này cả, chỉ có trong câu chuyện với bí thư đảng ủy nhà máy, ông hỏi:

— Đến đấy tôi sẽ làm được gì? Ở Lơ-vốp hiện nay chưa có nhà máy chế tạo máy kéo...

— Sẽ có việc, — bí thư trả lời. — Chúng tôi sẽ cử đồng chí về các cơ quan của Đảng công tác.

Ở tỉnh ủy Lơ-vốp, người ta cử An-tôn giữ chức xưởng trưởng của một nhà máy chế tạo cơ khí lớn sắp ra đời, và trong lúc nhà máy còn đang thi công xây dựng, ông tạm thời phụ trách công việc tiếp liệu cho công trường. Bây giờ ông đến Pê-rê-mư-slơ để giục nhà máy gạch địa phương khẩn trương cung cấp gạch ngói.

Trời về đêm yên tĩnh và ấm áp. Nhưng dù sao, từ bên kia sông Xan vẫn nghe mùi xăng cháy thổi đến, và An-tôn lại nhớ tới những tin tức cuối cùng đầy lo lắng mà ông nghe ở

tỉnh ủy, nơi ông hầu như ngày nào cũng đến để giải quyết công việc của công trường; ở bên kia sông vừa có những binh đoàn bộ binh và cơ giới Đức tập trung một cách đáng ngờ... Về việc này có nhiều ý kiến khác nhau, trong đó có ý kiến cho rằng đây chỉ là bọn Đức đưa lính của chúng từ Pháp về để nghỉ ngơi. Nhưng An-tôn cảm thấy trong lòng của các cán bộ đảng ở Lơ-vốp có cái gì không yên tâm. Điều này cũng phải thôi. Máy bay bọn Đức xâm phạm vùng trời mỗi ngày một nhiều hơn, đôi lúc còn lượn đi lượn lại rất lâu trên bầu trời Lơ-vốp, trong thành phố và các vùng lân cận thường bắt được bọn Ban-đê-ra. Chính An-tôn mới cách đây không lâu cũng đã lôi cổ một tên thám báo như vậy vào cơ quan nội vụ. Hôm đó vào giờ nghỉ trưa, ông đang đi dọc theo khu vực công trường, thì nghe ở phía bên kia bức tường gỗ của phòng nghỉ lưu động có tiếng nói:

—Chẳng bao lâu nữa sẽ cho chính quyền Xô-viết vào hòm có nắp đậy hẳn hoi, nếu sai tớ không sống hết chiều nay... Vậy cho nên các cậu còng lưng vô ích làm gì trên cái công trường này?.. Ta sẽ đóng đinh thật chặt nắp quan tài này lại...

An-tôn đi đến góc phòng, thấy năm người thợ nề đang nghỉ trưa.

—Ai ở đây định đóng quan tài cho chính quyền Xô-viết đấy?—anh bước đến hỏi.

Mấy người miễn cưỡng đứng dậy. Và lúc đó An-tôn mới nhận ra rằng mình hành động thiếu thận trọng: nơi này vắng vẻ, xung quanh không một bóng người.

—Cứ cho là tôi chẳng hạn, —một gã người cao lêu đêu mặc áo khoác dính đầy vôi, nhìn quanh cười nhạt đáp.

—Anh là ai? Họ tên?—Rút lui bây giờ đã quá muộn.

—Phải trình chứng minh thư hay có thể tin bằng lời?— và gã cao lêu đêu phanh áo ra, trên ngực hắn chạm hình một chiếc chĩa ba răng, biểu tượng của bọn Ban-đê-ra.

Không thể để mất thời gian được. Gần như không vung tay lấy đà, An-tôn nện cho gã cao lêu đêu một quả đấm vào chiếc cằm râu mọc lởm chởm.

—Sao các anh cứ đứng thế? Đánh chết thằng chó này đi!—gã hét lên và rút dao ra.

An-tôn nhặt ở dưới đất lên một mẩu gạch vỡ—ở gần

đó không có gì cả. Nhưng ông cũng không cần dùng đến gạch nữa, vì bốn người thợ nề kia đã xô đến vặn trái tay tên Ban-đê-ra lại...

An-tôn vừa bước dọc theo những ngõ phố Pê-rê-mư-slơ vắng vẻ, chìm khuất trong các vườn cây, vừa nhớ lại những việc đã xảy ra. Ông quyết định sáng mai mới đến nhà máy gạch — ngày chủ nhật nhà máy vẫn làm việc, — còn bây giờ tốt nhất là được tắm rửa, cạo râu ria và ăn một tí gì đó.

Mặc dù đã muộn, ông vẫn tìm được một hiệu cắt tóc còn chưa đóng cửa.

Ở đây, người ta cạo mặt không như ở Khác-cốp. Đầu tiên thợ cạo xoa xà-phòng lên mặt, rồi dùng bàn tay xát rất kỹ cho bọt xà-phòng thấm vào da. Rồi bác ta cũng làm như vậy với người khách hàng thứ hai, thứ ba, sau đó mới cầm lấy dao cạo quay lại với người khách thứ nhất.

Nhưng giờ này khách không có và An-tôn cạo xong rất nhanh. Bác thợ cạo già người Do Thái, đầu đã bạc trắng, múa lưỡi dao nhanh đến nỗi ông phải kinh ngạc là làm sao bác ta có thể khéo léo không làm đứt da.

— Bác có nghe nói chúng đang làm gì ở bên kia sông Xan không? — An-tôn hỏi.

— Làm sao mà tôi biết được chúng làm gì bên kia sông Xan? — bác thợ cạo trả lời bằng một giọng Do Thái đặc sệt. — Hay là ông cho rằng tôi hằng ngày chui qua hàng rào biên phòng sang đó ăn trưa?

Nhưng cạo xong, bác tiếp:

— Hôm trước nghe nói có một đơn vị xe tăng đến đóng đối diện với Pê-rê-mư-slơ. Theo ông, xe tăng bọn Đức đến đây để làm gì?

— Tôi nào biết được, — An-tôn thở dài.

— Vâng, vâng... — bác thợ cạo cũng thở dài. — Nhưng không thể thế được. Liên Xô đã ký với nước Đức hiệp ước không tấn công lẫn nhau kia mà...

Một lúc sau An-tôn đã ngồi trong một quán ăn nhỏ ấm cúng ở khách sạn. Ở đây, cũng như ở các quán ăn Lơ-vốp, người ta bán những bánh ga-tô bé tí xíu và bánh mì kẹp thịt loại nhỏ. Chỉ có cà-phê là không được đặc như ở Lơ-vốp, mà loãng hơn và không có mùi vị gì cả.

Nằm vào giường, An-tôn còn trăn trở rất lâu, không sao ngủ được. «Không hiểu Li-da ở nhà ra sao? Và I-u-ri giờ đã về chưa?» Chẳng biết vì sao mà ông cứ lo lắng nghĩ ngợi. I-u-ri, đứa con trai duy nhất của ông, đang làm thợ tiện ở nhà máy chế tạo máy kéo Khác-cốp, hẹn hôm nay sẽ về và ở nhà hết cả đợt phép.

Nhưng rồi giấc ngủ cũng đã kéo đến. Cái cuối cùng ông nghe thấy trước lúc thiếp đi là giọng một người nào đó ở phía bên kia bức tường ngăn bằng gỗ mỏng cứ nghêu ngao hát đi hát lại một bài hát vui nhộn của thành phố Lơ-vốp:

Thành phố Lơ-vốp đang đại tu,
Con gái đua nhau may áo mới...

Ông tỉnh dậy bởi những tiếng nổ khủng khiếp.

Nhỏm dậy trên giường, An-tôn không thể hiểu ngay là mình đang ở đâu và cái gì đang xảy ra. Rồi nhìn lên tường, ông nhận thấy những ánh lửa đang chập chờn nhảy múa — có một cái gì đó cháy bùng lên cách khách sạn không xa. Và cũng gần như đồng thời, một vật gì nổ tung, ngay trước cửa sổ, những mảnh sắt cắm vào tường ngay trên đầu ông, một cột khói và lửa cuộn lên trùm lấy cửa sổ.

Mặc vội quần dài và vơ chiếc áo khoác, An-tôn nhảy bổ ra cửa. «Chẳng lẽ chiến tranh à?» — ông vừa chạy vừa nghĩ và thấy người như ớn lạnh bởi ý nghĩ đó. Từ các phòng, những con người ngái ngủ, mặc đồ lót, đổ xô ra, vừa kêu vừa chạy dọc hành lang. Trong một phòng nào đấy, có tiếng phụ nữ rú lên thất thanh và tiếng trẻ con khóc chói tai.

An-tôn vừa kịp nhảy ra đường phố, thì ngôi nhà hai tầng của khách sạn rung chuyển vì bị bức tường gạch cạnh đó đổ đè lên. Ông chạy tránh sang phía bên kia đường và đứng nhìn mái ngói của ngôi nhà khách sạn đang nghiêng dần, rồi rơi sập xuống giữa những bức tường.

Chỉ tới lúc đó, trong đầu ông mới hiện ra cái ý nghĩ rõ ràng và nhức nhối: «Đây chính là chiến tranh!.. Chiến tranh!.. Chiến tranh!..»

Ngoài đường, trời gần như đã sáng rõ, nhưng bốn phía đạn pháo vẫn nổ liên tiếp, tiếng ầm ầm khủng khiếp. «Chúng

bắn trực tiếp từ phía bên kia sông Xan sang!..» — An-tôn thoáng nghĩ. Ông định chạy ra phía nhà ga. «Nhưng còn người đàn bà kêu la lúc nãy giờ ở đâu? Có kịp chạy ra không? Cần phải giúp đỡ... giúp đỡ...»

Nhưng chỉ một giây sau An-tôn hiểu ra rằng chẳng còn ai mà giúp đỡ nữa: ở chỗ trước đây là ngôi nhà của khách sạn giờ chỉ còn lại một đống gạch ngói đổ nát. Khoác chiếc áo vào người, ông chạy về hướng đường phố chính, nơi hôm qua ông đã tìm ra hiệu cắt tóc. Người đổ xô ra từ các ngôi nhà, ném va-li, áo quần, chăn gối qua cửa sổ, buộc chúng lại thành từng gói rồi, vừa kêu khóc vừa cuống quýt chạy đi, vấp phải những chiếc va-li, và đủ thứ đồ đạc vứt ngổn ngang, ngã giúi giụi. Tiếng chửi rủa, tiếng kêu rên, tiếng khóc, tiếng nổ ầm ầm trộn lẫn với nhau, tạo thành một tiếng rú kéo dài vô tận, càng làm cho mọi người khiếp sợ.

Cuối cùng đám người hỗn loạn này đã cuốn An-tôn ra tận quảng trường trung tâm thành phố, nơi có những hàng cây dẻ vừa mới trồng còn thấp lè tè, rồi tản ra theo các phố chạy từ quảng trường. An-tôn dừng lại, suy tính — đi đâu bây giờ? Và, cái ý nghĩ ngày hôm qua lại xoáy buốt trong đầu: «Ở Lơ-vốp tình hình ra sao? I-u-ri đã về chưa?»

Một chiếc xe bọc thép sơn xanh chạy từ trong ngõ nhỏ nào đó ra, len vào đám người, rồi dừng lại giữa quảng trường. Một người mặc quân phục leo lên nóc xe giơ loa lên miệng:

— Các đồng chí! Đừng gây hoang mang mất trật tự! — Tiếng loa vang lên khắp quảng trường: — Có thể đây chỉ là một vụ khiêu khích... Nhưng để đề phòng, đề nghị tất cả mọi người đi ra khỏi đây theo đường ô-tô Đrô-gô-bư-tsơ, vì nhà ga và đường sắt đã bị hỏng. Ở trong cánh rừng phía nam Xam-bơ-rơ người ta đã tổ chức một trạm tản cư. Ô-tô sẽ đón các đồng chí ở đấy...

Đám người lại xách va-li, gói bọc dồn ngược trở lại đường phố cũ. Vừa lúc đó trận bắn phá thành phố cũng chấm dứt. Tiếng nổ xung quanh bỗng đột ngột im bặt.

Và mọi người chợt nghe tiếng rú kéo dài ngắt quãng vang lên trên bầu trời.

Những cột khói đen nâu dựng lên khắp thành phố. Đằng

sau những cột khói đó, mặt trời đã mọc lên, qua làn khói dày đặc, trông hệt như một chiếc gối bông xám khổng lồ.

Những chiếc máy bay bay về phía bên kia các cột khói, về phía mặt trời mọc. Chúng bay thành hàng ba chiếc một, rất thấp. Trên cánh, hình chữ thập đen hiện ra hung dữ...

* * *

Ngày tháng Sáu như bốc lửa. Chiếc mái gỗ trên lều phòng hỏa ở làng San-ta-ra cong queo lại, nổ lách tách, nóng hừng hực, dường như chỉ một tí nữa tự nó sẽ cháy bùng lên.

Mặc dầu là ngày chủ nhật, Vê-ra I-nhi-u-chi-na, một cô gái hai mươi tuổi, người nở nang, với những nốt tàn nhang thưa thớt quanh mũi, cặp môi mọng, từ sáng vẫn ngồi bên chiếc máy chữ cọc cạch nhãn hiệu «Un-đéc-vút» đánh bản báo cáo của Cru-gi-lin cho cuộc hội nghị cán bộ đảng của huyện vào thứ tư tới. Chính Cru-gi-lin cũng đã có mặt từ sáng sớm ở văn phòng huyện ủy, và qua cánh cửa để ngỏ của phòng mình, Vê-ra nghe tiếng ông quay cần điện thoại liên tục và giọng khàn khàn của ông hét vào máy nói:

—A-lô, a-lô! Tổng đài đâu?.. Ca-chi-a, Ca-chi-a đấy à? Nô-vô-xi-biếc-xcơ ra sao?.. Không trả lời à?.. Thế còn nhà riêng của bí thư tỉnh ủy?.. Cũng im lặng? Không biết bọn họ biến đi đâu mất cả... Cứ mười lăm phút một cô gọi điện cho tỉnh ủy nhé.

Vê-ra làm ở đây đã hai năm, nhưng cô không thích công việc của mình. Mím chặt môi, cô giận dữ gõ những câu trong bản báo cáo viết theo lối quân sự về việc từ hồi mùa đông đến mùa xuân này bao nhiêu phân đã được chở đến các cánh đồng của các nông trang tập thể, bao nhiêu diện tích lúa đã làm cỏ xong. Thỉnh thoảng, Cru-gi-lin lại đi đến bên cạnh, im lặng cầm lấy những tờ giấy vừa đánh máy xong, rồi lại im lặng đi ra.

—A-a, I-a-cốp Nhi-cô-lai-ê-vích,—Cru-gi-lin đang nhặt mấy tờ giấy bỗng thốt lên.—Anh đến gặp tôi à? Qua phòng tôi đi.

—Tôi sẽ qua,—A-lây-nhi-cốp đứng ở cửa phòng Vê-ra nói.—Tí nữa tôi sẽ qua.

Cru-gi-lin ngạc nhiên liếc nhìn A-lây-nhi-cốp, rồi đi về phòng mình. Còn I-a-cốp đi qua phòng đến ngồi lên bệ cửa sổ. Ông mặc thường phục, bộ quần áo ngoài bằng vải to sợi còn mới tinh, hoàn toàn chưa có một nếp nhăn, và chiếc áo sơ-mi trắng càng làm nổi rõ thêm vết sẹo trên má sau bao nhiêu năm tháng giờ đã ngả sang màu xanh. Một mạch máu đỏ hồng nổi to chạy cắt ngang vết sẹo.

Vê-ra cảm thấy sợ cái con người lầm lì, suốt đời cau có này. Từ cặp mắt gần như bị che lấp bởi đôi lông mày rậm rì của ông ta như phát ra một luồng khí lạnh, tê buốt, thấu đến tận tim. Cô mang theo nỗi sợ hãi này từ khi hãy còn bé tí. Mẹ cô mỗi lần bắt thằng em Nhi-cô-lai nghịch ngợm đi ngủ, thường tức giận càu nhàu:

— Nghịch gì mà nghịch lắm thế, đồ quỷ sứ này! Đợi đấy, tao gọi ông I-a-cốp A-lây-nhi-cốp có vết sẹo trên má ông ấy đến cho mày chết bây giờ...

Nhưng A-lây-nhi-cốp chưa lần nào đến nhà cô cả, mà cô chỉ nhớ một đêm, lúc trời gần sáng, ông ta đã đến nhà Ma-ri-a Ô-gô-rốt-nhi-cô-va.

Lần ấy xảy ra đã lâu, một năm sau khi họ từ Mi-khai-lốp-ca trở về. Vê-ra và Ma-ri-a gần như bằng tuổi nhau, kết bạn với nhau và suốt ngày chạy nhảy trên đồng cỏ, chơi bịt mắt trốn tìm — những lùm cây của biền sông Grô-mô-tu-sca mọc vào sát ngay nhà của gia đình Ô-gô-rốt-nhi-cốp ở cuối thị trấn San-ta-ra.

Một lần, hai đứa đọc chung một cuốn sách gì đó dưới ngọn đèn dầu; khi đọc xong Vê-ra sợ, không dám đi về nhà theo những con đường vắng vẻ, nên ngủ lại nhà Ma-ri-a.

Trong giấc ngủ nặng nề, chập chờn, cô nghe có tiếng xe dừng lại bên cửa sổ, tiếng gõ cửa và tiếng người nói. Lấy bàn tay giụi mắt nhìn ra, cô thấy A-lây-nhi-cốp đang đứng dưới đèn, trên người khoác một chiếc áo ca-pốt vạt dài nặng trịch, đầu đội mũ, có quai cài lại dưới cằm. Cạnh cửa ra vào còn ba người lạ nữa, họ cũng mặc những chiếc áo ca-pốt như của A-lây-nhi-cốp. Cha của Ma-ri-a, một ông già có bộ râu quai nón rậm, mọc đến tận mắt, màu hung đỏ, đang đi ủng, tay run run. A-lây-nhi-cốp đứng hút thuốc, dáng nhẫn nại chờ đợi.

Ê-rô-phây Cu-dơ-mích không phải là bố đẻ của Ma-ri-a, — ông nhận cô từ nhà trẻ mồ côi về nuôi lúc cô mới ba tuổi. Ông làm nghề thợ giày ở xí nghiệp liên hợp công nghiệp, không có vợ, chỉ có hai cha con sống với nhau.

Đến nay Vê-ra vẫn còn nhớ, Ô-gô-rốt-nhi-cốp đi ủng xong, ngồi thẳng lên.

— Vì tội gì? — ông hỏi.

— Đến đấy ta sẽ nói chuyện, — A-lây-nhi-cốp uể oải trả lời, lấy mũi giày gí tắt mẩu thuốc lá trên sàn nhà. — Tưởng đổi họ tên, để râu mà người ta không tìm ra đấy à? Tìm thấy hết!

— Ma-ri-a, con ở lại nhé, — Ê-rô-phây Cu-dơ-mích ngoảnh lại nói với cô con nuôi. — Con đã lớn rồi, không sao. Gặp người tốt, con lấy chồng đi. Nhà đã có rồi, không sao đâu...

Ông nói một cách bình thường, điềm tĩnh, như trước lúc đi làm việc, biết chắc rằng chiều lại sẽ trở về nhà. Chỉ có đôi mắt cháy lên như người đang cơn sốt.

...A-lây-nhi-cốp ngồi trên bực cửa sổ nhìn ra đường. Cạnh hàng rào của khu nhà huyện ủy, dưới bóng cây loang lổ, và xa hơn, trên bãi buộc ngựa vương vãi những sợi rơm vụn, mấy con gà đang bới đất làm tung lên một làn bụi khô.

Phía đối diện, bên kia đường là một ngôi nhà gỗ rộng rãi, mái lợp tôn — đó là nhà của bí thư huyện ủy. Nhà được bao quanh khắp bốn phía bằng một dãy hàng rào gỗ chắc chắn.

Rồi không nói một tiếng nào, A-lây-nhi-cốp đứng dậy, đi ra. Còn Vê-ra thì như quên bẵng mất chiếc máy chữ, ngồi rất lâu, bất động, bàn tay áp lên lồng ngực đang đập thình thịch. «Ông ta đến đây để làm gì? Để làm gì?» — câu hỏi đó cứ quay cuồng mãi trong đầu cô.

* * *

— Có việc gì thế? — Cru-gi-lin ngẩng mái đầu nặng nề, đã bạc trắng từ lâu, nhìn A-lây-nhi-cốp và hỏi.

Nhưng I-a-cốp, vẫn như ở phòng cô đánh máy, im lặng ngồi lên bệ cửa sổ và cau có nhìn ra đường.

— A-lô, Ca-chi-a đấy à? Thế nào, Nô-vô-xi-biếc-xcơ vẫn

10-634

không trả lời à? Không? — Cru-gi-lin lại quay máy điện thoại. — Họ chết cả rồi hay sao ấy...

— Chủ nhật mà. Người thì câu cá, người thì khách khứa ăn uống, — A-lây-nhi-cốp nói. — Chỉ có chúng ta là làm việc, làm việc...

Cru-gi-lin đặt ống nghe xuống, liếc nhìn sang A-lây-nhi-cốp, rồi cúi xuống mấy tờ giấy đặt trên bàn.

— Anh đến có việc gì phải không? — Cru-gi-lin hỏi, đầu vẫn không ngẩng lên.

— Thế không có việc không đến được à? Bạn bè cả mà, — A-lây-nhi-cốp cười nhạt.

Một cơn giận dữ nặng nề và gần như vô cớ trào lên trong người Cru-gi-lin. Thậm chí ông còn cảm thấy cơn giận đang lớn dần, hai bàn tay đặt trên bàn trở nên nặng trịch.

— Sao, anh bảo là bạn bè à?

Khác với Vê-ra, Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích Cru-gi-lin không sợ A-lây-nhi-cốp. Và nói chung, ông, Cru-gi-lin, không hề biết sợ ai và sợ cái gì trên đời này, kể cả cái chết, mặc dù đã nhiều lần nó đã tính toán xem sẽ quật ông ngã như thế nào, sấp hay ngửa.

Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích Cru-gi-lin hiểu rõ sự cần thiết và tính chất quan trọng đối với cách mạng của cái công việc mà A-lây-nhi-cốp đang làm, cái công việc đôi lúc khó khăn, thậm chí có thể bẩn thỉu, và bao giờ cũng nguy hiểm. Nhưng ông không hiểu chính con người I-a-cốp, không hiểu cái gì đã xảy ra với ông ta...

...Sau khi dẹp xong bọn Côn-tsắc, Cru-gi-lin đem A-lây-nhi-cốp về làm thư ký cho mình ở Xô-viết xã. Nhưng họ làm việc với nhau không lâu, vì mùa xuân năm 1920 ở vùng lân cận San-ta-ra một toán phỉ khác lại mọc lên thay thế cho toán của Cáp-ta-nốp vừa bị tiêu diệt cách đấy không lâu. Đột nhập vào các làng, bọn phỉ này giết bằng sạch những người du kích cũ của Cru-gi-lin, chém chết gia đình họ, không tha cả phụ nữ, trẻ em, đốt trụi nhà cửa.

— Đây là Di-nô-vi, con trai của Mi-kha-in Cáp-ta-nốp. Xem cung cách biết ngay, — A-lây-nhi-cốp mấy lần nói. — Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích, cho phép tôi đi nhé? Chỉ một tháng là tôi sẽ lôi cái đồ quỷ một mắt ấy về đây cho anh.

I-a-cốp nói, mắt lấp lánh lộ vẻ sốt ruột, đôi lông mày rậm như nhảy lên vì bị kích động.

Cuối cùng, Cru-gi-lin cũng đã thỏa thuận được với người lãnh đạo Ủy ban đặc biệt của San-ta-ra — một con người ốm yếu, lừ khừ, rõ ràng là ngồi không đúng chỗ của mình, — giao cho A-lây-nhi-cốp tổ chức những người ở trong Ủy ban đặc biệt và những cựu du kích thành một đội tiễu phỉ. Và I-a-cốp, tuy không phải sau một tháng mà phải tới giữa mùa thu năm 1920, đã lôi thẳng đến phòng làm việc của Cru-gi-lin một người chừng ba nhăm tuổi mắt bị nhài quạt.

— Đây, như đã hứa với anh... Mày phải đứng thẳng dậy, đồ chó chết, trước mặt chính quyền Xô-viết!

Hắn quả là Di-nô-vi Cáp-ta-nốp, con trai cả của Mi-khai-in Lu-kích Cáp-ta-nốp.

Sau đó, chính Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích giới thiệu I-a-cốp A-lây-nhi-cốp sang công tác ở Ủy ban đặc biệt, thay người chỉ huy ốm yếu trước đây. Và Cru-gi-lin đã không lầm, A-lây-nhi-cốp có lẽ đã tìm ra sở trường của mình trong công tác này. Chẳng bao lâu sau anh đã tóm sạch bọn phỉ, trộm cướp ẩn náu trong các khe núi Dve-nhi-gô-ra và các khu rừng Grô-mô-tu-kha, lập lại trật tự trong xã. Khi A-lây-nhi-cốp chuyển đến Bác-na-un công tác, Cru-gi-lin rất tiếc. Sau đó A-lây-nhi-cốp trở lại San-ta-ra, lần này Cru-gi-lin lại mừng.

— Nào, I-a-cốp, giúp một tay, — Cru-gi-lin nói với anh. — Tình hình bây giờ lại căng thẳng. Bọn cu-lắc trong thời kỳ kinh tế mới im hơi lặng tiếng, giờ đã bắt đầu cựa quậy rồi đấy.

Tình hình quả nhiên căng thẳng: bắt đầu công cuộc tập thể hóa ở nông thôn. Lúc bấy giờ Cru-gi-lin đã là bí thư huyện ủy.

I-a-cốp A-lây-nhi-cốp dường như có tài đánh hơi đoán trước được bọn cu-lắc đang dự định cái gì và ở đâu, anh kịp thời dẹp tất những vụ nổi loạn, bắt giam bọn cầm đầu. Ngày đêm anh đi ngang dọc khắp huyện, người gầy khô, mặt xạm đen, nhưng bao giờ cũng vui vẻ, tốt bụng và cởi mở.

— Vất vả lắm nhỉ, I-a-cốp? — thỉnh thoảng Cru-gi-lin

hỏi.—Người chỉ còn cặp lông mày và vết sẹo trên má nữa thôi.

—Chịu đựng được thôi,—A-lây-nhi-cốp trả lời, miệng mỉm cười để lộ những chiếc răng chắc chắn, trắng lóa.—Ngày mai tôi sẽ qua nông trang Bê-lưi I-ác. Ở đó người của tôi đã từ lâu theo dõi hai nông trang viên. Thỉnh thoảng lại có những người khách lạ mặt đến thăm họ. Bao giờ cũng về ban đêm, có vẻ lén lút. Đáng ngờ lắm.

—Đáng ngờ thật,—Cru-gi-lin đồng ý.—Dạo mùa xuân, ngay trước vụ gặt, ở đó mười lăm con ngựa bỗng lăn ra chết. Họ bảo là ăn phải cái gì đó...

—Chúng tôi sẽ tìm ra. Tôi sẽ thường xuyên liên lạc với anh. Hễ có gì, tôi sẽ báo cho anh biết và xin ý kiến.

Và quả thật A-lây-nhi-cốp luôn luôn thông báo cho huyện ủy biết tình hình tất cả các công việc của mình và xin ý kiến.

Nhưng sau đó I-a-cốp A-lây-nhi-cốp bắt đầu thay đổi, trở nên lầm lì, ít nói, thường đến văn phòng huyện ủy với dáng điệu ủ rũ, cau có, mặt không cạo. Cru-gi-lin cũng không nhận thấy sự thay đổi này bắt đầu từ bao giờ. Đầu tiên Cru-gi-lin nghĩ rằng có lẽ A-lây-nhi-cốp đã quá mệt mỏi, tuổi tác cũng đã nhiều, thần kinh không chịu được sự căng thẳng quá mức như vậy. I-a-cốp càng ngày càng ít đến văn phòng huyện ủy hơn.

—Có lẽ cậu nên nghỉ ngơi một thời gian, I-a-cốp ạ,—có lần Cru-gi-lin bảo.—Đến nhà nghỉ mát chẳng hạn.

—Sẽ được nghỉ luôn ở ...bên kia thế giới, nếu bây giờ lỏng tay,—A-lây-nhi-cốp cau có đáp.

A-lây-nhi-cốp bắt đầu áp dụng một phương pháp công tác mới. Trong khi theo dõi một tên kẻ thù nào đó của chính quyền Xô-viết đang náu mình, đầu tiên I-a-cốp tạo nên xung quanh hắn một «khoảng trống». Sau đó, khi kẻ mà A-lây-nhi-cốp săn bắt đã sa lưới, ông tiến hành điều tra hết sức cẩn thận, rồi thả những người vô tội ra.

—Cậu phải bỏ cái lối ấy đi, A-lây-nhi-cốp ạ,—khi biết về cái phương pháp làm việc này, Cru-gi-lin yêu cầu.—Bắt giam những người vô tội... chắc cậu biết sẽ như thế nào rồi đấy... Đâu phải cậu đang chỉ huy bọn hiến binh Nga hoàng...

Sau này chính Cru-gi-lin phải trả giá cho câu nói đó, tuy

nhiên bằng một cách khá đặc biệt. Chuyện này xảy ra vào khoảng giữa năm 1936. Trong một chuyến đi về Nô-vô-xi-biếc-xcơ công tác, ông được mời đến cơ quan nội vụ của khu và bị giữ ở đó gần ba ngày. Ban đêm ông ngủ trên chiếc ghế dài bọc da đã sờn rách trong một căn phòng làm việc, ban ngày một nhân viên được ủy quyền trẻ măng tên là Ti-sen-cô đến «nói chuyện» với ông. Anh ta cứ hỏi đi hỏi lại mãi rằng ông sinh ở đâu, hồi bé làm gì, cha mẹ là ai, trong nội chiến đánh nhau ở những vùng nào, ai là bạn đồng ngũ, v.v..

Mãi đến lúc hai giờ chiều ngày thứ ba, cửa phòng bỗng bật mở và I-a-cốp A-lây-nhi-cốp bước vội vào, gần như chạy.

—Anh Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích! Đúng là cái bọn này!.. Tình cờ ở Sở tôi được biết ở đây anh đang bị họ... «Thế nào,—tôi bảo,—các anh hóa rồ lên rồi à? Sao anh có thể nghĩ điều gì về Cru-gi-lin? Thế mà chúng tôi cứ thấy mất hút bí thư huyện ủy...» Thôi, ta đi, tôi cũng về huyện đây.

—Không thông minh lắm đâu, A-lây-nhi-cốp ạ,—Cru-gi-lin nói khẽ và rành rọt từng tiếng một.

I-a-cốp dừng lại giữa câu, đôi lông mày rướn lên rồi hạ xuống. Trên đôi gò má căng, một cặp u nổi lên chạy ngang rồi biến mất, da mặt đã căng lại thêm căng, tưởng như đã hết mức.

—Anh Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích,—I-a-cốp nói, giọng khô khốc, đôi mắt không chớp nhìn thẳng vào mặt Cru-gi-lin,—những người trung thành với Đảng và chính quyền Xô-viết chúng tôi không động đến. Ngược lại, chúng tôi hết sức bảo vệ. Còn chuyện xảy ra với đồng chí, có thể giải thích một cách đơn giản,—I-a-cốp bỗng chuyển sang lối xưng hô chính thức.—Có lần nào đó, ở Sở đây, tôi kể đùa lại rằng đồng chí đã phê bình tôi về phương pháp làm việc, rằng... đấy, không phải tôi đang chỉ huy cơ quan hiến binh Nga hoàng... Thế mà họ, anh hiểu không, họ nhớ những lời ấy...

—Đừng nói dối, A-lây-nhi-cốp! Tôi không còn là trẻ con với anh nữa đâu!

—Anh Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích!

—Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích cái gì?! Anh đang làm bậy ở trong huyện này!

—Thí dụ?—A-lây- nhi-cốp nheo mắt lại, mấy vệt trắng mờ xuất hiện trên đôi gò má của anh và từ từ loang ra.

—Thí dụ như I-van Xa-vê-li-ép. Anh ta không có tội! Thí dụ như anh nông trang viên ở làng Mi-khai-lốp-ca Ác-ca-đi Môn-tsa-nốp. Vì sao sau khi bắt Xa-vê-li-ép các anh lại bắt giam anh ta?

Cru-gi-lin thở hổn hển vì tức giận, đôi bàn tay hết nắm vào, lại mở ra. Tấm thân to lớn của ông run lên, ông muốn cưỡng lại cơn run đó, nhưng không thể nào làm được.

—Thế tiếp theo ra sao nữa?—A-lây-nhi-cốp nhếch mép cười nhạt.

—Còn tiếp theo—những chuyện như vậy không thể tái diễn! Chúng tôi đã định đưa công việc của cơ quan nội vụ huyện ra thường vụ huyện ủy, xem xét một số vấn đề. Riêng anh, có lẽ phải đề nghị thôi việc ở đó vì đã vi phạm luật pháp xã hội chủ nghĩa. Còn anh, để đánh đòn gió nên bày cách đưa tôi đến đây! Không được đâu, người anh em ạ. Thường vụ nhất định sẽ họp! Chúng tôi không cho phép anh... tách ra khỏi sự kiểm soát của Đảng...

A-lây-nhi-cốp đứng im lặng một lúc, rồi bước đến bên chiếc tủ con, rót một cốc nước và uống cạn. Sau đó anh nói, giọng bình tĩnh:

—Có những việc mà có lẽ anh không hiểu được, Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích ạ. Sẽ không có cuộc họp thường vụ nào hết.

—Tại sao? Lý do gì?

—Lý do chính trị. Đây, giấy ra cửa của anh đây.

Không còn nhớ gì nữa, Cru-gi-lin chạy ra đường và đến ngay khu ủy.

Bí thư khu ủy Xu-bô-tin, một ông già xương xẩu với những nếp nhăn hằn sâu trên đôi má, không tiếp Cru-gi-lin ngay, nhưng lại nghe toàn bộ câu chuyện một cách chăm chú, bình tĩnh, không lần nào cắt ngang lời. Và chỉ khi Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích kể hết, dừng lại im lặng, ông mới nói:

—Vâng, người ta đã gọi điện cho tôi... Việc này đúng là khó chịu.

—Thế nghĩa là... Nghĩa là tôi quả là có điều gì đó không

hiểu được, như A-lây-nhi-cốp nói, hở anh I-van Mi-khai-lô-vích?

— Có thể đấy.

— Nhưng... điều gì? Điều gì?

— Điều gì à? — bí thư khu ủy hỏi lại một cách không vui. — Nhiều điều lắm. Tình hình chính trị. Mạch thời gian.

— Cái gì? — Cru-gi-lin ngẩng lên nhìn bí thư khu ủy dường như lần đầu tiên trông thấy ông ta.

Đã từ lâu lắm, có lẽ từ tháng Mười năm 1919, Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích được biết con người này, một trong những cán bộ lãnh đạo tổ chức bí mật của Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ, sau đó là chính ủy một trung đoàn thuộc Quân đoàn thứ Năm nổi tiếng của Hồng quân. Đúng, từ tháng Mười, bởi vì chính trong những ngày cuối tháng Mười năm 1919 đội du kích của Cru-gi-lin cùng với trung đoàn này đánh bật bọn bạch vệ ra khỏi San-ta-ra. Sau đó, trung đoàn tiếp tục hành quân về phía Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ. Khi tạm biệt, ông nắm rất chặt tay Cru-gi-lin lắc mạnh và nói: «Nào, Pô-li-các-pơ, anh hãy xây dựng chính quyền Xô-viết ở đây nhé. Bây giờ anh hãy tạm ngừng choảng nhau đã».

Chừng hai-ba năm sau, Cru-gi-lin gặp lại ông tại đại hội Đảng ở Bác-na-un — lúc đó San-ta-ra còn thuộc về khu Bác-na-un. «Đấy, tôi nay cũng thôi choảng nhau rồi, — khi nhận ra Cru-gi-lin, ông nói và lại bắt tay thật chặt. — Tôi bây giờ có lẽ phải làm ở khu ủy. Ta cùng cộng tác nhé?».

Và họ cùng làm việc, cùng gặp nhau luôn, mãi cho đến năm 1930, khi San-ta-ra được sát nhập vào khu Tây Xi-bi-ri vừa mới thành lập. Suốt mấy năm Cru-gi-lin mất bóng con người này; nhưng khoảng năm rưỡi trước đây họ lại gặp nhau ở khu ủy Tây Xi-bi-ri. «A, chào anh Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích! — ông ta thốt kêu lên mừng rỡ và nắm tay lắc mạnh. — Anh thấy chưa, quả đất tròn, số phận lại cho chúng ta gặp nhau! Nào, vào đây, ta nói chuyện. Tình hình các anh ở San-ta-ra ra sao?..»

Làm việc với I-van Mi-khai-lô-vích rất thoải mái, nhẹ nhàng. Bao giờ cũng mềm dẻo, cởi mở, ông không hề nổi nóng hoặc hấp tấp, mất bình tĩnh. Tất cả những cái này dường như trái ngược với vẻ ngoài xương xẩu, góc cạnh, hơi thiếu

cân đối của ông, nhưng dù sao ở con người ông cũng luôn luôn toát ra một sức mạnh và sự công bằng dễ chinh phục lòng người. Lúc đầu, Cru-gi-lin không thể hiểu được, do đâu mà con người này có được cái sức mạnh chinh phục đó? Nhưng sau ông hiểu: do đôi mắt, cái nhìn. Khi nói chuyện với ai, I-van Mi-khai-lô-vích cũng luôn luôn nhìn thẳng vào người đó bằng đôi mắt màu xám, hơi buồn buồn, gần như không chớp, và dường như cái nhìn của ông xuyên thấu tận tâm hồn, thấy được những điều mà người khác không bao giờ thấy. Và thật kỳ lạ, điều này không làm cho người nói chuyện với ông cảm thấy khó chịu hoặc sợ hãi — ít ra là Cru-gi-lin không bao giờ cảm thấy như vậy — nó chỉ làm cho ông mất khả năng giấu giếm một cái gì đó, buộc ông phải nói ra tất cả những gì trong lòng, cả điều tốt lẫn điều xấu. Và ông đã phải nói hết, vì rằng cái nhìn của I-van Mi-khai-lô-vích, bằng một cách kỳ lạ, không thể giải thích nổi, bắt ông phải tin rằng trước mặt ông là một con người hiểu hết tất cả, một con người không phê phán ông vì chưa biết được những điều rất quan trọng nào đấy, và con người đó sẽ giúp ông hiểu những gì ông còn chưa hiểu.

Và bây giờ, Xu-bô-tin cũng đang nhìn Cru-gi-lin bằng cái nhìn như vậy.

Hai người ngồi im lặng khá lâu trong căn phòng làm việc rộng rãi, sạch sẽ. Con lắc tròn bằng đồng của chiếc đồng hồ treo tường chậm rãi và rõ ràng thả từng tích tắc xuống sàn nhà gỗ trải tấm thảm đã sờn. Trên cửa sổ, tấm màn vải bị gió lay động khẽ kêu sột soạt.

— Nhưng... nếu như tôi không hiểu được những điều như vậy... — Cru-gi-lin nói và không hiểu sao day dứt lắng nghe tiếng tích tắc của quả lắc đồng hồ, — thì tôi làm sao có thể tiếp tục... làm bí thư huyện ủy?

— Tôi cũng đang nghĩ về điều đó, — I-van Mi-khai-lô-vích nói, giọng khô trầm. Cru-gi-lin như bị điện giật, từ từ ngẩng đầu lên. Bí thư khu ủy thở dài đứng dậy. — Thôi được, anh cứ về đi, Pô-li-các-pơ ạ.

Từ khu ủy, Cru-gi-lin bước ra về, trong đầu nghe ong ong và ông có một cảm giác kỳ lạ: ông, Cru-gi-lin, bị một người

nào đó nhai rất lâu, rất kỹ, nhưng không hiểu sao không nuốt vào mà lại nhổ — đã nát nhừ — lên mặt đất đầy bụi.

Ở nhà ga, Cru-gi-lin vào một quán ăn tồi tàn và uống một hơi cạn cốc rượu vốt-ca hâm nóng; nhưng không cảm thấy gì ngoài cảm giác lợm giọng, buồn nôn, ông leo lên tàu.

«Thế này là thế nào? — ông suy nghĩ suốt cả quãng đường trong tiếng gõ đều đều của bánh tàu. — Thì cứ cho là mình chưa hiểu được đi... Thế nhưng tại sao ông ta, ông I-van Mi-khai-lô-vích ấy, không giải thích cho mình những điều mình chưa hiểu?.. Ông ta có thể giải thích được cơ mà...»

Về huyện, Cru-gi-lin chúi đầu vào công việc, suốt ngày đêm sục sạo xuống hết làng này xã khác. Đang giữa vụ cắt cỏ, nên nhiều khi Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích cởi bỏ áo ngoài, cầm lấy nạng và suốt ngày đầm đìa mồ hôi, đứng xóc cỏ chất lên những đụn cao ngất.

Một lần ông cũng làm việc suốt ngày như vậy ở nông trang Mi-khai-lốp-ca. Người ta đánh cỏ thành từng đụn trên cánh đồng cạnh con sông Grô-mô-tu-kha. Tối đến, sau khi tắm trong dòng nước sông mát, ông ngồi lên bờ đá đã phả hết hơi nóng và nghe tiếng sông Grô-mô-tu-kha róc rách nơi con thác nhỏ. Có tiếng xe ngựa từ phía sau đi đến và dừng lại, rồi tiếng chân người bước khẽ.

— Thế nào, làm có mệt không, anh Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích? — Qua giọng nói Cru-gi-lin nhận ra chủ tịch nông trang Mi-khai-lốp-ca Pan-crát Na-da-rốp.

— Thỉnh thoảng làm một bữa thì cũng tốt thôi, Pan-crát ạ, cho máu lưu thông.

— Tất nhiên là tốt rồi, — người cựu chỉ huy phó đội du kích đồng ý, ngồi xuống bên cạnh, xòe bàn tay ôm lấy bộ cằm rộng. — Chỉ có điều tự nguyện thì vẫn hơn là cưỡng bức.

Cru-gi-lin liếc nhìn sang Pan-crát đang ngồi như một tảng đá trong bóng đêm nhờ nhờ, nhưng không nói gì.

— Này, anh còn nhớ không, lần ấy chúng mình qua sông ở chỗ nông này đây. Trốn thằng Du-bốp ấy mà.

— Sao lại không nhớ, — Cru-gi-lin đáp. — Đúng là chỗ này.

Rồi họ lại ngồi im lặng rất lâu, mỗi người theo đuổi một ý nghĩ riêng.

—Anh có nghe tin gì về I-van Xa-vê-li-ép không?

—Không. Có gì thế?

—Ấy đấy, ấy đấy,— Pan-crát lắp lại hai lần.—Thực ra cậu ta không có tội đâu. Tai bay vạ gió đấy mà.—Và có lẽ vì mãi không thấy Cru-gi-lin đáp, ông hỏi tiếp.—Nhưng sao lại như thế? Còn anh, anh là bí thư kia mà...

Cru-gi-lin biết trả lời ra sao? Ông ngồi im lặng rất lâu.

—Nói anh nghe, chắc anh cũng không tin... Có những lúc bí thư huyện ủy cũng phải chịu bó tay bất lực, không làm được gì.

Con sông vẫn chảy róc rách. Đằng tây, những mảng mây cuối cùng trắng nhờ như khối tuyết bị dòng nước đen cuốn trào lên đem vung vãi khắp trời. Có cảm tưởng như đêm sẽ kéo dài bất tận, thanh vắng và đen đặc, tối như bưng.

—Thế đấ-ấy,—Na-da-rốp thở dài, thò tay vào túi lấy thuốc.—Thức lâu mới biết đêm dài. Quả thế thật... Anh ruột của cậu ta cho cậu ta vào tù đấy. Nhưng vì sao? Để làm gì? Anh nghĩ sao?

—Tôi nghĩ sao ấy à, anh Pan-crát? Tôi cũng không biết nữa,— Cru-gi-lin thú thực. Rồi ông nói tiếp, trong đầu không chỉ nghĩ về Phê-đô Xa-vê-li-ép, mà cả về A-lây-nhi-cốp.— Con sông Grô-mô-tu-kha này mùa hè thì gào réo, mùa đông lại im lặng, điều này còn dễ hiểu. Nhưng những gì xảy ra với con người, đôi lúc chẳng còn biết ra sao nữa. Có lẽ anh nói đúng đấy, muốn biết đêm dài thì phải thức lâu.

Họ cùng đứng dậy đi đến bên xe của Pan-crát.

—Thôi chào anh nhé, anh Pan-crát... Tôi đi thẳng con Các-ca đây...

—Tôi còn tí chuyện về A-ga-ta muốn nói... Tôi định cử cô ta làm tổ trưởng...

—Tổ trưởng à? Chẳng lẽ trong nông trang không còn đàn ông sao?

—Họ đi đâu mà chẳng còn! Nhưng có khi hàng tá đàn ông không bằng một mụ đàn bà...

Na-da-rốp im lặng, đợi Cru-gi-lin trả lời.

—Không nên,—ông thì thầm trong bóng tối.

Chủ tịch nông trang thở dài:

—Hay chuyển cô ta sang trại sữa?

—Sang trại sữa cũng không nên. Bây giờ không nên làm gì cả, anh Pan-crát ạ. Cứ để vậy hẵng...

—Thôi được, có khi anh nói đúng đấy, cứ để vậy có lẽ là tốt hơn.

Sau sự việc xảy ra ở Nô-vô-xi-biếc-xcơ, sau lần nói chuyện với bí thư khu ủy, Cru-gi-lin vẫn chưa từ bỏ ý định đem ra xem xét và thảo luận trọng thường vụ công việc của cơ quan nội vụ huyện. Nhưng trong những ngày đầu ông không thể nào tập trung suy nghĩ được. Những chuyến đi trong huyện giúp ông bình tĩnh lại hơn. Sau khi trở về San-ta-ra, Cru-gi-lin chỉ thị cho nhân viên văn phòng huyện ủy chuẩn bị số liệu cho cuộc họp thường vụ.

Sáng ngày hôm sau, A-lây-nhi-cốp gọi dây nói tới.

—Này, có người của anh đến đây yêu cầu lấy những số liệu nào đó.

—Đấy không phải là người của tôi, mà là cán bộ của huyện ủy...

—Thế nhưng... — A-lây-nhi-cốp thoáng ngừng vài giây. — Tôi không cho họ số liệu nào đâu.

—Trong trường hợp như vậy, thường vụ sẽ xem xét tư cách cá nhân của đảng viên A-lây-nhi-cốp.

Ống nghe lại im lặng mấy giây. Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích chỉ nghe những tiếng thở nặng nề, ngắt quãng của A-lây-nhi-cốp ở đầu dây bên kia.

—Còn tôi, anh Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích ạ, rất sợ... — cuối cùng trong ống nghe vang lên giọng nói khe khẽ, đều đều, với một sự chậm rãi, rõ ràng khác thường của A-lây-nhi-cốp. — Tôi rất sợ rằng thường vụ lại phải xem xét tư cách cá nhân của một đảng viên khác... đảng viên Cru-gi-lin. Mà tôi thì rất không muốn điều đó... — Và A-lây-nhi-cốp đặt ống nghe xuống.

Cru-gi-lin giận điên người, đi lại trong phòng. Hơi bình tĩnh một tí, ông lại gọi điện cho A-lây-nhi-cốp. Nhưng một giọng phụ nữ nhạt nhẽo trả lời rằng A-lây-nhi-cốp vừa sang huyện và còn lâu mới trở về.

—Cụ thể là bao giờ?

—Tôi không biết...

Cru-gi-lin liền gọi điện lên khu ủy. Nhưng I-van Mi-khai-

lô-vích không có nhà. Cả ngày thứ hai, rồi thứ ba cũng vậy. Đến ngày thứ tư thì chính bí thư khu ủy gọi điện xuống.

Chào hỏi xong, Xu-bô-tin bỗng nhiên hỏi thăm về sức khỏe, về cuộc sống của Cru-gi-lin, làm cho Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích phải cảnh giác đề phòng.

—Có chuyện gì vậy, anh I-van Mi-khai-lô-vích? Anh nói thẳng ra ngay đi.

— Việc thế này, Pô-li-các-pơ ạ... Khu ủy có ý định chuyển anh sang Ôi-rô-chi-a. Đội ngũ cán bộ dân tộc ở đó hơi yếu, cần phải giúp...

—Thế đấy, tôi hiểu rồi...—Cru-gi-lin thốt lên.

—«Hiểu» cái gì?—giọng bí thư khu ủy nghiêm lại.— Anh hãy vứt bỏ những ý nghĩ đằng sau ấy đi. Yêu cầu của Đảng.

—Cụ thể các anh định chuyển tôi đi đâu? Về châu nào? Hình như ở Ôi-rô-chi-a người ta gọi huyện như vậy thì phải.

—Anh sẽ đến tỉnh ủy Ôi-rô-chi-a—Tu-rin-xcơ chịu sự điều động sử dụng. Ở đó họ biết rõ nên để anh làm gì...

...Ở tỉnh Ôi-rô-chi-a, Cru-gi-lin giữ chức vụ phó chủ tịch ủy ban của một trong những huyện hẻo lánh nhất cho đến đầu năm 1941. Ông hoàn toàn mất tin tức về I-van Mi-khai-lô-vích và A-lây-nhi-cốp, vì tỉnh Ôi-rô-chi-a được sát nhập vào khu An-tai vừa được thành lập vào năm đó.

Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích Cru-gi-lin đã yên chịu với số phận của mình, nghĩ rằng sẽ không còn bao giờ gặp lại hai người đó nữa. Nhưng tháng Giêng năm nay, ông bỗng được gọi về Bác-na-un và người ta bảo rằng theo yêu cầu của tỉnh ủy Nô-vô-xi-biếc-xcơ, khu ủy An-tai thấy có thể trong thời gian tới để ông thôi việc và trở về Nô-vô-xi-biếc-xcơ.

«Đây là I-van Mi-khai-lô-vích!»—không hiểu sao Cru-gi-lin nghĩ ngay như vậy.

...Và nửa tháng sau, ông đã lại được bầu làm bí thư huyện ủy San-ta-ra.

—Nhưng khoan đã, A-lây-nhi-cốp vẫn còn làm việc ở đây à?—Cru-gi-lin hỏi I-van Mi-khai-lô-vích trước lúc lên đường về dự đại hội đảng bộ huyện.

—Vẫn ở đây.

—Nhưng... theo tôi hiểu, chính vì A-lây-nhi-cốp mà...

— Thời gian đã qua đi bao nhiêu rồi, — I-van Mi-khai-lô-vích ngắt lời. Và hình như bí thư tỉnh ủy không muốn nói về điều này. — Tôi nghĩ rằng cả hai đều đã hiểu biết thêm ít nhiều và giờ có thể làm việc với nhau.

Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích vừa hiểu, vừa không hiểu ý bí thư tỉnh ủy nói gì. Quả là không ít thời gian đã trôi qua — một khoảng thời gian đầy khó khăn, thử thách. Những vụ án rầm rộ xét xử bọn người tham gia liên minh Tơ-rốt-xki-Bu-kha-rin năm ba sáu, ba bảy, ba tám, đã buộc Cru-gi-lin phải có cách nhìn khác đối với nhiều sự việc. Trong đó có cả việc làm của A-lây-nhi-cốp ở huyện này. Như thế có nghĩa là sau hai chục năm tồn tại của chính quyền Xô-viết, kẻ thù lại thực sự ngóc đầu dậy. Không ít những nhà máy đã bị nổ tung, thỉnh thoảng công an đặc biệt lại khám phá ra những vụ âm mưu, bắt diệt những tổ chức phá hoại. Như thế chắc là I-van Xa-vê-li-ép và tay nông trang viên lầm lì hiền lành Môn-tsa-nốp bị A-lây-nhi-cốp bắt phải có một tội gì đó chứ? Cũng có thể là Xa-vê-li-ép đã bán hai con ngựa khốn khổ kia cho bọn Di-gan, và Môn-tsa-nốp tìm cách bao che cho anh ta? Một số thì mưu sát những người lãnh đạo Đảng và Nhà nước, số khác thì tìm mọi cách phá hoại chính quyền Xô-viết. Nhưng cả Pan-crát Na-da-rốp, cả những nông trang viên khác ở Mi-khai-lốp-ca đều bào chữa cho Xa-vê-li-ép, đều không tin rằng anh ta có tội. Như thế thì cả họ cũng là những kẻ phá hoại sao?

Phân tích, đánh giá tất cả những cái này cho đến tận cùng, tìm ra cho được chân lý, là điều không thể làm được. Đầu óc cứ rối tung, quay cuồng cả lên.

Nhưng đấy chưa phải là điều khó hiểu nhất. Điều khó hiểu nhất — và cũng vì vậy, là điều đáng sợ nhất đối với Cru-gi-lin — là lúc đó, ngay từ giữa năm 1936, A-lây-nhi-cốp đã có thể không cho phép huyện ủy xem xét công việc của cơ quan nội vụ huyện, ngăn chặn cái ý định đầu tiên của huyện ủy trong chuyện này.

Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích mang những ý nghĩ đó trong đầu như một gánh nặng, không biết trao đổi, san sẻ cùng ai.

Sau khi Cru-gi-lin chuyển sang tỉnh Ôi-rô-chi-a, Pô-li-

pốp Pi-ốt Pê-tơ-rô-vích, cán bộ tỉnh ủy Nô-vô-xi-biếc-xcơ, một người to béo, mập lùn và lẫm lì, được cử về làm bí thư thứ nhất huyện ủy San-ta-ra. Ở ông ta, mọi cái như đều rộng hơn người khác, từ trán, vai cho đến đôi gò má. Thậm chí cặp cánh mũi cũng rộng bè bè. Ông ta đón Cru-gi-lin với một vẻ ngoài thản nhiên, đôi mắt to, lạnh lùng nhìn nhanh qua một vài giây, cặp mí sưng nặng khẽ nhíu lại. «Chẳng lẽ ông ta uống rượu à?» — Cru-gi-lin thoáng nghĩ.

Và I-a-cốp A-lây-nhi-cốp cũng đón Cru-gi-lin một cách dè dặt, im lặng, không tỏ thái độ vui mừng hoặc khó chịu. Chỉ mới mấy năm qua mà ông đã thay đổi rất nhiều, già hẳn đi, mái tóc vẫn chải mượt ra phía sau, nhưng trở nên thưa hơn, trên đỉnh đầu đã bắt đầu hình thành một mảng hói. Và cả cặp lông mày rậm rì cũng hình như thưa hơn, vết sẹo chéo trên má có màu xanh tím. «Cái quỷ gì thế này, chẳng lẽ tay này cũng uống rượu à?» — Cru-gi-lin lại nghĩ.

Đúng là I-a-cốp A-lây-nhi-cốp đã thay đổi, và nói chung ở trong huyện có rất nhiều thay đổi. Đứng đầu các tổ chức trong huyện là những người mới, hoàn toàn không quen biết. Cru-gi-lin biết rằng có một số người cùng làm việc ở đây với ông khi ông chưa chuyển sang Ôi-rô-chi-a, đã bị bắt. Chủ nhiệm Liên hiệp hợp tác xã tiêu thụ huyện Va-xi-li Da-xu-khin, người phụ trách quản lý hậu cần của đội du kích cũ, đã bị bắt. Những lần đội bị bao vây, khi mọi người đang đợi một cái chết đói khó lòng tránh khỏi, thì Da-xu-khin, bằng một cách kỳ diệu nào đó mà không ai hiểu nổi, đã tìm ra thức ăn — lúc thì dăm con cừu gầy tóp, lúc thì vài bao bột mì. Trưởng phòng tài chính huyện Đa-nhi-lô Cô-skin, người mà anh em du kích trong đội đặt cho biệt hiệu «Đa-nhi-lô — thiên lôi» cũng bị bắt. Hàng ngày rất hiền lành, không có gì nổi bật, nhưng khi vào trận, Đa-nhi-lô trở thành một con người khác hẳn. Đôi mắt cháy rực lên như trong cơn sốt, anh xông vào những chỗ nguy hiểm nhất — và cũng vì vậy mà có cái biệt hiệu trên. Rồi cả chủ tịch ủy ban huyện Coóc-nây Ba-u-lin, cựu tham mưu trưởng của đội du kích, cũng bị bắt. Vì tội gì, số phận họ ra sao — không được hỏi. Mà có hỏi thì cũng chẳng được ích gì. Và Cru-gi-lin sẽ chẳng bao giờ biết được điều đó, nếu như A-lây-nhi-cốp, giờ đang ngồi

trước mặt ông, trên bệ cửa sổ với dáng điệu như trầm ngâm, ủ rũ, không tự nói ra, hoặc ít nhất, không gợi lên.

Trong phòng làm việc, một sự im lặng nặng nề kéo dài, bao trùm lên cả hai người. Bên ngoài cửa sổ, ngày dài nhất trong năm đang đỏ lửa. Trong vườn, những chùm lá dương non bị nắng hun héo rũ xuống từng túm đen. Trên nền trời xám đục, ngột ngạt, những đám mây bông trắng pha màu xanh phơn phớt tụ lại ngay phía trên ngọn dương, dường như đang sắp sửa rơi sầm xuống mặt đất.

— Trời sắp dông, — A-lây-nhi-cốp nói.

— I-a-cốp Nhi-cô-lai-ê-vích, tôi cần phải chuẩn bị báo cáo cho cuộc họp đảng sắp tới. — Cru-gi-lin nói. — Nếu như anh không có việc gì cấp bách...

— Cấp bách... — A-lây-nhi-cốp cười khẩy. — Mọi việc của con người đều cấp bách, bởi vì cuộc đời ngắn ngủi đã được đo sẵn từ trước...

Những lời này vang lên ở miệng I-a-cốp A-lây-nhi-cốp nghe có một cái gì đó khác thường.

— Hôm nay I-van Xa-vê-li-ép ở nhà tù về đây, — A-lây-nhi-cốp bỗng đột ngột nói. — Có thể là ngay bây giờ, trong phút này, đang bước vào ngõ.

— Thế... thì sao?

— Không sao cả. Ngồi đủ hạn rồi, giờ cứ việc sống. — Im lặng một lúc, ông từ từ quay đầu lại phía Cru-gi-lin. — Sao anh lại không trách đi, rằng anh ta phải chịu oan.

— Thế nào, I-a-cốp, anh lại bày trò khiêu khích đấy à?

A-lây-nhi-cốp, không hiểu sao bỗng rùng mình như bị đánh; ông rời bệ cửa sổ đến ngồi xuống chiếc ghế cạnh bàn Cru-gi-lin.

— Tôi nghĩ là anh sẽ không nhắc lại nữa. Không nên nhắc lại làm gì, anh Pô-li-các-pơ ạ. Mọi việc nó rất phức tạp...

— Mọi việc — nghĩa là thế nào?

— Mọi việc... Cả việc Coóc-nây Ba-u-lin, Cô-skin, Da-xu-khin bị bắt, cả việc anh bây giờ lại về đây, lại về làm bí thư huyện ủy...

A-lây-nhi-cốp nói, hai tay che mặt. Còn Cru-gi-lin mỗi lúc một trở nên kinh ngạc.

— Lúc đó, năm ba sáu, nếu như anh không đi, thì tôi...

có lẽ... cũng đã... Cái ông bí thư tỉnh ủy... hoặc theo cách gọi lúc đó, bí thư khu ủy, đã cứu anh, phái anh đi một nơi xa hẻo lánh... Thế rồi Ôi-rô-chi-a sát nhập vào Bác-na-un! Đúng, cái ông Xu-bô-tin này thật thông minh...

—Nhưng, khoan đã, I-a-cốp,—Cru-gi-lin nói, đưa tay đẩy đống giấy tờ trên bàn sang một bên.—Nếu thế, ta hãy theo thứ tự, I-a-cốp...

—Không cần đâu. Không cần gì cả. Không cần theo thứ tự. Hoàn toàn không cần thiết,—A-lây-nhi-cốp cau có nói và đứng dậy.

Vê-ra cầm mấy tờ giấy đánh máy cuối cùng của bản báo cáo bước vào phòng, đặt lên bàn.

—Hôm nay cháu có cần ở đây nữa không ạ?

—Thôi, đi nghỉ đi.

—Anh làm việc với Pô-li-pốp như thế nào?—khi Vê-ra đi khỏi, I-a-cốp bỗng hỏi. Sau khi Cru-gi-lin về đây, Pô-li-pốp được cử làm chủ tịch ủy ban huyện.

—Làm việc như thế nào à?—Cru-gi-lin nhún vai.—Khó có thể kết luận được gì, vì mới có ba - bốn tháng. Đầu tiên, tôi tưởng ông ta như có vẻ tự ái vì phải chuyển sang làm công tác chính quyền. Nhưng hình như đây chỉ là bản tính ông ta, ít nói, lầm lì.

—Thế đấy,—A-lây-nhi-cốp buông lấp lửng.—Thôi được, tôi đi đây.—Và ông đứng dậy đi ra cửa. Nhưng vừa đẩy cửa ra, ông dừng lại, lấy mấy ngón tay vuốt vuốt tóc ở thái dương.—Tôi đến định để hỏi anh một điều gì đó... À, phải rồi, về cái cô thư ký này... tên cô ta là gì nhỉ?

—Vê-ra I-nhi-u-chi-na ấy à?

—Vâng, vâng... Cô ta đánh máy ra sao? Tốt chứ?

—Tốt!

—Anh có thể để cho sang chỗ tôi được không? Tôi, anh hiểu không, cần một cô đánh máy khá...

—Cứ lấy đi, nếu như anh ưng. Và, nếu như cô ta đồng ý.

—À, nhưng thôi, không cần. Tôi sẽ tìm ở đâu đó một người khác,—A-lây-nhi-cốp lại bỗng thay đổi ý định.—Chào anh.

A-lây-nhi-cốp đi khỏi, Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích còn

ngồi rất lâu nhìn ra cửa, cố gắng tập trung những suy nghĩ của mình lại. Hình như lại có một điều gì đó xảy ra với A-lây-nhi-cốp. Nhưng điều gì?

Cru-gi-lin biết rằng trong đời riêng của A-lây-nhi-cốp có những điều bất hạnh. Năm ba sáu đứa con trai của ông bị chết đuối. Tắm ở sông Grô-mô-tu-kha, đứa bé cùng với lũ bạn leo lên một chiếc phà ngang. Khi phà sang đến giữa sông, đám trẻ hò nhau nhảy xuống nước để bơi vào bờ. Đứa con trai của A-lây-nhi-cốp cũng nhảy theo: nhưng chưa kịp chìm xuống nước, người đứa bé đã rập rờn trên mặt sông như một chiếc phao nặng, máu loang đỏ dòng nước.

Mùa xuân, khi lũ về, người ta thường thả rất nhiều bè gỗ xuôi theo dòng Grô-mô-tu-kha. Thỉnh thoảng những cây gỗ đặc biệt nhiều nhựa, nặng như đá, bị chìm xuống sông. Nhưng dòng nước vẫn cuốn chúng đi; những thân gỗ đó vướng vào đá, vào rễ cây hai bên bờ, nhưng vẫn chậm chạp trôi xuôi. Và không ít trường hợp những cây gỗ nặng đó đã đâm thủng đáy các khoang phà dễ dàng như đâm thủng một tờ giấy.

Đứa con trai của A-lây-nhi-cốp đập đầu phải một khúc gỗ như vậy.

Và thêm nửa năm sau, vợ của I-a-cốp, không hiểu vì sao, bỏ nhà đi. Cru-gi-lin không biết rõ về chị ta lắm. Đó là một phụ nữ người dong dỏng cao, xinh đẹp, dáng kiêu hãnh, nhưng hình như tốt bụng và thông minh. Trong những lần gặp nhau không lấy gì làm nhiều lắm, chị ta luôn chào hỏi trước, mỉm cười niềm nở, nhưng đi ngang qua một cách vội vã, mái đầu cắt ngắn như của con trai ngẩng cao. Chị tên là Ga-li-na Phê-đô-xê-ép-na, bác sĩ, làm việc tại bệnh viện huyện. Vợ của Cru-gi-lin cũng làm việc ở đó, chị về kể lại rằng Ga-li-na Phê-đô-xê-ép-na là một bác sĩ giỏi, nhưng trong bệnh viện mọi người không gần gũi, thậm chí còn sợ chị ta. Có lẽ là vì chồng.

I-a-cốp đưa chị từ Nô-vô-xi-biếc-xcơ về vào mùa đông năm ba tư hoặc đầu năm ba lăm. Trước khi lấy I-a-cốp, chị đã có một đời chồng, chị đến San-ta-ra với đứa con trai tám tuổi, và hình như I-a-cốp cũng thương yêu đứa con nuôi đó. Con riêng, A-lây-nhi-cốp không có...

Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích đi lại trong phòng từ góc này sang góc khác, tay bới mớ tóc bạc và ngẫm nghĩ về A-lây-nhi-cốp, về Xu-bô-tin, người mà hôm nay như bỗng hiện ra với ông trong một thứ ánh sáng khác. Đúng, có lẽ chính I-van Mi-khai-lô-vích đã cứu ông khỏi bị bắt bằng cách phái ông đến một huyện xa xôi hẻo lánh. Ông, Cru-gi-lin, đã không tiếc xương máu, không hề nghĩ đến đời mình, chiến đấu vì chính quyền Xô-viết, vì đấy là chính quyền của nhân dân, và sau đó, tất cả sức lực và trí tuệ mà ông có, ông đã hiến dâng cho sự nghiệp xây dựng và củng cố chính quyền đó. Thế mà bỗng nhiên, chính ông, đến cả ông, lại cần phải được bảo vệ, cần phải được cứu thoát khỏi một bàn tay nào đó, vì một nguyên nhân nào đó... Nếu như quả là như vậy, nếu như Xu-bô-tin đã hiểu tất cả những điều này ngay hồi đó, vào năm 1936, thì tại sao ông không nói ra, một cách chân thực và thẳng thắn, như một người cộng sản nói với một người cộng sản, về những việc đang xảy ra ở trong nước? Và lúc đó hẳn nhất thiết phải nảy sinh ra một câu hỏi cụ thể: tại sao lại phải cứu đảng viên cộng sản Cru-gi-lin khỏi tay đảng viên cộng sản A-lây-nhi-cốp? Ừ thì sao, nếu câu hỏi đó nảy sinh ra thì bí thư khu ủy phải trả lời, nếu như có thể (mà chắc là có thể!). Ông cần phải trả lời, có trách nhiệm phải trả lời — theo chức vụ ông đang giữ, theo tuổi đời và tuổi đảng. Nhưng ông đã không nói ra, không trả lời. Tại sao?

Cru-gi-lin còn đi lại rất lâu trong căn phòng làm việc vắng vẻ. Ông không nhận thấy trời bỗng tối sầm lại. Một tiếng sấm dữ dội nổ ngay trên mái nhà, làm ông chợt tỉnh; hàng loạt tiếng nổ nhỏ nối nhau lan về phía dãy Dve-nhi-gô-ra.

«Thôi, cứ xếp những ý nghĩ, những câu hỏi ấy lại đó đã! Không biết ngày mai ở tỉnh ủy ai sẽ về dự hội nghị cốt cán đây?» — Cru-gi-lin thầm nghĩ và lại bắt đầu quay số điện thoại.

— A-lô! Ca-chi-a đấy à? Thế nào cháu, ở tỉnh ủy có gì không?

Nô-vô-xi-biếc-xcơ vẫn im lặng như cũ.

* * *

Chạy ra khỏi khu nhà huyện ủy, Vê-ra I-nhi-u-chi-na ngẩng lên vội nhìn bầu trời phủ đầy những đám mây nặng trịch và rảo bước ra ngoài làng, hướng bờ sông Grô-mô-tu-kha.

Vừa chạy qua trạm tiếp điện thì tiếng sấm đầu tiên nổ rền. Phía sau làng San-ta-ra đã dựng lên một tấm màn mưa màu tro xám. Cởi giày xách tay, Vê-ra bắt đầu chạy. Nhưng bức tường nước mỗi lúc một gần hơn. Và những giọt mưa đầu tiên nặng như những viên đạn, bắt đầu cắm xuống lớp bụi đường xung quanh cô, quất cả vào lưng, vào cổ.

— Ơ-ơ-ơ dân câu! Các người ở đâu?! — cô kêu to, đôi mắt nhìn khắp bờ sông trống trải tìm kiếm.

Từ dưới bờ sông dốc đứng, Xê-mi-ôn nhảy ra, giơ tay vẫy. Một ánh chớp sáng chói vụt lóe lên, tan thành hàng trăm tia nhỏ tản ra khắp bầu trời, rồi tắt ngấm. Trời đất tối sầm lại và trong bóng tối, không hiểu sao tiếng sấm bỗng nghe như nhỏ hơn. Liền đó, cơn mưa rào ập tới, ầm ầm, dữ dội.

Xê-mi-ôn vừa leo lên bờ dốc, vừa kêu một tiếng gì đó. Anh chạy đến túm chặt lấy người Vê-ra đã ướt sũng và đẩy xuống dưới bờ sông trơn tuột, kéo vào một hõm đất ăn sâu vào bên bờ tường dựng đứng, phía trên mọc đầy cỏ dại.

— Dám đi giữa cơn dông trên đồng trống kia à?

— Đứng đấy, để sét nó đánh tung đầu ra thành những mảnh vụn, — Nhi-cô-lai nói, rồi cười hì hì.

— Mày liệu mồm đấy! — Vê-ra mắng em, rồi nghiêm khắc đưa mắt nhìn lướt qua Đi-ma và An-đrây đang đứng im lặng cạnh bờ đất, giơ tay kéo gỡ vạt áo váy dính sát vào chân và và đứng sát vào tường, vai áp vào người Xê-mi-ôn.

Con sông nổi bọt trắng xóa như sữa dưới mưa.

Họ đứng như thế rất lâu. Qua lần vải ướt, Vê-ra cảm thấy tấm thân nóng hổi của Xê-mi-ôn và trong đầu cô nghe hơi ngây ngất.

Mãi mưa mới tạnh, Đi-ma, An-đrây và Nhi-cô-lai liền chạy ngay đến bờ nước ném dây câu xuống.

Mặt trời lại hiện ra, phóng những tia nắng xuyên qua tầng mây xốp, hất chúng sang một bên. Con sông Grô-mô-

tu-kha lại lấp lánh gợn sóng lăn tăn. Dải đá cuội trên bờ khô đi rất nhanh, bốc hơi ngùn ngụt.

— Làm cho em một chiếc cần câu nhé? — Xê-mi-ôn hỏi Vê-ra. — Anh còn có dây câu dự trữ đây. — Và anh bỗng ôm lấy người cô kéo về phía mình.

— Đừng thế! Bọn trẻ trông thấy kìa... — Vê-ra vẻ tức giận kêu lên và bỏ đi dọc bờ sông ngược lên phía trên nguồn.

— Vê-ra!

Cô không trả lời, mà bỗng nhiên bước xuống sông, lội qua dòng nước sang hòn đảo nhỏ bên kia. Chỗ này lòng sông không sâu lắm, nước chỉ ngập đến thắt lưng. Nhưng khi lội, không hiểu sao, Vê-ra lại giơ đôi giày lên rất cao trên đầu.

Xê-mi-ôn ngồi xuống bờ sỏi nóng, hút thuốc và nhìn theo Vê-ra. Cô leo lên đảo, đi đến bên một doi cát, cởi áo ngoài vắt khô nước và treo lên cành một bụi cây nhỏ, rồi nằm xuống cát. Thân hình rám nắng, nước da ngăm ngăm nâu của cô hòa lẫn với màu cát đến khó nhận ra.

Xê-mi-ôn không thể hiểu được là anh có yêu Vê-ra hay không. Họ suốt đời sống cạnh nhau, cùng học một lớp và thường xuyên gặp nhau. Thuở bé, Xê-mi-ôn hay đánh Vê-ra vì cô hay chõ chiếc mũi đầy nốt tàn hương của mình vào những nơi không cần thiết và thường làm lộ những điều bí mật của bọn con trai. Bị đánh, cô im lặng chịu đựng, không bao giờ đi mách người lớn. Việc này làm cho Xê-mi-ôn phải kiêng nể cô, và sau mỗi lần như vậy, cậu lại cảm thấy xấu hổ. Vê-ra hình như cũng cảm thấy điều đó và cô mạnh dạn đi đến bên cạnh, cô nhìn thẳng vào mắt cậu nói:

— Xê-mi-ôn, sao vậy? Đừng nên thế. Đằng ấy cho tớ là người như thế à? Không, tớ không như vậy đâu.

Điều này thì Xê-mi-ôn lại không thích. Kể cả việc cô hiểu được tâm trạng của cậu và việc cô thanh minh rằng cô không phải là người thế này thế nọ. «Hình như cái con bé này không biết tự trọng hay sao ấy», — Xê-mi-ôn nghĩ. Và Xê-mi-ôn còn cho rằng có lẽ Vê-ra phải khôn ngoan ranh mãnh lắm.

Khi bộ ngực của Vê-ra bắt đầu nở nang ra, Xê-mi-ôn, không hiểu sao, lại cảm thấy xấu hổ, anh tránh bắt gặp đôi mắt tròn như cặp trứng chim sẻ của cô. Và điều này cô cũng

hiểu hết. Bắt gặp ánh mắt vô tình của Xê-mi-ôn đang nhìn mình, cô hét lên, mặt đỏ dừ đến tận mang tai.

—Đằng ấy nhìn gì thế? Đồ không biết xấu hổ!

«Ranh lắm», —Xê-mi-ôn nghĩ, mặc dù, vẫn như trước kia, anh không hiểu Vê-ra ranh ở chỗ nào, và nói chung, cô có ranh hay không.

Hai năm sau Vê-ra đã trở thành một cô gái mảnh mai, xinh đẹp. Đôi chân thon thả, rắn chắc, cặp môi trước đây nhợt nhạt, giờ trở nên mọng ướt phớt hồng, đôi mắt tròn như mọc thêm đuôi, kéo dài ra và không còn giống trứng chim sẻ nữa. Tất cả cái bề ngoài của cô trước đây giờ chỉ còn giữ lại những nốt tàn hương xung quanh sống mũi, và chúng cũng đã ít hơn.

—Này, Vê-ra biết không, nếu như tất cả những nốt tàn hương này mà cũng mất hết, tớ sẽ cảm thấy tiếc lắm đấy, — một lần, bất ngờ với cả chính mình, Xê-mi-ôn thốt lên. Dạo đó vào mùa xuân, hai người cùng học hết phổ thông, chỉ còn ba ngày nữa là bắt đầu thi. Cả bọn học sinh lớp mười rủ nhau tổ chức một chuyến đi chơi tập thể ra ngoài đồng cỏ bên kia sông Grô-mô-tu-kha để hái hoa về trang trí các phòng thi.

—Cái gì? —Vê-ra quay lại nhìn, cô đã hái được một bó hoa to, mỉm cười rạng rỡ. —Đằng ấy kỳ cục quá...

Cằm cô dính đầy phấn hoa.

Khi đi phà qua sông về làng, Xê-mi-ôn ngồi bên mạn nhìn xuống dòng nước mùa xuân còn chưa kịp trong lại sau cơn lũ và thấy cặp mắt long lanh và chiếc cằm dính bụi phấn hoa vàng của Vê-ra dưới đó.

—Xê-mi-ôn này, —anh nghe thấy tiếng thì thầm của Vê-ra. —Hôm nay chúng mình đi xem phim đi.

—Thế còn thi? Cũng cần phải chuẩn bị chứ...

—Ôi dào, cứ làm như là... Sẽ xong xuôi hết, —giọng cô gái vẫn thì thầm một cách bí mật.

Xê-mi-ôn chưa lần nào đi xem phim với bọn con gái. Anh bước vào rạp như vào phòng tra tấn, cảm thấy hình như mọi người đều nhìn anh với vẻ ngạc nhiên và trách móc.

—Gì mà kỳ cục thế? —Vê-ra nói, lấy tay khẽ thúc vào sườn anh. —Đằng ấy sao thế? Cứ làm như là...

Trên đường về, họ đi im lặng. Ở một nơi nào đó sau thị trấn San-ta-ra, một mảng trời hồng của ánh ngày còn sót lại đang nhanh chóng tan ra, rồi tắt lịm như một que diêm vừa cháy hết. Trên đầu, những chùm sao lớn, màu sáng nhạt lấp lánh, lung linh.

Hai người về đến cạnh nhà và dừng lại bên hàng rào. Cần phải chia tay, nhưng Xê-mi-ôn không biết nên làm như thế nào.

—Tớ cứ nghĩ rằng đằng ấy đến chết vì sợ ở trong rạp mất, —Vê-ra nói.

—Tớ? Tớ ấy à?—Xê-mi-ôn túm lấy vai Vê-ra. Cô lập tức ngả người ép sát vào anh. Cảm thấy đôi chân mềm mại của Vê-ra chạm vào đầu gối, Xê-mi-ôn áp mạnh cặp môi vào má cô...

«Thế là xong... Còn tiếp nữa ra sao đây?»—anh nghe có tiếng vang trong đầu. Anh đứng im, tay vẫn không buông Vê-ra, mà cô cũng không có ý định gỡ ra.

Xê-mi-ôn vẫn thường nghe bọn con trai trong làng kể chuyện họ xử sự với con gái mạnh bạo và cương quyết như thế nào, và anh cho rằng giờ đã đến lúc cần phải túm lấy ngực của Vê-ra. Và anh đã làm như vậy, cảm thấy tiếng tim cô đập mạnh, dồn dập trong lòng bàn tay.

—Chà, Xê-mi-ôn, việc này còn hơi sớm đấy, —Vê-ra nói một cách thản nhiên, rồi gỡ tay anh ra. Và cái việc cô nói những lời ấy bằng một giọng thản nhiên, tự chủ, cũng như việc cô không hất mạnh tay anh, mà chỉ nhẹ nhàng cầm lấy và gỡ ra từ từ, làm cho Xê-mi-ôn cảm thấy khó chịu như vừa bị hạ nhục, bị bôi một vết nhọ lên mặt. —Và đằng ấy cũng không đến nỗi nhát lắm đâu, —Vê-ra nói tiếp, tựa lưng vào bờ rào, —tuy nhiên chỉ ở trong bóng tối thôi. —Và cô cười khúc khích. —Chúng mình đi quanh chơi một tí đi.

Và không chờ sự đồng ý, cô cầm lấy tay anh kéo đi.

Cái cảm giác khó chịu của anh đối với Vê-ra tan đi rất nhanh, và Xê-mi-ôn lại muốn ôm lấy người cô. Nhưng anh sợ làm như thế sẽ mất đi cái trạng thái bình yên và niềm vui lâng lâng nhè nhẹ bỗng nhiên xâm chiếm toàn thân. Anh có cảm giác rằng Vê-ra cũng có cùng một trạng thái như vậy.

—Sau khi học xong, đằng ấy định làm gì?—Vê-ra hỏi.

— Chẳng biết nữa. Chắc sắp phải nhập ngũ. Còn bây giờ cha khuyên nên đi học lớp máy kéo ở trạm.

— Hay lắm. Thợ máy kéo ở trong làng là người số một đấy. Còn tớ thì chẳng được người nào khuyên gì cả. Có thể tớ sẽ xin đi làm kế toán. Hoặc là làm văn thư, đánh máy. Còn hôn, Xê-mi-ôn ạ, phải làm như thế này này... — Và cô ôm lấy đầu Xê-mi-ôn hôn thật chặt.

Xê-mi-ôn lại cảm thấy khó chịu, anh gần như đẩy cô ra.

— Xê-mi-ôn, đằng ấy sao thế?!

— Không... Hôn... học được ở đâu đấy?

— À, ra thế! — Trong bóng tối, đôi mắt của cô sáng lên long lanh. Rồi Vê-ra gục đầu vào ngực anh. — Xê-mi-ôn, Xê-mi-ôn ơi... Tớ... tớ nhìn thấy được mọi việc sâu hơn đằng ấy... Nhưng đằng ấy đừng nghĩ xấu về tớ. Tớ còn trinh nguyên... Tớ giữ mình cho một người nào đó. Cũng có thể là cho đằng ấy... Anh... anh có yêu em không?

— Không biết nữa...

— Và em cũng không biết, — cô nói. — Anh thấy đấy, tự em đến với anh... như đeo vào người anh... Em rất hiểu điều này. Có thể là không nên. Nhưng em mến anh. Còn yêu hay không — chẳng biết nữa.

Sự bộc trực như vậy lại làm cho Xê-mi-ôn thích...

Và thế là họ hẹn hò gặp gỡ đã hai năm nay. Xê-mi-ôn được tạm hoãn nghĩa vụ quân sự, vì trạm máy kéo San-ta-ra đang rất thiếu thợ máy.

— Hay là người ta không gọi anh nữa? — Vê-ra tỏ vẻ vui mừng hỏi.

Một lần, vào một đêm tháng Tám năm ngoái, trời đầy sao, khi đã hôn nhau chán chê đến đau cả môi, Vê-ra bỗng vùng ra, chạy tách xa một quãng, rồi ngồi sụp xuống đất, khóc.

— Đừng động đến em! — thấy Xê-mi-ôn đến bên cạnh, cô kêu lên.

Khi đã nguôi khóc, cô nói, giọng trầm ngâm:

— Xê-mi-ôn, anh biết không... Em hình như đã yêu anh... Còn anh?

— Và anh hình như cũng vậy... Cứ muốn đến với em.

Vê-ra ngước nhanh đôi mắt lấp lánh ánh trăng bạc, rồi cúi xuống.

—Nhưng muốn đến—chưa có nghĩa là yêu. Cha của anh và mẹ em cũng muốn...—cô chợt sợ hãi dừng lại giữa câu.

—Sao? Muốn cái gì?

—Không gì cả, em chỉ...—cô nói nhanh.—Ôi, Xê-mi-ôn, anh Xê-mi-ôn! Với anh, em chết mất thôi!—Và cô bỏ chạy ra đồng cỏ.

Đêm hôm đó, họ đưa nhau đi rất xa ra phía ngoài thị trấn San-ta-ra, nằm đến tận sáng trên một đống cỏ khô bị bỏ quên từ mùa thu năm ngoái đã đen sẫm lại vì nắng mưa, nhìn sao băng vẽ những đường ngang dọc trên trời.

—Sao với anh, em lại chết mất?—Xê-mi-ôn hỏi.

—Xê-mi-ôn ạ, anh là một chàng trai ngay thật, không tìm cách để đạt cái mà trước khi cưới không được phép.—Sau một lát im lặng, Vê-ra tiếp.—Như vậy tốt thôi, em đi với anh không phải lo. Nhưng mặt khác, có thể lại là không tốt.

—Anh không hiểu...

—Không tốt, nếu như nói chung suốt đời anh cứ sống như thế. Cuộc sống sẽ dễ dàng đối với những ai cứ chiếm lấy ngay tức khắc những gì mình muốn. Phải túm thật chắc, bám lấy...

Đặt hai tay kê dưới đầu, Xê-mi-ôn nằm nhìn lên bầu trời đêm xám nhạt rắc đầy sao và nghĩ về những điều Vê-ra vừa nói. Ở một nơi nào đó rất xa, nền trời đã chuyển sang màu thanh thiên, những ngôi sao nhấp nháy một cách vội vã, lo âu, rồi lặng lẽ tắt, chìm dần vào trong màu xanh mỗi lúc một lan rộng.

—Đấy, cha của em là một người chậm chạp, lù đù. Suốt đời ông chả có được cái gì cả, chỉ biết say rượu. Còn cha của anh lại khác, khác hẳn, em biết...

—Em biết cái gì?

—Em biết hết, biết hết. Cha anh sống rất khôn. Rồi ông sẽ còn đi xa hơn nữa kia. Còn anh?—Vê-ra cúi xuống sát mặt Xê-mi-ôn, và anh cảm thấy rất rõ đôi mắt của cô đang dò dẫm trên mặt mình, cảm thấy đôi đồng tử đen không trông rõ trong bóng tối đang sờ soạng trên trán, trên môi, trên má

anh một cách khó chịu để đan lên đó một tấm mạng nhện.— Còn anh, anh có giống như cha anh không hả? Xê-mi-ôn, anh Xê-mi-ôn thân yêu, anh nói giúp cho em hiểu đi! Khi thì anh có vẻ như giống cha anh, khi thì em có cảm tưởng là không giống, mà lại giống cha em hơn...

Xê-mi-ôn ngồi bật dậy, lấy bàn tay vuốt mặt như thể anh bị mạng nhện bám đầy thật.

—Thôi đi! Giống, không giống... Như vậy để làm gì? Việc gì đến cô?

—Sao lại không, Xê-mi-ôn?! Em là con gái mà. Em cần phải lấy một người chồng. Con gái trước khi lấy chồng có một gia tài quý giá, không phải gặp ai cũng có thể cho được, cho không. Sau đó ai còn lấy em nữa? Ai chịu đi ăn của thừa?

—Cô quả là đồ tệ mạt!—Và anh bỏ đi.

—Xê-mi-ôn, anh yêu!..—Vê-ra đuổi kịp anh.—Nào, anh bỏ qua cho em, nếu như em nói gì không phải. Em vốn thẳng thắn mà. Em nói thế đấy, còn tùy anh lựa chọn lấy. Em yêu anh với tất cả những gì em có—anh hãy lấy hết đi. Anh không lầm, không thiệt đâu. Em sẽ nằm phục dưới chân anh, rửa chân cho anh và lấy nước để uống. Em như thế đấy...

—Bỏ ra!—Xê-mi-ôn quát lên, hất tay Vê-ra khỏi vai.

—Anh làm thế thì đánh em đi còn hơn! Nào, anh đánh đi!

—Thế cô nghĩ sao? Cô đi chọn chồng như cánh Di-gan xem răng chọn ngựa ấy!

Và anh vung tay tát mạnh vào mặt Vê-ra.

Vê-ra lảo đảo, nhưng không nhúc nhích khỏi chỗ, chỉ hơi cúi người xuống và khóc nấc lên. Cô gỡ khăn trên đầu xuống, lau nước mắt. Và chỉ lúc đó cô mới bỏ đi, sau khi quất sang Xê-mi-ôn một cái nhìn đau nhói...

Xê-mi-ôn nghĩ rằng với Vê-ra thế là đã kết thúc vĩnh viễn. Nhưng chỉ hai ba ngày sau anh đã bắt đầu cảm thấy lương tâm mình day dứt. Nếu như có cắt đứt với Vê-ra thì cũng nên làm sao không cần phải thô bạo đến thế. Và thật ra thì Vê-ra đã nói gì với anh? Mọi cô gái đều muốn chọn

cho mình một người chồng không chỉ bề ngoài dễ nhìn, mà còn phải giỏi xoay xở trong cuộc sống. Chỉ có điều không phải ai cũng đều nói thẳng ra như vậy. Còn Vê-ra thì nói. Thế thì ở đây có cái gì là xấu? Và hơn nữa, Vê-ra lại xinh đẹp. Có thể đối với người khác thì không, nhưng riêng anh, anh thích tất cả mọi thứ ở Vê-ra: cái nhìn sắc nhọn của cặp mắt dài hơi hiêng hiếng, những nốt tàn nhang quanh cánh mũi, đôi môi mọng ướt luôn đòi hỏi được hôn và làn da mịn màng, êm mát như lụa của cô.

Nhưng liền đó anh được phái đi gặt lúa mì ở nông trang Mi-khai-lốp-ca. «Thế là hết!—anh nghĩ, thậm chí còn cảm thấy nhẹ nhõm.—Đến đây là kết thúc!»

Nhưng đến đấy chưa phải là kết thúc. Cuối mùa thu, khi anh vừa từ Mi-khai-lốp-ca về, tắm rửa ở nhà tắm hơi xong, đang men theo vườn rau về nhà, thì từ bờ hàng rào ngăn cách hai khu vườn của Xa-vê-li-ép và I-nhi-u-chin, một bóng người nhẹ nhàng bay ra trong ánh hoàng hôn chập choạng.

—Anh Xê-mi-ôn! Sao anh tàn nhẫn thế?... Anh xem em héo hon hết cả rồi đây này. Xê-mi-ôn, anh thân yêu...—Vê-ra gục mặt vào bộ ngực phanh trần vừa tắm xong chưa kịp khô của anh.

Bị bất ngờ, Xê-mi-ôn lúng túng.

—Hôm đó anh đánh em... Anh xin lỗi...

—Không có gì để nói nữa à?! Cần phải đánh nữa mới đáng...—Trong mắt cô gái có hai ngôi sao lấp lánh. Xê-mi-ôn nhìn đi nơi khác, cố tránh gặp ánh mắt nhọn như gai của Vê-ra. Anh bây giờ sợ ánh mắt đó.—Xê-mi-ôn, anh sao thế? Anh nhìn em đi, nào! Em yêu anh, yêu anh mà!

—Vê-ra ạ, anh đã nghĩ nhiều về anh và em...—Xê-mi-ôn gỡ cô ra.—Em muốn sống trên đời này bằng cái dạ dày. Mà cần phải sống bằng trái tim mới đúng.

—Ôi! Ngốc thật, ngốc ơi là ngốc!—Vê-ra phá ra cười một cách vô tâm, sung sướng.—Sống, anh Xê-mi-ôn ạ, phải bằng nhiều cách khác nhau, cả bằng dạ dày, cả bằng tim. Em không thích những kẻ chỉ sống bằng tim không. Thậm chí còn thương hại họ nữa.

—Tại sao?

— Họ giống như những quả trứng ung, không có trống.

Gà mẹ ấp mãi, ấp mãi cũng chỉ vô ích, công toi mà thôi. Loại trứng đó thì chẳng thể nở ra được con gì cả. — Cô im lặng, rồi tiếp: — Họ sống dường như không phải trên mặt đất này. Loại người vô tích sự!

«Biết đâu cô ta lại nói đúng...» — Xê-mi-ôn nghĩ thầm.

Và họ lại bắt đầu làm lại từ đầu...

Sau khi đón Năm Mới, Vê-ra đã bắt đầu hỏi thẳng bao giờ thì họ sẽ tổ chức lễ cưới. Xê-mi-ôn tìm cách đùa, đánh trống lảng. Vê-ra nhíu đôi lông mày kẻ chỉ lại, đôi cánh mũi màu hồng phập phồng ra vẻ không bằng lòng.

Một lần vào chiều tháng Ba, trời hãy còn lạnh, Xê-mi-ôn thu dọn chuồng gia súc xong, ném cho con bò cái và cặp cừu non mấy bó cỏ, rồi ra sân đứng ngắm hoàng hôn. Bầu trời đỏ rực như bị nung đang bốc khói, còn chân trời, nơi nối liền với mặt đất, đã nóng chảy thành một chất lỏng màu hổ phách. Vầng mặt trời đồ sộ, đỏ màu huyết dụ, đang từ từ chìm xuống khối hổ phách lỏng đó, cả mặt trời cũng như đang nóng chảy, tan dần như miếng mỡ trên chảo nóng. Những tia nắng cuối cùng xiên dài trên mặt đất, chiếu hắn vào cửa sổ nhà I-nhi-u-chin, xuyên qua làn sương mù lạnh lẽo trôi từ hướng bóng đêm tới. Chúng nhuốm màu hồng nhạt lên những mỏm đá cau có của dãy Dve-nhi-gô-ra, lấp lánh trên những đỉnh cao phủ tuyết. Và có cảm giác như những tảng đá đang lay động, cả dãy núi nặng nề trở mình, chuẩn bị vào đêm.

Xê-mi-ôn đứng lặng, tì tay lên nạng gảy rơm và mỉm cười.

Tiếng kẹt cổng làm cho anh sực tỉnh. Vê-ra chạy xô vào, và không nói lời nào, kéo anh vào nhà chứa cỏ, ấn anh nằm ngửa xuống, ngả đè cả người lên, rồi bắt đầu hôn bằng đôi môi lạnh ngắt. Những chiếc hôn của cô buốt như châm.

— Em điên hay sao?

— Đúng, em thế đấy, — Vê-ra đáp. Và, ghì sát người anh hơn, cô hỏi thì thầm, giọng buồn rầu, cầu khẩn: — Anh Xê-mi-ôn, bao giờ nào? Bao giờ thì cưới? Hả anh?

Xê-mi-ôn thở dài:

— Thế nghĩa là chọn được chồng rồi à? — Và với một cảm giác khó chịu, anh nghĩ tới những chiếc hôn buốt như châm của cô.

—Ừ, chọn được rồi đấy.

—Sẽ không hối tiếc chứ?

—Không bao giờ, không bao giờ! —Vê-ra lắc đầu liên tiếp.

Xê-mi-ôn nén tiếng thở dài, ngồi dậy. Vê-ra bỗng khóc không thành tiếng.

—Còn gì nữa đây?

—Anh làm như em đưa anh vào chỗ chết không bằng! Như đi treo cổ ấy,—cô nói, giọng hờn dỗi, trách móc.— Còn em xấu hổ không dám ló mặt về nhà nữa. Hôm trước em nghe bố em bảo với mẹ: «Con bé với thằng Xê-mi-ôn có chuyện gì thế? Coi chừng đấy, không nó lại mang của quý trong váy về nhà...» Nên, anh Xê-mi-ôn ạ, hoặc là vào bờ, hoặc là rời bến, mỗi người một hướng...

—Thôi được,—Xê-mi-ôn im lặng một lát, rồi lên tiếng.— Bây giờ thì cưới thế nào được. Để đến mùa thu nhé?

—Nhé!—Vê-ra nói, đưa nắm tay lên quệt nước mắt như trẻ con.—Em sẽ nói với nhà như thế. Và anh cũng nói với nhà anh đi...

Nhưng nói với cha mẹ về việc này đối với Xê-mi-ôn đâu phải là chuyện đơn giản. Thật ra thì mẹ có lẽ chỉ cần nửa lời là đã hiểu được ý anh. Chắc mẹ cũng đã biết hết, đoán ra được hết, nhưng mẹ không một lời nói, không một cử chỉ nào để lộ ra mà thôi. Còn cha—lại là chuyện khác. Xê-mi-ôn biết rằng cha không quý anh. Và chính Xê-mi-ôn cũng không yêu quý cha. Hai người đối với nhau bao giờ cũng như những kẻ xa lạ. Tại sao—Xê-mi-ôn không thể hiểu được, và hơn nữa anh cũng chưa bao giờ cố tìm cách để hiểu. Từ khi Xê-mi-ôn lớn lên, cha đối với anh đã là xa lạ. Chưa bao giờ cha tỏ ra âu yếm, nói một lời dịu dàng với anh. Ông luôn đi ngang qua Xê-mi-ôn như ngang qua một chỗ trống không người. Xê-mi-ôn coi đấy như một điều tất nhiên và cũng đáp lại bằng một tình cảm tương tự.

Dần dần rồi Xê-mi-ôn biết được, cảm thấy được bằng sự nhạy cảm của kẻ làm con, rằng cha không yêu, không coi trọng mẹ. Từ đó, mối rạn nứt giữa cha và con càng trở nên sâu hơn và mỗi năm một rộng thêm.

Nhưng đó không phải là điều chủ yếu. Điều chủ yếu lại

là chính Vê-ra kia. Xê-mi-ôn biết rằng cô ta sẽ là một người vợ tốt, chung thủy, nhưng sự tính toán lạnh lùng mà cô thể hiện đối với mọi người, đối với cuộc sống, và đối với cả tình yêu khiến anh lo sợ.

Vì vậy cho đến nay anh vẫn chưa nói được gì với cha mẹ.

Mà đến mùa thu cũng chẳng còn lâu la gì nữa. Vê-ra cũng đã từ lâu thôi không hỏi Xê-mi-ôn có yêu cô hay không; cô chỉ còn đợi mùa thu đến. Chỉ có Xê-mi-ôn vẫn tự hỏi mình không biết bao nhiêu lần câu hỏi đó. Càng gần đến mùa thu, anh càng tự hỏi nhiều hơn. Càng tự hỏi mình, anh càng trở nên cau có, không vui, dễ cáu giận. Và thật kỳ lạ, anh vẫn như xưa, cảm thấy thích Vê-ra, từ khuôn mặt, đôi mắt, đến cả thân hình cô. Nhưng chỉ cần nghĩ đến việc cưới xin — đằng sau cái vạch ngăn cách đó, anh chẳng thấy gì hết, đằng sau đó chỉ có một sự trống rỗng tối đen và đáng sợ. Anh phải giải thích cho Vê-ra điều này như thế nào đây? Và có cần giải thích hay không? Đằng nào thì cũng không còn cách nào quay ngược lại. Mà hình như chính anh cũng không muốn điều này...

Sau cơn mưa, những tảng đá bên bờ sông đã khô từ lâu, thôi không bốc hơi nữa, nóng bỏng lên, mà mặt trời vẫn cứ thiêu đốt chói chang, gay gắt. Ở một nơi nào đó phía sau lưng, tiếng châu chấu đập cánh nghe càng đơn điệu, khô khốc.

— Sao ngồi đây, anh Xê-mi-ôn? — Nhi-cô-lai chạy tới túm lấy chiếc xô, hỏi to. — Cá nhiều lắm!

— Nhi-cô-lai, anh có việc cần nhờ em, — Xê-mi-ôn nói. — Anh cần... phải đi đằng này một tí. Em trông hộ Đi-ma và An-đrây nhé.

Nhi-cô-lai phập phồng chiếc mũi quặp, cười hì-hì.

— Hiểu rồi, — và cậu vội chạy xuôi theo bờ nước.

Xê-mi-ôn đứng dậy đi theo hướng ngược lại. Anh cởi quần dài, áo sơ-mi và lội qua dòng nước sang hòn đảo nhỏ.

Anh vừa bước chân xuống nước thì Vê-ra, trước đó vẫn nằm bất động trên doi cát cạnh bờ, liền nhỏm dậy, giật chiếc áo treo trên cành xuống và lẩn vào sau bụi cây.

Leo lên đảo, Xê-mi-ôn lang thang rất lâu giữa những bụi cây, gọi cô, nhưng Vê-ra không lên tiếng. Anh đã bắt

đầu cáu, thì Vê-ra từ trong một khóm ngưu bàng nhảy chồm ra như một con mèo, kéo anh ngã xuống cỏ và bắt đầu hôn. Xê-mi-ôn dễ dàng lật cô gái xuống, đem cả người nằm đè lên, anh trông thấy sát trước mặt mình, rất gần, đôi mắt sợ hãi, hơi man dại của Vê-ra với những chấm vàng đang nhảy múa; và anh cảm thấy như có lửa cháy khắp người lan theo các mạch máu; còn ý thức, suy nghĩ như bị một làn sương mù vừa nồng nực vừa dày nặng bao trùm.

—Đừng, Xê-mi-ôn! Đừng anh!...—Xê-mi-ôn nghe tiếng Vê-ra như vọng từ dưới đất lên. Anh chợt sực tỉnh lại.

Anh buông cô gái ra, ngồi thẳng dậy, thò tay vào túi tìm thuốc. Vê-ra bò sang bên cạnh, vào một bụi cây, giật gấu chiếc áo váy phủ lên đôi chân trần. Và ở đó, ở dưới bụi cây dày che nắng, Xê-mi-ôn vẫn nhìn thấy những chấm vàng đang nhảy múa trong đôi mắt sợ hãi của Vê-ra.

—Khi em đã chính thức là... khi đó thì... anh muốn bao nhiêu cũng được,—cô nói ra.

Xê-mi-ôn cười khẩy.

—Hay là, Vê-ra ạ, không cần...

—Không cần cái gì?—cô lo lắng ngẩng đầu lên hỏi.

—Không cần gì cả... cả đám cưới này...

Vê-ra bật dậy, đứng thẳng người lên.

—Sao lại không cần? Hay là anh không yêu em nữa? Anh chán em rồi à?

—Vấn đề không phải ở đó...

—Thế ở đâu?

—Không biết nữa... Hay là ta để muộn hơn... không phải mùa thu này?

Vê-ra bước đến, quỳ xuống trước mặt Xê-mi-ôn, đưa đôi bàn tay khô nóng ôm lấy đầu anh.

—Anh sao thế, anh Xê-mi-ôn? Không, không thể muộn hơn được đâu? Đấy, lại còn thế nữa! Nào, anh hãy nhìn thẳng vào mắt em đi! Anh nghe không, Xê-mi-ôn?—và cô ghì chặt đầu anh vào ngực mình.—Anh, làm sao chúng ta có thể sống thiếu nhau được, anh?

Và, cũng như một lần đã lâu lắm, Xê-mi-ôn lại nghe tiếng tim cô đập mạnh, gấp và âm vang. «Và cũng có thể đúng, là chúng mình không thể sống thiếu nhau?»—anh nghĩ thầm.

* * *

Cũng cùng lúc đó, bên vệ con đường nhỏ lượn men theo sườn dãy núi Dve-nhi-gô-ra vòng lên một đồi đất nhỏ, rồi duỗi xuống thung lũng xanh của làng Mi-khai-lốp-ca, có hai người đang ngồi — một phụ nữ không còn trẻ, chừng bốn mươi tuổi, dáng gầy gò, nhỏ bé, mình khoác chiếc áo ngoài đã cũ, mấy chỗ vá, đôi bím tóc dài sổ ra dưới khăn đội đầu, và người đàn ông cầm chiếc bị — chính là người mà Xê-mi-ôn đã chú ý tới lúc sáng. Đúng ra, chỉ có người đàn ông là đang ngồi, còn người phụ nữ nằm dài trên mặt đất, mặt úp vào đầu gối anh và khóc, lưng run lên từng đợt. Người đàn ông nhẹ nhàng xoa lên đôi vai nhọn, lên mái đầu của chị, cầm đôi bím tóc xòa ra của chị giơ lên sát mặt mình như để lau nước mắt. Nhưng anh không khóc, đôi mắt trũng sâu, ráo hoảnh của anh nhìn xung quanh với một vẻ khát khao, ngạc nhiên và như sợ hãi.

— A-ga-ta, đất ẩm đấy em ạ, — người đàn ông vẫn không buông đôi bím tóc trong tay ra, nói. — Làm sao em biết được là hôm nay anh về?

— Sao kia? — A-ga-ta nhấc đầu lên khỏi gối chồng. — Trái tim nó báo cho như vậy, anh I-van ạ.

— Và trời lại còn mưa. Dông thế kia...

— Dông thì đã sao? Sáu năm nay em vẫn nhìn ra con đường này. Còn hôm nay em nghe trong người bồn chồn không yên.

— Anh nhìn lại, thấy em đang chạy đến, và chân anh bỗng đờ ra không bước được nữa...

Quả là khi trông thấy vợ đang chạy đến, đôi chân I-van bỗng như hóa gỗ, chiếc gậy cầm trong tay rơi xuống đất. Phía sau anh, cơn mưa rào đang ầm ầm kéo tới, trên đầu, bầu trời đen kịt bị xé toạc ra trong những tiếng sấm rền, những mảnh vỡ rơi ầm ầm xuống làm rung động cả mặt đất. Nhưng I-van không còn trông thấy gì khác ngoài người đàn bà đang chạy đến gặp anh giữa gió, bụi mù mịt trước cơn dông lớn. Trong một giây nào đó, bụi che khuất cả người A-ga-ta, nhưng rồi chị lại hiện ra, vượt qua làn gió và đến nơi, chị kiệt sức, im lặng ngã vào cánh tay chồng. Ngay lập

tức, cơn mưa rào ập xuống che phủ lấy họ, những giọt mưa nặng nề quất lên người đau rát. Nhưng họ vẫn đứng, ôm ghì chặt lấy nhau, im lặng.

Và họ cứ đứng như vậy cho tới lúc cơn mưa tạnh hẳn. Rồi họ đi sang vệ đường và ngồi xuống, vẫn im lặng, không nói với nhau một lời nào.

Những đám mây xám xịt đã giạt trôi về phía chân trời, trên đầu I-van và A-ga-ta giờ chỉ còn lại một bầu trời trong xanh tinh khiết, và cao hơn nữa, cao hơn cả bầu trời, là vầng thái dương rực rỡ đang tuôn từng dòng ánh sáng và hơi ấm xuống người họ.

Trên cao, từ phía mặt trời, bỗng nghe có tiếng hót của con chim sơn ca vọng xuống. Tiếng chim vang lên đột ngột, tắt đi, để rồi lại bất ngờ vang lên. I-van nhìn lên bầu trời, và trên đôi môi khô của anh bỗng nở một nụ cười. Anh có cảm tưởng như chú sơn ca — một con chim nhỏ màu xám — đang ngậm tiếng hát của mình mà kéo lên cao như kéo một chuỗi ngân vang ngậm trong miệng. Nhưng bỗng nhiên chú đánh rơi chuỗi tiếng hát đó, và ngay lập tức chú lao theo xuống để kịp đón được nó ngay sát mặt đất và lại kéo lên cao.

Tiếp theo tiếng hót của con chim sơn ca thứ nhất, con chim thứ hai, thứ ba cùng lên tiếng, và chẳng mấy chốc cả bầu trời như đầy tràn những tiếng hót của chúng. Nhưng I-van dù có cố nhìn mãi, nhìn mãi, anh vẫn không thể thấy bóng một con chim nào, và giờ anh cũng không biết là bầy chim sơn ca này đang mang chuỗi tiếng hót ngân vang từ mặt đất lên bầu trời cao vô tận, hay ngược lại, thả chúng từ trời cao xuống đất. Nhưng điều này không quan trọng lắm. Cái quan trọng là được nghe tiếng hót của chúng, là thấy những tiếng ngân vang lảnh lót này tràn đầy không gian xung quanh anh.

— Em xem, A-ga-ta ạ, cuộc sống vẫn còn chưa kết thúc, — I-van nói khẽ.

— Em không thể nào chịu nổi chúng, những con sơn ca đáng ghét này. Ngày hôm ấy, khi I-a-cốp A-lây-nhi-cốp bắt anh đi, chúng cũng hót...

I-van nhíu đôi lông mày màu trắng nhạt, những đường nhăn dài trên trán anh hằn sâu thêm.

—Còn anh nghe chúng cả mùa đông lẫn mùa hè. Đêm đêm tỉnh giấc—trong phòng lạnh lẽo, ngoài trời bão tuyết réo gào. Anh lắng nghe—kìa, có tiếng chim sơn ca đâu đây. Và dường như người ấm áp hơn, dễ chịu hơn.

A-ga-ta ngạc nhiên nhìn chồng, đôi mắt chị tròn, đen thẫm như quả phúc bồn tử chín mọng.

—Anh làm sao mà chịu đựng nổi?

—Con người ta quen được với tất cả mà.

—Còn em, những ngày đầu cứ đợi thư anh.

—Anh không có quyền viết thư... Nào em kể đi, ở nhà ra sao?

—Ra sao à? Vla-đi-mia và Đa-ri-a vẫn khỏe, chơi...

—Thế nghĩa là... em sinh con gái à?—I-van nói, giọng khản đặc, đôi môi khô run run.

—I-van, anh I-van ơi...

—Anh cứ đoán mãi—con trai hay là con gái? Và nữa—nó có sống được không? Và chính cái này, chính sự bặt tin này làm cho cuộc sống của anh nặng nề hơn cả...

A-ga-ta vuốt ve bàn tay thô nhám, đầy chai sạn, nứt nẻ của chồng.

—Anh phải thường xuyên cầm cuốc, cầm xẻng à?

—Nếu như tính dồn lại, có lẽ anh đã đào bằng cả ngọn núi kia... Con gái tên là Đa-ri-a à?

—Vâng ạ. Đa-ri-a. Sao, anh không thích à?

—Không, Đa-ri-a—tên hay lắm. Thôi, ta về đi...

Trên đầu họ, tiếng chim sơn ca vẫn lảnh lót, lảnh lót.

Khi họ lên đến đỉnh dốc, cả thung lũng hiện ra trước mắt hai người. Giữa đáy thung lũng, làng Mi-khai-lốp-ca trải dài, những ngôi nhà nằm lộn xộn, không theo một trật tự nhất định nào, những cửa sổ, mái nhà lấp loáng dưới nắng. Những ngọn cây dương chụm đầu trên các mái nhà, và ở giữa làng, không hiểu sao, lại có một cột khói bốc thẳng lên cao.

I-van bỏ mũ, đứng rất lâu, từ trên dốc cao nhìn xuống ngôi làng nhỏ nằm cạnh rừng. Gió nhẹ thổi những sợi tóc trắng màu bạch kim của anh bay phất phơ.

—Anh cứ tưởng rằng mình sẽ không còn nhận ra làng cũ nữa. Nhưng không, vẫn nhận ra. Vẫn như thế. Chỉ có những

12-634

cây dương đã lớn hơn nhiều.

— Làng thì khác làm sao được? Chỉ thêm một số cái mái. Đấy, anh thấy không, mấy dãy mái gỗ trên hướng bắc, đó là sân đập lúa. Và hai trại chăn nuôi, đấy, ở phía sau cột khói ấy. Hình như thêm chỉ có thế thôi. Mà cũng cần gì hơn? Không cần... có sân đập lúa và trại chăn nuôi bằng gỗ lạc diệp tùng — đủ cho hàng trăm năm sau. Bác Pan-crát căn cơ lắm.

— Thế nào, bác Pan-crát giờ ra sao?

— Già đi nhiều lắm. Trở nên lẩm li hơn, ít gặp mọi người. Lại cứ ho suốt. — Và A-ga-ta bỗng khóc nấc lên. — Nếu như không có bác Pan-crát, thì em... thì em chẳng biết đã ra sao rồi...

— Nghĩa là bác ấy giúp nhiều lắm?

— Mà có phải chỉ mình em đâu. Tất cả những ai nhà hư hỏng, bác đều giúp sửa chữa lại. Trên huyện vẫn thường kêu bác ta: ông đi tiêu phí tiền nông trang vào đâu thế này? Còn bác: chẳng lẽ tôi lấy cho tôi à? Dân quý bác Pan-crát lắm.

— Thế khói gì ở nhà kia, đấy, mái sắt tây ấy?

— À, lò nướng bánh đấy. Xây hai năm trước, em quên không kể cho anh nghe. Còn hiện nay bác Pan-crát đang cho xây nhà máy xay chạy bằng sức nước. Bác bảo tiền công xay người ta lấy đắt quá... Bác ta, chủ tịch nông trang ấy mà, là người đến một xu cũng không để phí. Còn đây là lò nướng bánh, đang làm bánh mì cho thợ cắt cỏ. Đấy, họ đang ở ngoài đồng kia kìa.

Cách làng chừng ba ki-lô-mét, trên bãi cỏ rộng cạnh bờ sông Grô-mô-tu-kha, những chiếc khăn trùm đầu nhiều màu sặc sỡ của phụ nữ, những tấm lưng trần, đẫm mồ hôi của đàn ông lấp lánh dưới nắng. Những người cắt cỏ đi thành hàng, nhịp nhàng vung mạnh lưỡi liềm.

I-van bỗng không muốn về nhà ngay, mà đi theo con đường nhỏ này xuống thung lũng và cúi thật thấp chào mọi người. Anh sẽ nói: chào bà con, tôi đã về đây... Rồi anh sẽ cầm lấy liềm và cắt cỏ, im lặng cắt cho đến tận chiều. Sau đó, thở căng lồng ngực cái không khí của đồng quê thân thuộc, ăn cơm tối và ngồi bên đống lửa nghe tiếng chim cuốc kêu trên đồng cỏ, tiếng cú thức dậy rúc trong rừng cây, tiếng

con trai, con gái cười đùa, cãi nhau về những công việc liên quan tới tuổi trẻ của mình. Và trong một buổi chiều, anh xóa đi trong trí nhớ cả sáu năm qua dài đằng đẵng, vĩnh viễn quên chúng đi, quên hẳn chúng đi như thể chúng chưa hề có bao giờ...

Đường làng êm ả, vắng vẻ, những chú lợn, chú bê con quanh quẩn dưới bóng ngưu bàng rậm rạp. Khi I-van và A-ga-ta đi qua làng, một vài bà già ngó qua cửa sổ nhìn theo họ rất lâu.

Căn nhà nhỏ của I-van cũ nát xiêu vẹo, mái gỗ tụt xuống, mọc đầy những đám rêu đủ màu sắc.

—Thế mà em bảo nhà ai hư hỏng, chủ tịch nông trang đều giúp chữa lại!

—Anh nói sao?—A-ga-ta sợ hãi kêu lên.—Lúc đó thì người ta sẽ nhai sống bác ta đi ngay!

—Hiểu rồi,—I-van thở dài.

Bước qua cửa, I-van trông thấy một đứa bé gái gầy gò, đôi mắt to, mặc chiếc áo rộng thùng thình, dài đến gót chân, đang loay hoay trong góc nhà với con búp-bê bằng vải, cố cho nó ăn những miếng cà-rốt cắt mỏng. Trông thấy người lạ với bộ mặt không cạo, đầy râu, đứa bé sợ hãi chớp chớp mi mắt nhỏ, lùi vào phên, giấu con búp-bê tự làm bằng vải ra sau lưng.

—Con ơi...—người cha bước đến bên cạnh.

Đứa bé sợ hãi òa lên khóc, chạy tới túm chặt lấy váy mẹ.

—Đa-ri-a, đây là bố con đấy mà. Bố đấy, đồ ngốc ạ...—A-ga-ta xoa nhẹ lên mớ tóc rối của con gái và không kìm được nước mắt.

—Thế, con trai đâu? Vla-đi-mia...

—Đang mang nước cho thợ cắt cỏ. Đến trưa nó lại về lò lấy bánh mì mang ra... Em bảo nó đi... Khi vụ cắt cỏ bắt đầu, em vào làm ở lò nướng bánh.

Một giờ sau, tắm rửa, thay áo quần, cạo mặt xong, I-van ngồi xuống bên bàn, cảm thấy đầu hơi choáng váng bởi một cốc vốt-ca. A-ga-ta kể chuyện trong làng—ai chết, ai lấy vợ lấy chồng. Nhiều việc đã xảy ra cách đây ba—bốn—năm năm, nhưng đối với I-van tất cả đều là mới.

—Anh còn nhớ mụ Ca-sca-rô-va không? Lu-kê-ri-a Ca-

sca-rô-va ấy mà? Cuối cùng thì thằng Ma-ca Cáp-ta-nốp cũng mua được nhà và đưa mụ đến San-ta-ra ở. Còn hắn thì lại vào tù. Bây giờ mụ Lu-kê-ri-a ở cạnh nhà anh ruột của anh đấy...

I-van ngồi nghe, hai tay chống má, mắt không rời con gái. Đứa bé vẫn còn chưa thể nào hiểu được rằng cái người gầy gò không quen biết này lại là bố nó, và nó ngồi ở cuối bàn, như một con thú nhỏ, vừa lấm lét nhìn anh vừa mút kẹo.

Có tiếng kẹt cửa. I-van từ từ đứng lên. Pan-crát Na-da-rốp bước vào nhà, cởi chiếc mũ vải treo lên đinh cạnh cửa. Ông đã già đi rất nhiều, râu tóc để dài, mặc chiếc áo sơ-mi xanh có dải lụa thắt ngang lưng, trông ông giống một người thợ mộc hay thợ đóng thùng hơn là một chủ tịch nông trang.

—Tôi từ nhà máy xay về đây, xem công việc ra sao... Đến mùa thu sẽ xong.—Ông bước đến cạnh bàn, và rất lâu, không chớp, nhìn thẳng vào I-van bằng đôi mắt hơi xanh nằm khuất giữa những nếp nhăn chằng chịt.—Thế nào, đã về đấy à?

—Vâng, về rồi ạ,—I-van trả lời.

—Vậy thì, chào anh.

—Chào bác.

Na-da-rốp nói như miễn cưỡng, như phải gắng sức, và I-van cảm thấy mình cô độc, không nơi nương tựa.

—Bác ngồi xuống đây, ngồi xuống đây đã, bác Pan-crát!—A-ga-ta chạy lăng xăng, bày lên trước mặt chủ tịch nông trang một chiếc đĩa, một chiếc thìa cán gỗ.—Nào, bác ăn đi, uống một chút.

—Cũng được thôi,—Na-da-rốp nói và ngồi xuống.—Nào, chúc mừng anh trở về!

Họ uống bằng những chiếc cốc nhiều cạnh màu đục. Pan-crát bỗng ngoảnh mặt đi ho, ho rất lâu, đến chảy nước mắt. A-ga-ta đưa khăn tay cho ông. Ông cầm lấy, chùi cặp mắt ướt.

—Bác không nên uống,—I-van nói.

—Không nên thật,—Pan-crát đồng ý.—Phổi đã bắt đầu rữa ra. Cái viên đạn của bọn Côn-tsắc nằm trong đó rất lâu mà không sao, nhưng rồi nó bỗng bắt đầu cựa quậy. Bác sĩ báo phải mổ, cắt bỏ phổi đi. Cả thằng Mác-xim—con trai tôi, anh còn nhớ không?—cũng viết thư về bảo: cha hãy

mổ đi, y học ngày nay tiến bộ lắm... Nhưng tôi cứ sờ sợ...

— Nhưng dù sao thì vẫn cần, — I-van nói. — Thế Mác-xim của bác giờ ra sao?

— Vẫn khỏe, đang phục vụ ở gần thành phố Lơ-vốp. Nay đã được thăng đại úy rồi. A-ga-ta, cháu chạy ra lò bánh xem thử. Ở đó các bà đã cho bánh vào lò rồi, cẩn thận không lại cháy mất. Còn bọn ta nói ít chuyện, — Na-da-rốp nói.

A-ga-ta đi khỏi, dắt theo đứa con gái, nhưng chủ tịch nông trang vẫn chưa bắt đầu câu chuyện, mà cứ ngồi nhìn I-van, đôi lông mày nhíu lại. Và I-van có cảm tưởng như ông là người không quen biết, khó tính và đáng nghi...

— Nào, anh hãy nói đi, I-van, — Na-da-rốp chậm chạp bắt đầu, cặp mắt sắc nhọn của ông vẫn không rời khuôn mặt I-van. — Anh đừng nói với ai, nhưng hãy nói với tôi. Anh về đây với cái gì? Với sự căm ghét cuộc đời, với sự thù hận trong lòng?

I-van không trả lời ngay.

— Cháu không biết nữa, bác Pan-crát ạ. Với cuộc đời thì giờ cháu chưa có gì để vui mừng sung sướng cả. Còn thù hận thì hình như cũng không. Cháu chỉ buồn nhớ quá nhiều. Nhớ đất, nhớ mùi hương cỏ.

Trong đôi mắt màu xanh của Pan-crát có những chấm sáng lung linh.

— Thế anh nghĩ gì về Phê-đô, anh trai anh? Về Ki-ri-an I-nhi-u-chin?

— Đây đúng là một điều khó nghĩ, khó nói. Vì sao mà họ làm cho cháu phải vào tù? — I-van im lặng một lát. — Nhưng thôi. Còn với người này thì cháu không thù hận gì cả — điều này thì cháu có thể nói dứt khoát... Đó là I-a-cốp A-lây-nhi-cốp.

— Hừ... — Bị bất ngờ, Pan-crát ho lên một tiếng, rồi nheo cặp mắt dò hỏi. — Thế... thế hãy nói rõ ra xem sao nào. Vì sao?

— Cháu sẽ cố nói cho bác hiểu, nếu như được... Cháu đã thấy đủ mọi chuyện ở trong trại... Có thể, ở đó cháu thấy được nhiều điều rõ hơn so với bác ở đây. Ở trong đó thì chẳng còn thiếu ai. Đủ các loại người, lớn có bé có, rất nhiều sĩ quan. Chẳng lẽ tất cả họ đều là bọn phá hoại, là kẻ thù của chính quyền Xô-viết sao?

—Ấy đấy. Thế mà anh bảo không có hận thù gì với I-a-cốp... Nếu thế, trách nhiệm của hắn lại càng nặng thêm!

—Nhưng bác hãy nghe nốt đã. Tất nhiên, trong trại có rất nhiều kẻ thù thật sự của chính quyền Xô-viết. Đây, cháu sẽ kể cho bác nghe về ba đứa mà cháu đã từng bị giam chung với chúng. Thằng thứ nhất là Ê-rô-phây Cu-dơ-mích Ô-gô-rốt-nhi-cốp...

—Khoan đã! Đấy có phải là cái ông già thợ giày ở xí nghiệp liên hiệp công nghiệp huyện không? Tôi đã có lần chữa giày ở đó...

—Thợ giày... Bác không ở trong toán phỉ của Cáp-ta-nốp nên không biết một người tên là Cô-xô-rô-tốp. Trước cách mạng, hắn làm cai ngục trong các nhà tù, sau đó làm đao phủ trong trung đoàn của tên đại tá bạch vệ mà bác biết đấy, tên Du-bốp. Người ta bảo rằng hiếm có người rơi vào tay Cô-xô-rô-tốp trước lúc chết lại không chịu nói. Cháu thì biết rõ thằng này lắm. Sau này hắn đổi tên thành Ê-rô-phây Cu-dơ-mích Ô-gô-rốt-nhi-cốp, làm thợ giày, nhận một đứa con gái mồ côi làm con nuôi.

Pran-crát ngạc nhiên chớp mắt liên hồi.

—Còn hai đứa khác là thằng con trai của tên đại tá Du-bốp và thằng Ma-ca Cáp-ta-nốp của chúng ta.

—Ma-ca? Anh ở cùng với hắn à? Nhưng khoan đã, hắn là thằng chuyên ăn trộm ở các cửa hàng, bị xử theo luật hình sự kia mà?

—Vâng, xử theo luật hình sự. Có lẽ hắn cho rằng trả thù mọi người về việc cách mạng đã hất chúng xuống bằng cách ấy là an toàn hơn. Và tên Pi-ốt Du-bốp hình như cũng ăn trộm. Khi bị giam trong tù, chúng cảm thấy dễ chịu hơn rất nhiều, so với cháu chẳng hạn. Thế bác đã bao giờ nghe gì về thằng con tên đại tá Du-bốp chưa?

—Cũng có nghe nói hình như thằng đại tá lúc đó có một đứa con trai. Tôi còn nghe một người nào đó nói là khi du kích đột nhập vào trại Ô-gơ-nhép-xki, anh đã trốn thoát với thằng này trong lúc hỗn loạn. Hình như Phê-đô nói thì phải.

—Đúng đấy... Hoặc là cả A-lây-nhi-cốp, hoặc An-na... Lúc đó họ bị thương nằm trên sàn và có thể trông thấy... Sau đó Cáp-ta-nốp đem thằng con Du-bốp vào một nơi nào đó

trong rừng. Lu-kê-ri-a Ca-sca-rô-va cùng nuôi hắn với thằng Ma-ca Cáp-ta-nốp...

— Thế đấy! — Na-da-rốp kêu lên. — Hóa ra không phải bỗng dưng mà thằng Ma-ca mua nhà cho mụ ta!

— Thế nào, bác cũng hút thuốc đấy à?

Pan-crát tay đang quấn một điếu thuốc.

— Không, tôi không được hút, — Na-da-rốp thở dài, ném điếu thuốc đã quấn vào túi thuốc. — Quấn một điếu, kẹp trong tay một lát, người nghe dễ chịu, đỡ thèm hơn, như thể vừa hút xong.

— Chắc bác phải thèm lắm?

— Không phải nói. Nằm ngủ cứ mơ thấy mình đang hút.

— Còn cháu thì thôi hút rồi. Ở đó thuốc lá không có, thế là thôi luôn. Bác cũng đừng mang theo túi thuốc nữa, lỡ ra có khi không nhịn được, biết đâu...

— Thì tôi cũng sợ, — Pan-crát đồng tình. — Nhưng tôi không mang theo diêm... Thế qua tất cả những điều đó anh định nói gì?

— Cháu chỉ muốn nói thế thôi. Bọn chúng bề ngoài chỉ là tù hình sự bình thường, nhưng cháu nghe như có một hơi hướng gì khác. Cụ thể là cái gì — có trời biết! Việc không đơn giản đâu. Nhưng dù sao đi chăng nữa thì cũng phải quét sạch chúng để khỏi làm hôi thối vấy bẩn cuộc sống. Trong trường hợp này thì không có gì là lầm lẫn cả. Nhưng cháu thì, đối với I-a-cốp A-lây-nhi-cốp, có cái gì giống với ba đứa này? Cũng có thể anh ta còn nghi ngờ là không phải cháu ăn cắp mấy con ngựa kia, nhưng để đề phòng cẩn thận, anh ta cứ xếp cháu cùng một loại với bọn chúng. Chẳng mất gì nhiều lắm, cũng chẳng lỗ đâu...

I-van Xa-vê-li-ép đi lại trong phòng, đến đứng bên cửa sổ, đăm chiêu nhìn ra đường, rồi tiếp:

— Và cháu đã nghĩ, không phải chỉ một lần: cứ đặt mình vào vị trí của I-a-cốp A-lây-nhi-cốp, thì mình sẽ xử sự ra sao? Cháu không biết nữa...

— Ồ, không phải thế đâu, I-van ạ, — sau một lúc im lặng, Na-da-rốp lắc đầu phản đối. — Có thể múc một vò nước mà sông không cạn. Hoặc hai vò, một trăm vò... Nhưng nếu như đào một con mương tháo nước? Rồi con mương thứ hai,

thứ mười? Con sông sẽ cạn đi, thậm chí còn có thể khô hẳn. Không đâu! Hỏi ai được phép chém vào người đang sống? Nếu như I-a-cốp được giao cái nhiệm vụ này, thì anh ta cần phải xem xét cho kỹ.

I-van chua chát cười nhạt.

—Cần phải... Chúa trời cần phải giữ tất cả loài người theo đạo của mình, thế mà, bác thấy đấy, con người lại biến thành quân vô đạo. Mặc dù, hình như ai cũng cầu Chúa cả... Thế thì làm sao mà A-lây-nhi-cốp, hoặc một người nào đó ở vào chỗ anh ta, có thể xem xét, thấu hiểu kỹ tất cả mọi việc, trong lúc chính những con người đó với nhau cũng không thể gỡ mối ra được? Chẳng hạn, cứ lấy chúng cháu làm thí dụ...

—Thì sao nào?

—Bác hãy nghĩ xem: cháu và Ma-ca Cáp-ta-nốp hình như là họ hàng, vì chị ruột của Ma-ca, An-na, lấy anh ruột cháu, Phê-đô, làm chồng. Mặt khác, cháu và Ma-ca là hai kẻ thù không đội trời chung, vì cháu đã bắn chết cha hắn... Hắn, Ma-ca, cũng biết điều này. Gặp cháu ở trong trại, hắn đi đến bên cạnh, cười mỉm: «Chào cậu yêu quý. Cậu còn nhớ cha tôi không?» Cháu nghe da nổi gai, cảm thấy có cái gì ẩn đằng sau nụ cười ấy. «Này, mày hãy cầu nguyện Chúa đi và đến sáng ngày kia hãy ăn mặc cho sạch sẽ vào,—Ma-ca rít vào tai cháu.—Tự mày mặc lấy, không ở đây chẳng ai trang điểm cho xác chết đâu. Nhưng đừng có nghĩ là tao trả thù cho một mình cha tao thôi đâu. Tao đứng cao hơn sự trả thù cá nhân. Chúng tao sẽ lôi ruột mày ra chủ yếu là dựa vào học thuyết của Các Mác và đồng chí Lê-nin về vấn đề đấu tranh giai cấp...» Rồi cho là cháu chưa hiểu, nên hắn nói tiếp: «Mày phải đền tội vì rằng mày đã chạy sang với bọn đỏ, đồ rắn độc ạ». Và hắn huýt sáo miệng, bỏ đi. Thế đấy, thời hạn đã định rồi. Cháu biết mình chỉ còn sống được ngày hôm nay và ngày mai. Điều này thì chính xác rồi. Ở trong trại có luật riêng của nó. Cháu phải làm gì bây giờ?

—Thế đấy...—Pan-crát lắc đầu.

—Thực ra thì cháu cũng còn có cách,—I-van tiếp:—Cháu có thể, nói một cách đơn giản, lấy cái đầu của Phê-đô để đánh đổi sự sống cho mình.

Pan-crát rướn đôi lông mày rậm rì, rồi bù lên nhìn I-van ngạc nhiên, dò hỏi.

—Việc đơn giản thôi,—I-van nói.—Pi-ốt Du-bốp cũng có một lời thề trong đời là tìm cho ra và giết chết kẻ nào đã chém cha hắn, tức là Phê-đô...

—Ra thế đấy!—Na-da-rốp ngạc nhiên kêu lên.

—Vâng... Du-bốp nói với cháu: «Đến tận bây giờ tôi vẫn còn nhớ mặt người đã giết cha tôi. Tôi vẫn nhớ bộ ria đen của hắn. Tôi còn nhớ, hắn ta nhe răng ra và vung gươm nhằm chém tôi...—Đúng là lúc đó thiếu chút nữa thì Phê-đô đã chém chết đứa bé trong cơn điên giận.—Còn tiếp đó, hắn nói, tôi chẳng nhớ gì nữa.» Nhưng cháu thì chẳng quên tí gì trong sáng ngày hôm đó cả. Chỉ cần cháu nói ai là người đã giết cha hắn, Pi-ốt Du-bốp hoặc cái lão Cô-xô-rô-tốp này sẽ vặn cổ chính thằng Cáp-ta-nốp ngay nếu như hắn dám đụng đến cháu. Thêm vào đó, dù sao thì Pi-ốt Du-bốp cũng chịu ơn cháu đã cứu sống hắn. Mà tại sao cháu lại không nói kia chứ? Tại sao cháu phải ngồi tù, ai đưa cháu vào đây? Chính Phê-đô, anh của cháu!.. Cớ gì mà cháu lại phải thương anh ta? Mà cũng có thể chính Ma-ca Cáp-ta-nốp lại tự mình hủy bỏ bản án. Hắn cũng không tha thứ cho An-na, vì An-na đã ở trong đội du kích, là vợ của Phê-đô. Hắn bảo: sớm muộn gì rồi tao cũng bóp cổ con chó cái đít đỏ này.

—Thế cuối cùng rồi sao? Không nói chứ?—Pan-crát thận trọng hỏi. Ông lại quấn một điếu thuốc mới.

—Thế mà cháu không nói,—I-van thở dài.—Bây giờ bác thử nghĩ xem: cháu bị xử ngồi tù như kẻ thù của nhân dân, thằng Ma-ca ngồi tù vì tội hình sự, cũng là kẻ thù. Và hắn lại muốn giết cháu «xuất phát từ học thuyết đấu tranh giai cấp». Việc của chúng cháu làm sao I-a-cốp A-lây-nhi-cốp có thể gỡ ra được, nếu như chính chúng cháu trong cuộc cũng không biết đằng nào mà lần?

Chú tịch nông trang im lặng một lúc lâu, những ngón tay to, cứng đờ vò nát điếu thuốc quấn, ném vào túi.

—Thế đấy, cuộc đời...—cuối cùng ông thốt lên, trầm ngâm.—Nhưng anh bỏ quá cho tôi, tôi vẫn tò mò muốn biết... Anh không nói gì về Phê-đô, thế làm sao anh vẫn còn sống?

— Ngồi xà-lim, — I-van thản nhiên nói.

— Ngồi xà-lim thế nào?

— Ngày hôm sau cháu không đi làm việc. Cháu bảo không đi, thế thôi. Chửi cho tay phụ trách phòng một trận, thế là cháu bị tống cổ vào xà-lim cá nhân hai mươi ngày. Rồi, sau đó... Dù sao thì cháu cũng còn số may. Trong khi cháu đang bị phạt thì Cô-xô-rô-tốp, Pi-ốt Du-bốp và Ma-ca Cáp-ta-nốp vượt ngục. Chắc là gặp được cơ hội thuận tiện. Cô-xô-rô-tốp bị chó cắn chết, còn Ma-ca và Du-bốp trốn thoát. Ra khỏi xà-lim, phải mất đến nửa năm cháu vẫn cứ thấy sờ sợ nhìn ngó xung quanh: nếu Ma-ca ủy quyền cho kẻ nào đó thực hiện bản án, thì sớm muộn cháu cũng sẽ bị giết. Không, mọi chuyện đã qua đi...

Chủ tịch nông trang ngồi nghe, đầu khẽ cúi xuống, tay giật giật bộ râu.

— Không đâu, chàng trai ạ, — ông thở dài nói, như đang trả lời một ý nghĩ nào đó trong đầu, — dù sao thì tôi vẫn giữ ý kiến của mình, không biện hộ cho I-a-cốp được. Anh ta không được phép xếp tất cả vào một loại. Không được phép, vì nhân dân giao cho anh ta một quyền lực rất lớn. Anh ta cần phải gỡ cho ra những nút thắt rối rắm, tìm cho kỳ được chân lý, — ai thật sự thành tâm cầu nguyện, còn ai chỉ giả vờ vung tay. Nếu không thì sao? Như một câu tục ngữ cổ nói: sai một ly, đi một dặm. Riêng với anh, thôi thì anh trong đời cũng đã có lần nhúng tay... nhưng với ba người này chẳng hạn, với Ba-u-lin, Da-xu-khin, Cô-skin thì sao? Anh biết rằng họ cũng bị... không?

— A-ga-ta vừa rồi cũng có nói.

— Tôi đã từng cùng chiến đấu với họ, sau này cũng biết họ rất rõ. Tuy không được học nhiều, nhưng họ là những con người thật tình cảm, trung thực. Và nói chung tất cả chúng tôi... Cứ mỗi lần lên huyện, có chuyện lớn nhỏ gì là lại đến gặp họ như người nhà. Tóm lại, đó là chính quyền của ta, hiểu ta... Hoặc lấy Môn-tsa-nốp của làng ta làm thí dụ. Anh ta lớn lên ngay trước mắt mọi người, ngủ nghê ăn uống ra sao, ai cũng biết. Thế mà hóa ra lại là kẻ thù! Đấy, anh thấy không? Đến bây giờ vẫn chưa về. Sao lại như thế?

— Ba người kia thì cháu không được biết. Nhưng Môn-

tsa-nốp thì chỉ vì dại dột...

—Ai dại?—Na-da-rốp nhíu lông mày hỏi.

—Anh ta,—I-van điềm tĩnh trả lời.—Khi người ta đang quay cháu về chuyện mấy con ngựa, họ hỏi, họ dọa Môn-tsa-nốp: tại sao anh lại nói dối rằng I-nhi-u-chin bán ngựa cho bọn Di-gan? I-van Xa-vê-li-ép trả cho anh bao nhiêu để anh khai láo như vậy? Anh bán mình với giá bao nhiêu?

—Làm sao anh biết những chuyện này?

—Cháu bị giam ở phòng sơ thẩm, mà ở phòng này thì cái gì cũng biết. Có ma quỷ nào biết tin từ đâu ra, nhưng đúng là cái gì cũng biết, rồi người ta còn bàn luận đủ thứ. Thế là... Môn-tsa-nốp im lặng, im lặng mãi, rồi nổi khùng lên: nếu như các anh được đặt ở đây thì hãy xem xét mọi việc cho công bằng, tại sao lại cứ bắt người vô tội khai bậy... Anh ta khùng lên: các anh thế này thế nọ. Bác chắc biết đấy, cả năm Môn-tsa-nốp mới khùng lên một lần, và anh ta tuôn ra hết, cả cái nên nói, cả cái không nên. Nói chung, nhiều cái quá đáng...

Pan-crát ngồi nghe chăm chú. Khi I-van dừng lại, ông lắc đầu phản đối:

—Thì với anh ta cứ cho là như vậy đi. Nhưng dù sao, vẫn có cái gì đây... Sao?

Pan-crát nhìn I-van không chớp mắt, chờ đợi câu trả lời.

—Bác cứ hỏi mãi,—I-van nói với vẻ hơi buồn buồn.—Cháu biết giải thích ra sao bây giờ? Cháu không phải là người đủ thông minh về chuyện này... Cuộc đời cứ quay như kem chua trong máy quay bơ. Rồi từ kem chua ta được bơ...

—Nghĩa là thế nào?

—Thế bác cho chính I-a-cốp A-lây-nhi-cốp không muốn công bằng, không muốn điều thiện à?—I-van hỏi thay cho câu trả lời.

—Sao nữa?

—Nếu vậy thì anh ta chiến đấu vì cái gì? Anh ta đã phải bò dưới làn đạn, không tiếc đời mình để làm gì? Mà cuộc đời ấy, anh ta cũng chỉ có một thôi chứ gì? Và cũng như mọi người khác, chắc anh ta cũng phải quý nó chứ?

—Rồi sao nữa?—Na-da-rốp hỏi lại.

— Muốn có công bằng thì con người phải sây da sứt trán. Thế đấy, phải khó khăn, chật vật lắm mới đạt được.

Pan-crát còn ngồi bất động một lúc, rồi đứng dậy, nặng nề vươn vai. Ông tỏ vẻ ngạc nhiên khi thấy túi thuốc nằm trong tay, cau mày nhét nó vào túi quần.

— Kể ra cũng kỳ lạ... Tôi đến đây để xem anh ra sao, có thù ghét con người không? Tôi đến với ý định muốn khuyên bảo anh một điều gì đó, giúp anh thấy phải trái... Nhưng kết kết quả hình như ngược lại. Anh lại đi bào chữa, biện hộ cho A-lây-nhi-cốp.

— Để làm gì? Cháu không bào chữa cho anh ta. Cháu chỉ nói rằng cháu không thù ghét anh ta mà thôi.

Cửa mở, một cậu bé bước vào, người cao, tóc màu sáng như I-van, cũng đôi mắt xám và chiếc trán phẳng dốc như thế. Cậu đi chân đất, chiếc quần dài đã bạc sờn, đầy bụi, chiếc áo sơ-mi đen nhàu nát không gài cúc ngực. Tay cậu cầm chiếc roi ngựa.

Bước qua cửa, cậu đứng áp lưng vào tường, ngạc nhiên và sợ hãi đưa mắt hết nhìn bố, rồi lại nhìn chủ tịch nông trang. Trên trán cậu lấm tấm mấy hạt mồ hôi. I-van Xa-vê-li-ép chậm chạp bước đến bên con trai.

— Lớn chừng này rồi đấy... Vla-đi-mia... Bố chào con!

Vla-đi-mia im lặng gục đầu vào vai bố...

* * *

Cơn dông đã qua không còn để lại một dấu vết gì, mặt đất đã hút khô các vũng nước mưa, chỉ có nhà cửa, cây cối, đồng cỏ được mưa rửa sạch bụi, giờ trông tươi mát hơn lúc buổi sáng, trước cơn dông.

Trong làng Mi-khai-lốp-ca vẫn im ắng, vắng vẻ như cũ. Dưới bóng những bức tường nhà, lũ gà bị nắng đốt nằm há mỏ, những con chó nằm dài trong chỗ râm mát, bất lực thè những chiếc lưỡi dài màu hồng nhạt thở gấp, nặng nề.

Khắp làng Mi-khai-lốp-ca, khắp thị trấn San-ta-ra, khắp cả huyện, và hình như khắp cả mặt đất này, đâu đâu cũng im lặng như tờ. Trên bầu trời không một gợn mây, mặt trời đang điên cuồng giội lửa. Và không thể nào tưởng tượng được rằng

có một nơi nào đó vào giờ này lại không có sự im lặng, không có bầu trời quang mây và mặt trời đỏ lửa, rằng ở một nơi nào đó, cả mặt đất và bầu trời đang đầy tiếng nổ và khói lửa, đầy tiếng người kêu khóc, rằng trên trái đất chiến tranh diễn ra đã mấy giờ rồi...

...An-tôn Xa-vê-li-ép đang đi trên đường nhựa Đrô-gô-bư-tsơ, chiếc áo khoác ngoài nhàu nát cầm trong tay, chốc chốc ông lại dùng nó lau khuôn mặt nhem nhuốc, đẫm mồ hôi. Mặt trời bị khuất sau những cột khói dày đặc, nhưng thỉnh thoảng nó lại hiện ra trên một khoảng trời xanh, và lúc đó An-tôn mới biết là đã quá trưa từ lâu.

Trong những phút hiếm hoi, khi bầu trời không bị khói che phủ, An-tôn trông thấy từng đàn máy bay ném bom Đức nối đuôi nhau bay về hướng đông. Bây giờ chúng bay cao, có lẽ định vào sâu trong lãnh thổ Liên Xô, tiếng ì ầm đều đều, đơn điệu dội xuống.

Ở một nơi nào đó, dọc hai bên đường, tiếng pháo cao xạ nổ khô khốc, An-tôn trông thấy những đám khói đạn nổ trắng như bông. Nhưng không hiểu sao, pháo cao xạ không bắn tới máy bay, không gây cho chúng thiệt hại nào cả. «Thế tiêm kích đâu? Máy bay tiêm kích của chúng ta đâu?!» — An-tôn sốt ruột, giận dữ hỏi thầm.

— Máy bay «Én bạc»! Của ta, xem kìa! «I-16»! «I-16»! Bây giờ thì biết tay! Biết tay nhau! — ông bỗng nghe tiếng kêu.

Trên trời, một chiếc máy bay nhỏ có những ngôi sao trên cánh đang bay xuyên qua những cuộn khói dày đặc. Mọi chuyển động trên đường đều ngừng lại, mọi người ngẩng đầu nhìn lên. «Én bạc» vọt lên cao, rồi lao rất căng vào chính giữa đám máy bay Đức. Nhưng bỗng nhiên nó rùng mình, phụt ra một cái đuôi khói đen rất dài, rồi vạch một đường chéo trên bầu trời, rơi xuống đất cách đường nhựa không xa. Nơi chiếc máy bay rơi xuống nghe như có cái gì bục ra, mặt đất khẽ rung lên. Mọi người bỏ cả xe cộ, chạy xuyên qua rừng tới đó. Còn An-tôn Xa-vê-li-ép đột nhiên quay người, bước theo hướng ngược lại, về Pê-rê-mư-slơ.

Ông đi men theo vệ đường. Ngược chiều với ông, bên tay trái của con đường nhựa, là những đoàn xe tải, xe ngựa chất đầy va-li, túi xách, thậm chí cả những đống đồ vật vứt

đi, giẻ rách. Trẻ em, phụ nữ, người già ngồi lắc lư trên những đống đó, còn đàn ông thì đi bộ, đẩy những chiếc xe tay cũng xếp đầy những va-li, túi xách như thế. Nhiều người xách va-li ở tay. Trẻ con gào khóc, sợ hãi trước cảnh tượng hỗn loạn khủng khiếp này, đòi ăn, đòi uống. Phụ nữ nhìn những gì đang xảy ra xung quanh bằng cặp mắt ngây dại, ghì chặt con vào mình. Những người lái xe tải liên tục bấm còi, thò đầu ra khỏi buồng lái la hét, có lẽ để bảo phía trước đi nhanh hơn. Và tất cả những mớ âm thanh này đều chìm trong tiếng gào rít, tiếng loảng xoảng của sắt thép, trong làn bụi dày đặc, trong mùi xăng cháy khét lẹt, vì dọc theo lòng đường bên phải, những đoàn xe tăng, xe bọc thép, những chiếc xe tải sơn xanh chở đầy bộ đội, hòm xiểng và những cuộn dây điện đang đi về hướng Pê-rê-mư-slơ.

Lòng bên phải của con đường nhựa đã bị xéo nát, bị xích sắt nghiền ra như cháo, nhưng xe tăng, xe bọc thép, xe tải vẫn không giảm tốc độ, từ dưới bánh xe, xích xe, đá, sỏi văng ra bắn cả vào người đi bộ.

An-tôn khát cháy cổ. Nhưng ông không thể làm thế nào để hỏi xin nước trong cái cảnh hỗn độn này, mà hơn nữa chắc gì đã ai có để mà xin. Đến Pê-rê-mư-slơ còn xa. Và ở đó ra sao? Có thể, bọn Đức đã vào đấy rồi? Mà cũng không phải ông đi đến đấy để uống nước. Thế thì để làm gì?

An-tôn dừng lại, nhìn quanh. Con đường nhựa hơi rẽ ngoặt sang trái. Ở chỗ ngoặt, những chiếc xe quân sự để khỏi đè phải người, đã giảm tốc độ đi chậm lại. Không nghĩ ngợi lâu, An-tôn bỏ vệ đường, lách qua dòng người, bám lấy thành của một chiếc xe tải đang chạy.

—Đi đâu?—một chiến sĩ Hồng quân trẻ ngồi trong thùng xe thét to, tay chộp lấy khẩu súng trường.—Xuống ngay đi! Xe chở hàng!

—Bình tĩnh, đồng chí,—An-tôn Xa-vê-li-ép nói.—Tôi cần đi đến đấy, đến Pê-rê-mư-slơ.

—Xuống ngay, đã bảo rồi! Chúng tôi không đến Pê-rê-mư-slơ, đến chỗ khác.

Khuôn mặt anh lính trẻ tròn trĩnh, da ngăm ngăm, chiếc mũi hếch bé tí. Mặc dù đã cố hết sức để tạo ra một vẻ mặt thật nghiêm, anh ta không đạt được mục đích đó.

Chiếc xe tải tăng tốc độ. Một chiếc mõm tù của xe bọc thép chèn sát phía sau.

— Tôi xuống đâu bây giờ? Xuống dưới xích sắt ấy à? Khi nào đến nơi hãy đem nộp tôi cho chỉ huy. Mà anh bỏ súng xuống đi, tôi chẳng ăn mất hàng đâu!

— Nhảy xuống đi, không tôi bắn ngay! — anh chiến sĩ hét lên khản khàn.

— À, à, bắn đi, — An-tôn nói và quay mặt đi.

Chiếc xe tải nhảy chồm chồm lên trên những ổ gà, những tảng đá lát đường bị xích sắt đào lên, lật tung sau nửa ngày qua. An-tôn nảy người lên trên những chiếc thùng gỗ. «May mà chúng nó còn chưa ném bom xuống đường đấy», — ông nghĩ thầm, rùng mình tưởng tượng ra cảnh gì sẽ xảy ra nếu như bọn Đức bắt đầu ném đường.

Chiếc xe tải mỗi lúc mỗi tiến lại gần thành phố Pê-rê-mư-slơ đang chìm trong khói lửa, và mỗi lúc lại càng nghe rõ hơn, to hơn tiếng đại bác nổ dồn dập.

Bỗng nhiên chiếc xe tải rẽ ngoặt xuống một con đường nhỏ, rồi chạy theo bãi đất thấp đầy bùn nhão giữa những bụi cây dại. Nhiều nơi, cây bị xéo nát, gãy ngổn ngang, những thân cây non bị bóc hết vỏ trơ ra trắng hếu như những đoạn xương khô. Xa-vê-li-ép đoán rằng có rất nhiều xe tăng đã qua đây.

— Chúng ta đi đâu thế này?

— Im ngay, đồ rắn độc! — anh chiến sĩ lại giương súng lên.

— Tôi với anh không phải là rắn độc! — Xa-vê-li-ép kêu to.

— Tôi làm sao mà biết được? Bây giờ ngồi im đấy!

Phía trước chiếc xe tải, hơi chếch một tý, một cột đất bỗng dựng lên, rồi rơi rào rào lên nắp buồng lái, lên thùng xe. Trước khi nghe tiếng nổ, An-tôn kịp trông thấy một dải sông không rộng lắm ở phía bên tay trái, và ông hiểu: từ phía bên kia sông Xan nhìn sang thấy rất rõ đoạn đường này. Lại thêm ba tiếng nổ nữa ở bên phải, phía trước và phía sau xe. Chiếc xe tải rú ga, lao nhanh hơn về phía trước. Xa-vê-li-ép đưa hai tay ôm chặt lấy một chiếc thùng nặng.

Chiếc xe bỗng rẽ vào một cánh rừng, và tiếng nổ lập tức ngừng bặt. An-tôn giũ đất trên người, nói:

— Hừ! Hóa ra chúng bắn đường...

— Thế ông nghĩ sao? Hôm nay tôi đã qua đây ba lần rồi, — anh chiến sĩ nói, vẻ đã dịu hơn.

Cuối cùng, chiếc xe tải dừng lại. Từ phía sau lùm cây, một viên đại úy bộ binh trẻ và mấy anh chiến sĩ chạy ra.

— Cru-gi-lin! Về rồi đấy à? Cừ lắm! — viên đại úy kêu to và quay lại phía các chiến sĩ. — Bốc xuống trong năm phút!

— Đồng chí đại úy, trên xe tôi có một người lạ mặt, — Cru-gi-lin nói và nhảy xuống xe. — Tôi không xuống đất vẫn bắt được tù binh. Ông ta nhảy lên lúc xe đang chạy, bảo cần đến Pê-rê-mư-slơ.

Đại úy bước đến bên An-tôn, từ dưới vành chiếc mũ cứng, đôi mắt anh ánh lên nghiêm khắc.

— Anh là ai? Họ tên?

— Tôi là Xa-vê-li-ép...

— Nhanh lên, nhanh lên! — viên đại úy kêu to với các chiến sĩ. — Xa-vê-li-ép à? Mời anh theo tôi.

Một chiếc hào sâu được đào ngay bên cạnh bìa rừng, mấy đầu máy kính ngắm lập thể nhô lên trên mặt đất. Đại úy nhảy xuống hào, Xa-vê-li-ép cũng nhảy theo.

Trong hào, một người tóc hoa râm, có một vệt hói màu vàng, quân hàm trung tá, đang cúi xuống hét vào máy điện thoại:

— Xe tăng đâu? Xe tăng các đồng chí hứa ở đâu? Sao, không có à? Như vậy thì chúng tôi sẽ bị vây chặt — bọn Đức đang tổ chức một cầu phao để chuyển quân qua sông Xan... Tại sao Nhê-cra-xốp im lặng? Tại sao, tôi hỏi, đại bác lại im lặng? Sao lại không có đạn? Thế thì chúng tôi sẽ bị vây chặt... Tôi không hoang mang đâu, tôi không hoang mang đâu. Cả trung đoàn chỉ còn lại không đầy hai trăm người... Chúng tôi đã giữ được gần một ngày đêm rồi. Đạn nào? Lựu đạn nào? Không có gì cả...

— Báo cáo đồng chí chính ủy trung đoàn, Cru-gi-lin đã chở đến một xe đạn và lựu đạn, — đại úy nói.

— Vâng, có một xe đã tới, chúng tôi sẽ đánh bật bộ binh của chúng. Nhưng nếu như bọn Đức chuyển tăng sang? Nhất định chúng sẽ chuyển tăng sang... Sao?.. Vâng, chúng tôi sẽ giữ... Tuân lệnh, tuân lệnh, — chính ủy trung đoàn đứng thẳng người lên, và bằng giọng khe khẽ hơi buồn, như nói với người

thân ở nhà về một chuyện vặt vãnh nào đó: — Sao lại thế, anh Gri-gô-ri Tơ-rô-phi-mô-vích, tất nhiên chúng tôi sẽ giữ được... Vâng, vâng, cảm ơn anh... Vâng, vâng, chào anh.

Sau đó, ông xem rất lâu và kỹ lưỡng giấy tờ của Xa-vê-li-ép — giấy chứng minh và thẻ đảng. Xa-vê-li-ép kể cho ông nghe mình đã tới Pê-rê-mư-slơ như thế nào, và không hiểu sao, ông kể rất chi tiết về chuyện ngôi nhà khách sạn đổ, về tiếng kêu của người phụ nữ, về chiếc máy bay Xô-viết bị rơi.

— Và tôi cảm thấy xấu hổ, — Xa-vê-li-ép kết thúc câu chuyện. — Tại sao tôi lại phải chạy? Tôi còn có thể bắn súng được. Tôi còn chưa quên...

— Vâng, vâng, — chính ủy trung đoàn đưa trả lại giấy tờ, buồn rầu nói. — Xin lỗi anh nhé, sáng nay bọn Đức ném vào phía sau chúng tôi một toán lính dù mặc quần áo Hồng quân và thường phục...

Chính ủy trung đoàn nói, tay xoa xoa lên hai bên thái dương tóc đã bạc trắng in hằn những mạch máu tím bầm, đầu đang mải nghĩ về một điều gì khác rất xa với Xa-vê-li-ép, với những lời mà ông vừa thốt lên. Đại úy nhìn vào ống kính ngắm lập thể.

— Chúng đã làm xong cầu phao, đồng chí chính ủy!

— Nhưng dù sao thì, An-tôn Xi-lan-chi-ê-vích ạ, anh nên đi khỏi đây thì hơn, — chính ủy trung đoàn bước đến bên ống kính, nói. — Mười lăm phút nữa thì chắc sẽ muộn đấy.

— Tôi ở lại... nếu như có thể.

Chính ủy trung đoàn không kịp trả lời, vì ở một nơi nào đó bên kia sông Xan, một tiếng đại bác gầm lên, và phía sau con hào chừng hai chục mét, đất dựng lên như một bức tường. Bức tường đất chưa kịp đổ xuống, thì liền ngay sau đó, một bức tường khác lại dựng lên, không tiếng động, cao hơn, to hơn cái trước. Và hình như từ trên đỉnh bức tường đó rơi xuống những cành cây, những đoạn gỗ, và có cả một cái gì tròn tròn giống như bánh xe hơi. «Chẳng lẽ đạn lại rơi đúng vào khoảng rừng trống, vào xe của Cru-gi-lin? — Xa-vê-li-ép lo lắng nghĩ thầm. — Không biết họ có kịp bốc dỡ hết không? Có kịp hay không?»

Chính ủy trung đoàn hét bảo một điều gì đó với đại úy, chỉ đi đâu đó, nhưng trong tiếng nổ ầm ầm chẳng nghe thấy gì cả. Rồi họ như quên bẵng Xa-vê-li-ép, chạy xuôi dọc theo

13-634

con hào. An-tôn đứng, không biết mình phải làm gì. Ánh mắt ông bắt gặp khẩu súng trường không có lưỡi lê dựng bên vách hào, ông chộp lấy và chạy theo hai người.

Được mấy thước, con hào trở nên nông hơn, rồi chia làm hai ngả và đột nhiên biến mất. Xa-vê-li-ép thấy mình đang đứng trên sườn dốc của một ngọn đồi trọc, phía dưới, ngay trước mặt ông là con sông Xan lấp lánh. Và ông thấy chiếc cầu phao mà chính ủy trung đoàn lúc nãy vừa nhắc đến trong khi gọi điện thoại. Trên bờ bên này, sát mép nước, mấy chiếc xe tăng Đức sắp cháy hết — có lẽ chúng bị diệt đã lâu, nhưng từ phía bờ bên kia, hàng chục chiếc xe tăng địch đang chậm chạp bò lên cầu phao.

Xa-vê-li-ép bị đạn từ một nơi nào đó bắn tới, ông cảm thấy hơi gió nóng vút qua cổ, qua mặt, thấy xung quanh đạn cắm vào đất hất bụi lên, nhưng ông luống cuống xoay người, không biết phải làm gì. Rồi ông chạy đi, theo bản năng, về phía rừng. Đạn chíu chít quanh người. «Nếu mình chạy được đến rừng, chắc sẽ sống» — ông nghĩ một cách thản nhiên, và bất ngờ giẫm chân vào chỗ trống, ngã lăn xuống hố.

— Lại có điều lạ gì thế này? — An-tôn nghe có tiếng nói sát bên tai. — Bố ở đâu mà rơi xuống đây thế này? Ở trên trời à?

An-tôn hiểu rằng mình lại đang ở trong chiến hào. Dưới đáy hào có mấy chiến sĩ Hồng quân đang ngồi xổm.

Đây là một con hào nhỏ, dài chừng ba chục mét, nhưng được ngụy trang rất kỹ, nên An-tôn chạy đến mà không nhận ra.

— Tôi mang cái người kỳ quặc này về đến đây đấy, đồng chí hạ sĩ ạ, — một giọng nói quen quen vang lên. — Tôi nghĩ: có phải là một tên lính dù phát-xít trá hình không?

— A, Cru-gi-lin! Xe... có kịp dỡ hết không?

— Gần hết, — Cru-gi-lin sầm mặt xuống trả lời.

Tất cả chừng bảy tám chiến sĩ. Phía cuối hào đằng kia còn có ba người nằm, đắp áo ca-pốt.

— Chúng từ đâu bắn vào tôi thế? — An-tôn hỏi, lấy tay sờ bên sườn bị sây sát.

— À, bọn Đức nằm trong cát trên bờ ấy. Từ sáng đến giờ

bị chúng tôi ghìm lại ở đó, —hạ sĩ nói, và không hiểu để làm gì, anh đưa tay sờ ngôi sao trên quân hiệu.

—Xe tăng, các đồng chí ơi! —có tiếng ai đó kêu lên sợ hãi.

—Im! —Hạ sĩ quỳ nhổm lên, nhìn ra ngoài chiến hào. — Ừ thì tăng. Hôm nay chưa nhìn thấy chúng hay sao? Pháo của Nhê-cra-xốp sẽ dập chúng ngay bây giờ.

«Chắc không dập được rồi», —Xa-vê-li-ép buồn rầu nghĩ.

Tất cả các chiến sĩ đều nhón chân qua bờ hào im lặng và cau có nhìn những chiếc xe tăng màu xanh thẫm với hình chữ thập ngoặc đen trên nền trắng nối đuôi nhau bò qua cầu. Chúng vừa quay tháp pháo vừa triển khai đội hình. Một chiếc sang phải, một chiếc sang trái, lại một chiếc sang phải, một chiếc sang trái...

—Chúng sẽ đánh vu hồi vào chúng ta, —Cru-gi-lin nói khẽ.

—Sao các anh lại để cho chúng nó tổ chức cầu phao qua sông? —Xa-vê-li-ép hỏi.

Và dường như để trả lời ông, một loạt đạn rít ngay trên đầu, rồi tiếng nổ giòn của những tràng liên thanh vọng đến. Tiếng nổ và tiếng rít hòa vào nhau thành một tiếng hú dài, các chiến sĩ vội nằm phục xuống lòng chiến hào, chỉ có hai người vẫn đứng nhìn về phía bọn Đức bắn tới. Rồi như miễn cưỡng, họ chậm chạp tuột theo vách hào lăn xuống dưới.

—Đấy, đồ quỷ, đã bảo rồi mà —không cần thiết thì chớ có thò đầu lên! —hạ sĩ văng ra một câu chửi. —Hãy mang họ tới chỗ ba người kia. —Và anh quay lại trừng mắt nhìn Xa-vê-li-ép. —Cứ thử không cho mà xem!..

Bầu trời bị những cột khói từ một nơi nào đó dựng lên che phủ dày đặc. An-tôn đoán là Pê-rê-mư-slơ đang cháy. «Còn Lơ-vốp ra sao? Bọn Đức có ném bom Lơ-vốp không? Và I-u-ri có kịp về không?» —trong ý thức ông thoáng hiện lên một ý nghĩ lo lắng.

Bỗng những tiếng đạn rít trên đầu và tiếng nổ sau lưng đột ngột im bặt. Anh hạ sĩ đặt khẩu súng trường lên bờ hào, nhổ nước miếng vào lòng bàn tay, hét:

—Chuẩn bị!

Phía dưới, từ bờ sông, những chiếc xe tăng tiến lên theo đội hình rẻ quạt, trong đó có bốn chiếc bò thẳng lên chiến hào

của họ. Theo sau xe tăng là bọn bộ binh Đức chạy thành hàng dày đặc. Chúng đội mũ sắt, trông bé nhỏ, thấp lùn.

— Bắn! — hạ sĩ quát to.

Những tiếng súng trường nổ loạn xạ hòa lẫn với những tràng liên thanh Đức ngắt quãng, rồi chìm nghỉm trong tiếng động cơ xe tăng gầm rú.

Xa-vê-li-ép lên đạn, ngắm một tên Đức màu nâu xỉn đang chạy và bóp cò. Tên Đức chạy thêm mấy bước, vấp chân, rồi vung hai tay lên trời, ngã sấp xuống... Xa-vê-li-ép ngạc nhiên nghĩ thầm: «Ấy xem kìa... Quả là mình cũng còn chưa quên cách bắn súng...»

Và sau đó, ông lại tiếp tục bắn cho đến lúc cơ bấm kêu đánh cạch một cái. Ông quay lại đưa mắt xem có thể xin ai một ít đạn. Ánh mắt ông bắt gặp đôi mắt đờ đẫn đang lịm dần đi của anh hạ sĩ.

— Bố... lấy ở trong túi của con ấy... — anh thanh niên thì thào, từ từ tuột theo bờ hào xuống dưới. Mỗi lời anh nói, một chiếc bong bóng bằng máu lại trồi ra ở miệng, rồi nổ tung ngay.

— Đồng chí hạ sĩ! Con ơi, con nghe thấy không?! — An-tôn lắc mạnh người anh, nhưng chàng trai đã nhắm mắt lại, đầu nặng nề đổ ngoặt sang một bên.

An-tôn đứng nhỏm dậy. Xe tăng Đức đã đến ngay bên cạnh. Để bọn bộ binh lùi lại ở phía sau một quãng chừng ba trăm mét, chúng thận trọng bò lên đồi. Tiếng súng nổ ran lên bốn phía — hóa ra trên đồi có rất nhiều những chiến hào như nơi An-tôn đang đứng được ngụy trang rất kỹ, không nhận ra.

— Để cho xe tăng qua! Cắt bọn bộ binh ra khỏi đội hình xe tăng! — viên đại úy quen biết nhảy vào hào thét to. — A, chào anh, Xa-vê-li-ép... Anh không đi à? Prô-khô-rốp! Hạ sĩ đâu?

— Đấy kìa, — Cru-gi-lin chỉ vào xác chết, đáp.

Đại úy cúi xuống xác người chiến sĩ đã hy sinh.

— Đây là người chiến sĩ cừ nhất trong tiểu đoàn tôi, — anh buồn rầu nói. — Còn tiểu đoàn tôi — giỏi nhất trong toàn trung đoàn. — Anh im lặng một lát, rồi tiếp. — Tiểu đoàn một và tiểu đoàn ba đã bị đánh tan, bị tiêu diệt. Nhiều chiến sĩ không chịu đựng được, dao động... Còn chiến sĩ của tôi thì

không bao giờ. Anh đã thấy đấy, chiến sĩ của tôi... có ai bỏ chạy không?

—Không thấy.

Bỗng có tiếng sắt thép khua loảng xoảng trên đầu. Một chiếc xe tăng trườn qua hào, hơi xăng và khói nồng nặc tuôn lên mọi người, đất đá lở rơi trên đầu họ. Đại úy ngã đè lên xác người chiến sĩ, như muốn lấy thân mình che cho người đã hy sinh khỏi bị xích sắt xe tăng nghiền nát.

—Và sẽ không bao giờ thấy,—đại úy lại tiếp tục nói, phủi đất ở trên mình xuống. Và bỗng nhiên, anh hỏi, không biết để làm gì:—Có thể anh, Cru-gi-lin, hoảng sợ và bỏ chạy chăng?

—Tôi không chạy đâu, đồng chí đại úy ạ,—anh chiến sĩ cau có trả lời.

—Thế đấy... Còn nói chung... bọn Đức ở sườn bên trái và bên phải đã chọc vào được khá sâu rồi. Chuẩn bị lựu đạn chiến đấu!

Xa-vê-li-ép nhìn ra ngoài chiến hào và trông thấy bọn Đức chỉ còn cách họ chừng năm chục thước. Lần đầu tiên ông trông thấy chúng gần như vậy. Bọn lính Đức mặc áo bờ-lu màu xám xịt, để hở ngực, tay áo xắn cao, đội mũ sắt nâu đỏ, đang chạy thẳng tới con hào nhỏ, lộn xộn, không theo một đội hình nào cả.

—Lựu đạn... ne-e-ém!—tiếng đại úy thét kéo dài vang bên tai.

Xa-vê-li-ép không có lựu đạn. Ông nạp đạn vào khẩu súng trường, rồi ngắm vào một tên lính Đức vai rộng. Ông ngắm và nghĩ rằng có lẽ tên Đức cũng đã trông thấy ông và sắp sửa chĩa khẩu tiểu liên về hướng ông. An-tôn còn chưa kịp bắn thì trước mặt tên lính Đức, một cột đất dựng lên. Ông thấy hắn sững người lại, ngã hất ra phía sau, rồi tất cả bị che phủ bởi một loạt lựu đạn nổ tung, tạo thành một bức tường dày.

—Thôi!—tiếng đại úy lại vang lên.

Tiếng súng im lặng, khói bụi trước mặt dần dần tản ra. Phía trước chiến hào, bọn lính Đức ngổn ngang trên mặt đất, và rõ ràng đấy chưa phải là những xác chết.

—Nện chúng, nện cho chúng nữa đi, anh em!—đại úy hét to, hoàn toàn không theo quy định của người chỉ huy.

Tiếng của anh vang khắp đồi. — Đừng cho chúng ngóc đầu dậy. Ngắm từng đứa mà tỉa!

Khắp đồi lại vang lên tiếng súng trường. Bọn lính Đức bắt đầu bò lui.

...Sau khi để lại rất nhiều xác chết nằm trên sườn đồi dốc, bọn phát-xít bò trở lại gần bờ sông, về vị trí xuất phát của chúng. Trận địa trở nên im lặng.

Đại úy lấy bàn tay phải chùi đất lấm trên trán, nhìn quanh.

— Tất cả còn nguyên chứ?

— Gần như thế, — Cru-gi-lin trả lời và kéo xác những chiến sĩ đã hy sinh về cuối chiến hào.

Ngoài đại úy, Cru-gi-lin và An-tôn, số sống sót còn lại ba người. Cánh tay trái của đại úy buông lủng lẳng, một vết đen lớn loang ra trên vai anh.

— Thế đấy, — anh nói và mím chặt môi tái nhợt, ngồi xuống đáy chiến hào, đầu tựa vào vách đất.

Cru-gi-lin nói:

— Đồng chí đại úy, đồng chí đã bị thương. Cho phép tôi băng lại?

Đại úy im lặng.

— Bây giờ chúng sẽ lại tấn công, — Xa-vê-li-ép nói.

— Chúng còn đợi một tí nữa, — đại úy cười nhạt. — Liều lĩnh để làm gì? Đấy, các anh hãy nghe xem, — anh hất đầu chỉ vào vách chiến hào.

Xa-vê-li-ép áp sát tai vào bờ vách chiến hào và nghe mặt đất khẽ rung lên.

— Hình như xe tăng ở một nơi nào đó khá xa.

— Không, chúng đã đến gần rồi. Chúng đang ở bến cầu phao.

Xa-vê-li-ép đứng nhỏm dậy và trông thấy phía bên kia sông Xan, một đoàn xe tăng mới đang tiến lên cầu phao.

— Thế đại bác của chúng ta đâu? — Cru-gi-lin gần như rên lên, mắt nhìn như dán về phía bờ sông. — Đồng chí đại úy, tại sao đại bác của ta im lặng?

— Tôi đâu có chỉ huy pháo binh, đồng chí Cru-gi-lin? — đại úy nghiêm khắc hỏi.

Anh chiến sĩ cúi đầu.

Rồi tất cả im lặng nghe tiếng động cơ xe tăng đang gầm rú ở bên kia bờ sông Xan.

—Này, đại úy,—cuối cùng Xa-vê-li-ép lên tiếng.—Ta cần phải làm một cái gì đó chứ...

—Làm gì?—đại úy lạnh lùng hỏi.—Rút lui?

—Cũng có thể...

—Thế đấy...—đại úy cười gằn.—Thế còn mệnh lệnh?

—Nhưng để mọi người hy sinh vô ích, không cần thiết.

—Tôi không biết.

—Anh không biết cái gì?

—Vô ích hay không vô ích. Điều này chỉ có bộ tư lệnh sư đoàn mới biết.

Đại úy rên lên vì vết thương ở vai, đôi mắt nhắm nghiền. Xa-vê-li-ép cảm thấy thương anh, nhưng đồng thời lại khó chịu nghĩ: «Cái tay lính tẩy giáo điều này, chắc chỉ biết phục tùng. Không có lệnh rút lui...»

Xa-vê-li-ép nhắc đến chuyện rút lui không phải vì lo sợ cho mình, nói chung trong giờ phút này ông không nghĩ đến bản thân. Chỉ đơn giản là cái hoàn cảnh mà họ đang gặp phải buộc ông phải suy nghĩ, tính toán thật lô-gích, tỉnh táo.

—Anh Xa-vê-li-ép, tôi muốn hỏi anh một điều,—giọng nói đại úy bỗng vang lên.—I-van Xa-vê-li-ép, người làng Mi-khai-lốp-ca ở Xi-bi-ri, có phải em của anh không?

An-tôn ngạc nhiên quay cả người về phía viên đại úy. Nhưng anh ta vẫn ngồi nguyên như cũ, đôi mắt nhắm nghiền, những hạt mồ hôi to tướng đọng lại trên trán.

—Đúng đấy... em. Út...

—Đấy, anh thấy không,—đại úy mở mắt ra, nói.—Tôi nhận ra anh ngay... Anh cũng tóc trắng nhợt như I-van. Ở San-ta-ra, còn có người em khác của anh, là Phê-đô. Anh này da đen hơn.

—Đúng đấy... Nhưng anh là ai?

—Tôi là Na-da-rốp. Mác-xim Pan-cra-chi-ê-vích Na-da-rốp. Sinh ở làng Mi-khai-lốp-ca. Cha của tôi làm chủ tịch nông trang ở đó. Năm ngoái tôi có về nghỉ phép... Ở đây còn có một đồng hương nữa, Cru-gi-lin Va-xi-li.

—Khoan, khoan đã, Cru-gi-lin nào?—Xa-vê-li-ép nhíu lông mày, lau trán.—Cru-gi-lin. Cru-gi-lin nào nhỉ? Hình

như có lần tôi đã nghe... Không nhớ nữa. Tôi về San-ta-ra lần cuối cùng khi còn bé. Hình như vào năm chín trăm mười thì phải... Thế tôi giống I-van lắm à?

— Giống, — Na-da-rốp khẳng định. — Thế anh ấy, anh I-van, hãy còn chưa ở tù về à?

— Tôi không biết, — Xa-vê-li-ép nói. — Tôi mấy lần hỏi Phê-đô nhưng không thấy thư trả lời. Còn vợ của I-van, — tôi cũng viết thư cho thím ta, — chỉ lặp đi lặp lại một điều: I-van không có tội.

Đã lại nghe tiếng động cơ xe tăng gầm gừ và tiếng xích sắt loảng xoảng. Đại úy cựa mình đứng dậy, nhìn qua bờ chiến hào.

— Chúng đang bò đến. Sẽ còn ác liệt hơn. Anh Xa-vê-li-ép ạ, anh còn có thể đi kịp đấy... Còn chúng tôi không có quyền. Hình như anh cùng đi với Cru-gi-lin dọc đường nhựa Đrô-gô-bư-tsơ, đã thấy gì đang xảy ra ở đó? Nhiệm vụ của chúng tôi — giữ chân bọn Đức lại càng lâu càng tốt, để tạo điều kiện cho dân đi xa Pê-rê-mư-slơ. Đấy là toàn bộ ý nghĩa. Không có cái gì khác. Ở đó đàn bà và trẻ con...

Xa-vê-li-ép như bị nghẹt thở. Anh nuốt ực cục nước bọt đang chực trào lên cổ.

— Tôi hiểu rồi... Tôi ở lại đây. Tôi đi đâu bây giờ?..

— Tùy anh, — Na-da-rốp lạnh lùng nói. — Cru-gi-lin, anh sẽ chịu trách nhiệm chỉ huy ở đây. Xe tăng, cũng như lần vừa rồi, để cho nó qua. Chặn bọn bộ binh lại... Nếu có chuyện gì, tìm tôi ở đài chỉ huy tiểu đoàn...

Và anh nhảy lên khỏi hào, không để ý đến những loạt đạn súng máy chiu chíu, chạy dọc theo sườn đồi, giơ cánh tay còn lành giữ cho mũ khỏi rơi...

Theo mệnh lệnh của Cru-gi-lin, các chiến sĩ chuẩn bị sẵn lựu đạn.

— Thế còn bố có biết ném không? — Cru-gi-lin chìa cho An-tôn một quả lựu đạn, hỏi.

— Cũng đã thử. Nhưng phần lớn là loại tự tạo.

— Cũng đơn giản thôi: bố kéo chốt thế này này... và hấp!

Nhưng lần này họ chẳng phải sử dụng đến lựu đạn. Những chiếc xe tăng bò lên đồi và với tiếng gầm rú khủng khiếp, bắt đầu chạy tới chạy lui dọc ngang trên khoảng đất phẳng trên

đỉnh đồi, quay tròn tại chỗ, lấp đất đầy các chiến hào nông choẹt, nghiền nát những con người ở dưới đó. Một cỗ máy đồ sộ, kêu xủng xoảng, che kín cả bầu trời đầy khói đen kịt, cũng đang tiến về chiến hào nơi Xa-vê-li-ép đứng.

—Nằm—xuống!—Cru-gi-lin hét gần như không thành tiếng, miệng mở rộng.

Ở một nơi nào đó rất gần vang lên những tiếng nổ và tiếng súng trường loạn xạ. An-tôn ngoảnh lại và trông thấy một khối thép đen đồ sộ đang lừng lững bò giữa hai chiến hào bên cạnh, còn các chiến sĩ Hồng quân ném thủ pháo tới tấp vào nó và ngắm súng trường bắn vào các khe quan sát. Nhưng chiếc xe tăng vẫn không hề bị thương tích gì, thủ pháo đập vào vỏ thép văng ra nổ tứ tung.

—Nằm xuống ngay đi!—Cru-gi-lin quát vào tai ông và túm lấy áo vét-tông của ông giật mạnh.

An-tôn ngã giúi xuống, và trong lúc ngã, ông còn kịp thấy chiếc xe tăng phọt ra một cột khói đen đặc, rồi cháy bùng lên. «A-ha! A-ha!»—ông gần như kêu lên thành tiếng với một sự vui mừng độc địa. Ông còn thoáng thấy cả dải sông Xan lấp lánh, thấy bọn lính Đức đang từng tốp chạy lên đồi, và thậm chí cả cái bụng xe tăng dèn dẹt, đầy bùn đất ở ngay trên đầu mình. Cái mảng thép đó như đang chao ngược lên cao, rồi bỗng ụp xuống chiến hào như một chiếc vung sắt nặng hàng mấy tấn. «Được rồi, bây giờ chúng tao sẽ đón chúng mày...»—Xa-vê-li-ép thoáng nghĩ về bọn bộ binh Đức, tay siết chặt trái lựu đạn. Nhưng không may cho ông khi ngã, người đè lên tay, lựu đạn đập vào đùi đau điếng. «Không sao, không sao, một tí thôi...»—ông nghiến răng chịu cơn đau. Nhưng từ phía trên đất đã đổ rào rào xuống lưng, lấp cả đầu. Ngay lập tức cảm thấy khó thở, rất khó thở... Trước mắt ông trên nền đen kịt, hiện ra những vòng tròn màu xanh da cam, chúng nổ tung, phát ra những tiếng kêu ngân vang, bắn tóe thành vô số tia đom đóm trắng...

* * *

An-tôn tỉnh lại khi một người nào đó đang kéo mạnh tay ông. Ông khẽ rên lên thành tiếng.

— A-ha! Còn sống... Nhưng phải im lặng! Im lặng! — ông nghe, qua tiếng âm vang trong đầu, một giọng người nói và cảm thấy sức nặng đè trên người dần dần giảm xuống. — Leo lên đi, bố ơi!

Va-xi-li Cru-gi-lin đã bới được đến quá nửa người Xa-vê-li-ép, anh cầm lấy tay ông, xoay xở mãi, rồi cũng kéo lên được. An-tôn ngồi bệt xuống đất, nặng nhọc, cố sức hít thở làn không khí ban đêm ấm áp pha lẫn mùi thuốc súng, mùi xăng và mùi sơn cháy khét lẹt.

— Thế nào, con? Còn ai sống nữa không?

Anh chiến sĩ không trả lời. Anh ngồi cách An-tôn chừng hai mét, đang ngắm nghía khẩu súng máy Đức, tìm cách lắp băng đạn vào.

Phía bên kia sông Xan, bọn Đức đang đốt lửa, những ánh lửa thấp thoáng sau hàng cây. Xa-vê-li-ép nghe đau nhói bên sườn, ông luồn tay xuống dưới chiếc áo sơ-mi cáu bẩn, sờ nắn các khớp xương xem chúng còn nguyên hay không. Nhưng cuối cùng ông cũng không xác định được có xương nào gãy không.

— A-a, đồ quỷ, sao tối thế này! — Cru-gi-lin bực bội nói. — Không biết cái này lắp thế nào đây?

Xung quanh rất im ắng. Và hoàn toàn không thể tin được rằng vừa rồi ở đây đã diễn ra một trận đánh ác liệt. Cách đấy không xa trong bóng tối hiện ra một khối đen không có hình thù — chắc là chiếc tăng hồi chiều cuối cùng rồi cũng đã bị lựu đạn phá hủy. Trời có lẽ vẫn còn đầy khói vì đây đó những mảng sao lấm tấm lúc hiện lúc ẩn. Hoặc có thể đó chỉ là những đám mây bị gió thổi giạt — không thể nào phân biệt được.

Cơn đau ở bên hông đã lắng xuống, dịu dần, và An-tôn nghĩ rằng chắc các xương sườn vẫn còn nguyên vẹn.

— Chúng ta phải làm gì bây giờ đây, hở con? Cần phải làm một cái gì chứ?

— Bọn trai chưa vợ chúng con thì còn làm gì nữa?! — Cru-gi-lin cười khẩy. — Bây giờ chúng ta sẽ đến Pê-rê-mư-slơ, vào quán làm vài ngụm cho can đảm và đi tìm mái! Con có một cô bé ở Pê-rê-mư-slơ rất kháu... Nàng lại có một bạn gái hết ý! Cứ đòi con dẫn bạn đến, làm quen. Thế bố già về khoản phụ nữ thế nào? Còn sức nữa không?

Và Cru-gi-lin phá ra cười một cách trơ tráo, nhưng thật kỳ lạ, tiếng cười và những lời nói này của chàng trai lại không làm cho An-tôn tức giận, mà ngược lại, bắt ông phải mỉm cười. An-tôn nghĩ rằng Va-xi-li hoàn toàn không phải là kẻ tục tĩu đểu cáng, mà đơn giản chỉ vì trong người chàng trai dòng máu trẻ đang sôi trào, chỉ vì anh quá yêu cuộc sống. Và thật là may mắn rằng anh, Cru-gi-lin, đã trải qua ngày hôm nay mà vẫn còn nguyên lành trong cái lò xay thịt này, nói chung, giờ vẫn còn sống. Sau một tuần, cùng lắm là sau hai tuần lễ nữa, bọn Đức sẽ bị đánh bật trở về bên kia sông Xan, và Cru-gi-lin lại sẽ đến Pê-rê-mư-slơ với «cô bé rất kháu» của mình, còn trên ngọn đồi này sẽ dựng lên một đài kỷ niệm những người đã ngã xuống trong trận chiến đấu hôm nay. Đài chỉ bằng gỗ bình thường, chắc là sẽ có ngôi sao ở trên. Sau này thế nào ông cũng phải đến đây, để ngắm nhìn đài kỷ niệm...

Va-xi-li Cru-gi-lin vẫn loay hoay với khẩu súng máy.

— A-ha, ra thế đấy! — Anh thỏa mãn nói và đứng dậy. — Nào, ta đi thôi, bố ơi. Bố cầm lấy khẩu súng trường kia nhé.

Va-xi-li Cru-gi-lin cũng rách nát, tả tơi, một ống áo va-rơi bị cháy, mấy vệt máu khô đọng trên má. An-tôn nhìn thấy tất cả những cái đó khi mặt trăng, trong khoảnh khắc, ló ra sau màn khói dày đặc và tưới lên mặt đất ngổn ngang một lớp ánh sáng màu sữa nhạt.

— Con cũng bị thương đấy à? — Xa-vê-li-ép hỏi.

— Xoàng thôi. Xích xe quệt vào. Chỉ cần sang phải thêm năm phân nữa thì đầu của con chỉ còn là một bãi đất ướt! Còn thế này chỉ sẩy da tí chút và nhổ mất một túm tóc. Con vốn là người rất may mắn.

Anh chiến sĩ bước đi phía trước, dáng tự tin, nhanh nhẹn — có lẽ anh biết đường đi.

— Và Lê-li-a cũng nói: «Anh là người rất may mắn, Va-xi-li ạ». Con hỏi: «Vì sao?» — «Vì rằng em yêu anh...» — Cru-gi-lin quay người lại, đợi An-tôn bước kịp, nói một cách nghiêm trang: — Nói chung, chúng con đã thỏa thuận sẽ cưới... Chỉ đợi hết hạn nghĩa vụ, chỉ còn ba tháng nữa thôi, con sẽ đưa Lê-li-a về San-ta-ra ngay. Con nhập ngũ ở Ôi-rô-chi-a, nơi cha con làm việc lúc đó. Bây giờ người ta lại chuyển ông cụ về San-ta-ra rồi. Về là cưới liền. Được không hả bố?

—Chúng ta đi đâu thế này?

—Vâng, con quả là may mắn, —Va-xi-li vẫn tiếp tục.— Còn việc đã xảy ra ở đây mới khiếp chứ! Xe tăng nghiền nát các chiến hào, rồi bỏ đi khi bọn bộ binh của chúng đã tràn lên chiếm ngọn đồi. Chúng chạy đi chạy lại, hò hét, nổ súng bắn nốt những ai còn sống sót. Con nằm, cả người lấp trong đất, chỉ còn đầu. Tại sao chúng lại không bắn con? Có lẽ vì mặt mũi con đầy máu me, chúng cho là đã chết rồi. Một số bị chúng lôi từ dưới đất lên, dồn lại thành một đống. Ai còn có thể đi, bị chúng lùa đi, số còn lại chúng dùng súng máy bắn tại chỗ. Con thấy hết. Rồi chúng kéo đi. Con có thể bò lên lúc trời còn sáng, nhưng trên cầu phao quân lính đi từng đoàn, rồi xe hơi, xe kéo pháo... Từ trên cầu, chúng có thể trông thấy...

Anh cứ nói luôn miệng, không nghỉ. Và bây giờ, Xa-vê-li-ép cảm thấy khó chịu với giọng nói của Cru-gi-lin. Anh ta có vẻ khoái trá với cái số đỏ của mình lắm! Đấy, cứ như là kể về những chuyện vui không bằng. Và bất giác, ông bước chậm hơn. Chừng nửa phút sau, Cru-gi-lin lại đứng đợi. Khi Xa-vê-li-ép đi tới, anh bỗng lảo đảo, úp bộ mặt bết máu vào ngực ông.

—Con sao thế, Cru-gi-lin?! Va-xi-li?!

—Con thấy tất cả... thấy hết...—vẫn không ngẩng đầu lên, Va-xi-li nói trong tiếng nấc.—Những chiếc xích xe tăng bết máu, máu bắn lên tận nóc xe... Có chiếc, ruột vướng vào kéo lòng thòng... như những đoạn dây thừng ngâm nước. Tại sao lại như thế, hả? Tại sao lại xảy ra như vậy?! Để làm gì?!

Anh khóc nấc lên, sụt sịt như trẻ con. Xa-vê-li-ép bối rối, không nói được lời nào, chỉ im lặng xoa lên vai, lên mái tóc bết bùn đất và máu đã đóng khô lại của người chiến sĩ Hồng quân trẻ.

—Không sao..., không sao, con ạ... Tất cả rồi sẽ tốt đẹp.— Ông nghĩ một lúc, rồi tiếp—Còn con, tất nhiên, con hãy cưới cô bé Lê-li-a đi. Nhất thiết phải cưới cô ta đấy, nghe không?

Va-xi-li im lặng gỡ đầu mình ra khỏi ngực Xa-vê-li-ép; rồi, lưng còng xuống, anh bước nhanh, gần như chạy, về phía bìa rừng tối đen. Xa-vê-li-ép cũng vội rảo bước theo, sợ mất hút bóng anh.

Ông đuổi kịp Va-xi-li ở bìa rừng. Anh chiến sĩ đang ngồi xổm cạnh một người nào đó nằm ngửa mặt lên trời. Xa-vê-li-ép cúi xuống và nhận ra đại úy Na-da-rốp.

—Đây... —Va-xi-li đưa nắm tay chỉ về phía Xa-vê-li-ép đang đi tới.—Chỉ còn có bồ này, người lúc chiều nhảy lên xe của tôi. Ngoài ra, không còn ai nữa...

—Cru-gi-lin, cậu đã kiểm tra kỹ chưa đấy?—Na-da-rốp thở khó nhọc, khò khè, đôi mắt anh hình như đang nhắm chặt.

—Tôi đã bò đi khắp đồi, gặp xác người nào cũng dựng lên xem cả. Không còn ai sống nữa.

—Thôi được. Cậu khá lắm, Va-xi-li-ạ, cám ơn cậu... Chỉ có điều cậu đừng mất công với tớ...

—Nói gì lạ vậy, đồng chí đại úy?! Đồng chí còn phải dự lễ cưới của chúng tôi nữa chứ... Nhất định phải đến dự...

—Uống... còn tí gì không?

—Không có nước, đồng chí đại úy ạ. Nhưng mà khoan. Đằng kia có xác tên Đức, nó có bi-đông...

Cru-gi-lin biến vào đêm tối. Na-da-rốp vẫn thở khó nhọc, khò khè. Xa-vê-li-ép ngồi bên cạnh, khẩu súng trường kẹp giữa hai đầu gối. Trong đầu ông, không hiểu sao, không có một ý nghĩ nào cả. Cả niềm vui được sống sót, được Cru-gi-lin đào đất kéo lên, cũng không có nốt.

—Xa-vê-li-ép, anh vẫn còn nguyên lành chứ?—Na-da-rốp hỏi.

—Tôi cũng không biết nữa... Trong đầu chỉ nghe tiếng ù ù. Còn nói chung không sao...

—Nếu như anh thoát được, nhờ anh nói với cha tôi, hoặc viết cho ông cụ, rằng... Nói chung, tự anh biết đấy... Anh đã trông thấy tận mắt tất cả, những gì chúng tôi có thể, những gì không... Còn Cru-gi-lin chỉ phí công kéo tôi ra đây. Hai chân tôi đã giập nát hết. Cả ngực, cả vai.

Cru-gi-lin từ trong bóng tối hiện ra, ngồi xuống bên cạnh đại úy, nghiêng bi-đông cho anh uống, rồi nói:

—Chúng ta cần phải vào sâu trong rừng. Còn ra sao, đến đó hẵng hay. Thế nào cũng phải có quân ta ở đâu đây. Đồng chí có nghe tôi nói không, đại úy?

—Tôi có nghe, Cru-gi-lin ạ. Các đồng chí đi đi. Hãy để tôi ở lại đây. Đấy là mệnh lệnh. Rõ chưa?

—Làm sao mà không rõ, — Va-xi-li cười khẩy.

Có lẽ đã quá nửa đêm, không khí trở nên mát mẻ hơn, một ngọn gió nhẹ thổi sang phía bên kia bờ sông Xan, mang theo mùi thuốc súng và mùi xăng cháy. Những ngọn cây khẽ lao xao lay động.

Và cũng ngọn gió đó mang đến tiếng đại bác từ một nơi nào đó rất xa. An-tôn cảm thấy mặt mình tái nhợt đi và một cơn gió lạnh khó chịu đang thấm vào trong tim. Cru-gi-lin đứng bên cạnh cũng ngây người như cột gỗ, đến đại úy cũng thở khẽ hơn — tất cả đều tập trung chú ý lắng nghe cái tiếng ì ầm từ xa dội đến.

—Thế này là thế nào, hả? Chúng nó đi đến đâu thế này? Bao nhiêu ki-lô-mét rồi?.. — Cru-gi-lin hỏi như một kẻ mất hồn. Anh đã nói lên chính cái điều mà Xa-vê-li-ép chỉ mới nghĩ tới đã tái mặt đi.

—Đấy là ở bên kia Đni-e-xtơ-rơ... Có lẽ chúng đang ném bom sân bay, — Na-da-rốp nói khẽ, — Gần Đrô-gô-bư-tsơ có một sân bay... chúng không thể nào... vào sâu được như vậy...

Đến Xa-vê-li-ép cũng hiểu rằng Na-da-rốp nói vậy là để tự an ủi, vì đấy không phải tiếng bom, mà là tiếng đại bác.

—Đi thôi, — Va-xi-li kiên quyết đứng dậy và chìa khẩu súng máy cho Xa-vê-li-ép. — Khẩn trương lên không trời sắp sáng rồi.

—Tôi ra lệnh, Cru-gi-lin, là không... được động đến tôi! Các anh đi đi!..

Không chú ý đến lời nói và tiếng rên của Na-da-rốp, Va-xi-li đỡ anh ngồi dậy, rồi tự mình quỳ xuống bên cạnh, khéo léo đặt người đại úy lên lưng, đứng thẳng dậy một lúc như để kiểm tra trọng lượng, rồi lảo đảo bước đi vào rừng.

...Cho đến tận sáng, họ đi theo những con đường rừng nhỏ, cố gắng nhằm hướng Lơ-vốp, thay nhau cõng tấm thân nặng và mềm nhũn của người đại úy. Lúc đầu, Na-da-rốp còn kêu rên, nhưng sau anh im hẳn, không tỏ ra dấu hiệu gì là còn sống. Họ đi im lặng, chỉ có một lần, khi đặt Na-da-rốp lên vai, Xa-vê-li-ép hỏi:

—Còn sống không?

—Người nghe còn ấm, — Va-xi-li trả lời, miệng há hốc ra thở gấp.

Dưới sức nặng, chân An-tôn như khuỵu hẳn xuống. Lúc đầu ông nghĩ sẽ không đi được bước nào, nhất định sẽ ngã và làm rơi người bị thương xuống đất. Nhưng ông ngạc nhiên khi thấy mình vẫn đi được, đi mãi lên phía trước, thỉnh thoảng chân lại vấp phải những gò đất, vướng trong cỏ dại. Và ông cứ đi như thế, sợ bị ngã, nhưng lại biết rằng mình sẽ không ngã.

Xung quanh vẫn tối đen, im lặng. Và họ không hiểu mình đang đi đâu, để làm gì, cái ngày kinh khủng hôm qua có thật hay chỉ là một giấc mơ nặng nề, đáng sợ. An-tôn có cảm giác rằng khi trời hửng sáng, tất cả sẽ lại nguyên như cũ, ông sẽ đến Pê-rê-mư-slơ, vào hiệu cắt tóc ngay từ sớm, và người thợ cạo già sẽ lấy bàn tay xát xà-phòng lên má ông, rồi vừa kể về một điều gì đó, vừa múa con dao cạo trước mắt ông. Rồi ông sẽ đi đến nhà máy gạch, sẽ cãi nhau với tay giám đốc. Sau đó sẽ gọi điện về nhà ở Lơ-vốp, nói chuyện với con trai vừa về nghỉ phép, báo cho vợ biết rằng mình còn phải chậm lại vài ngày vì tay giám đốc nhà máy gạch không chịu xuất gạch. «Nhưng theo mình, tại sao ông ta lại không chịu xuất? Có thể ông ta sẽ ra lệnh xếp gạch ngay... Và chiều hôm nay mình sẽ đi chuyến tàu về Lơ-vốp...»

Tiếng kêu hoảng hốt của Cru-gi-lin kéo ông trở lại với thực tại:

— Quay lại! Bọn Đức đấy, bọn Đức!..

Thì ra họ đã ra đến một con đường cái. Trời bắt đầu sáng, bầu trời cao đang chuyển dần sang màu xám, con đường trước mặt cũng chạy dài mất hút trong ánh bình minh nhợt nhạt.

— Bọn Đức đâu? — Xa-vê-li-ép chưa trông thấy bọn Đức ở đâu cả. Trên mặt đường, qua làn sương đục, những dải màu vàng hiện ra mờ mờ, lay động. Đó là cái gì, An-tôn không thể nghĩ ra được ngay.

Va-xi-li đẩy mạnh vào sườn, gần như là xô ông ngã vào một bụi cây rậm mọc bên vệ đường. Chỉ lúc đó Xa-vê-li-ép mới nghe thấy tiếng động cơ đang tới gần.

Họ nằm trong bụi mất gần một tiếng đồng hồ. Xe cộ bọn Đức vẫn nối đuôi nhau đi không dứt, người họ bị phủ đầy một lớp bụi đường và muội xăng cháy.

Màn sương xám dần dần loãng ra, tản rộng khắp mặt đất; ở một nơi nào đó, mặt trời đã mọc nhuộm hồng những mảng

xám xịt, không ra mây cũng không ra khói, giờ chỉ còn thưa thớt trên nền trời sớm. Bụi cây nơi họ nằm ẩn ban đêm tưởng rậm rạp, nhưng thực ra đứng ở trên đường có thể nhìn xuyên qua được. Ít ra, qua những nhành cây, Xa-vê-li-ép cũng trông rõ từng chiếc xe một, trông rõ bọn lính ngồi trên xe và những tên lái xe... «Bây giờ chúng sẽ thấy... Sáng hơn tí nữa, chúng sẽ thấy...» — ông dửng dưng nghĩ. Va-xi-li cũng đang nghĩ về điều này, vì thấy anh động đậy cặp lông mày bị rách nát, với tay kéo khẩu súng máy lại gần và nhắc đi nhắc lại hai lần bằng một giọng khản đặc:

— Đừng để cho bắt không... Đừng để cho bắt không...

Rất may mắn là cả đoàn xe đã qua hết mà họ vẫn không bị phát hiện. Nhưng họ đâu có biết rằng đã từ lâu ở phía bên kia đường có mấy cặp mắt đang lạnh lùng theo dõi họ, rằng họ đã từ lâu nằm sẵn trong điểm ngắm.

Họ bị bắt làm tù binh một cách nhanh gọn, lặng lẽ và hết sức đơn giản.

Khi chiếc xe chở lính cuối cùng đi qua, họ còn nằm nán lại trong bụi cây chừng ba phút nữa. Rồi Cru-gi-lin nói:

— Con đã bảo là số con rất may mà. Đi với con thì sẽ không việc gì đâu, bố ạ. Bố mệt chưa?

— Cái anh này nặng thật, — Xa-vê-li-ép nói thay cho câu trả lời.

Va-xi-li áp sát tai vào ngực đại úy nghe một lúc.

— Hình như còn sống... Nào, bây giờ đến lượt con. Bố cầm lấy súng.

Va-xi-li nhỏm dậy, nhìn quanh. Đặt viên đại úy bất tỉnh nhân sự lên vai, anh chạy vụt qua mặt đường.

Họ vừa đến một bãi rừng trống nhỏ thì Xa-vê-li-ép bị một đòn khủng khiếp giáng vào đầu ngã giụi. Nhưng ông vẫn chồm dậy được, và qua màn máu che lấy mắt, ông thấy một khuôn mặt xa lạ, tròn trịa đang cười. Ông còn thấy Cru-gi-lin với viên đại úy trên vai đang chạy quanh bãi rừng trống, xung quanh có mấy tên lính Đức đứng cười giễu sự bất lực của người chiến sĩ Nga. Tất cả những cái này thoáng qua trước mắt ông chỉ trong vòng một giây. Ông quay lại, thấy tên lính Đức có bộ mặt béo tròn đang cúi xuống nhặt hai khẩu súng ông đánh rơi khi ngã. An-tôn nhảy bổ đến, hy

vọng cướp lại khẩu súng trường. Nhưng một tên lính Đức khác từ bên cạnh đã xông tới, dùng một vật gì đó nặng và tù đánh mạnh vào vai ông. Xa-vê-li-ép văng ra đến tận mép bãi rừng trồng. Nhưng ông lại chồm dậy... Sát ngay trước mặt, một họng súng máy đen ngòm đang chĩa thẳng vào ông.

* * *

Cuối cùng, mãi vẫn không gọi được điện cho Nô-vô-xi-biếc-xcơ, Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích bước ra khỏi văn phòng huyện ủy. Ông già coi ngựa Ép-xây Ga-lan-sin đang dùng chổi thu những tàn thuốc, những chiếc lá bị dông làm rụng thành một đống trước thềm.

—Trận mưa hay lắm,—Cru-gi-lin nói.—Lúa mì tha hồ tốt.

—Mưa một hạt, cơm một bát, đúng là như vậy,—ông già đồng tình.—Nhưng lão Ê-mê-li-a vụng về đến ăn cũng không biết. Người ta đưa cháo đến tận miệng, mà vẫn còn làm đổ ra ngoài.

—Tại sao thế?

—Tại vì rằng người thì vụng, miệng thì thủng,—ông già trả lời và ngồi xuống bực thềm thò tay vào túi tìm thuốc.—Ở huyện ta mỗi mùa có đến gần nửa số lúa mì gặt về bị mục ở sân đập, bị vó ngựa giẫm nát trong bùn đất. Mọi người è cổ ra làm để rồi chỉ ăn một nửa.—Ông bỗng đột ngột thay đổi câu chuyện.—Và anh cũng vậy, tôi thấy ngày nào cũng bận bịu với giấy với tờ. Vê-ra thì gõ lọc cọc trên máy, còn anh cứ chúi mũi vào những tờ giấy của con bé. Tôi thấy hết. Tôi đi quanh khu nhà, nhìn vào các cửa sổ và tôi biết hết ai đang làm gì...

Cru-gi-lin mỉm cười:

—Nhưng giữa sự lãng phí khi thu hoạch và những giấy tờ của tôi thì có liên quan gì với nhau?

—Có liên quan lắm chứ... Trước khi anh về, Pô-li-pốp ở đây cũng tháo ra đủ các thứ giấy tờ quan trọng: phải gieo khẩn trương, phải gặt khẩn trương! Tôi chở những loại giấy tờ này về các nông trang phải đến không biết bao nhiêu pút! Thế là mọi người cuống lên, chạy tứ tung để gặt cho

đúng hạn. Mà khi xách một thùng nước đầy chạy thì không muốn cũng sánh trào mất nửa thùng. Hình như anh cũng định chuẩn bị gặt mùa bằng cung cách này phải không? Để hoàn thành sớm nhất tỉnh à? Pô-li-pốp trước đây bao giờ cũng xong trước nhất đấy.

— Không đâu, bố già Ép-xây Phô-mích ạ, tôi không viết những giấy tờ như vậy đâu... Chúng ta sẽ thu hoạch theo kiểu của nông dân, không có mất mát hạt nào.

— Thôi được. Việc này còn để đợi xem, — ông già cười nhạt.

Trên đường đi về nhà, Cru-gi-lin mải suy nghĩ về Pô-li-pốp. Quả là dưới thời Pô-li-pốp, huyện trở thành đơn vị tiên tiến số một của tỉnh. Khi đồng ý trở lại nhận công tác cũ, Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích nghĩ rằng Pô-li-pốp sẽ được thăng chức. Và điều này, Cru-gi-lin nghĩ, cũng công bằng và tất nhiên thôi, vì Pô-li-pốp, theo như trong lý lịch, là một đảng viên từ trước cách mạng, đã nhiều lần bị bắt, bị giam trong các nhà tù Nga hoàng, đã cùng với Xu-bô-tin — nay là bí thư tỉnh ủy — thành lập chính quyền Xô-viết ở Nô-vô-nhi-cô-lai-ép-xcơ. Trong thời gian bọn bạch vệ Tiệp Khắc nổi loạn, ông lại rơi vào tay hiến binh trắng, nhưng vượt ngục thoát, sau làm chính ủy trong một đơn vị Hồng quân. Từ sau nội chiến, ông đã công tác tại các cơ quan Đảng ở Nô-vô-xi-biếc-xcơ cho tới khi được bầu làm bí thư thứ nhất huyện ủy San-ta-ra. Và Cru-gi-lin rất ngạc nhiên khi trên vấn đề Pô-li-pốp ở lại San-ta-ra với chức vụ chủ tịch ủy ban huyện. Và hình như Pô-li-pốp cũng hơi tự ái, bất mãn. Cru-gi-lin, nếu không gọi là thông cảm với Pô-li-pốp, thì ít ra cũng hiểu được tâm trạng, hoàn cảnh của ông ta. Và ông cảm thấy như khó xử, như có lỗi với Pô-li-pốp, dường như theo ý thích cá nhân mà chính ông đẩy Pô-li-pốp khỏi chức bí thư huyện ủy, giành cái ghế đó cho mình. Đã có lần Cru-gi-lin định nói thẳng với Pô-li-pốp về chuyện này, nhưng ông ta cắt ngang một cách gay gắt:

— Không cần đâu! Tôi hiểu rằng anh chẳng có liên quan gì đến chuyện này cả. Tôi đâu phải trẻ con!

Lần thứ hai Cru-gi-lin lại phải ngạc nhiên là khi bắt đầu tìm hiểu đến tình hình kinh tế của huyện: các nông trang hóa

ra đều bị phá sản, xơ xác. Các quỹ không chia không được bổ sung, các trại chăn nuôi bò, ngựa, gà... khắp nơi đổ nát, ngày công được trả rất thấp...

Trong hai-ba năm gần đây nền nông nghiệp cả nước có rất nhiều tiến bộ, ngày công được nâng cao. Mọi người trở nên cởi mở, sảng khoái hơn. Trong các làng thôn tiếng cười vang lên to hơn, các buổi vui nhiều hơn, nhộn hơn. Trong các cửa hàng bắt đầu thiếu vải, thiếu xe đạp, và cái chính, là thiếu máy hát. Nhưng ở San-ta-ra thì ngược lại. Các nông trang viên gặp ông, nếu không với vẻ cau có thì cũng im lặng, giữ thế, hầu như không chịu bắt chuyện. Cửa hàng đầy xe đạp, máy hát mà không ai mua.

«Đấy, huyện tiên tiến đấy», — mặt Cru-gi-lin mỗi lúc một sa sầm lại.

Một lần, ông ngủ lại ở Mi-khai-lốp-ca, đem những suy nghĩ của mình ra trao đổi với Na-da-rốp. Chủ tịch nông trang ngồi nghe, ậm ừ trong cổ; và Cru-gi-lin không biết ông đồng tình với mình hay phản đối.

— Pan-crát, gì mà anh ậm ừ như bò đực vậy? — Cru-gi-lin hỏi gay gắt. — Có thể tôi có điều gì chưa hiểu hoặc làm không đúng, anh cứ nói thẳng ra đi.

— Cái anh này, thẳng với chả thẳng... Chỉ có vịt trời là bay thẳng. Vì đấy là loài chim ngu ngốc.

— Khoan đã, Pan-crát... Anh đã học được cách... mánh khóe rồi à?

Na-da-rốp vụng về rời bàn đứng dậy, suýt đánh rơi chén chè đang uống dở. Vung vẩy đôi tay dài, ông đi qua suốt phòng đến lấy chiếc áo khoác ngắn treo trên tường xuống và bắt đầu mặc vào.

— Cả con thỏ, có thể, cũng ngu ngốc, — ông nói tiếp, đưa mắt tìm mũ. — Nhưng nó còn biết ngoằn ngoèo để xóa dấu vết... Chính cuộc sống đã dạy cho nó thế. Bởi vì, nó sống trên mặt đất, chứ không phải bay trên bầu trời trống trải...

Cru-gi-lin ngồi nhìn theo ông già, nheo đôi mắt lại vì ngạc nhiên.

— Anh đã thay đổi nhiều, Pan-crát ạ, trong thời gian qua...

— Chính quyền Xô-viết cũng đã hăm bốn năm rồi. Cũng đã đến lúc thay đổi.

Trong giọng nói trầm và buồn buồn của người chủ tịch nông trang già có một cái gì cay đắng thật sự.

—Thế...—Cru-gi-lin cũng rời bàn đứng dậy, hỏi.—Có phải nông trang của anh khá hơn các nơi khác vì anh đã học được cách mánh khóe không?

—Không, nông trang của tôi cũng chẳng ra gì đâu... Có thể, mọi người sống có khá hơn chút ít... Nếu như theo cách đánh giá của anh, theo số máy hát thì... ở đây người ta mua khá nhiều đấy.

Những lời cuối cùng ông nói với một vẻ giễu cợt rõ rệt, rồi quay lại phía Cru-gi-lin. Họ đứng ngực đối ngực, nhìn thẳng vào mắt nhau.

—Sao anh lại như thế với tôi, Pan-crát?

—Còn tôi thì làm sao mà biết được là anh có còn như trước nữa không? Biết đâu, cuộc đời đã bẻ gục anh và anh trở nên giống như Pô-li-pốp?

Trong mắt Na-da-rốp có một cái gì đó vụt lóe lên, ông thả mình ngồi xuống bực cửa và nhìn vào một nơi nào đó trong góc nhà.

—Con chim phải đạn sợ cành cây cong, anh biết đấy. Anh bỏ quá cho tôi, Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích ạ.

—Tôi phải làm việc với Pô-li-pốp. Con người này ra sao?—Cru-gi-lin hỏi thẳng.

Na-da-rốp im lặng một lúc, thở dài.

—Có quỷ mà biết được hắn ta. Nhưng theo tôi nghĩ, hắn là một người có hại cho đời.

—Tại sao?

—Tại sao, tại sao?! Làm sao mà tôi biết được tại sao?!—Na-da-rốp đã bắt đầu nổi nóng, nhưng liền đó, dường như xấu hổ vì sự nóng nảy của mình, ông nói tiếp, khẽ hơn.—Đấy, anh thử nhìn xem: các nông trang trong tỉnh dân sống không đến nỗi nào, còn ở huyện mình thì như vừa qua một trận dịch khủng khiếp. Pô-li-pốp bắt đầu làm bí thư huyện ủy thì trận dịch cũng bắt đầu.

—Thế nghĩa là anh cho tất cả đều do Pô-li-pốp?

—Cây héo từ ngọn héo xuống...

—Nhưng dù sao thì, các anh ở đây làm gì? Anh và những chủ tịch nông trang khác?

—Chúng tôi thì làm được gì? Người ta dạy chúng tôi phải biết tuân lệnh như những người lính. Ngày hôm nay: gieo ngô; ngày mai: lúa mạch. Có khi người đánh xe của huyện ủy, ông già Ép-xây, mang công văn đến — phải bắt đầu gieo ngay lập tức, — mà ngoài trời thì đang mưa tuyết, thậm chí cả bão nữa...

— Thế các anh làm sao?

Na-da-rốp nhún vai:

—Cũng có lúc phải gieo, vùi hạt giống vào đất lạnh giá. Nhưng huyện lại luôn luôn hoàn thành kế hoạch gieo trước nhất tỉnh. Còn thu mua lương thực? Hoàn thành kế hoạch, Pô-li-pốp lại còn yêu cầu thêm ngoài định mức. Các anh còn thừa? — hắn nói — hãy nộp số thừa cho Nhà nước! Thế là về khoản lương thực cũng luôn luôn đứng thứ nhất. Huyện tiên tiến mà lại! Còn kinh tế thì sao? Còi cọc, lụn bại. Ngày công chỉ còn lại được mấy hạt thóc. Chịu đựng mãi, chịu mãi, rồi cũng đôi lúc... giấu một vài trăm pút lúa, không khai. Trong lòng nghe nặng nề, day dứt, như thể mình đi ăn cắp lúa... Hoặc có khi nổi cáu, viết cho hắn một mảnh giấy, báo cáo: chúng tôi đã gieo xong theo kế hoạch. Nhưng thực ra xong thế quái nào được, khi đất cày còn nhão như cháo, lút đến tận đầu gối. Rồi... đêm nằm tim cứ thót lại, trăn trở. Cứ lắng nghe xem có tiếng xe của I-a-cốp A-lây-nhi-cốp không?

—Thế đấy!

—Còn theo anh thì thế nào nữa?!

«Lại Pô-li-pốp, Pô-li-pốp...» Trong nửa năm qua, Cru-gi-lin chú ý quan sát ông ta. Bề ngoài thì có vẻ cũng như mọi người khác. Tuy sống, quả thật, hơi cô độc, không cởi mở, nhưng nhiệm vụ mới hoàn thành, nếu không nói là tốt, thì cũng tận tâm.

Cru-gi-lin giờ vẫn sống trong ngôi nhà gỗ một tầng mà ông đã ở trước khi chuyển đến Ôi-rô-chi-a. Chỉ có khác là giờ được bao quanh bằng một hàng rào cao sơn xanh.

—Anh ngăn rào như thế này để làm gì? — Cru-gi-lin hỏi Pô-li-pốp lúc đó đang ở ngôi nhà này trong ngày đầu tiên ông về huyện. Một chiếc xe tải đứng sát thềm nhà, ông già Ép-xây, bà gác cổng cơ quan huyện ủy và cả Pô-li-pốp chạy lên chạy xuống trên những bậc thềm đóng băng, mang từ trong nhà

ra và ném vào thùng xe nào đệm, nào bàn ghế và những gói sách vở, giấy tờ.

— Đây không phải tôi. Đây là A-lây-nhi-cốp ra lệnh rào lại, — Pô-li-pốp vừa ném những chiếc đệm đi-văng lên xe vừa nói. — Còn để làm gì là việc của anh ta. Anh ta biết rõ hơn.

Ngày hôm ấy trời rất lạnh, ở những chỗ chưa bị chân người giẫm lên, tuyết trắng tinh, chói đến nhức mắt. Pô-li-pốp chỉ mặc một chiếc áo len, đội mũ lông, từ người ông ta hơi nước bốc lên như khói thuốc.

Ông ta bốc xếp một cách vội vã, như cố tình tỏ ra cho mọi người thấy.

— Làm gì phải mất công thế này, Pi-ốt Pê-tơ-rô-vích? — Cru-gi-lin nói.

— Mất công gì?

— Bày ra chuyện chuyển nhà. Tôi và vợ sẽ chuyển đến ở nhà ông chủ tịch ủy ban cũ. Hoặc là một nơi nào khác cũng được. Thằng con tôi đang ở bộ đội, hai vợ chồng thì cần nhiều nhặn gì cho cam?

Pô-li-pốp lấy lòng bàn tay lau trán đẫm mồ hôi, cố mỉm cười:

— Không thể thế được... Phải có nguyên tắc nề nếp chứ. Trong vấn đề này tôi là một người cố chấp, mặc dù, có thể là hơi buồn cười...

Ô-tô đi khỏi, ngôi nhà đứng trống rỗng, vắng vẻ, như vừa bị cướp. Cru-gi-lin khép cổng, vào nhà, đi qua một lượt các căn phòng trống. Những mảnh giấy vụn, tàn thuốc vương vãi trên sàn nhà đầy bụi... «Cần phải phá bỏ hàng rào quanh nhà đi», — ông nghĩ thầm.

— Ổn cả chứ? — ông nghe tiếng A-lây-nhi-cốp.

I-a-cốp A-lây-nhi-cốp mặc chiếc áo bành-tô da còn mới, lót cổ lông, nhưng đi đôi ủng lông chó đã cũ sờn, đứng ở cửa mỉm cười.

— Này, anh cho xây rào để ngăn nhà lại làm gì? — Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích hỏi.

— Tôi ấy à? Đây là Pô-li-pốp ra lệnh rào lại. Thôi, thu xếp đi, thu xếp đi, — và, không hiểu để làm gì, ông xem xét mấy ổ khóa ở cửa. — Nhưng đầu tiên phải sửa chữa lại đã. Anh hãy chịu khó chờ một ít lâu ở khách sạn. — A-lây-nhi-

cốp bước đến bên điện thoại, quay hai vòng.—Ca-chi-a, cho tôi trưởng phòng quản trị... Vâng, Ma-lư-ghin. A-lô! Ma-lư-ghin đấy à? Vâng, tôi đây... Này, cần phải sửa chữa gấp nhà của bí thư huyện ủy. Hạn hai ngày!

Người mà A-lây-nhi-cốp gọi là Ma-lư-ghin hình như nói gì đó trong máy.

A-lây-nhi-cốp nghe, cắn môi dưới lại.

—Anh đừng có dài dòng. Tôi bảo—hai ngày, và chấm hết! Thôi,—A-lây-nhi-cốp bỏ ống nói xuống.—Đồ quỷ, bao giờ họ cũng có đủ chuyện, đủ cớ. Xin lỗi anh, vì tôi, có thể nói, là đã can thiệp vào. Nếu không thì đến hai tuần họ cũng chẳng sửa chữa xong cho anh đâu.

—Bảo họ dỡ luôn cái hàng rào quái quỷ này đi.

—Hàng rào à? Dỡ vào mùa đông?!—A-lây-nhi-cốp lại mỉm cười.

—À, ừ nhỉ... Thôi được, để đến mùa xuân vậy.

A-lây-nhi-cốp thôi cười.

—Vì sao anh... Hàng rào đã dựng rồi thì cứ mặc nó đứng đấy. Người ta dựng nó lên hẳn không phải vì ý thích riêng. Anh không hiểu hay sao?

«Ôi, I-a-cốp, I-a-cốp!—Cru-gi-lin thở dài khi A-lây-nhi-cốp đi khỏi.—Sợ rằng ta không làm việc được với nhau đâu».

Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích còn phải đến nửa giờ nữa đi loanh quanh khắp ngôi nhà trống, dừng lại rất lâu trong căn phòng nhỏ, nơi trước đây Va-xi-li, con trai của ông, sống. Chỗ này, gần bức tường, là nơi đặt giường của nó, còn đây là bàn học. Kia là giá gỗ với những chiếc xe tăng giả. Cậu bé Va-xi-li ngay từ lớp một đã mê xe tăng, thường nặn chúng bằng ruột bánh mì, cắt bằng bìa các-tông, đóng bằng gỗ. Sau đó cậu vứt hết xe tăng để chuyển sang hàng không, ngày đêm bào những tấm ván nhỏ làm cánh, làm thân máy bay, tàu liệng, lấy giấy quấn thuốc lá đem dán lại. Đó là thời gian hai cha con sống ở Ôi-rô-chi-a... Nhưng đến lớp mười thì cậu lại chán cả máy bay. Chính cậu cũng không biết là mình muốn gì. Cậu nói với cha:

—Cha ạ, con không biết nên dùng cuộc đời mình để làm gì cả. Muốn làm một cái gì đó thật khác thường. Nhưng giờ

con chưa biết là cái gì, trong đầu như có một đám sương mù màu hồng cứ lung linh. Cha biết không, sắp tới con sẽ đi nghĩa vụ quân sự. Thôi, để hết hạn, về rồi sẽ liệu. Có thể trong thời gian ở bộ đội, đầu óc được mở mang ra ít nhiều.

Và cậu nhập ngũ.

Còn đây là phòng làm việc. Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích nhớ lại là mình rất thích làm việc ở đây vào buổi sáng. Cửa sổ phòng nhìn ra một sân rộng, giữa sân có một đài kỷ niệm những liệt sĩ đã hy sinh vì chính quyền Xô-viết, dựng bằng gỗ sơn màu đỏ thẫm như máu đóng khô lại. Chính nơi đây, tại ngôi mộ chung này, đã yên nghỉ rất nhiều chiến sĩ trong đội du kích của ông. Mùa đông, mỗi buổi sáng khi mặt trời mọc, nếu như cửa sổ không bị hơi nước đóng băng che kín, bóng của ngôi sao năm cánh trên đỉnh đài kỷ niệm rơi thẳng lên bàn làm việc của ông. Xung quanh đài kỷ niệm là một công viên nhỏ, mùa hè, từ sáng đến tối, tiếng chim ríu rít, líu lo suốt ngày.

Mùa hè, mặt trời mọc hơi chếch sang phía đông, nên bóng của ngôi sao không rơi đúng lên bàn. Nhưng thay vào đó, chỉ cần mở tung cánh cửa nhỏ, tiếng chim lảnh lót đủ giọng ngay lập tức ùa vào phòng cùng với làn gió tươi mát, tràn trề. Bầy chim ca hát, chuyền cành, những ngọn cây dương, cây phong khẽ xao động trong làn gió sớm, từng mặt lá hắt chiếu ánh mặt trời rực rỡ. Ngang trời, phía trên đài kỷ niệm, những đám mây sớm tươi mát nhẹ nhàng trôi, và có cảm tưởng như không phải là mây trôi trên mặt đất, mà là chính mặt đất đang lướt nhẹ đến những miền xa chưa hề biết đến, để lại những đám mây lơ lửng đằng sau. Còn bây giờ ngoài cửa sổ là những tấm gỗ hàng rào bị mưa nắng trong suốt mùa hè qua làm cho mốc đen, phía trên các tấm gỗ là những ngọn cây, còn trên ngọn cây, thực ra cũng còn trông rõ ngôi sao làm bằng gỗ của đài kỷ niệm. Ngôi sao đẫm sương lấp lánh, rực cháy dưới ánh mặt trời mùa đông. Còn chính đài kỷ niệm thì bị che khuất sau hàng rào gỗ dày.

«Không, không thể thế được!—cảm thấy đau nhói ở trong tim, Cru-gi-lin thốt lên.—Sang mùa hè nhất định phải dẹp cái hàng rào này đi!» Và ông quay người lại, bước ra khỏi nhà.

Một chiếc xe ngựa chở mấy thùng vôi và sơn đi vào sân, chừng dăm người mặc áo bông cáu bẩn đi theo sau xe. Dẫn đầu là một gã đàn ông có dáng rất bệ vệ, trạc ba mươi tuổi, mặc áo khoác màu vàng. Gã đàn ông chạy đến bên Cru-gi-lin, giật mạnh bàn tay ra khỏi găng và chìa nó, như một ngọn giáo, cho Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích.

— Đồng chí là Cru-gi-lin, bí thư huyện ủy mới phải không ạ? Xin được phép làm quen. Tôi là Ma-lư-ghin. — Và quay lại phía mọi người, gã hét: — Khẩn trương, khẩn trương lên, các cậu, thời gian rất gấp, làm sao cho đến ngày kia tất cả phải xong xuôi. — Và lại quay về phía Cru-gi-lin: — Đồng chí Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích, xin cứ yên tâm, chúng tôi sẽ làm xong đúng hạn. Quân của tôi bợm lắm.

— «Bợm» là thế nào? Xỏ lá à?

— Không, có nghĩa là cừ khôi, giỏi việc. Đấy là từ quen dùng của tôi. Dỡ xuống đi. Sáng mai tớ sẽ cho thêm người đến với các cậu, lấy từ tất cả các nơi về.

Ma-lư-ghin chạy lăng xăng quanh xe, hò hét, ra lệnh. Cru-gi-lin khó chịu nhìn theo hắn, nghĩ: «Chính cậu mới là tay bợm số một!»

— Tôi trông anh có vẻ là một người thừa hành nghiêm chỉnh đấy, — Cru-gi-lin nói lên thành tiếng suy nghĩ của mình.

— Nhất định phải thế chứ sao?! — Trong mắt Ma-lư-ghin lộ một thoáng ngạc nhiên. — Nhiệm vụ mà. Đồng chí ưng sơn màu gì ạ?

— Không cần phải lấy thêm người ở đâu về nữa cả!

— Vâ-âng ạ... — Ma-lư-ghin lúng túng thốt ra. — Chỉ có điều thời hạn...

— Đến cuối tuần sau sửa chữa xong xuôi là tốt rồi. Còn sàn và tường nhà đối với tôi không quan trọng lắm. — Và ông đi ra khỏi sân.

— Vâ-âng ạ... — Cru-gi-lin cảm thấy Ma-lư-ghin đang ngơ ngác nhìn theo sau lưng, không biết nên phục tùng ai — ông hay A-lây-nhi-cốp.

Cuối cùng, trưởng phòng quản trị huyện đã phục tùng lệnh của A-lây-nhi-cốp.

...Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích nhớ lại những điều này khi đi theo con đường nhỏ mọc đầy cỏ từ cổng hàng rào vào

đến thềm nhà. Tất cả thoáng nhanh qua trong đầu, chỉ có một ý nghĩ duy nhất đọng lại, như bám chắc vào một vật gì đó: «Hàng rào... Thế nào cũng cần phải dỡ cái hàng rào quỷ quái này đi! Mình sẽ gọi điện ngay cho Ma-lư-ghin, bắt đầu phá từ ngày mai...»

—Nhanh lên, nhanh lên...—vợ ông chạy bổ ra thềm gọi.

—Gì thế, A-na-xta-xi-a?

—Điện từ tỉnh ủy gọi về. I-van Mi-khai-lô-vích...

Cru-gi-lin chạy vào phòng, đi đến bên máy điện thoại.

—Anh I-van Mi-khai-lô-vích đấy à? Chào anh. Cuối cùng rồi cũng... Tôi suốt ngày hôm nay cứ gọi điện cho anh mãi. Ai sẽ về dự hội nghị của chúng tôi đấy?

—Sợ rằng không có ai...—Giọng của I-van Mi-khai-lô-vích nghe rất trầm và xa lạ.

—Sao thế? Có chuyện gì vậy? I-van Mi-khai-lô-vích, anh có nghe không đấy?

—Tôi nghe đây, không cần kêu lên thế. Các ủy viên thường vụ của anh có mặt ở đây không?

—Hôm nay mọi người nghỉ... Ngày mai từ sớm chúng tôi sẽ đi xuống các nông trang. Một vài nơi ở chỗ chúng tôi việc cắt cỏ hơi bị chậm trễ... Nhưng có chuyện gì thế?

—Vào bốn giờ chiều nay sẽ có một thông báo quan trọng của Chính phủ. Chú ý đón nghe.

—Cái gì? Ai mất à? Hay là... hay là...—Và Cru-gi-lin cảm thấy ống nghe trong tay trở nên nặng trịch, tuột khỏi lòng bàn tay đẫm mồ hôi. Để khỏi đánh rơi nó xuống đất, ông siết nắm tay lại đến nỗi các đốt ngón tay trắng nhợt ra. Tiếng ông trở nên khản đặc!—I-van Mi-khai-lô-vích, chẳng lẽ...

—Hiện nay tôi không thể nói gì được. Hãy chú ý nghe đài. Nếu cần, anh gọi điện cho tôi. Toàn bộ tỉnh ủy đã tập trung ở đây. Tôi khuyên anh nên triệu tập thường vụ vào lúc bốn giờ. Tất cả cùng nghe. Còn sau đó tùy tình hình... Tạm biệt...

Một tiếng «cốc» vang lên trong ống nghe, nhưng Cru-gi-lin không bỏ nó xuống, thậm chí không nhấc ra khỏi tai. Ông vẫn đứng nguyên tại chỗ như hóa đá, mắt nhìn qua cửa sổ lên những ngọn cây phía trên hàng rào, lên ngôi sao của

đài kỷ niệm như lung lay trên các ngọn cây. Bỗng trong ống nghe có giọng một người nào đó nấc lên:

— Bác Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích... chiến tranh, chiến tranh rồi...

— Cái gì? Sao hả? — Cru-gi-lin rùng mình.

— Cháu đây, Ca-chi-a đây, tổng đài...

— Làm sao cháu biết?

— Một đứa bạn... ở tổng đài Mát-xcơ-va gọi điện cho cháu. Bọn nó ở đấy, ở trung tâm tổng đài, đã biết từ sáng. Chiến tranh rồi... Bác ơi, tại sao lại thế? — Và trong ống nghe lại vang lên tiếng nấc.

— Thôi, bình tĩnh lại. Cháu nghe không, bác bảo bình tĩnh lại, — Cru-gi-lin nói cao giọng. — Và im lặng!

— Cháu hiểu rồi, cháu hiểu rồi, bác Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích ạ, — cô điện thoại viên rầu rĩ nói.

— Cháu khá lắm. Còn bây giờ cháu hãy hoàn toàn bình tĩnh lại, và gọi điện cho tất cả ủy viên thường vụ huyện ủy. Cháu hãy tìm cho được tất cả và báo rằng bác mời họ bốn giờ về họp khẩn cấp ở văn phòng huyện ủy.

— Vâng ạ, — cô điện thoại viên trả lời bằng một giọng gần như đã trở lại bình thường.

Vợ Cru-gi-lin lặng lẽ, chậm chạp bước đến bên cạnh, khuôn mặt đầy đặn đã bắt đầu sệ ra lộ vẻ lo lắng.

— Gì thế, gì thế anh? — bà hỏi khẽ.

— Không biết nữa, A-na-xta-xi-a ạ... — Cru-gi-lin vẫn nhìn qua cửa sổ, nói. — Hình như... chiến tranh...

Đôi mắt A-na-xta-xi-a Lê-ôn-chi-ép-na mở mỗi lúc một to hơn. Bà khẽ kêu lên một tiếng, lảo đảo, đưa tay ôm lấy tim, rồi ngã vào ngực chồng.

— Thế còn Va-xi-li?! Va-xi-li bây giờ sẽ ra sao?

— Bình tĩnh nào, bình tĩnh nào! — Cru-gi-lin nói, tay xoa nhẹ lên bờ vai ấm của vợ, cảm thấy một cái gì lạnh buốt nhói trong tim. Nhói một cái và thôi...

* * *

Và trái tim ông lại một lần nữa nhói lên như vậy một tiếng rưỡi đồng hồ sau, khi từ hộp loa tròn màu đen đặt

trên chiếc tủ con trong góc phòng làm việc của ông vang lên giọng nói trầm trầm, hơi đứt quãng của Mô-lô-tốp.

«Hỡi tất cả các nam nữ công dân của Liên bang Xô-viết! Chính phủ Xô-viết và đồng chí Xta-lin, người đứng đầu Chính phủ, ủy quyền cho tôi thông báo như sau...»

Nhưng chỉ mới nghe Mô-lô-tốp bắt đầu nói được mấy lời, cái cảm giác lạnh buốt trong tim biến mất, người trở nên nhẹ lâng lâng, đầu óc sáng sủa, rõ ràng, như khi ban đêm người ta gặp những cơn mơ khủng khiếp, nhưng tỉnh dậy biết rằng đó chỉ là chiêm bao mà thôi...

Trong lúc đó, Mô-lô-tốp vẫn tiếp tục nói:

«...Hôm nay vào lúc bốn giờ sáng, không có một yêu sách báo trước nào đối với Liên bang Xô-viết, không tuyên chiến, quân đội Đức đã xâm phạm đất nước chúng ta, tấn công biên giới chúng ta tại nhiều nơi và dùng không quân ném bom các thành phố của chúng ta: Gi-tô-mia, Ki-ép, Xê-va-xtô-pôn, Ca-u-nát...»

Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích nghe những lời bình tĩnh, chậm rãi vang lên từ loa phóng thanh, nhìn những người ngồi trong phòng và nghĩ: «Chiến tranh... Nó sẽ kéo dài bao lâu? Một tuần? Một tháng? Hết sức là một tháng. Chúng ta đã trải qua Kha-xan, Khan-khin-Gôn, và chiến tranh Phần Lan đâu phải là vô ích, chúng ta cũng đã học được nhiều điều. Bây giờ thì đã rõ là trước đây chúng thăm dò, thử sức chúng ta. Điều này bây giờ mình mới rõ, nhưng Xta-lin, Chính phủ thì đã rõ từ lâu. Và tất nhiên, chúng ta không khoanh tay ngồi, chúng ta đã chuẩn bị Hồng quân, chuẩn bị cả nước... Đúng, hết sức là một tháng».

Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích nghe đầu hơi choáng váng, ngây ngất. Ông cảm thấy một cơn men hơi hoang dại quen thuộc của tuổi trẻ đang làm ông say sưa, và ông mỉm cười. Công việc sắp tới sẽ còn khó khăn, căng thẳng hơn nhiều so với từ trước đến nay.

Khi Mô-lô-tốp nói xong, từ loa phóng thanh phát ra những bản nhạc hành khúc, Cru-gi-lin nhìn quanh một lượt các ủy viên thường vụ. Tất cả đều căng thẳng, cau có, tránh nhìn mặt nhau, dường như mỗi người đều cảm thấy mình đang có lỗi gì với người khác. Pô-li-pốp nặng nề ngồi trên

chiếc ghế mềm cạnh bàn bí thư, gõ gõ ngón tay lên thành tay tựa bọc da, chốc chốc lại lau mồ hôi liên tục rịn ra trên trán. Ngồi đối diện với Pô-li-pốp là thiếu tá Gri-gô-ri-ép, trưởng phòng quân vụ, một người chừng năm mươi tuổi, tóc bạc trắng từ lâu, đã từng tham gia chiến đấu ở Kha-xan và ở các đầm lầy Phần Lan. Ông hình như đang nghiến răng đến đau nhức, vì trên đôi gò má cạo nhẵn của ông, hai cục bướu rắn chắc nổi bạnh ra. Ông ngồi, mắt nhìn xuống dưới, giữa đôi bàn chân, những tia nắng mặt trời chiếu qua cửa sổ lấp lánh trên mái đầu bạc trắng, trên đôi cầu vai màu hồng ngọc của ông.

A-lây-nhi-cốp không ở trong thường vụ. Khi đồng ý trở về San-ta-ra, Cru-gi-lin đã chính thức đề nghị tỉnh ủy không đưa A-lây-nhi-cốp vào ban thường vụ mới của huyện ủy. Nhưng bây giờ ông cũng có mặt trong phòng — chính Cru-gi-lin đã gọi điện mời ông đến. Và giờ đây, cũng như buổi sáng, ông đứng bên cửa sổ và im lặng nhìn ra đường.

Không đứng dậy, Cru-gi-lin với tay tắt loa. Im lặng lập tức ùa vào phòng.

— Thế đấy, các đồng chí ạ... — Pô-li-các-pơ Mát-vây-ê-vích trầm ngâm nói. Và bỗng nhiên ông cười khẩy. — Lúc chiều tôi nói chuyện với ông già đánh xe của chúng ta. Về trận mưa hôm nay, về mùa màng. «Trận mưa hay lắm, — ông ta nói, — lúa tha hồ tốt. Nhưng gã Ê-mê-li-a vụng về lại không biết ăn». — «Tại sao?» — tôi hỏi. — «Tại vì rằng, — ông già trả lời, — chính gã Ê-mê-li-a này đã vụng, miệng lại thủng, cháo đưa đến tận miệng mà vẫn làm đổ ra ngoài hết».

Pô-li-pốp ném sang phía Cru-gi-lin một cái nhìn nặng nề, khẽ nhún đôi vai rộng. Những người khác cũng nhìn bí thư huyện ủy với vẻ ngơ ngác.

Cru-gi-lin đứng dậy, và không nhận thấy giọng nói của mình hơi có vẻ trịnh trọng, ông nói tiếp:

— Ngày nghỉ của chúng ta hôm nay đành phải chấm dứt tại đây. Bây giờ ta họp thường vụ... cuộc họp thường vụ đầu tiên của thời chiến. Các đồng chí cũng hiểu rằng từ giờ này, từ phút này, những nhiệm vụ, những trách nhiệm mới, cấp thiết, do tình hình mới tạo ra, đang chờ đợi mỗi một chúng ta. Và cái nhiệm vụ, cái lo lắng quan trọng nhất của

chúng ta hiện nay là thu hoạch vụ mùa. Bây giờ chúng ta sẽ điều chỉnh lại kế hoạch gặt mùa. Chúng ta cần phải tiến hành thời vụ một cách khẩn trương, kịp thời, hợp lý — đó là điều tất nhiên rồi. Cái quan trọng nhất, là thu hoạch không để sót một hạt. Việc rơi vãi lúa trong lúc thu hoạch có lẽ là một vấn đề khá nghiêm trọng trong huyện ta... Các đồng chí ngồi lại gần hơn đi. Và I-a-cốp A-lây-nhi-cốp, mời đồng chí cùng dự...

Cru-gi-lin dừng lại. Ông đứng nghe tiếng mọi người kéo ghế, nhìn họ ngồi xuống sau dãy bàn dài; và trong tiếng ồn ào, tiếng bàn ghế va vào nhau, ông bỗng nghe vang lên một cách rất rõ ràng, đập mạnh vào tai, tiếng kêu đau đớn, lo lắng của vợ: «Thế còn Va-xi-li? Va-xi-li bây giờ sẽ ra sao?!»

* * *

Trạm máy kéo ngày chủ nhật im lặng và vắng vẻ.

Hai chiếc máy kéo của A-nhi-cây Ê-li-da-rốp và Ki-ri-an I-nhi-u-chin đứng cạnh nhau. Động cơ của cả hai máy đều bị tháo tung; I-nhi-u-chin và Ê-li-da-rốp, dầu lấm đến tận khuỷu tay, đang đào bới trong ruột máy. I-nhi-u-chin làm việc cau có và im lặng, còn A-nhi-cây Ê-li-da-rốp, một người trên dưới ba chục tuổi, mũi to tướng, đôi má đỏ sạm như bị bệnh ho lao, thỉnh thoảng lại chửi thề, không to nhưng rất độc địa.

— Cái lót đệm này bỏ vào đâu đấy? Mù hay sao mà không thấy nó cháy gần hết rồi, — Phê-đô Xa-vê-li-ép chốc chốc lại mắng Ê-li-da-rốp. — Còn cái ốc này thì vứt đi, ren mòn hết rồi. Gì mà trố mắt lợn luộc lên thế? Đi tiện cái khác đi... Còn cậu, Ki-ri-an, cậu đem bộ não đi uống rượu hết rồi à? Ai bày cho cậu lắp chốt chẻ như vậy hả? Chạy một lúc là sẽ bay ngay... Thế mà cũng đòi là thợ máy! Các cậu thì cho đi kéo xe ngựa...

Phê-đô lúc thì gắt người này, lúc thì đẩy người kia, chỉ cho họ phải làm như thế này, thế nọ. Tay anh cũng lấm đầy dầu mỡ đến tận khuỷu.

Khi cơn mưa rào ập đến, cả ba chạy vào xưởng. Phê-đô nằm dài trên bàn máy, Ê-li-da-rốp ngồi lên một chiếc thùng

đựng mỡ, hút thuốc, còn I-nhi-u-chin đứng cạnh cửa sổ và nhìn qua tấm kính bết đầy dầu mỡ ra ngoài trời mưa.

— I-nhi-u-chin, gì mà mặt cậu chua như sữa bò thiu hàng tuần thế? — Ê-li-da-rốp hỏi. — Hay là cậu khổ sở vì từ sáng đến giờ còn tỉnh táo? Bao giờ thì cậu bỏ uống rượu đây, Ki-ri-an?

— Tốt hơn là chính cậu đừng có mó vào chai đã, — Ki-ri-an không ngoảnh lại, đáp.

— Cái đó thì cũng đúng thôi. Tớ cần phải bỏ, tớ uống cũng có hại, — Ê-li-da-rốp đồng ý. — Nhưng cái chính không phải là rượu. Sức khỏe tớ bị mùi xăng làm cho hỏng hết. Làm việc ở đây thì tớ sẽ sớm chui vào quan tài thôi. Cần phải chuyển. — Ê-li-da-rốp lắng nghe tiếng mưa giội bên ngoài bức tường, nhấp nháy đôi mắt khá đẹp, cặp lông mày dài như của con gái. — Và tớ cũng sắp chuyển. Cái gì giữ tớ ở đây? Tất nhiên là tiền công. Còn anh, Phê-đô, thì không nói đến, phải nuôi cả một gia đình như vậy. Nhưng còn tớ? Ngoài bà vợ Nhi-na ra, tớ chẳng có gia đình nào cả... Phê-đô lại còn được tiếng tăm này nọ nữa, còn tớ thì được cái gì?

— Đừng nói nhảm nữa! — Xa-vê-li-ép lên tiếng gắt.

— Anh không thích à? — Ê-li-da-rốp hỏi. — Thế trong cuộc họp mùa xuân vừa rồi anh hứa kèm chúng tôi, giúp chúng tôi trở thành lao động tiên tiến để làm gì? Đấy, đã nửa năm anh vật vã với chúng tôi để làm gì?

— Và tớ sẽ làm được! Sau một vài năm nữa tớ sẽ treo tên các cậu lên Bảng danh dự.

— Anh sẽ chẳng làm được gì với chúng tôi đâu. Và điều này anh cũng biết rất rõ. Nhưng giám đốc trạm máy kéo lại tin anh. Năm ngoái, ông ta cho anh ngay một máy mới. Đồng để gặt cũng phân cho những khoảnh bằng phẳng nhất, tốt nhất. Tiền và lúa anh được chia nhiều nhất ở trạm máy kéo. Và mùa này lại cử anh về những cánh đồng tốt nhất ở nông trang «Bông lúa đỏ». Người ta bảo năm nay Na-da-rốp được mùa nhất... Chúng tôi thấy hết, có phải mù đâu...

Phê-đô bỏ chân xuống bàn máy. Cặp lông mày rậm nhảy lên, gấp khúc lại, nhưng rồi giãn ra ngay.

— Hóa ra cậu... tinh gớm! Tớ trông, cậu có vẻ rình mò, chõ mũi ngửi khắp mọi thứ...

Ê-li-da-rốp sợ hãi giương cặp mắt đẹp nhìn Phê-đô.

—Thằng nào cũng biết phần lợi cho mình,—Phê-đô cười nhạt, tiếp.—Còn sức khỏe ấy à... Cậu thì có lấy chày mà giã cũng không chết...

—Anh nói gì lạ vậy?—Ê-li-da-rốp khịt mũi rồi ngồi im.

Sau khi trời tạnh, cả ba tiếp tục im lặng làm việc cho tới bốn giờ chiều, không ai nói thêm một lời nào.

—Thôi nghỉ,—cuối cùng Phê-đô nói và rửa tay vào xô xăng.

Một cô bé đầu bịt khăn chạy ngang qua sân của trạm máy kéo đến văn phòng, hai tay vẫy lia lịa, miệng kêu một điều gì nghe không rõ.

Một đám người đã tụ tập tại văn phòng.

—Cái gì mà ồn ào thế nhỉ?—Phê-đô hỏi, lấy giẻ rách lau tay.—Nào, ta đến đó thử xem.

Khi đến văn phòng, họ thấy đã có chừng hơn chục người đang đứng xúm quanh chiếc cửa sổ mở rộng của phòng giám đốc. Trong phòng cũng có người. Từ chiếc loa phóng thanh đặt trên bệ cửa sổ phát ra một giọng trầm, khô, không vội vã, nói rằng sáng nay quân đội Đức đã vượt qua biên giới của một nước nào đó tại nhiều chỗ, ném bom những thành phố nào đó. Nhưng thành phố nào—Xa-vê-li-ép không thể nghe ra, vì trong phòng có một người đàn bà đang khóc lóc kêu la át cả tiếng loa phóng thanh.

—Cái gì đấy? Ai đang nói gì thế?—Xa-vê-li-ép hỏi.

—Khẽ chứ! Mô-lô-tốp đang nói.

—Có chuyện gì xảy ra thế?

—Cái gì? Chiến tranh bắt đầu rồi!

Người đàn bà trong phòng đã im không khóc nữa và được đưa đi nơi khác. Trong sự im lặng vừa được lập lại, những lời nói từ loa vang lên một cách rõ ràng.

«Bây giờ, khi kẻ thù đã xâm phạm đất nước, Chính phủ Liên Xô ra lệnh cho quân đội chúng ta—phải đánh tan cuộc tấn công ăn cướp và đuổi quân đội Đức ra khỏi lãnh thổ của Tổ quốc...»

Phê-đô đứng nghe, đôi lông mày nhíu lại, những ngón tay dài, sần sùi, nặc mùi xăng giật giật bộ ria mép đen. Ê-li-da-rốp liên tục quay chiếc đầu rối bù trên cái cổ dài ngoẵng,

ngơ ngác hấp háy mắt. Anh là người duy nhất không đứng yên một chỗ, cứ chạy đi chạy lại vòng quanh đám người bên cửa sổ. Còn Ki-ri-an I-nhi-u-chin ngồi tách ra một quãng trên bãi cỏ đã được cơn mưa rào rửa sạch, đầu cúi thấp, bất động. Anh cứ ngồi như thế cho đến lúc tiếng nhạc quân hành vang lên trong làn không khí trong lành đã được kịp hong khô, đốt nóng từ lâu.

* * *

I-van Xa-vê-li-ép không nhận thấy Pan-crát Na-da-rốp ra về từ lúc nào, — anh vẫn đứng ôm ghì mái đầu nóng hổi của con trai vào ngực. Đã từ lâu Vla-đi-mia chưa cắt tóc, những sợi tóc dày, cứng và đầy bụi của cậu phảng phất mùi gió và mùi ngải cứu trên đồng cỏ. Ngực I-van như bị một cái gì ép chặt, anh đứng, đứng mãi, đợi cho cơn đau qua đi. Cuối cùng, anh buông con ra, thò tay vào túi xách lấy ra một hộp thịt.

— Cái gì thế? — Vla-đi-mia hỏi.

— Quà cho con đấy.

Cậu bé xoay xoay chiếc hộp, không biết nên làm gì với nó.

— Đây là thịt hộp. Con chưa ăn bao giờ à?

— Chưa ạ, — Vla-đi-mia lắc đầu.

I-van mở hộp, đặt lên bàn. Cậu bé lúc đầu còn dè dặt thử, nhưng sau nhét thịt phồng cả hai má. I-van ngồi đối diện, nhìn con ăn, trong ngực lại nghe đau nhói. Anh vội ngoảnh mặt nhìn ra cửa sổ. Trong đám cỏ dại cạnh nhà, một con bê nhỏ trán trắng đang tha thẩn.

— Của nhà ta đấy! — Vla-đi-mia nhanh nhảu nói. — Bác Pan-crát cho nhà ta đấy.

— Cho là thế nào?

— Còn thế nào nữa ạ? Con bò nhà bác ấy đẻ, và bác cho. «Hãy nuôi cho lớn, — bác ấy nói, — sẽ được con bò cái đấy».

Im lặng một lúc, cậu bé đột ngột hỏi: — Thế bố không phải là kẻ thù của nhân dân nữa à?

I-van chậm chạp ngoảnh đầu về phía con trai.

— Ai nói với con... bố là kẻ thù của nhân dân?

— Ai à? Chúng nó cứ trêu con như thế.

—Thế đấy! —I-van khẽ thốt lên.

—Còn mẹ, khi con mách rằng các bạn trêu con, mẹ bảo: «Con đừng tin chúng...» Nhưng đêm về ngủ mẹ lại khóc, con nghe thấy hết... Và bác Pan-crát cũng bảo con đừng tin...

I-van lại ngồi nhìn rất lâu ra cửa sổ.

—Đúng đấy, cả mẹ và cả bác Pan-crát đều nói đúng.

—Thì tự con cũng biết bố không phải là kẻ thù, —Vla-đi-mia khẽ nói. —Bố là kẻ thù thế nào được. Chỉ có điều...

—Điều gì?

—Chỉ có điều con không hiểu là tại sao bố phải ngồi tù?

I-van lại ghì đầu con trai vào ngực, xoa xoa lên mái tóc rối bù.

—Thế con nghĩ là bố hiểu được à? Nhưng không sao, khi nào con lớn, con sẽ hiểu...

—Con làm sao mà hiểu được, khi chính bố cũng không hiểu? —Im một lúc, Vla-đi-mia hỏi.

I-van Xa-vê-li-ép buông con ra, ngồi xuống mép chiếc giường gỗ kêu cót két. Và anh trả lời cậu con trai mười ba tuổi như trả lời một người lớn:

—Con thấy đấy, mấu chốt là ở chỗ... Cuộc đời của thế hệ cha nó quá rối rắm, đến nỗi mọi người loanh quanh trong đó mà không biết mình bị cái gì dẫn đi và dẫn đi đâu. Còn sau này khi con lớn lên, con sẽ như đứng ở bên ngoài mà nhìn vào cuộc đời đó và con sẽ thấy hết, hiểu hết...

Vla-đi-mia nhăn trán lại, cố gắng hiểu những lời bố nói, đôi mắt hơi xám của cậu tư lự ra vẻ người lớn.

—Ôi! —cậu chợt nhảy chồm dậy vớ lấy chiếc roi. —Con ngồi đây, còn những người cắt cỏ thì đang đợi bánh. Bác Pan-crát lại cho một trận!

Vla-đi-mia chạy vụt ra khỏi nhà. I-van đi lại trong phòng một lúc, rồi cởi giày nằm xuống giường. Anh cảm thấy không quen nằm một mình trong sự yên lặng tĩnh mịch, trên chiếc giường đệm mềm, sạch sẽ. Và sự yên tĩnh này, và chiếc giường gỗ chân cao với một cặp gối xanh nhồi lông gà, và chiếc lò sưởi lớn mới quét lại vôi trắng, và lớp kính cửa sổ sạch bóng đang hứng từng dòng ánh nắng mặt trời tràn vào—tất cả những cái này đối với anh như là không hiện thực, như trong một giấc mơ. Và anh không hiểu nổi là làm sao anh, I-van, lại

rơi vào khung cảnh như thế này, là anh có thể nằm bao nhiêu tùy thích trên chiếc giường này để thưởng thức sự im lặng, sạch sẽ và thanh thản.

«I-van! I-van!» — anh bỗng nghe có tiếng vợ kêu thất thanh như quát vào tai. Thì ra I-van vừa thiếp đi. Giật mình, anh ngồi nhỏm dậy trên giường. «Mình vừa mơ hay sao thế này?»

I-van lắc mạnh đầu, cố gắng xua đuổi ảo giác. Nhưng không, cửa đột nhiên bật mở, A-ga-ta chạy vào, người hớt hải trông đáng sợ.

— I-van! I-van! — chị ngả vào lòng chồng và nghẹn ngào khóc nấc lên.

— Bình tĩnh nào, A-ga-ta... Có chuyện gì thế? Em làm sao thế? — I-van cũng hoảng hốt hỏi.

— Chiến tranh! I-van! Chiến tra-anh!..

A-ga-ta ngẩng đầu lên, thay vào đôi mắt của chị là hai chiếc hố đen ngòm, đầy nước. Những giọt nước mắt to nặng lăn xuôi theo đôi gò má vừa mới đây còn ửng hồng lên mà giờ đã biến thành màu tro xám, nhão ra, chảy sệ xuống...

* * *

Xê-mi-ôn và Vê-ra đi dọc theo đồng cỏ trở về làng. Trời đã chiều, mặt trời khuất dần sau núi. Con sông Grô-mô-tu-kha chảy bên cạnh. Sau một ngày gào réo, bây giờ nó chảy im lặng, lười biếng, những tia sáng cuối cùng của mặt trời nhuộm con sông thành một màu vàng lấp lánh.

Nhi-cô-lai I-nhi-u-chin, Đi-ma và An-đrây đã về nhà từ trước.

Chốc chốc, cô gái dừng lại và nói:

- Xê-mi-ôn, một lần nữa nào, anh...

Xê-mi-ôn lại hôn cô. Vê-ra quàng đôi cánh tay nóng hổi lên cổ anh, ghì sát người, như dính hẳn toàn thân vào anh.

- Em không biết chán à?

— Đúng đấy, em rất thèm, — Vê-ra đồng ý. — Môi đau mỏi, mà em vẫn còn muốn... Ôi, anh Xê-mi-ôn, em sẽ rất yêu anh. Tất cả bọn con trai sẽ phải ghen lên!

Cạnh làng, có một đám con trai, con gái đang tụ tập bên

bờ sông. Một thanh niên mặc sơ-mi trắng, tay áo xắn đến khuỷu, ngồi chơi đàn ghi-ta trên một tảng đá bằng.

— Hình như Ma-ri-a Ô-gô-rốt-nhi-cô-va ở đằng ấy... Đợi em một tí... Em nhờ nó may chiếc áo.

Vê-ra chạy đến bên bờ sông, bắt đầu nói gì đó với Ô-gô-rốt-nhi-cô-va — một cô gái mặt tròn, to béo, có bộ ngực đồ sộ quá cỡ, mà như Xê-mi-ôn nhận thấy, khiến cô ta cũng cảm thấy ngượng.

Đứng đợi Vê-ra chừng vài phút, Xê-mi-ôn miễn cưỡng đi về phía bờ sông. Người chơi ghi-ta hát bằng một giọng nức nở rền rĩ:

...Rồi anh lớn lên, một chàng trai khôi ngô
Rồi yêu em, rồi chè rượu say sưa
Mẹ kêu la, lau hai hàng lệ nhỏ:
«Con sẽ là một thằng trộm, như cha xưa...»

«Cáp-ta-nốp Ma-ca!» — Xê-mi-ôn đoán ra ngay và định bỏ đi. Nhưng Ma-ca đã quay lại, nheo nheo đôi mắt đùng đục:

— A-a, cháu tôi đấy à! Nào, chào cháu.

Xê-mi-ôn im lặng, không đáp.

— Không muốn nhận nhau à? — Ma-ca bĩu môi. — Thì ta cũng chẳng giận đâu.

Gió thổi tà áo lụa của Ma-ca bay phất phơ, trên cổ tay gân guốc của hắn lấp lánh chiếc đồng hồ. Đôi ủng bốc-can mõm tù bết đầy bùn đất. «Diện thật. Đôi ủng thế cũng không tiếc», — Xê-mi-ôn thoáng nghĩ. Một cô gái lạ, có bộ tóc hung đỏ, đến bên cạnh Ma-ca, trơ trẽn ôm lấy cổ hắn và nói gì đó.

— Bỏ ra, — Ma-ca cau mặt, nhún vai, vẻ kinh tởm.

Trên tay cô gái tóc hung, Xê-mi-ôn cũng nhìn thấy một chiếc đồng hồ như của Ma-ca. «Của ăn trộm», — anh nghĩ.

— Còn ta, Xê-mi-ôn ạ, còn nhớ cháu — lúc đầu bé chừng này này, sau bằng này, bằng này... — Ma-ca ra hiệu chỉ Xê-mi-ôn bằng chừng nào. — Còn bây giờ, đã lớn thật rồi.

— Vê-ra, đi thôi, — Xê-mi-ôn nói.

Ma-ca lại bật dây ghi-ta:

Lúc đó anh mười bảy tuổi, người ơi...

Bỗng hắn đột ngột cắt ngang câu hát:

—Lúc nào đến ta nhé, Xê-mi-ôn. Ta nói chuyện về cuộc sống.

—Cuộc sống nào? Cuộc sống nhà tù à?—Xê-mi-ôn cười nhạt.—Tôi vốn không quan tâm đến cái đó lắm.

—Ô-ô!—Cáp-ta-nốp kéo dài giọng, cặp mắt đục của hắn càng nheo hẹp lại.—Mẹ cháu có biết là ta về đây không?

—Tôi làm sao biết được?

—Thế thế... Cháu chuyển lời hỏi thăm nhé,—Ma-ca mỉm cười nói, rồi ngoảnh đi.

Cho đến làng, Vê-ra và Xê-mi-ôn đi im lặng. Từ bờ sông vẫn vẳng lại tiếng hát rền rĩ của Ma-ca mang từ nhà tù về:

Và ngày nối ngày, năm tháng trôi qua
Đã thành sự thật những gì mẹ nói hôm xưa...

—Phì!—Xê-mi-ôn nhổ nước miếng xuống mặt đường đầy bụi.

—Tất nhiên,—Vê-ra trầm ngâm nói.—Còn đồng hồ của hắn ta tốt thật. Lại tặng cả cho con tóc hung nữa, anh thấy không?

—Thèm hả?—Xê-mi-ôn giận dữ nói và rảo bước nhanh hơn.

Mặt trời đã lặn hẳn, trên những con đường mà họ đang đi không một bóng người. Nhưng điều này không làm cho cả Vê-ra lẫn Xê-mi-ôn ngạc nhiên. Buổi chiều, đặc biệt là vào những ngày chủ nhật, chỉ có con đường phố chính ở San-ta-ra là đông vui. Nhưng khi ra đến đường lớn, ở đó họ cũng không thấy một người nào. Dưới bóng những hàng dương trồng trải, hoàng hôn đang lặng lẽ vào đêm. Lúc đầu, đang cáu vì cuộc gặp gỡ với Ma-ca, Xê-mi-ôn không chú ý đến điều này. Một lúc sau, anh dừng lại:

—Quỷ quái gì thế này,—anh lầm bầm.—Em không thấy gì à?

—Cái gì?—Vê-ra cũng như chợt tỉnh khỏi cơn trầm ngâm.

—Dường như tất cả đều chết hết rồi hay sao ấy.

—Đúng thế,—cô gái dung đưa cặp lông mày thanh.— Nhưng hình như có giọng nói ở đâu đây.

Họ rảo bước dọc theo đường phố. Một đám người tập trung trước ngôi nhà hai tầng bằng gạch đỏ của phòng quân vụ. Một ông già ngồi ở thềm dưới cùng của bậc lên xuống, rít tẩu thuốc và nói:

—Tất nhiên là bây giờ có đủ loại thuốc men. Nhưng cái thuốc i-ốt của các anh ấy mà, hừ thiếu gì thứ còn hiệu nghiệm hơn nhiều. Đất trộn với thuốc súng chẳng hạn— i-ốt của các anh thấm gì!

—Bố già chỉ nói khoác thôi,—một anh thanh niên nói.

—Khoác cái gì? Khoác cái gì?—ông già nhảy bật dậy, lật tà áo lên để hở một mảng sườn xanh lè.—Đấy, thử nhìn xem. Một cái lỗ thủng cho cả nắm tay vào lọt. Hồi đó, nghĩa là, vào năm mười lăm, tôi còn nhớ, chúng tôi tấn công bằng lưỡi lê. Tôi mới chạy chưa được bảy xa-gien thì—phâ-ập!— một phát ngay vào sườn này. Chắc là mảnh pháo—tôi nghĩ. Nhìn xuống—cả mảng sườn đang bốc khói. Tất nhiên là tôi ngã vật xuống. Một cô hộ lý mới cõng tôi ra khỏi nơi đó. Và rồi không biết người ta bôi cho tôi bao nhiêu là i-ốt của các anh! Nhưng vết thương cứ rữa ra. Kiểu này để cho các ông đốc-tờ làm thì thối cả người mất, tôi nghĩ. Tự mình phải chữa lấy vậy. Tôi kiếm được ít thuốc súng, đào trong vườn bệnh xá một nắm đất, đem trộn với nước...

—Nước sôi chứ ạ?—cũng chàng trai lúc nãy tò mò hỏi.

—Đồ đầu gỗ!—ông già nổi cáu.—Đúng là thằng hề! Còn sườn—đấy, thử nhìn xem, nhìn xem,—ông già lại bật dậy, lật vạt áo lên.—Đem đắp vào, lấy băng bó thật chặt, và sau bảy ngày chỉ còn lại một vết sẹo xanh này. Còn nếu như nước sôi...—Và ông già ngồi xuống chỗ cũ, giận dữ trừng mắt nhìn.

—Thế có nhức không?—một người đàn ông đã đứng tuổi, cố nhịn cười, hỏi.

—Tất nhiên là có...—Ông già, chắc không nhận thấy sự trêu chọc trong câu nói, trả lời nghiêm chỉnh. Rồi ông quay sang phía anh thanh niên.—Còn anh hề ạ, anh muốn đùa bao nhiêu mặc anh, nhưng nhớ lấy công thức thuốc: một vốc đất, một nửa vốc thuốc trộn với nửa cốc nước.

Chiến tranh... chắc ngày mai người ta sẽ gọi anh ra mặt trận thôi...

—Các anh... Các ông nói gì vậy? Chiến tranh nào?—Xê-mi-ôn hỏi.

—Còn chiến tranh nào nữa? Anh ở đâu rơi xuống thế, anh bạn?

Vê-ra bỗng kêu thét lên, những ngón tay thon bíu chặt lấy vai Xê-mi-ôn. Cô thở đứt quãng.

—Em bỏ ra nào,—Xê-mi-ôn khó chịu nói, cố gỡ tay cô ra.—Các anh nói nghe xem...

Từ trong bóng tối chập choạng, Nhi-cô-lai I-nhi-u-chin chạy tới kéo Xê-mi-ôn ra xa thềm nhà và hấp tấp, lộn xộn kể:

—Chiến tranh với bọn Đức, anh Xê-mi-ôn ạ... Khi chúng ta đang đi câu, bọn Đức đã bắt đầu chiến tranh. Em đã về nhà rồi. Mẹ em nằm khóc, còn cha thì im lặng đi từ góc này sang góc khác. Cha anh cũng vậy, cau có, tức giận—em thấy qua hàng rào mà. Bây giờ làm sao, anh Xê-mi-ôn?

—Xê-mi-ôn! Xê-mi-ôn!—Vê-ra lại níu lấy vai Xê-mi-ôn.—Bây giờ người ta sẽ bắt anh đi...

—Lại thế...—Xê-mi-ôn nói.—Hãy khoan đã, Vê-ra ạ, đừng vội khóc trước.

—Quả vậy... Chị ấy ngốc lắm,—Nhi-cô-lai khịt mũi nói.

—Thôi được, ta về đi...

Khi Xê-mi-ôn về đến nhà, cha, vẫn như lúc sáng, đang ngồi bên cửa sổ mở toang, rít thuốc, thở khói ra ngoài sân, vào bóng tối. Mẹ im lặng, cố gắng không khua bát đũa, chuẩn bị bữa tối. Đi-ma và An-đrây ngồi thu lu trong góc, sợ hãi nhìn ra. Chiếc xô với số cá câu được, giờ bị lãng quên, đặt trên chiếc ghế dài cạnh cửa ra vào.

—Thế tức là... chiến tranh thật à?—Xê-mi-ôn hỏi.

—Thôi, ăn cơm đi!—không trả lời, Phê-đô nói và quẳng tàn thuốc qua cửa sổ.

Suốt bữa ăn, không ai nói một lời nào. Ăn xong, Xê-mi-ôn bước ra sân, nhìn những ngôi sao cháy sáng rực trên nền trời không một gợn mây. «Không biết chiến tranh về đêm sẽ ra sao?»—một ý nghĩ ngây ngô bỗng hiện ra trong đầu. Xê-mi-ôn biết rằng đây là một ý nghĩ ngây ngô, nhưng những ý nghĩ khác, không hiểu sao, lại không đến với anh lúc đó.

Hàng giậu cạnh sân kêu sột soạt, khẽ lắc lư. Xê-mi-ôn nhăn mặt: «Lại Vê-ra». Bây giờ anh không muốn gặp cô, và nói chung, không muốn gặp ai cả. Nhưng đấy lại là Nhi-cô-lai I-nhi-u-chin.

—Anh Xê-mi-ôn này, không biết em có thể lừa phòng quân vụ được không?—Nhi-cô-lai bước đến, hỏi.

—Phòng quân vụ nào?

—Sao? Em lớn người. Em sẽ bảo là sinh năm hăm ba.

—Thôi, bước đi!—Xê-mi-ôn giận dữ nói, rồi ngồi xuống chiếc ghế dài đặt cạnh tường và nhìn vào bóng tối.

—Còn giấy khai sinh em sẽ bảo là đánh mất rồi. Rất đơn giản... Em chỉ tăng thêm ba tuổi thôi, làm thế nào mà họ kiểm tra được, hả anh Xê-mi-ôn.

Xê-mi-ôn im lặng, mải nghĩ về một điều gì đó, đường như không nghe thấy tiếng của Nhi-cô-lai. Rồi anh đứng dậy đi vào nhà.

* * *

Khi trời đã chập choạng tối, A-nhi-cây Ê-li-da-rốp, mắt nhìn quanh, kín đáo đi đến một ngôi nhà dài bằng gỗ nằm giữa những hàng phong bao bọc bốn phía, leo lên bực thềm có treo một ngọn đèn sáng lờ mờ. Phía sau cửa lớn có một lối đi dài, cuối lối đi đó là một chiếc bàn. Người trực ban đội mũ lưỡi trai viền đỏ ngồi sau bàn.

—Thủ trưởng cho gọi tôi,—Ê-li-da-rốp nói.—Tôi là Ê-li-da-rốp.

—I-a-cốp A-lây-nhi-cốp gọi à?

—Vâng...

Từ chỗ trực ban, những hành lang rộng như đường phố, với những cánh cửa bọc vải sơn màu đen, chạy dài sang phải và sang trái. Chỉ có một cánh cửa, ở tận cuối hành lang, là bọc da màu đỏ. Ê-li-da-rốp đi đến bên cánh cửa này, cầm lấy tay nắm kéo về phía mình.

A-lây-nhi-cốp đang ngồi viết sau một chiếc bàn lớn. Ê-li-da-rốp khẽ ho, đưa nắm tay nồng nặc mùi dầu hỏa lên che miệng.

—Anh có việc gì đấy?—A-lây-nhi-cốp cau có liếc nhìn

Ê-li-da-rốp.

—Tôi đã gọi điện xin đồng chí cho gặp... vì có việc riêng.

Một chiếc đồng hồ cổ, nặng, bằng gỗ mun, có những chiếc kim chạm trổ bằng đồng, treo trên tường. Quả lắc tròn lười biếng lắc lư sau tấm kính dày chạm hoa văn. A-lây-nhi-cốp nhìn rất lâu lên quả lắc, dường như đợi xem bao giờ nó dừng lại.

—Ở trạm máy kéo mọi người nghe tin về chiến tranh ra sao?—ông hỏi.

—Sao à? Bây giờ thì làm sao mà đã hiểu được... Tất cả đều bất ngờ, choáng váng...

—Mọi người nói gì?

—Bây giờ thì chưa có gì cả... Nếu có, tôi đã nghe. Tôi vẫn nghe ngóng mà... Chưa thấy ai nói gì cả...

A-lây-nhi-cốp cau mặt:

—Thế anh đến có việc gì? Tôi đang bận.

—Tôi chỉ đến một lúc thôi, I-a-cốp Nhi-cô-lai-ê-vích ạ. Tôi muốn đến xin đồng chí một việc. Bây giờ đã chiến tranh, mỗi người đều cần phải ở nơi nào Tổ quốc cần nhất... Ra mặt trận chắc người ta chẳng gọi tôi, vì hình như tôi bị ho lao thì phải. Còn ở trạm máy kéo, việc quá nặng...

—Sao nữa?—Đã từ lâu A-lây-nhi-cốp cảm thấy kinh tởm cái con người này.

—Vậy nên tôi nghĩ muốn xin vào công an. Ít nhiều thì cũng còn chút sức. Và, tất nhiên, ở đó nếu đồng chí cần gì...

—Thế thì anh đến tôi có việc gì?—A-lây-nhi-cốp cau có hỏi.—Đến mà gặp trưởng phòng công an. Nếu còn cần người, có thể ông ta sẽ nhận.

—Nhưng giá được anh nói với ông ta vài lời...

A-lây-nhi-cốp bỗng cảm thấy tức thở, như có cái gì nghẹn lại trong cổ. Để mau mau thoát khỏi con người này, ông nói vội vã:

—Thôi được, tôi sẽ nói... Còn bây giờ đi đi. Đi đi!

* * *

Ma-ri-a Ô-gô-rốt-nhi-cô-va biết Ma-ca từ khi cô còn bé tí. Sau khi xuất hiện ở San-ta-ra, hắn thường đến nhà Ma-ri-a

16-634

vào ban đêm, bao giờ cũng ngồi uống rượu với bố cô và thì thầm nói những chuyện gì đó.

— Ba ạ, ba cho hắn đến làm gì? Lại còn uống rượu với hắn nữa? — có lần Ma-ri-a hỏi. — Người ta bảo hắn là kẻ trộm cơ mà.

— Im! — Cha cô nổi giận. Bình thường hàng ngày ông đã dữ tợn, một cái nhìn cũng đủ làm cô nổi gai ốc sau lưng. Nhưng rồi ông liền dịu lại: — Hắn quả là thằng ăn trộm, nhưng hắn còn có hồn người. Ba vẫn thường bảo hắn nên bỏ cái nghề này đi và cố tu tỉnh cho thành người. Thiếu gì nghề tốt đẹp trên đời này... Ba đi khâu giày chẳng hạn. Chẳng cần tài giỏi gì lắm, nhưng làm cho mọi người vui...

— Nhưng tại sao hắn lại đi ăn trộm?

— Ai mà biết được. Trên đời này còn nhiều cái ác, cái đểu cáng lắm, cái bất công cũng đầy dẫy. Chắc Ma-ca vì một điều gì đó mà căm giận con người... Bây giờ con còn chưa hiểu được điều này đâu. Khi còn trẻ, con người đều thấy mọi cái là đẹp đẽ. Khi nào lớn lên, con sẽ hiểu...

Cô nghĩ, ba chắc chỉ đúng có một điều — trên đời này còn nhiều cái bất công. Cô càng tin vào điều này khi ba cô bị bắt đi. Thậm chí Ma-ri-a không còn cảm thấy sợ hãi nữa — cô bị sự việc đó đè nặng, làm cho đầu óc, tâm hồn trở nên trống rỗng. Tại sao lại như vậy? Vì cái gì?

Và mọi người cũng không thể giải thích điều này cho cô. Họ kỳ quặc ra sao ấy. Một số nhìn cô với vẻ thương hại, số khác ngạc nhiên, tò mò, còn một số nữa thì tỏ vẻ sợ hãi, khó chịu. Và tất cả đều tránh cô ra mặt. Trong suốt cả tuần lễ đầu, sau khi ba bị bắt, Ma-ri-a như sống trong một khoảng trống.

«Vĩnh biệt nhé, Ma-ri-a!.. — ba cô nói với cô trong cái đêm đáng sợ đó. — Con đã lớn rồi, không sao. Gặp người tốt, con lấy chồng đi. Nhà đã có rồi, không sao đâu...»

Quả là cô đã có một căn nhà tuy nhỏ bé. Và Ma-ri-a đúng là đã lớn — chỉ một tháng nữa, cô sẽ tròn mười bảy tuổi, và mùa xuân vừa rồi, đúng một ngày trước khi ba cô bị bắt, Ma-ri-a tốt nghiệp lớp mười. Nhưng làm thế nào để lấy được chồng, khi đến Lê-ô-nhít Gvô-đơ-đi-ép, bạn học cùng lớp với cô, trong buổi lễ ra trường, lúc mọi người nhận

bằng giữa tiếng vỗ tay như sấm, cũng công khai quay mặt đi và nói:

— Ba của mày là đồ rắn độc, trốn được khá lâu đấy. Và mày cũng sặc mùi phản động. Tao sợ bị giây bẩn lắm.

Lê-ô-nhít Gvô-dơ-đi-ép lớn hơn Ma-ri-a bốn tuổi, lông mày đen, môi đỏ mọng. Học kém, là người lưu ban nổi tiếng nhất trong trường, nhưng Lê-ô-nhít không hề tỏ ra lo lắng, bao giờ cũng vui vẻ và bằng lòng với mình. Nếu như thỉnh thoảng thầy giáo có trách mắng hắn vì tội chểnh mảng, lười học, hắn hấp háy đôi mắt như mắt ngựa, nói:

— Đmi-tơ-ri I-va-nô-vích Men-đê-lê-ép ở trường cũng học kém, thế mà lập được bảng tuần hoàn các nguyên tố. Tớ rồi cũng sẽ lập được một bảng gì đó.

Gvô-dơ-đi-ép rất được bọn con gái chú ý, nhưng không hiểu sao mùa xuân ấy hắn lại chọn Ma-ri-a. Trong quan hệ với con gái, chắc hắn đã có nhiều kinh nghiệm, và ngay buổi tối đầu tiên tiễn Ma-ri-a từ trường về, hắn đã ép cô vào tường một ngôi nhà, hôn thật đau và trơ tráo luồn tay vào dưới áo lót của cô.

— Lê-ô-nhít! Lê-ô... tớ kêu lên đấy! — Ma-ri-a thở hắt ra.

— Đồ ngốc! — Lê-ô-nhít buông cô ra, nói. — Tớ muốn thử xem đằng ấy có đứng đắn không?

— Đi mà thử những đứa khác!

— Đứa khác tớ lại không định lấy làm vợ.

— Nói láo, nói láo!

— Không, tớ không nói láo đâu. Thôi, ta đi về thôi.

Sau đó, hắn thường đưa cô về. Họ cùng nhau chuẩn bị ôn thi. Ma-ri-a không còn vùng ra khi hắn ôm hôn cô, không còn hất tay hắn khi hắn cởi cúc áo ngoài. Cô chỉ tìm cách che bộ mặt đỏ bừng đến tận chân tóc, nóng như lửa và thì thầm.

— Lê-ô-nhít, Lê-ô-nhít... Đừng thế. Xấu hổ lắm...

— Thật khốn khổ với các cô, với những bà đứng đắn này... — hắn thở dài. — Thôi được, tốt nghiệp, ta sẽ tổ chức cưới. Năm nay nhất định anh sẽ tốt nghiệp. Chỉ có điều... người ta sẽ gọi anh đi nghĩa vụ quân sự. Đi bộ đội. Họ đã hoãn cho mấy lần rồi. Thế nào, em sẽ chung thủy chờ anh chứ?

— Lê-ô-nhít! Em... đến em cũng sẽ chẳng động đến mình. Chứ đừng nói đến...

Và thế là trong buổi lễ ra trường, khi Lê-ô-nhít bỏ cô đi, Ma-ri-a có cảm tưởng như sàn nhà biến mất dưới chân. Cô chỉ thoáng nghe thấy từ trên sân khấu, nơi có chiếc bàn phủ khăn đỏ, người ta gọi tên cô. Không ai vỗ tay mừng cô như đối với những người khác, thầy hiệu trưởng im lặng giúi cho cô một tờ giấy. Không nhớ gì nữa, cô chạy ra khỏi trường, chạy dọc theo con đường tối đen, vắng vẻ. Từ buổi tối hôm đó, trong trí nhớ của cô chỉ còn lại hình ảnh những bóng đen lòa xòa của hàng cây hai bên đường như vươn cành ra cố cản đường cô. Những ngôi sao trên đầu nghiêng ngả, lăn đi lăn lại như những hạt đậu lăn trong chảo. Chạy về đến nhà, Ma-ri-a khóa tất cả các cửa lại, nằm úp mặt xuống giường cho đến hết đêm. Sáng hôm sau, cô tự nói với mình: «Không, ba không phải là kẻ thù. Ở đây có một sự lầm lẫn nào đó. Lê-ô-nhít là thằng đểu, thằng nhỏ nhen. Thôi mặc...»

Suốt cả năm, chán nản, cô sống im lặng, cô độc như chuột trong hang, bán áo quần của ba để ăn dần; rồi cô xin vào làm xưởng may, học cắt và may áo quần phụ nữ. Cô tiết kiệm tiền và mua được một chiếc máy khâu cũ, hiệu «Xin-gie». Nhưng cô cố tránh không nhận hàng riêng bao giờ, chỉ may cho mình và đôi khi, vì tình bạn cũ, nhận cắt một vài chiếc áo cho Vê-ra I-nhi-u-chi-na. Và nói chung, bây giờ cô bằng lòng với cuộc sống hiện tại của mình.

Hôm nay Ma-ri-a dọn dẹp nhà cửa cho đến tận trưa, thỉnh thoảng cô lại đến ngồi bên cửa sổ và thờ ơ nhớ lại cuộc gặp gỡ ngày hôm qua với Gvô-dơ-đi-ép.

— Thế nào, chưa đi lấy chồng à? — hắn nhìn cô bằng đôi mắt lấp lánh. Gvô-dơ-đi-ép mới hết hạn nghĩa vụ về, người trở nên cân đối, đẹp trai hơn, và giờ hắn làm lái xe ở trạm xăng dầu.

— Đang đợi anh đấy, — cô nói và đi ngang qua mặt hắn.

Ma-ri-a muốn tắm một cái. Cô khép cửa, đi ra sông Grô-mô-tu-kha.

Khi đi ngang qua nhà Lu-kê-ri-a Ca-sca-rô-va, cô gặp Ma-ca. Hắn mặc chiếc quần lá thẳng nếp, áo sơ-mi trắng, giày đánh bóng lộn, tay cầm ghi-ta, từ cổng đi ra.

—Ôi!— Ma-ri-a kêu lên và bước lùi lại.

Ma-ca nhìn như xoáy vào người cô bằng đôi mắt đen, miệng huýt gió.

—Phì!.. Em lớn quá rồi nhỉ... Em đừng sợ, anh hiền lắm mà. Thế nào, em còn nhớ anh không?

—Anh là Ma-ca Cáp-ta-nốp.

—Đúng thế,—hắn cười nhạt.

Cô gái đứng im, không biết phải làm gì, nói gì thêm.

—Anh... từ đâu về thế?

Cô hỏi rồi đâm ra luống cuống. Từ đâu? Rõ ràng là còn từ đâu nữa!

—Ở nhà nghỉ về,—Ma-ca lại cười nhạt.—Cha em nhờ chuyển lời hỏi thăm.

—Ba em còn sống à? Ôi, em thật là!.. Anh gặp ba em đã lâu chưa?

—Còn sống, khỏe mạnh,—Ma-ca vẫn cười nhạt, trả lời.—Ông ta thì có việc gì được?..

Ma-ca vẫn nhìn chằm chằm vào cô gái, lên đôi cánh tay đầy đặn để trần đến tận khuỷu, lên bộ ngực đồ sộ, nặng trĩu như hai quả dưa hấu. Cô càng thêm luống cuống, cảm thấy mặt nóng bừng lên.

—Anh kể đi, ba em ra sao,—cô thì thào.

—Anh còn bận, em ạ, để lúc khác.

Hắn bỏ đi dọc theo đường làng, rồi rẽ vào một lối ngõ. Ma-ri-a đứng một lát, rồi lặng lẽ đi ra sông Grô-mô-tu-kha.

Ngượng vì mình quá to béo, cô luôn luôn đi tắm một mình, ở một nơi cách xa làng. Tắm xong, cô nằm rất lâu, đến tận chiều, trên cát nóng, khi thì phơi lưng, khi thì phơi bụng dưới nắng mặt trời, nghĩ về người cha, nhìn những con sóng nhỏ lấp lánh rửa sỏi cạnh bờ. Khi mặt trời xuống thấp, cô trở về nhà.

Trên bờ sông cạnh làng, cô lại gặp Ma-ca. Một đám con trai, con gái đứng vây quanh Cáp-ta-nốp, nghe hắn chơi đàn. Trong số đó có cả Gvô-dơ-đi-ép.

—Những bài hát tuyệt vời... Nghe lịm người,—Gvô-dơ-đi-ép nói với Cáp-ta-nốp.—Nào, thêm lần nữa về tay thanh tra những ngôi nhà lạ đi.—Trông thấy Ma-ri-a, hắn chạy

đến túm lấy tay cô. — A, xin cúi chào! Nhập bọn với các anh đi.

— Bỏ ra, đừng động đến tôi!

Tất cả quay lại nhìn Ma-ri-a. Ma-ca cũng quay lại.

— Này, Gvô-dơ-đơ *, bỏ ra, — hắn nói khẽ.

Gvô-dơ-đi-ép ngạc nhiên hấp háy mắt, hết nhìn Cáp-ta-nốp, lại nhìn Ma-ri-a, kéo dài giọng: «Ô-ô!», rồi bỏ tay ra.

Từ phía đồng cỏ, Xê-mi-ôn và Vê-ra đi tới. Vê-ra nhờ may gấp, càng nhanh càng tốt, chiếc áo ngoài cô gửi từ tuần trước. Ma-ri-a hứa sẽ làm.

Khi Xê-mi-ôn và Vê-ra đi khỏi, Ô-gô-rốt-nhi-cô-va còn đứng thêm chừng mươi phút, nghe những bài hát của Ma-ca, rồi lặng lẽ đi về.

Đến làng, cô nghe tin chiến tranh đã nổ ra. Nhưng tin này không làm cho cô sợ hãi, cũng không làm cho cô ngạc nhiên. Cô chỉ nghĩ rằng chắc Lê-ô-nhít Gvô-dơ-đi-ép lại sắp bị gọi ra trận và có thể hắn sẽ bị giết chết. «Thì cũng đã sao... Thế mới đáng đời hắn...» — cô giận dữ nghĩ thầm. Cánh tay, nơi Gvô-dơ-đi-ép túm lấy lúc nãy, nóng bừng lên như bị đốt.

Về đến nhà, cô thay quần áo, mặc chiếc áo váy mỏng, mở toang cửa sổ, nằm xuống giường, và cho đến tận tối, nhìn lên trần nhà, nghĩ về chiến tranh. Không hiểu sao cô tưởng tượng ra cảnh Lê-ô-nhít Gvô-dơ-đi-ép đang nằm trên mặt đất, người đầm đìa máu, giơ cả hai tay về phía những người cứu thương — giống hệt như những người mà cô vừa thấy trong phim cách đây mấy hôm, — nhưng họ đi ngang qua, không chú ý đến hắn. Thế mới đáng đời, cứ mặc cho hắn chết! Rồi cô tưởng tượng ra mình là một trong số những người cứu thương đó. Cô đi đến bên Lê-ô-nhít. Không ai đến cả, nhưng một mình cô đến, băng bó và cõng hắn đặt vào một hố sâu, nơi có những chiếc lều mang dấu chữ thập đỏ. Khi đến nơi, Lê-ô-nhít nói với cô: «Cám ơn em. Em đã cứu sống anh. Bây giờ anh nhất định sẽ lấy em...» Còn cô, cô sẽ trả lời hắn với một nụ cười khinh bỉ: «Anh làm cho tôi mừng quá đấy... Tôi đã cứu sống anh, nhưng anh nên biết

* Tên của Gvô-dơ-đi-ép, đọc trệch là «Gvô-dơ-đơ» có nghĩa là cái đinh.

rằng đối với tôi trên đời này không có ai là người đáng kinh tởm hơn anh...» Gvô-dơ-đi-ép nghe vậy nhăn nhó cười gằn, và mặc dù bị thương, hắn vẫn đứng dậy túm lấy tay cô, như chiều nay ở bờ sông, kéo cô ngã xuống đất. Rồi hắn chạy đến, lấy cả người đè lên, phả hơi rượu nồng nặc vào mặt cô. Cô muốn vùng dậy, nhưng không được, muốn kêu nhưng không thành tiếng...

Rồi cô gái không còn biết việc gì đang xảy ra với mình, và mình đang ở đâu, thực hay chỉ là chiêm bao. Quả thật có một người đè cô xuống, lấy bàn tay nóng hầm hập bịt miệng cô lại, dùng gối trùm lên đầu cô, rồi đưa bàn tay sờ nắn khắp tấm thân trần truồng của cô một cách thèm thuồng.

— Lê-ô-nhít! Bỏ ra... Không được, Lê-ô-nhít... — cô nghẹn ngào kêu lên.

— Lê-ô-nhít nào ở đây, đồ ngốc! — một giọng nói vang lên; nghe giọng nói đó, như trong cơn nóng sốt khủng khiếp, tim cô nhảy lên và như vỡ tung ra; trong đôi mắt nhắm chặt, có một cái gì bùng lên, rồi vụt tắt...

Cô tỉnh dậy vì mùi thuốc lá nồng nặc. Trong phòng lờ mờ tối. Một dải ánh trăng từ ngoài cửa sổ chiếu lên mái đầu bù xù của Ma-ca Cáp-ta-nốp. Hắn ngồi bên mép giường hút thuốc; cứ mỗi lần rít, đầu chiếc mũi tù với hai lỗ rộng, phản chiếu ánh lửa cũng sáng lên, như bị nóng chảy.

Cả thân thể cô như bị đánh nhừ, vỏ nát ở một nơi nào đó bên trong, chỗ trái tim nghe ran rát, buôn buốt, và hình như có một cái gì ấm nóng rịn ra, âm ỉ chảy.

— Sao đêm ngủ em lại để ngỏ cửa sổ như vậy? — Ma-ca hỏi, tay luồn dưới áo gãi gãi lên ngực.

Ma-ri-a vẫn nhìn lên đầu mũi của hắn sáng lên rồi lại tắt đi trong ánh lửa, rồi cô chậm chạp quay mặt vào tường và đau đớn, nặng nề khóc nấc lên, làm rung chuyển cả giường.

— Bây giờ công việc thế này, Ma-ri-a ạ, — không chú ý tới nước mắt của cô, Ma-ca bắt đầu nói. — Cha của cô không còn sống nữa đâu. Ông ta đã bị chó cắn chết trong khi vượt ngục. Nhưng cô cũng đừng tiếc, ông ta hoàn toàn không phải là thợ giày đâu. Và ông ta cũng không phải Ô-gô-rốt-nhi-cốp đâu, mà là Mi-khai-in

Cô-xô-rô-tốp. Ngày xưa, ông ta phục vụ xuất sắc trong quân đội phe trắng, là một tay hỏi cung tra khảo lão luyện. Sau đó... Nói chung sau đó còn làm thêm được nhiều việc tốt nữa, cô cũng chẳng cần thiết phải biết hết đâu. Và đấy, như người ta nói, số phận xui khiến... Bây giờ tôi sẽ lo hết cho cô. Cô sẽ không phải thiếu thốn gì cả. Cô chỉ cần phải làm hai việc: thứ nhất, thỉnh thoảng ngủ với tôi, và thứ hai — là im lặng. Để không một mống nào được biết về cái hang ổ này của tôi. Nếu không, tôi sẽ móc mắt và treo cổ cô lên...

Ý nghĩa những lời trên của Ma-ca hầu như không đến được với ý thức của Ma-ri-a. Đối với cô, bây giờ tất cả đều vô nghĩa — cha của cô là ai, Ma-ca là người như thế nào, và cả việc hắn vừa làm gì với cô xong — tất cả đều vô nghĩa.

Cô thôi không khóc nữa, nằm im và suy nghĩ một cách dửng dưng: ở phòng ngoài có một sợi dây vải mới, cô vừa mua cách đây chưa lâu. Sợi dây rất chắc, sẽ chịu đựng được sức nặng của người cô, không đứt...

* * *

Đêm đầu tiên của chiến tranh trôi qua ở làng San-ta-ra một cách im lặng, bình yên và ấm áp.

Mỗi người đón tin tức về cuộc chiến tranh với một thái độ khác nhau: người thì cau có, im lặng, người thì ngơ ngác, sợ hãi. Phụ nữ nhiều người lăn ra khóc, kêu la thảm thiết, dường như ngay tức khắc, trong phút này, người ta bắt chồng họ, con họ phải ra mặt trận.

Khi cơn choáng váng đầu tiên qua đi, cái khả năng tính toán, suy nghĩ trở lại bình thường, người ta bắt đầu bàn tán. Nói đủ mọi chuyện. Đây là cuộc chiến tranh thật sự hay chỉ là bọn Đức gây ra một vụ khiêu khích? Nếu là chiến tranh thật sự thì có cần tổng động viên hay chỉ quân đội chính quy hiện nay cũng đã đủ chọi được với bọn Đức? Nếu có lệnh động viên thì lứa tuổi nào sẽ được gọi trước nhất? Nếu như lấy nhiều người đi thì mùa màng thu hoạch sẽ ra sao? Người ta nói về những cuộc chiến tranh trước đây, nhớ lại những trận đánh đã qua, và những người đã ngã xuống hoặc trở về nhưng thương tật. Những người từng trải, hiểu biết thì so sánh phẩm

chất và sức chịu đựng của người lính Nhật, lính Đức, lính Phần Lan...

Bàn đi tán lại đủ mọi chuyện, nhưng trên mặt mỗi người đều hằn in một câu hỏi chung: muốn bàn gì thì bàn, muốn tán gì thì tán, nhưng mọi việc rồi sẽ ra sao đây?

Ngày tháng Sáu dài nhất trong năm, đến mười giờ đêm mặt trời mới lặn, mười một giờ trời hãy còn sáng. Vào tháng Sáu mọi nhà hầu như không thắp đèn. Nhưng đêm nay khắp San-ta-ra cửa sổ nhà nào cũng hắt ra một thứ ánh sáng vàng vọt và mãi vẫn không tắt, gần như cho đến tận sáng.

Cuối cùng, rồi cả ngôi làng lớn cũng im lặng đắm chìm vào bóng tối. Cây cối đứng lặng tờ và được bao bọc trong một tấm màn đen, trông hệt như những đám mây nhỏ sà xuống tận mặt đất nằm bất động.

Vào buổi tối hôm đó chỉ ở nhà Phê-đô Xa-vê-li-ép là không ai bàn tán gì cả. Bọn trẻ vào phòng của mình, lên giường nằm không làm ầm ĩ, chí chóe như mọi ngày. An-na chuẩn bị giường cho mình và cho chồng xong rồi, cũng im lặng nằm xuống. Phê-đô không cởi áo ngoài, đi lại trong phòng.

— Người ta bảo thằng em của cô, thằng Ma-ca, hôm nay lại về phải không?

An-na vẫn nằm bất động, nhìn mãi vào một nơi, không trả lời, thậm chí cũng không chớp mắt.

— Thôi được, ngủ đi. Anh ra ngoài trời hút điếu thuốc.

— Trời đất ơi! — An-na bỗng hất tung chăn, kêu lên. — Ước gì người ta bắt anh ra mặt trận đi! Ước gì ở ngoài đó chúng giết anh đi còn hơn!

Hai người nhìn trừng trừng vào mắt nhau một lúc lâu. Một bên hàng mi của Phê-đô khẽ run run, bên kia rướn cao lên như ngạc nhiên, rồi hạ xuống.

Cặp mắt xám của An-na lấp lánh ánh điện, như bằng kính, ở trong ngực bà nghe như có một cái gì bục ra.

— À ra thế... Thế đấy, bỗng nhiên cô lại tự thú nhận...

— Nói láo! Nói láo! Nói láo! — An-na kêu to lên ba lần, giọng khản đặc. — Anh tự nói dối với cả chính mình...

Bà ngã úp mặt xuống gối và khóc nức nở như một đứa trẻ. Phê-đô nhếch mép cười gằn, rồi bỏ ra ngoài.

Trên trời, những ngôi sao vẫn cháy sáng rực rỡ như ngày

hôm qua, như ngày hôm kia, như từ bao đời nay. Và dải Ngân hà không hiểu là cao hơn hay thấp hơn những ngôi sao đó, lung linh vắt ngang San-ta-ra, chảy mãi về chân trời vô tận.

Nằm trên chiếc áo khoác ngoài trải giữa những cụm hướng dương, nghe tiếng con sông Grô-mô-tu-kha rì rầm róc rách giữa hai bờ cỏ thấp, Phê-đô mỉa mai nghĩ rằng tất nhiên là ông đã tự nói dối với cả chính mình, rằng không có gì là bỗng nhiên, là bất ngờ đối với ông trong lời nói của An-na cả. «Và nói chung, có lẽ phải chia tay với cô ta, mỗi người mỗi ngả thôi»...

Ông nghĩ một cách nhẹ nhàng, bình thản, như nghĩ về một điều gì vặt vãnh. «Tất nhiên là có bất tiện, khó xử đối với các con, đối An-đrây và Đi-ma. Xê-mi-ôn thì không kể đến. Còn An-đrây và Đi-ma thì sao? Lại còn chiến tranh nữa...»

Phê-đô cau mặt lại, mặc dù cái tin về cuộc chiến tranh bắt đầu hôm nay không làm cho ông lo lắng lắm. Ông cho rằng sẽ không có chiến tranh nào cả. Không hôm nay thì ngày mai, số quân Đức đã vượt qua biên giới nhất định sẽ bị nghiền nát, đánh gãy cổ và đuổi về bên kia cột mốc biên phòng.

Hoặc cùng lắm thì tất cả cũng sẽ kéo dài không lâu hơn cuộc chiến tranh với Phần Lan trước đây...

Một làn hơi lạnh bốc lên từ mặt sông Grô-mô-tu-kha. «Không khéo lại bị cảm mất, — Phê-đô thầm làu bàu. — Không biết An-phi-xa làm gì mãi trong ấy?»

Nghĩ tới An-phi-xa, Phê-đô mỉm cười. Đấy mới gọi là đàn bà chứ! Đúng ra nên lấy cô ta làm vợ mới phải! Năm tháng trôi qua mà cô ta hầu như không già đi, chỉ có ngọt ngào thêm, như quả dưa hấu... Mà ham muốn mới khiếp chứ — An-na những năm sung sức nhất cũng chẳng bì được! Thường thường khi Phê-đô đã kiệt sức đến tận cùng, đã bị hút hết tất cả sức lực, ham muốn, đã bị phờ phạc và phát ớn lên vì cái cảm giác trống rỗng khắp thân thể, thì đối với cô ta tất cả vẫn còn là ít. Ki-ri-an đánh đập cô ta rất tàn nhẫn, đặc biệt là hồi ở Mi-khai-lốp-ca. Nhưng cô ta không một lần nào kêu ca với Phê-đô. Có lần chính Phê-đô tò mò hỏi: «Làm sao mà em chịu đựng được những trận đòn như vậy? Bởi khi uống say, hắn là một con thú dữ...» — «Thì em vẫn chịu được đấy. Biết làm sao bây giờ?» — An-phi-xa trả lời

một cách đơn giản, không tự ái, tức giận. «Thế em có khóc không?» — Phê-đô hỏi một câu ngớ ngẩn. «Đôi lúc quá đau... — An-phi-xa nói và thở dài. — Nhưng em cắn răng lại và im lặng. Im lặng và nghĩ: đấy là vì anh, vì anh, Phê-đô ạ...»

Lúc đó, Phê-đô bàng hoàng, kinh ngạc, hỏi: «Làm sao em lại có được tình yêu như vậy đối với anh?» — «Em không biết. Em chỉ yêu vậy mà thôi».

Con sông Grô-mô-tu-kha vẫn lấp lánh, róc rách chảy...

«Vậy đấy... Ước gì người ta bắt anh ra mặt trận đi! Ước gì ở ngoài đó chúng giết anh đi còn hơn! — Phê-đô cau có nghĩ lại những lời của vợ. — Đúng, phải chia tay nhau thôi, mình sẽ cưới An-phi-xa. Cô ta sẽ lập tức bỏ Ki-ri-an. Chỉ cần mình nói một lời....»

Từ phía vườn nhà I-nhi-u-chin có tiếng sột soạt, tiếng thân khoai tây gãy giòn. Một người nào đó đi đến bên hàng rào và khẽ chạm vào nó.

— Phê-đô! Phê-đô! — An-phi-xa thì thào gọi.

— Anh đây. Em leo qua đi, — Phê-đô đáp lại.

Hàng rào lắc lư, kêu răng rắc. Cùng lúc đó từ trái hiên nhà I-nhi-u-chin vang đến giọng của Ki-ri-an:

— Này, ai đấy?

An-phi-xa liền nhảy từ trên hàng rào xuống phía vườn nhà mình.

— Em đây... — An-phi-xa lên tiếng.

— Cô làm gì đấy?

— Chân nhức quá, ban ngày vướng phải cây tầm ma, — người đàn bà trả lời một cách thản nhiên. — Em muốn ra sông ngâm một tí cho mát. Nằm mà không sao ngủ được. Anh dậy làm gì thế?

«Đúng là diễn viên kịch, — Phê-đô nghĩ về An-phi-xa. — Bịa ngay ra được chuyện cây tầm ma thật đúng lúc. Đàn bà các cô là ranh lắm!»

— Cứ ngâm đi. Tôi đợi, hút điếu thuốc.

An-phi-xa đứng khỏa chân trong nước sông mấy phút. Rồi Phê-đô nghe tiếng gấu váy sột soạt vướng vào những luống khoai tây, tiếng cửa cót két đóng lại và tiếng then cài lách cách.

«Không biết Ki-ri-an có đoán ra hay không?—Phê-đô đứng dậy, nghĩ.—Chắc là đoán ra từ sớm. Hồi sáng hắn đã quát cô ấy rồi».

* * *

Vừa khỏa chân trong nước sông, An-phi-xa vừa kinh hoảng nghĩ: bây giờ Ki-ri-an sẽ xô chị vào nhà chứa cỏ, sẽ đánh đập một cách tàn nhẫn, như đã bao nhiêu lần trước đây...

Nhưng I-nhi-u-chin không đưa chị vào nhà chứa cỏ. Và nói chung không nói gì cả. Không thốt lên nửa lời, anh đi vào buồng ngủ, nằm lên giường, xích vào sát tường lấy chỗ cho vợ.

«Không biết, không đoán ra»,—An-phi-xa nghĩ một cách nhẹ nhõm, nằm áp mặt vào bên vai ấm của chồng, mơ màng thiếp đi. Nhưng chị bỗng giật mình, hơi ngóc đầu dậy. Ki-ri-an vẫn còn chưa ngủ, đôi mắt anh ánh lên trong bóng tối.

—Anh sao thế? Ngủ đi,—An-phi-xa nói.

—Phê-đô đang nằm đợi cô ngoài vạt hướng dương phải không?—I-nhi-u-chin bỗng hỏi bất ngờ.

—Ki-ri-an!—An-phi-xa bất bình kêu lên và ngồi nhỏm dậy.

—Thôi đi. Tôi biết ngay là hắn mà.

An-phi-xa sững sốt ngồi đờ ra mấy giây, rồi chị ngã úp mặt xuống gối, rên lên.

—Anh ấy đấy! Anh ấy đấy! Nào, đánh đi! Lôi xuống nhà cỏ đi... Để mọi người không nghe thấy, tôi không kêu đâu...

—Im đi, làm con dậy bây giờ...

Trong giọng nói của chồng có một cái gì khác thường, một sự bình tĩnh đáng sợ. An-phi-xa im bặt, thôi không rên khóc nữa.

—Vì sao mà cô yêu hắn... như chó vậy? Tôi cứ nghĩ mãi về điều này.

Hai chữ «như chó» làm cho An-phi-xa phẫn nộ, cả người chị như bùng lên, giận dữ, từng tế bào bùng cháy một sự căm thù đối với con người mà chị, có thể nói, đã chung sống suốt đời. An-phi-xa quỳ lên trên hai đầu gối. Chị muốn đè bẹp,

bóp nghẹt, giết chết chồng ngay bằng những từ khác thường nào đó. Nhưng những từ như vậy không tìm ra.

—Tôi yêu đấy... Tôi yêu! Tôi yêu suốt đời đấy!

Những lời của chị không gây ra một tác động gì đối với Ki-ri-an.

Trong căn buồng nhỏ bên cạnh, Vê-ra trở mình trên chiếc giường con kêu cót két, Nhi-cô-lai ngáy, thở khò khè.

—Chỉ có mình anh mới biết yêu như người mà thôi!—An-phi-xa thốt lên trong cơn giận dữ bất lực.

—Đúng, tôi yêu như người,—Ki-ri-an bình tĩnh khẳng định.

An-phi-xa kinh ngạc nhìn như dán mắt vào Ki-ri-an, cố gắng nhìn rõ vẻ mặt chồng, nhưng chị không thấy gì cả ngoài ánh mắt vẫn lạnh lùng của anh.

Chị nằm xuống, ngẫm nghĩ rất lâu về những lời của chồng: «Tôi yêu như người»—nghĩa là thế nào? Anh ấy nhạo mình chăng?

—Tôi yêu—và thế thôi. Còn vì sao—việc gì đến anh?—chị nói với một sự hằn học không che giấu.—Anh làm sao mà hiểu được điều này.

—Mà tự cô cũng có hiểu được đâu.

—Cũng có thể là tôi không muốn hiểu thì sao?!—Cảm thấy chồng ít nhiều có lý, An-phi-xa giận dữ và ương bướng nói.—Cũng có thể, ở con người ta có những cái... mà không thể giải thích được bằng lời. Không thể! Anh hiểu không?!

—Câm miệng đi!—Ki-ri-an túm lấy vai chị lắc mạnh. Rồi anh dừng lại, xúc động thở gấp, chừng mấy phút.—Có thể đúng là đôi khi không thể giải thích được,—sau khi bình tĩnh lại, anh nói tiếp.—Nhưng sớm muộn gì rồi cũng cần phải giải thích... Nếu không với mọi người, thì ít ra cũng với chính mình...

An-phi-xa hiểu rằng những lời này Ki-ri-an không phải nói với chị nữa, và mỗi lúc chị mỗi kinh ngạc thêm trước một cái gì mới mẻ mà trước đó không hề có trong lời, trong giọng nói của chồng. Còn Ki-ri-an vẫn tiếp tục nói một cách khó hiểu, theo đuổi ý nghĩ riêng của mình:

—Tôi chỉ tiếc một điều là đã giúp Phê-đô đưa I-van, em

của hắn, vào tù. Cần phải bỏ tù tôi mới đúng: bởi chính tôi đã mang hai con ngựa đó cho bọn Di-gan.

—Anh sao?! Thế không phải I-van à?—An-phi-xa lại nhỏm người dậy.—Thế... hóa ra lúc đó Ác-ca-đi Môn-tsa-nốp nói đúng?

—Đúng,—I-nhi-u-chin thở dài.—Và cho đến tận bây giờ tôi vẫn không hiểu nổi: làm sao mà Phê-đô thuyết phục, rủ rê được tôi? Hắn bảo: «Cha của cậu bị chính I-van giết lúc đó...» Trước đây,—hắn bảo,—mặc dù I-van im lặng, không nhắc đến cha cậu, nhưng tớ cũng đã đoán biết đó là việc của tay ai. Hơn nữa cách đây không lâu, chính I-van trong lúc nổi nóng, đã tự nói ra... Và thế là tôi để cái thứ nước giải độc địa ấy bốc lên đầu... Nhưng thực ra cha đối với tôi là cái gì?! Là cái gì?!

Một lúc lâu, An-phi-xa phân vân, nghĩ về những lời của chồng, cố gắng để hiểu chúng.

—Nói láo! Nói la-áo!—chị bỗng kêu lên.

—Tôi nói láo để làm gì?—I-nhi-u-chin vẫn tiếp tục bằng giọng nói khe khẽ, bình tĩnh:—Còn tôi cứ rượu chè liên miên, đấy là vì ngu ngốc. Việc tôi hay đánh cô một cách tàn nhẫn—tôi xin lỗi. Mặc dù cô cũng nên hiểu cho tôi... Cô với Phê-đô hú hí vui thú cùng nhau, còn tim tôi như bị cực hình chết lặng. Và tất nhiên phải hóa ra thú vật, không chịu nổi, phải lôi cô đến một nơi nào đó khuất mắt mọi người... Nhưng cô đâu có hiểu cho... Mà cũng không cần, giờ thì chẳng còn ích gì nữa. Chỉ có mong cô tha lỗi cho...

—Trời ơi! Mà anh định chết hay sao?!—An-phi-xa kinh hoàng kêu lên, chị hoàn toàn không còn hiểu gì nữa.

—Chết để làm gì? Không đâu,—Ki-ri-an trầm ngâm nói.—Chiến tranh hôm nay đã xảy ra, điều này cũng tốt thôi. Tôi sẽ xin ra trận. Người ta bàn tán rằng cuộc chiến tranh này chắc chẳng kéo dài lâu được. Nhưng tôi lại nghĩ chẳng chắc thế đâu. Nên nhớ là cả châu Âu đã bị chúng bắt cúi đầu. Bọn Đức mạnh lắm. Ngày mai tôi sẽ đến phòng quân vụ. Tôi chưa già đâu, mới bốn chục thôi. Họ sẽ lấy...

—Anh nói nhảm gì vậy? Thử nghĩ kỹ lại xem nào! Khi nào cần, họ sẽ gọi, không phải đợi anh đồng ý. Còn anh lại muốn tự chui đầu vào tròng trước...

— Đây còn chưa phải là hết đâu! — Ki-ri-an cắt ngang lời vợ, cao giọng. — Nếu như tôi không bỏ xác ngoài đó, thì hãy biết rằng dù sao tôi cũng sẽ không về cái nhà này nữa đâu...

— Ki-ri-an!

— Thôi đủ! Im đi! Và nghe đây... Không sao, các con đã lớn cả. Vê-ra cũng tự lập được rồi, không hôm nay thì ngày mai cũng sẽ đi lấy chồng. Sau một vài năm nữa, Nhi-cô-lai cũng sẽ trưởng thành. Còn về cô thì tôi cũng không phải lo nhiều lắm.

— Anh nói cái gì thế? Anh nói nhảm cái gì thế? — An-phi-xa bàng hoàng cả người, thều thào hỏi.

— Thôi, ngủ đi. Muộn rồi. — Và Ki-ri-an ngoảnh mặt vào tường.

An-phi-xa còn ngồi rất lâu trên giường, trong bóng tối, cố gắng suy nghĩ để hiểu những gì chồng vừa nói. Nhưng chị không thể nào làm nổi điều đó.

MỤC LỤC

Bạn đọc thân mến!

Với lòng biết ơn sâu sắc, chúng tôi mong muốn bạn nêu lên những đề nghị và nhận xét mà bạn thấy cần thiết về cuốn sách này.

Chúng tôi hy vọng rằng các tác phẩm văn học Nga và văn học Xô-viết được xuất bản bằng tiếng mẹ đẻ của bạn sẽ giúp bạn hiểu biết sâu hơn nền văn hóa và lối sống của nhân dân chúng tôi.

Địa chỉ chúng tôi: 119859, Москва, Зубовский бульвар, 17, издательство „Радуга“.

Sự việc diễn ra trong cuốn sách này bao gồm gần nửa thế kỷ cuộc sống của một làng quê Xi-bi-ri — từ đầu thế kỷ đến năm 1942, năm thứ hai trong cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại của nhân dân Liên Xô chống bọn phát-xít Hít-le.

A-lếch-xan-đrơ Ốp-tsa-ren-cô, một nhà ngữ văn học lớn của Liên Xô đã viết về cuốn tiểu thuyết «Tiếng gọi vĩnh cửu»:

«...chúng ta ngập vào trong thế giới của những xung đột cực kỳ gay gắt, những tình huống vô cùng căng thẳng, những đụng độ về trí tuệ, tinh thần và thể lực ác liệt nhất. Ở đây những khát vọng sôi lên sùng sục, những con người của những niềm tin khác nhau mâu thuẫn với nhau phải dùng đến cả đại bác, tiểu liên, súng máy, súng ngắn, súng lục, nắm đấm và cả hàm răng nữa. Ở đây người ta cũng cảm thấy hơi thở của sự diệt vong gần ngang như hơi thở của sự sống... bởi vì có một thế giới đang sụp đổ và một thế giới khác đang ra đời...»